

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH

ĐẠI ĐẠO
GIÁO LÝ & TRIẾT LÝ

HIỂN TÀI TRẦN VĂN RẠNG
ẤT MÃO – 1974

TÀI LIỆU SƯU TẦM 2015
hai • không • một • năm

Ebook được làm theo **ẤN-BẢN** phổ biến trên Website của **DAOCAODAL.INFO**. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **SOẠN GIẢ HT. TRẦN VĂN RẠNG, BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAL.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 02/04/2015

Tâm Nguyên

ĐẠY ĐẠO
GIÁO LÝ & TRIẾT LÝ
HIÊN TÀI **TRẦN VĂN RẠNG**

MỤC LỤC

THAY LỜI TỰA 15

PHẦN DẪN NHẬP
KHÁI QUÁT VỀ ĐẠO CAO ĐÀI—17

CHƯƠNG I

SỰ HÌNH THÀNH ĐẠO CAO ĐÀI 19

- 1– Cao Đài Giáo và cơ bút 20
- 2– Một Tôn giáo tổng hợp 21
- 3– Thực trạng các phái đạo 23

CHƯƠNG II

TỔ CHỨC GIÁO HỘI CAO ĐÀI 27

- 1– Phân hồn gồm có Bát Quái Đài 27
- 2– Phân xác: của Đạo là Cửu Trùng Đài (Le Palais auxneuf marches) 29

CHƯƠNG III

TUYÊN NGŨ ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ 31

- 1– ĐẠI ĐẠO 31
- 2– Tam Kỳ 33
- 3– Phổ Độ 36

CHƯƠNG IV

TAM GIÁO TRIẾT HỌC YẾU LƯỢC 39

- I– Triết Học Phật Giáo 40
 - 1– Siddharta nhập Niết Bàn 40
 - 2– Triết học Phật Giáo 41
- II– Triết Học Lão Giáo 45

• 1– Lão Tử Tây Du	46
• 2– Quan niệm về Đạo của Lão Tử	46
• 3– Luyện Đạo trường sanh	49
III– Triết Học Khổng Giáo	51
• 1– Văn Tuyên Vương	51
• 2– Sự hòa hợp Thiên địa Nhân	53
IV– Chọn Lọc Tinh Hoa Tam Giáo	58

CHƯƠNG V

LỄ NHẠC VÀ HIẾN TAM BỬU	61
--------------------------------------	-----------

PHẦN THỨ NHẤT

QUAN NIỆM VỀ VŨ TRỤ—65

CHƯƠNG I

NGUỒN GỐC CÁC TINH CẦU	67
-------------------------------------	-----------

CHƯƠNG II

LUẬT BẢO TỒN VẠN VẬT	73
-----------------------------------	-----------

CHƯƠNG III

BA NGƯƠN ĐẠO	75
---------------------------	-----------

PHẦN THỨ HAI

QUAN NIỆM VỀ CON NGƯỜI—79

CHƯƠNG I

CÁC GIAI ĐOẠN TẠO DỰNG CHÚNG SANH	81
--	-----------

CHƯƠNG II

LINH HỒN VÀ BA THỂ CỦA CON NGƯỜI	85
---	-----------

CHƯƠNG III

THUYẾT CHUYỂN LUÂN	91
---------------------------------	-----------

CHƯƠNG IV

ĐẠO GỐC Ở TÂM	97
----------------------------	-----------

CHƯƠNG V	
KINH SÁCH ĐẠO	101

PHẦN THỨ BA

ĐẠO CAO ĐÀI LÀ TÔN GIÁO ĐẠI ĐỒNG THỂ GIỚI—107

CHƯƠNG I	
MỘT TÔN GIÁO BAO DUNG QUI HỢP	109

CHƯƠNG II	
CHÍNH SÁCH CỘNG HÒA YÊN TĨNH	117

CHƯƠNG III	
ĐẠO CAO ĐÀI, MỘT TÔN GIÁO HOÀN CẦU	125

1- Đạo Cao Đài, tôn giáo hoàn cầu 125

2- Đạo Cao Đài với tôn giáo khác 126

3- Đạo Cao Đài với khoa học và triết học: 127

4- Đạo Cao Đài và tâm lý học 127

5- Đạo Cao Đài và nghệ thuật 128

CHƯƠNG IV	
HỘI THÁNH NGOẠI GIÁO	129

1- Truyền Đạo tại Campuchia: 132

2- Truyền giáo tại Trung Hoa 136

3- Truyền giáo tại nước Pháp 136

4- Truyền giáo tại Nhật Bản 138

5- Truyền Đạo tại các nước khác 139

PHẦN THỨ TƯ

ĐỨC THƯỢNG ĐẾ = ĐỨC CAO ĐÀI—145

CHƯƠNG I	
THỜ ĐỨC TIN CỦA NHÂN LOẠI	147

CHƯƠNG II	
THƯỢNG ĐẾ HẰNG HỮU	155

CHƯƠNG III	
Ý NIỆM VỀ THƯỢNG ĐẾ.....	159
CHƯƠNG IV	
TRỜI NGƯỜI HIỆP NHỨT.....	165
CHƯƠNG V	
NGÔI THỜ ĐỨC CHÍ TÔN.....	171
1– Càn Khôn là gì?	177
2– Kinh Dịch giải về Càn Khôn ra sao?	179
3– Phạm trù Càn Khôn.....	187
CHƯƠNG VI	
VÍA ĐỨC CHÍ TÔN.....	193
CHƯƠNG VII	
THIÊN ĐẠO VÔ BIÊN.....	199

PHẦN THỨ TƯ
ĐỨC THƯỢNG ĐẾ = ĐỨC CAO ĐÀI—207

CHƯƠNG I	
THÁNH THI, THÁNH NGÔN.....	209
1– Về Thánh Thi	210
2– Về Thánh Ngôn	214
• I– Quyền lực Đức Chí Tôn.....	214
• II– Trời Người hiệp nhất	216
• III– Quan niệm về Vũ trụ và con người	218
• IV– Huyền Diệu Thiêng Liêng.....	218
• V– Huyền Cơ Lập Giáo.....	219
• VI– Đối Với Các Tôn Giáo.....	221
• VII– Thờ Tự Và Tế Lễ	222
• VIII– Hạnh Người Tu	223
• IX– Luật Phản Diện.....	226

CHƯƠNG II
THỐNG HỢP VĂN HÓA 229

CHƯƠNG III
GIÁO LÝ HƯỚNG THIÊN, TIẾN BỘ 235

- 1–Tôn chỉ 244
- 2–Mục đích..... 244
- 3–Tuyên ngôn..... 245
- 4–Triết lý..... 245
- 5–Giáo lý..... 245

PHẦN THỨ NĂM
THIÊN ĐỊNH—247

CHƯƠNG I
CHÚ GIẢI TỊNH THẤT..... 249

- DẪN NHẬP..... 249
- CÔNG PHU TỊNH LUYỆN253
- ĐẠO HƯ VÔ, SỰ HƯ VÔ.....253
- BÁT QUÁI TRONG MẮT.....258
- BÁT QUÁI TRONG NGƯỜI.....259

CHƯƠNG II
TU TỊNH..... 267

- 1–Tân pháp Tu Tịnh..... 267
- 2–Đức Hộ Pháp nhập tịnh thất.....271
- 3–Vai trò của Đức Phạm Hộ Pháp với bí pháp.....274

CHƯƠNG III
ĐẠO TÂM LUẬN 277

- 1–Đạo Tâm là gì? 277
- 2–Đạo nơi Tâm 283
- 3–Tâm thiện hay ác 287
- 4–Minh tâm kiến tánh 292

5- Tâm hòa	297
6- Đạo tâm của bậc chí thành	302

PHẦN PHỤ LỤC

CHỮ CHỨC SẮC ĐẠI THIÊN PHONG BUỔI ĐẦU—309

HỘ-PHÁP, THƯỢNG-PHẨM, THƯỢNG-SANH 311

HỘ PHÁP PHẠM CÔNG TẮC (1890 – 1959).....	311
• 1- MỘT THANH NIÊN ĐIỀU THƯỜNG... ..	311
• 2- MỘT THANH NIÊN ÁI DÂN.....	320
• 3- Ngộ Đạo CAO ĐÀI	322
CAO THƯỢNG PHẨM Cao Quỳnh Cư (1888 – 1929)	347
• I-PHẦN ĐỜI:.....	347
• II-PHẦN ĐẠO:	347
CAO THƯỢNG SANH Cao Hoài Sang (1900-1971)..	349
• Về mặt đời	350
• Về mặt Đạo.....	350

GIÁO TÔNG & BA VỊ CHƯỞNG PHÁP 353

QUYỀN GIÁO TÔNG

THƯỢNG TRUNG NHỰT Lê Văn Trung – (1876 – 1934).....	353
• I –PHẦN ĐỜI:	353
• II-PHẦN ĐẠO:	354
ĐỨC MINH CHIÊU Ngô Văn Chiêu (1878 – 1932)	356
• I-PHẦN ĐỜI:.....	356
• II-PHẦN ĐẠO:	357
NGỌC CHƯỞNG PHÁP Trần Văn Thụ (1857 – 1927) .	358
• I-PHẦN ĐỜI	358
• II- PHẦN ĐẠO	358

BA VỊ ĐẦU SƯ: NHỰT, NGUYỆT, TINH 361

ĐẦU SỰ THÁI THƠ THANH	
Nguyễn Ngọc Thơ (1873 – 1950)	361
• I-PHẦN ĐÒI	361
• II-PHẦN ĐẠO	361
ĐẦU SỰ LỊCH NGỌC NGUYỆT Lê Văn Lịch (1889	
– 1947)	362
• I- PHẦN ĐÒI	362
• II-PHẦN ĐẠO	362
ĐẦU SỰ THÁI MINH TINH	
Nguyễn Văn Minh (1880 – 1937)	363
HAI NỮ ĐẦU SỰ	365
NỮ ĐẦU SỰ HƯƠNG THANH	
Lâm Ngọc Thanh (1874 – 1937)	365
• I-PHẦN ĐÒI	365
• II-PHẦN ĐẠO	365
NỮ ĐẦU SỰ HƯƠNG HIẾU Nguyễn Thị Hiếu (1886	
– 1971)	367
• I-PHẦN ĐÒI	367
• II-PHẦN ĐẠO	367
TÀI LIỆU THAM KHẢO	371
THƯ MỤC TỔNG QUÁT	371
THƯ MỤC CHUYÊN BIỆT	373



■ TÒA-THÁNH TÂY-NINH ■

THAY LỜI TỰA

DÀN ĐÊM 13 THÁNG GIÊNG NĂM 1927, ĐỨC LÝ Thái Bạch, Nhứt Trấn oai nghiêm, Kiêm Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ giảng dạy như sau:

«Hiện nay nhân loại đang trải qua thời kỳ khủng hoảng trầm trọng. Trật tự và thanh bình thuở xưa không còn nữa. Luân lý sụp đổ, nhân tâm sa đọa. Đối với những kẻ hoài nghi, Thượng Đế chỉ còn là tiếng suông. Họ không biết rằng trên Cao Đài kia ngự trị một Đấng Chí Tôn, Chúa tể cả vũ trụ loài người.

«Xưa kia các dân tộc vì thiếu phương tiện xê dịch nên xa nhau, không quen biết nhau. Đức Chí Tôn đã tạo nên trong những thời kỳ khác nhau, ở những địa phương khác nhau nên ngũ chi Đại Đạo:

- 1- Nhơn Đạo (KHỔNG TỬ)*
- 2- Thần Đạo (KHUÔNG THÁI CÔNG)*
- 3- Thánh Đạo (GIÊSU)*
- 4- Tiên Đạo (LÃO TỬ)*
- 5- Phật Đạo (THÍCH CA MÂU NI)*

«Mỗi chi đặt trên những phong tục riêng biệt của nơi phát nguyên.

«Ngày nay, giữa năm châu sự giao thông trở nên thuận

tiện. Nhân loại hiểu biết nhau hơn, ước mong cảnh thanh bình thực sự. Nhưng vì sự hiện hữu của các giáo phái khác nhau mà loài người không sống hòa hợp với nhau được. Cho nên, Đức Chí Tôn quyết định hợp nhất ngũ chi để đưa về Đại Đạo Cao Đài duy nhất»

Đức Phạm Hộ Pháp giải thêm về ngũ chi như sau:-

- *Phật Đạo thì có Bà La Môn Giáo (Bramanisme), Thích Ca Mâu Ni (Cakimouni), Pythagore giáo.*
- *Tiên giáo thì có Lão giáo (Taoisme), Vạn Pháp giáo.*
- *Thánh giáo thì có Thiên Chúa Giáo (Christianisme), Gia Tô (Catholicisme), Tin Lành (Protestantisme), Hồi Giáo (Mahométantisme).*
- *Thần Đạo thì có Trung Hoa phong thần, Hy Lạp phong thần, Ai Cập phong thần.*
- *Nhơn Đạo thì có Socrate, Platon, Mạnh Tử, Thanh Sơn*
- *(Tân Luật, Pháp Chánh Truyền, Paris Gasnier 1952, trang 112).*

Xem thế, Đạo Cao Đài là tôn giáo bao dung rộng rãi, nhận mọi tôn giáo đã có từ trước. Với lý tưởng Đại Đồng đó, Tiến sĩ Nguyễn Trung Thành ở Đức nói: “*Với chủ trương hòa đồng hòa hợp như thế, dù có viết biết bao nhiêu luận án về triết lý, giáo lý Cao Đài cũng không bao giờ cạn lời, hết ý*” (Thư từ Tây Đức ngày 17-12-1971)

Đại lễ Vía Đức Cao Đài lần thứ 48

(Thông qua Nghiên cứu vụ 1974)

HT. Trần Văn Rạng

PHẦN DẪN NHẬP
KHÁI QUÁT VỀ ĐẠO CAO ĐÀI

1. SỰ HÌNH THÀNH ĐẠO CAO ĐÀI
2. TỔ CHỨC GIÁO HỘI CAO ĐÀI
3. TUYÊN NGỮ ĐẠI ĐẠO TKPD
4. TAM GIÁO TRIẾT HỌC SƠ LƯỢC
5. LỄ NHẠC VÀ HIẾN TAM BỬU

CHƯƠNG I

SỰ HÌNH THÀNH ĐẠO CAO ĐÀI

ĐẠO CAO ĐÀI, MỘT NỀN TÂN TÔN GIÁO PHÁT sinh trong thời đại khoa học tiến bộ, tại miền Nam nước Việt Nam, manh nha từ những buổi phò cơ thỉnh Tiên vào năm 1902 ở Thủ Dầu Một và Phú Quốc của ông Phủ Ngô Văn Chiêu^[1] do ảnh hưởng đọc nhiều sách Pháp về Thần linh học của Camile Flamrion, Allan Kardec, Léon Denis, Henri Durville...^[2]

Đến năm 1925, tại Sài Gòn một nhóm công chức của chính quyền Pháp như các ông Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang^[3] họp nhau xây bàn^[4] có các Thần linh giáng cho thi, đến ngày 16-12-1925 thì đổi hẳn sang phò loan hay cầu cơ^[5] được nhiều tiên tri phù hợp

-
- [1] PHILIPPE D'ARSCHOT, "Le Cao daisme" Messaga d' Extrême Orient, năm thứ hai số 6 (1972) tr 423-424 lịch sử quan phủ Ngô Văn Chiêu (1978-1932) Saigon 1962 tr 22-23.
- [2] NGUYỄN TRẦN HUẤN, "Histoire d'une seckreligieuse au Viet Nam". In trong Tradition et révolution au Viet Nam Paris, Ed. Anthropos, 1971, tr 194.
- [3] PH.D'ARSCHOT, sdd, tr 426 Trích lục tiểu sử chức sắc Tây Ninh. Thế đạo 1970, tr 27-30, TRẦN VĂN RẠNG, Đại Đạo danh nhân Tây Ninh. Thế đạo. Ông Ngô Văn Chiêu sau đặc vị Giáo tông (không nhận chức). Ông Phạm Công Tắc đặc vị Hộ pháp, ông Cao Quỳnh Cư đặc vị Thượng Phẩm và ông Cao Hoài Sang đặc vị Thượng Sanh.
- [4] Xây bàn (Table taunante): Người tham dự để hai tay lên một chiếc bàn đã được kê hai chân đối diện, khi có thần linh giáng, chân bàn bằng thế gập ghềnh tự nhịp tùy theo khẩu ước mà viết ra thành chữ, như một nhịp là chữ A, hai nhịp là chữ A Ê...
- [5] PHAN VĂN TÂN cơ bút Đạo Cao Đài Sài Gòn Hồn quê 1967, NGUYỄN VĂN SÂM "TÍN NGƯỠNG VIỆT NAM" Sài

với Đức Cao Đài giảng dạy cho ông Ngô Văn Chiêu ở Phú Quốc.

Gần một năm sau vào ngày 7 tháng 10 năm 1926 các đệ tử đầu tiên như Lê Văn Trung, Lâm Ngọc Thanh, Phạm Công Tác... tất cả 28 người đứng tên xin khai tịch đạo Cao Đài với Thống đốc Nam Kỳ LEFOL^[6] nhưng mãi đến ngày 15-10-Bính Dần (18-11-1926) Đạo Cao Đài mới thực sự làm lễ khai đạo tại Từ Lâm Tự (chùa Gò Kén) Tây Ninh^[7]. Hôm khai đạo, hai tín hữu làm điều tà mị, chủ chùa này là Hoà thượng Như Nhãn đòi chùa lại, nên các chức sắc, ba tháng sau phải dời Thánh tượng về làng Long Thành, cách đó 5 km, xây một Thánh Thất mới cạnh đường liên tỉnh 13 (tức Tòa Thánh Tây Ninh hiện nay)^[8].

1- Cao Đài Giáo và cơ bút

Cao Đài Giáo tin có một ngoại giới nơi cõi vô hình, nên tin con người có linh hồn (theo từ riêng Thần học Cao Đài gọi là Chơn linh), giác quan khó tri thức được mà

gòn văn khoa 1973. cấu cơ Đầu cơ làm thành một cái giỏ có bao vải vàng và có một cái cần dài bằng gỗ dâu, ở chốt có khắc đầu con chim loan, tại đó có cắm một cây bút để viết chữ lên trên mặt bàn. Khi cần có hai người hai bên vịn tay vào miệng giỏ, cần chuyển động viết ra chữ thật độc giả đọc chữ và điển ký ghi vào giấy.

- [6] NGUYỄN TRUNG HẬU, Đại Đạo Căn nguyên, Sài gòn. Tác giả xuất bản 1930, tr 23-25. NGUYỄN TRẦN HUÂN, sdd, tr 196
- [7] G. GOBRON, Historie et phy losophie du Cao Daisme Paris, deryv 1949.
- [8] GOUVERNEMENT GÉNÉRALE DE L'INDOCHINE, Contribution à l'Historie des mouvements politiques de Pindoctrine française, quyển VII: Le Cao Daisme Hà Nội 1934 (chú thích xin viết tắt là contribution)

chỉ cảm thức, Chơn thân là đệ nhị xác thân, khi còn xác phàm, rất khó xuất riêng ra đặng (xem phần II, Chương II)^[9]. Cái Chơn linh của con người như các Thần Thánh Tiên Phật huyền diệu vô cùng bất tiêu bất diệt^[10] vì nó là một điểm Linh quang của Đức Chí Tôn phân tánh, chánh Chơn linh này mới tiếp diễn thiêng liêng. Đó là đầu dây cơ bút Cao Đài, một Tôn giáo được mặc khải toàn diện của Đấng toàn năng, chớ không do một xác phàm nào tạo ra^[11]. Tất cả giáo điều hình thức giáo hội, nghi lễ bàn liệu những hữu hình ở thế gian của Cao Đài giáo đều qua cơ bút mà hình thành.

2- Một Tôn giáo tổng hợp

Cao Đài hay Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tức phổ độ chúng sanh lần thứ ba, vì giáo lý Cao Đài dạy là trước kia có Nhứt Kỳ phổ độ vào Thời Thượng cổ và Nhị kỳ phổ độ vào Thời Trung cổ^[12]. Đạo Cao Đài làm sống lại những tinh hoa và chiết trung tư tưởng của các nền tôn giáo và hiệp ngũ chi. Tam giáo là hình thức của buổi đầu để hợp với mảnh đất Việt Nam mà tinh thần là vạn giáo, dưới hình thức qui hiệp ngũ chi gồm có: Nhon Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo và Phật Đạo. Đó là trường học năm lớp phù hợp với mọi sắc dân, mọi chính kiến và mọi giai cấp muốn tiến đến Cao Đài tôn giáo.^[13]

[9] Cao Quỳnh Cư, Luật tam thế, Tây Ninh 1962

[10] Thánh Ngôn Hiệp tuyển (quyển I). T.Ninh 1964, tr 6

[11] NGUYỄN LƯƠNG HÙNG “Vài nhận định về Cao Đài giáo, Sài Gòn, Đại Đạo nguyệt san số 3 (1964), tr 34

[12] PHAN TRƯỜNG MẠNH, Lavie du salut Cao Dai que, Saigon Lý Công Quán 1950, tr 52-58

[13] NGUYỄN LONG THÀNH, The path of a Cao Dai disciple

Đấng Cao Đài là Jéhovah của dân Héreux, Thiên chúa vô danh của dân Do Thái, Đức Chúa Cha của Jésus Christ^[14] của cả Hồi giáo và Bà La Môn giáo nữa^[15].

Trên nóc Bát quái của Tòa Thánh Tây Ninh có thờ ba ngôi (trinité) của Bà La Môn giáo là Brahma cưỡi huyền nga, Civa (Shiva) cưỡi rắn Naga bảy đầu, Krishna (hiện thân của Vishnou) cưỡi long giao^[16].

Trong kinh lễ Cao Đài có xưng tụng các vị Thần này. “Thần Shiva còn giữ vai trò Avarapala tức là Hộ Pháp giữ cửa các đền thờ^[17].”

Ngoài việc thờ quá nhiều thần như vậy là một kinh nghiệm tôn giáo trong quá khứ để thu hút nhiều tín đồ. Bởi lẽ “*Phật giáo nhiều thần thoại phép mầu, có vô số vị Thần Thánh làm trung gian giữa tín đồ và đấng tối cao đã thắng Phật giáo nguyên thủy. Cũng như Thiên chúa giáo đa sắc thái chú trọng tới bề ngoài đã thắng Kitô giáo giản dị nghiêm khắc thời nguyên thủy*”^[18]”

Cũng vì sự đa sắc thái của Cao Đài giáo khiến cho một vài tôn giáo bất bằng, vì họ quan niệm rằng không thể nào tập hợp các lãnh tụ tôn giáo trên một “*Thiên bản*” như Cao Đài giáo được. Đức Phạm Hộ Pháp đã giải thích rằng chữ Thần Thánh trong tôn giáo Cao Đài biểu thị một cách đơn giản những tinh thần đã hoàn toàn tách khỏi

Tây Ninh 1970.

[14] Thánh Ngôn Hiệp Tuyển sđd tr 124

[15] Báo La Presse in dochinoise ra ngày 23-10-1932.

[16] Theo kinh Vệ Đà: Vishnou là vị thần bảo tồn cưỡi chim thần Garuda. Civa cưỡi bò thần Nandin, ngực quấn dây rắn thần. Đạo Cao Đài đã địa phương hóa Civa cưỡi rắn bảy đầu giống như Hộ Pháp Cao Đài.

[17] (Ghi chú này không tìm thấy trên bản được phổ biến trên mạng)

[18] (Ghi chú này không tìm thấy trên bản được phổ biến trên mạng)

cái bản thể. Và đã tận lực tiến gần Đấng Cao Đài. Bởi đó mà Cao Đài giáo không gọi là Đấng Thượng Đế mà gọi là Đấng Chí Tôn, Đấng Tuyệt đối, Đấng Vĩnh cửu để khỏi chia rẽ phân loại, vì các tôn giáo có nguồn gốc chung^[19].

Tất một lời, Cao Đài giáo thừa hưởng tất cả di sản của các tôn giáo trên thế giới, sự hiện diện của Đạo Cao Đài chỉ do một tổng hợp sáng tạo mà có. Thế nên, chủ trương của Đạo Cao Đài là Đại Đồng tôn giáo, tất cả tôn giáo đều do một gốc mà ra^[20]. Gốc duy nhất đó là Cao Đài (Le trè Haut), tượng trưng bằng con mắt trái mở rộng (trái thuộc về dương) tức Thiên nhân^[21].

Đạo Cao Đài chọn biểu hiện Thiên Nhân để tôn thờ, vì lẽ Đấng tối cao vô hình vô ảnh, nếu một vị giáo chủ bằng xương bằng thịt thì người Tây phương sẽ làm người Đông phương mặc cảm, và ngược lại, nên hình ảnh thi phân mắt thịt là hàng rào ngăn cách khó có thể thực thi một tôn giáo Đại Đồng. Lý đương nhiên, Đạo Cao Đài là nhất thần với biểu hiện Thiên Nhân, còn những thể cách bày biện ngoài Thiên Nhân chỉ là sự biểu lộ lòng tôn kính đối với hàng giáo lãnh của các tôn giáo, đồng thời để giúp việc truyền đạo của họ được mau chóng. Thật ra, không tôn giáo nào chỉ có một vị thần độc tôn, mà xung quanh không biết bao nhiêu vị thần khác.

3- Thực trạng các phái đạo

Đạo Cao Đài xuất hiện không bao lâu đã phổ độ

[19] (Ghi chú này không tìm thấy trên bản được phổ biến trên man)

[20] (Ghi chú này không tìm thấy trên bản được phổ biến trên man)

[21] (Ghi chú này không tìm thấy trên bản được phổ biến trên man)

chúng sanh từ thành thị đến nông thôn sảng dã. Được như vậy là do các giáo sĩ hết lòng đi phổ độ, phương tu đại đạo rộng rãi phù hợp với nguyện vọng con người. Theo Tân luật, Pháp Chánh truyền, Phương tu Đại Đạo có 3 con đường: Con đường Nhơn Đạo, Đạo pháp (hay hành đạo phổ độ chúng sanh) và tịnh thất (hay vô vi luyện kỹ). Ba con đường này tiến song hành và hài hòa với nhau, dù tu con đường nào cũng được Đức Chí Tôn cứu rỗi và Cửu Nương đưa về cõi Thiêng liêng hằng sống. Chư vị Thiên phong tiêu biểu cho ba con đường ấy đều đắc quả như Đức Hộ Pháp, Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung (con đường Hành Đạo), Đức Cao Thượng Sanh (con đường Nhơn Đạo) và Đức Ngô Minh Chiên, Đức Cao Thượng Phẩm (con đường vô vi luyện kỹ)^[22] và nhiều vị khác nữa.

Trước sức bành trướng và lớn mạnh của Đạo Cao Đài chính quyền Pháp sợ Đạo trở thành một phong trào ái quốc sẽ gây khó khăn cho họ. Họ tìm đủ mọi cách để ly gián làm cho người đạo nghi kỵ lẫn nhau mà chia rẽ. Từ năm 1931, khởi đầu là ông Nguyễn Văn Ca tách khỏi Tòa Thánh Tây Ninh về lập phái đạo ở Cầu Vỹ (Mỹ Tho) sau đó đến những vị khác, mà G. Gobron đã liệt kê được 11 phái đạo sau đây:

1- Minh chơn lý (Nguyễn Văn Ca), 2- Ban chính đạo (Nguyễn Ngọc Tương), 3- Tiên thiên (Lê Kim Tỵ), 4- Thông thiên đài (Quách Văn Nghĩa), 5- Liên hòa tông phái (Nguyễn Phan Long), 6- Minh Chơn đạo (Cao Triều Phát), Trung hòa học phái (Trương Kế An), 8- Tây tông vô cực (Nguyễn Bửu Tài), 9- Tuyệt cốc (Nguyễn Ngọc Điền), 10- Chiếu minh đàn (Tư Quỳnh), 11- Nữ trung

[22] (Ghi chú này không tìm thấy trên bản được phổ biến trên man)

hòa phái (Ngọc Nhiên Hương)^[23].

Sau đó, ông R.B.Smith giáo sư Trường Viễn Đông và Phi Châu thuộc Viện Đại học Luân Đôn có phát họa sơ đồ sự phân chia các phái đạo^[24] mà Ngài Hồ Bảo Đạo cho là “*nhận định không chính xác*”. Kể đến, ông Đồng Tân thuộc phái đạo Trung Hưng Bửu Tòà (Đà Nẵng) trong quyển “*Lịch sử Cao Đài*” tách rời hai phần vô vi và phổ độ, và đổ lỗi cho việc phân chia các phái đạo cho người này người kia gây ra, mà không giải thích đến tận nguồn gốc, bản chất của nó.

Từ ông G.Gobron, R.B.Smith đến ông Đồng Tân nhìn Đạo Cao Đài với thực trạng của nó chớ không hề nghiên cứu đến phần đạo pháp thiêng liêng.

Chủ đích của tôn giáo là coi trọng phần thiêng liêng hơn phần thể xác. Đạo Cao Đài về mặt đạo pháp từ buổi đầu đến nay vẫn nhất dĩ quán chi. Theo tiến trình lập đạo, Đức Phật Mẫu và Cửu vị Tiên Nương dạy đạo các vị có nguyên căn phò cơ để Đức Chí Tôn đầu làm môn đệ trước tiên. Nói cách khác, Đức Cao Đài khi lập giáo thì lập Hiệp Thiên Đài (phần hồn) trước tiên rồi sau mới lập Cửu Trùng Đài (phần xác của Đạo). Ngược lại, các phái đạo lập cái xác trước, rồi chính cái xác ấy mới tạo ra được cái hồn. Phái đạo lớn nhất là Ban Chính Đạo, ông Nguyễn Ngọc Tương tha thiết kêu gọi chư vị Thập Nhị Thời Quân (phần hồn) buổi đầu về hợp tác nhưng trước sau như một Thập Nhị Thời Quân đều hành đạo tại tổ đình Tòa Thánh Tây Ninh.

[23] G.Gobron, sđd, tr 173-174

[24] R.B.Smith, An introduction to Caodaism: I.Origine and early history (335 tr) quyển XXXIII, tập 2, 1970; II.Beliefs and organisations (573-589 tr), quyển XXXIII, tập 3 1970, tr 347.

Thế nên, các phái đạo tự lập ở các địa phương không cùng một hệ thống hành chánh đạo với Tòa Thánh Tây Ninh, nên gọi một từ ngữ cho đúng là “*thực trạng các phái đạo*” cần giải quyết cho êm ấm nhà đạo, chớ không gọi là chi phái. Bởi lẽ, “*chi*” (nhánh) phải có cội (thân chánh) mà thực chất nhiều Thánh Thất hiện nay tự lập, không từ một giáo lãnh nào ở Tòa Thánh Tây Ninh tách rời đứng ra dựng nên, mà cũng không chỉ có 12 chi như G.Gobron viết.

Việc thống nhất nền Đạo là trách nhiệm của con người. Đức Chí Tôn đã lập ra mối Đạo thống nhất tiến bộ. Con người vì mang thi phàm xác thịt lấy ý riêng mà tạo ra nghiệp quả cho mình, thì con người hãy ngồi lại với nhau tu sửa để dứt nghiệp trần thông dong trên đường Thánh Đức. Trong niềm lo chung đó, năm 1972, tất cả đại diện các phái Đạo họp tại Tòa Thánh Tây Ninh đồng ý thống nhất về tinh thần lấy Giáo lý và Kinh điển Cao Đài làm cơ bản. Đó là một chuyển biến quan trọng đánh dấu một bước ngoặt lớn trong lịch sử Đạo Cao Đài. Và lại, sự phân chia các phái Đạo chỉ xảy ra trên giai tầng lãnh đạo, còn trong quần chúng tín đồ sống cộng yêu hòa ái. Lòng rung động khi nhìn thấy Thánh Thất, không cần biết của phái nào, sùng kính khi bước vào chánh điện nhìn lên Thiên Nhân thấy và cảm thấy gần gũi, an ủi tâm hồn khi nghe câu kệ, lời Kinh “*Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp*”. Thật vậy, Đạo Cao Đài đã thống nhất từ khi Khai Đạo tới nay, mà không thống nhất về cách hành đạo theo địa phương.

CHƯƠNG II

TỔ CHỨC GIÁO HỘI CAO ĐÀI

TẠI THÁNH THẤT ĐẦU TIÊN Ở GÒ KÉN (TÂY Ninh) Đức Chí Tôn đã giảng cơ (1926) ấn định tổ chức Giáo hội Cao Đài^[1] như sau:

1- Phần hồn gồm có Bát Quái Đài

Bát Quái Đài (Le Palais octogonal) là nơi nhà thờ Đức Chí tôn, Đức Tin của nhân loại và Thần, Thánh, Tiên, Phật có một nơi gọi là Cung đạo, chính nơi này là chỗ cầu cơ phát xuất mọi giáo lệnh thiêng liêng.

Hiệp Thiên Đài: (Le Palais de la Médium) là nơi thông linh với Đức Chí Tôn và Thần, Thánh, Tiên, Phật do các chức sắc Hiệp Thiên Đài phò loan. Hộ Pháp chưởng quản Hiệp Thiên Đài coi về phần luật pháp, phụ giúp Hộ Pháp bên phải có Thượng Phẩm coi chi Đạo, bên trái có Thượng Sanh coi chi Thế.

Bên trái ba vị này có 12 chức sắc Hiệp Thiên Đài gọi là Thập nhị thời quân, chia làm ba chi:

- **CHI PHÁP:** do Hộ Pháp chưởng quản gồm có: Bảo Pháp, Hiến Pháp, Khai Pháp và Tiếp Pháp coi về luật pháp của Đạo.^[2]

[1] La constitution Religieuse du Caodaïsme Paris Bervy 1953 tr 191 tr. Chú thích viết tắt là constitution Tân luật Pháp chánh truyền Paris Gasnier 1952, 176 tr.
Tiếp là nhận, Khai là mở, Hiến là dâng, Bảo là giữ gìn.

- **CHI ĐẠO:** do Thượng Phẩm chưởng quản gồm có Bảo Đạo, Hiến Đạo, Khai Đạo và Tiếp Đạo coi về tịnh thất của Đạo.
- **CHI THẾ:** do Thượng Sanh chưởng quản gồm có Bảo Thế, Hiến Thế, Khai Thế và Tiếp Thế coi về mặt đời của Đạo.

Dưới Thập nhị thời quân còn có các chức sắc nhỏ hơn, từ trên xuống là: Tiếp dẫn đạo nhơn, Chưởng ấn, Cải trạng, Giám đạo, Thừa sử, Truyền trạng, Sĩ tải phụ giúp các vị Thời quân về luật pháp và xử án^[3].

Bên cạnh Hiệp Thiên Đài còn có Hội đồng nghiên cứu về chuyên môn (hay Hàn lâm viện Cao Đài) thuộc quyền Hộ Pháp và Giáo Tông gồm 12 gọi là Thập Nhị Bảo Quân^[4] các vị này đều được tuyển chọn trong hàng đại khoa bảng như Tiến Sĩ, Bác Sĩ... như Bảo văn pháp quân (coi về văn hóa, văn minh, bảo tàng) Bảo sanh quân (coi về an sinh nhân loại), Bảo cô quân (coi về mọi mặt xã hội), Bảo quyền linh quân, Bảo học quân (coi về mọi ngành học thuật), Bảo y quân (coi về y dược học), Bảo thiên văn quân (coi về thiên văn và thổ nhưỡng), Bảo sĩ quân (coi về nếp sống văn minh), Bảo nông quân (coi về mọi ngành công nghiệp), Bảo thương quân (coi về kinh tế).

[3] La constitution, sđd, tr 136–152.

G. GOBRON, sđd, tr 151–152

R.B. SMITH, sđd, tr 585

[4] Bảo văn được phong đầu tiên ngày 18–7–1928. Pháp chánh truyền ghi về 12 bảo quân ở tr 99.

2- Phần xác: của Đạo là Cửu Trùng Đài (Le Palais auxneuf marches)

Cửu Trùng Đài là guồng máy giáo hóa chính sanh do Giáo Tông chưởng quản, chia làm 3 phái:

- **PHÁI THÁI:** (tức Phật giáo mặc áo vàng) coi 3 viện: Hộ viên, Lương viên và Công viên,
- **PHÁI THƯỢNG:** (tức phái Lão giáo mặc áo xanh) coi 3 viện: Học viện, y viện và nông viên,
- **PHÁI NGỌC:** (tức phái Nho giáo mặc áo đỏ) coi 3 viện: Hòa viên, Lại viên, Lễ viên.

Cửu Trùng Đài gồm 9 phẩm từ trên xuống là:

1. **GIÁO TÔNG:** (1 vị)
2. **CHƯƠNG PHÁP:** (3 vị) từ đây trở xuống chia làm 3 phái
3. **ĐẦU SƯ:** (3 vị)
4. **PHỐI SƯ:** (36 vị), mỗi phái 12 vị trong đó cử ra 3 vị Chánh phối sư.
5. **GIÁO SƯ:** (72 vị)
6. **GIÁO HỮU:** (3000 vị) mỗi phái 1000 vị
7. **LỄ SANH:** không hạn định
8. **CHỨC VIỆC:** Chánh, Phó Trị sự và Thông sự tại mỗi Hương đạo.
9. **ĐẠO HỮU:** toàn thể tín đồ.

Nói chung Bát Quái Đài, Hiệp Thiên Đài, Cửu Trùng Đài hoạt động nhịp nhàng đồng nhất, thế nên việc phổ độ được hanh thông và phát triển mau lẹ. Sự xuất hiện của Đạo Cao Đài đã đáp ứng đúng ước vọng của quần chúng nên không bao lâu giáo lý Cao Đài đã làm

rung động nông dân từ Nam chí Bắc Việt Nam vì nó phản ánh nguyện vọng xa xăm thầm kín của các dân tộc nông nghiệp Đông Nam Á Châu và vì nó chính là cái ý thức hệ sâu rộng để đáp ứng nhu cầu của xã hội khai phóng^[5].

Do đó, kết quả việc phổ độ buổi đầu (1925–1931), tín đồ Cao Đài đã lên tới một triệu người^[6]. Nhưng theo tài liệu của Sở mật Thám Đông Dương lúc ấy Đạo Cao Đài chỉ có 105 Thánh Thất, năm sau tăng lên 128^[7], được khoảng nửa triệu tín đồ^[8].

Năm 1937, Đạo Cao Đài có 1.027.000 tín đồ^[9], riêng tại Nam Kỳ chiếm 980.000 người, ở miền Trung và Bắc kỳ 7.000 người (riêng Hà Nội có 4.000 người) và Campuchia lên tới 40.000 người gồm người Cao Miên, Hoa Kiều và Việt kiều^[10].

Năm 1953, số tín đồ lên tới một triệu rưỡi người, chưa kể các chi phái, đến năm 1954 lên đến 2 triệu rưỡi người^[11].

[5] NGUYỄN ĐĂNG THỰC, sđd, tr 45

[6] Theo báo Progrès civique ra ngày 19–12–1931.

[7] Contribution, quyển VII, tr 80

[8] R.B.SMITH, sđd, tr 342

[9] Tiểu sử Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung, Tây Ninh 1973, tr 96

NGUYỄN THẾ ANH, Việt Nam dưới thời Pháp đô hộ, Sài Gòn lửa thiêng 1970, tr 345. PH. DEVILLERS, *histoire du Viet Nam de 1940 à 1952*, Paris, Seuil 1952 tr 68. NGUYỄN TRẦN HUÂN, sđd, tr 211. Cả ba ông Anh, Devillers và Huân đều cho rằng năm 1938 Đạo Cao Đài có 300 ngàn người.

[10] NGUYỄN VÍ, Tuấn chàng trai nước Việt (quyển II) Sài Gòn 1969, tr 364

[11] HOÀI NHÂN, 40 năm lịch sử Cao Đài. Biên Hòa 1966. lại viện Đạo Cao Đài thống kê 1973, tín đồ hiện giảm xuống còn 945.000 người thuộc Tòa Thánh Tây Ninh.

CHƯƠNG III

TUYÊN NGŨ ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

1- ĐẠI ĐẠO

Đức Chí Tôn có dạy: “*Thầy là chư Phật, chư Phật là Thầy, các con là chư Phật, chư Phật là các con. Có Thầy mới có các con, có các con rồi mới có chư Thần, Thánh, Tiên, Phật*”. Hoặc nói rõ hơn “*Các con là Thầy, Thầy là các con*”.

Và đó là tính chất vượt lên trên cả nhất và nhị nguyên, gọi là Đạo trong Cao Đài giáo.

Với cái nhìn bao quát này chúng ta xét thấy chữ Đại trong hai tiếng Đại Đạo. Vấn đề đặt ra cho tất cả các vị giáo chủ là giải quyết cuộc đời. Giải pháp của từng giáo chủ xưa nay cũng được gọi là Đạo, nó bao hàm ý nghĩa một thái độ tích cực, một phương pháp hoạt động, một lối sống cho con người. Hiển nhiên với danh xưng Đại Đạo, Đạo Cao Đài tự cho mình là con đường lớn. Những người quen nhìn từ bên ngoài, từ hiện tượng đến tâm linh, vốn quen lý luận trong vòng nhị nguyên, khi phê phán về học thuyết Cao Đài thường có chỗ hoài nghi về thái độ độc tôn trong danh hiệu Đại Đạo. Lớn là so sánh với cái gì nhỏ hơn như vậy các hình thức tôn giáo, triết học đã có, hiện có, đều nhỏ hết hay sao? Nếu trở lại tánh chất căn bản của học thuyết Cao Đài là chấp nhận sự đồng nguyên tôn giáo trong ý thức và sự dung hòa tư tưởng trong cách hành động thì điều dị nghị về một thái độ tự tôn hẳn không còn đất đứng. Chẳng phải vấn đề sau hay là đúng tự căn bản, mà là vấn đề còn hiệu lực hay

không của các giải pháp từ xưa được đặt ra. Nhon Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo, Phật Đạo mỗi chi đều có phương cách giải quyết vấn đề nhon sinh theo học thuyết của mình, nay nhìn nhận tất cả đều hữu lý, hữu hiệu trong một hoàn cảnh nào đó, thời gian nào đó của các hình thức giáo thuyết vẫn là thái độ căn bản của Đạo Cao Đài hay cái Linh đài cao nhất của một Đại Đạo hay một mối đạo lớn. Chữ Đại vì vậy không mang một ý nghĩa nổi bật, vượt lên tất cả như một cá thể độc lập và ngạo nghễ mà trái lại chính là sự trải rộng ra, bao gồm tất cả để xem mình là kẻ khác, kẻ khác là mình trong một danh thể chung. Những phần tử lẻ tẻ cấu tạo thành mình, nếu mất đi thì chính mình cũng mất và ngược lại nếu không có sự ràng buộc giữa các phần tử với nhau thì những lẻ tẻ vẫn còn lẻ tẻ. Chữ Đại là lớn tìm thấy trong ý hướng chấp nhận sự đồng nguyên với mối liên hệ với nhau giữa những phần tử cấu tạo qua trung gian của một nguồn gốc duy nhất, nó từ chối sự giải thích hơn hay kém trong tinh thần hơn thua với thái độ miệt thị và tôn trọng, nhưng nhận sự thẩm định về mức độ hữu hiệu của các giải pháp với tinh thần cần có nhiều giải pháp đóng góp vào một chương trình chung là giải quyết cuộc đời. Hiểu như vậy thì Đại Đạo là một mối Đạo cho tất cả, một giải pháp vừa chùng cho tất cả, một đường đi chứa đựng được tất cả, nó không phải là một con đường trong số những con đường mà là cái danh hiệu chung cho tất cả các con đường ấy, nó không phải là lối giải quyết của một vị giáo chủ mà là lối giải quyết của tất cả những vị giáo chủ.

2- Tam Kỳ

Với cái nhìn rộng rãi như vậy, chúng ta thấy lần qua đến chữ Tam Kỳ, nói nôm na là lần thứ ba, học thuyết Cao Đài chia lịch trình tấn hóa của Nhơn loại làm ba thời kỳ chính. Trong mỗi thời kỳ như vậy đều có một số hình thức tôn giáo nào đó phát sanh để hướng dẫn tinh thần sanh chúng. Mỗi lần khai sanh một hay nhiều tôn giáo như vậy gọi là “*Kỳ phổ độ*” Tam Kỳ hay lần phổ độ thứ ba được đánh dấu bằng sự xuất hiện của Đạo Cao Đài.

Lịch sử nhân loại theo dòng thời gian là cuộc tranh đấu để sinh tồn và tấn hóa. Ấy là cái lý tự nhiên, nhưng ngặt càng tranh đấu lắm lại càng ác liệt lắm, nên đã bao phen Nhơn loại đứng bên bờ vực thẳm của một cuộc diệt vong rộng lớn. Trước nguy cơ diệt chủng ấy, nhiều vị giáo chủ xuất hiện đem lý thuyết đạo giáo truyền bá trong dân gian mong kéo con người trở lại đời sống hiền hòa. Ảnh hưởng của các đạo giáo phần nào đã giúp ổn định đời sống xã hội. Ít nữa trong khoảng thời gian nào đó, trước khi ảnh hưởng lu mờ dần để nhường chỗ cho những giáo thuyết mới phù hợp với trình độ dân trí hơn.

Song song với sự phát triển tinh thần Nhơn loại theo hai xu hướng thiện và ác, nhiều vị giáo chủ giảng trần bày ra những lối huấn luyện thích hợp đưa con người trở về hợp nhất với Thượng Đế mà niệm ý phát sinh càng ngày càng rõ rệt. Nơi đây không còn những con số niên lịch chính xác phân định những mốc thời gian giữa các thời kỳ với nhau, vả lại cũng khó làm được như vậy vì sự tiến triển của Nhơn tâm nói chung trên dòng tấn hóa là một sự tổng hợp của nhiều cá nhân xuất sắc và trì độn.

Người ta chỉ còn nhớ lại một cách mơ hồ vào thời kỳ tiền sử xa xăm có xuất hiện nhiều vị giáo chủ và những nhân vật lừng danh mà công nghiệp còn được truyền tụng và suy tôn như hàng giáo chủ. Cũng không có ai hình dung nổi hình dáng của các vị này ra sao, hoạt động đích thực của các Ngài ra sao. Những lời thuật lại trong các truyền thuyết thật là khó mà tìm được như những sự kiện hiển nhiên của những con người bằng xương bằng thịt, nhưng ít nữa nó cũng tượng trưng cho những ý nghĩa có tính cách triết học nào đó.

Sang đến thời kỳ phổ độ thứ hai lịch sử còn ghi sự xuất hiện của:

- Đức Thích Ca chấn hưng Phật Giáo
- Đức Lão Tử chấn hưng Tiên Giáo.
- Đức Khổng Phu Tử chấn hưng Nho Giáo.
- Đức Jésus-Christ khai Gia Tô Giáo.
- Quan Thế Âm Bồ Tát
- Lý Thái Bạch
- Quan Thánh Đế Quân.

Như là những vị đặc trách trông coi sự chấn hưng của Phật Giáo, Tiên Giáo và Nho Giáo: điều ấy tìm thấy trong ý thức hệ của tín đồ Cao Đài và cách phô diễn trong nghi lễ thờ phượng, còn những hoạt động của các Chơn linh ấy thuộc phạm vi bán hữu hình nên khó lòng kiểm chứng được đối với những ai không tin.

Đây vừa kể sơ lược những nhân vật thường được nhắc đến nhiều nhất trong học thuyết Cao Đài, thế còn những vị giáo chủ các tôn giáo khác trên khắp toàn cầu thì sao? Xếp vào kỳ phổ độ nào? Bất kỳ tôn giáo nào, những hình

thức tín ngưỡng dù ở phương trời góc biển nào cũng có những hiện thân của Thượng đế làm đối tượng tôn sùng cho người tin theo, như vậy thì sự liệt kê danh hiệu các vị giáo chủ qua ba kỳ Phổ độ như vừa nêu trên chỉ có giá trị tượng trưng cho khuynh hướng muốn bao gồm thống hợp tất cả. Sự tượng trưng nào lại không chỉ là tương đối nên phải hiểu rằng đằng sau bảng thống kê khai hầy còn nhiều dấu chấm bỏ lửng hay là một dấu ngoặc chờ đón những sự diễn vào tiếp nối khi óc tinh thần nhân loại phát triển đến mức có thể hồi tưởng lại hết tất cả những danh hiệu của các vị Giáo chủ hoặc những người ở vào cái tư thế như vậy trong xã hội cổ kim.

Như vậy sự phân chia làm ba kỳ phổ độ không có tánh cách máy móc, toán học, nghĩa là cứ sau niên lịch nào đó thì tự động xếp các vị Giáo chủ, các hình thức tín ngưỡng tôn giáo nhỏ lớn vào cùng một nhóm với nhau. Trái lại, sự phân chia này có tính cách rất tổng quát, mang ý nghĩa rằng lịch sử nhân loại là một cuộc tuần hườn hết thịnh đến suy, suy rồi lại thịnh. Cứ mỗi thời kỳ suy đồi, các Đạo giáo như những cố gắng làm phục sinh tinh thần cao thượng của con người hướng về nguồn gốc linh thiêng của mình.

Tam Kỳ Phổ Độ được đánh dấu bằng sự xuất hiện của Đạo Cao Đài khoảng đầu thế kỷ 20, nhưng triết lý tổng hợp này đã xuất hiện từ trước và nhiều nơi khác, như ở Đạo Bahai từ năm 1863, phong trào nghiên cứu tôn giáo đối chiếu tại các quốc gia Âu Mỹ từ đầu thế kỷ 20 y như lời xác định của Đức Chí Tôn.

“Thầy chưa giảng cơ lập Đạo tại nước Nam chớ chừ Thần, Thánh, Tiên, Phật dùng huyền diệu này mà truyền

Đạo cùng vạn quốc

■ (Tr.57/TNHT.QI).

3- Phổ Độ

Như vừa nói trên, chữ Phổ độ có nghĩa bày ra để cứu chúng sanh. Hai chữ Phổ độ làm chúng ta liên tưởng đến cả một sách lược tuyên truyền kỹ thuật quảng bá để cho một ý thức hệ đi thẳng vào tim óc của dân gian, ngự trị trong tư tưởng quần chúng để rồi tư tưởng ấy điều khiển hành động của từng cá nhân và tập thể. Đó là thái độ vô cùng tích cực nhằm đạt đến cái đích tối hậu là độ rỗi nhân sanh thoát cái hiện tại bất toàn của họ. Thiết tưởng cần dẫn chứng điều quan hệ căn bản trong tư tưởng người đệ tử Cao Đài liên quan đến sự có mặt của họ tại thế gian này trước khi đi sâu vào nghĩa lý chữ “độ”. Thánh Ngôn Hiệp tuyển (quyển thứ nhì) có ghi chú như sau:

“Cõi trần là chi? Khách trần là gì? Sao gọi là khách?”

Trần là cõi khổ để đọa bậc Thánh, Tiên có lầm lỗi, ấy là cảnh sầu để trả xong quả, phải mất cả Chơn linh và luân hồi, nên kẻ bị đọa trần gọi là khách trần.”

Vậy thì què hương thật sự của con người không chỉ ở địa cầu này, nơi đây chỉ là quán trọ để khách lữ hành dừng chân một thuở trên dòng tấn hóa, một nơi để các đấng Chơn linh đến học hỏi những kinh nghiệm sống trong cuộc sống trần tục bên trong thi thể của một phàm nhân. Vậy thì cái tư thế là của một người khách tạm ngụ chớ không phải là một chủ nhân ông vĩnh viễn. Vậy thì quyền tư hữu của con người đối với vật chất trên mặt địa cầu này là vô nghĩa, vì tính chất vô thường của những của

cái vật chất ấy. Mọi giá trị của cuộc sống được xây dựng trên sự dàn trải dài của cái trường cửu mà trường cửu lại chính là cái tổng hợp của nhiều giai đoạn. Nhầm lẫn giá trị của trường cửu với những giá trị đoản kỳ của các giai đoạn là xuyên tạc học thuyết Cao Đài... Chẳng hạn, lập luận bảo rằng cuộc đời của một người đó có nhiều đau khổ, vậy cứ đem giết phứt đi là xong chuyện. Đó cũng là một cách giải quyết vấn đề, nhưng nó được xây dựng trên biện chứng, phản lại tinh thần trường cửu là sự sống của một cá nhân được tiếp nối qua nhiều thế hệ luân hồi hay ít ra sau khi chết phần linh diệu nơi một con người vẫn còn tồn tại và hoạt động. Sự độ rỗi cũng phải được xây dựng trên một lập trường như vậy, người sẽ phải vận dụng tất cả mọi khả năng để làm cho người tiến hóa đạt đến chân, thiện, mỹ trên sự trải dài của đời sống vĩnh cửu. Cái nhìn ấy khác với cái nhìn của người cho rằng hạnh phúc chỉ có trên đời này ngay trong đời sống hiện tại, và chỉ có trong kiếp sống của xác thân, có khuynh hướng qui tất cả mọi giá trị của cuộc sống vào mấy mươi năm xuất hiện trên mặt đất. Trường cửu sẽ trở thành ảo tưởng nếu nó không được xây dựng trên giai đoạn và giai đoạn sẽ có tánh cách cục đoạn nếu nó không được xây dựng trên trường cửu nên mối tương quan mật thiết giữa hai ý thức về hữu hạn và tuyệt đối là thể quân bình trong sự quyết định cách thức hành động khi phổ độ chúng sanh, độ rỗi vì vậy mang hai ý nghĩa:

- **THỨ NHỨT:** Hoán cải tư tưởng.
- **THỨ HAI:** Ảnh hưởng đến hành động.

Tư tưởng xây dựng trên ý thức đời sống trường cửu, hành động bị trói buộc vào hoàn cảnh và giai đoạn. Nếu

hai lãnh vực này hoàn toàn tách rời nhau, nghĩa là như sanh vẫn ý thức được giá trị của Con Đường Thiên Liêng Hằng Sống, nhưng vẫn hành động theo thể tục, hoàn toàn trái ngược với tư tưởng trên đây thì kẻ có trách nhiệm trong Tam Kỳ đã không tròn câu phổ độ.

Phổ độ là bày ra, hẳn nhiên phải bày ra cái gì hữu hình, hữu tướng cái lớp vỏ, cái áo ngoài tức là cái giả vậy. Kết quả cuộc phổ độ lại là vấn đề của thế giới nội tâm. Nên người đi làm công việc truyền giáo mà không độ được chính mình thì chỉ nắm được cái vỏ chứ chưa hề biết được cái ruột. Nói rộng ra, những gì hiện có tại thế gian này, thấy được bằng nhục nhãn, nghe được bằng nhục nhĩ liên quan đến sách lược truyền bá giáo lý chỉ nằm trong phạm vi giả tạm, nó có tánh cách tùy thuộc vào môi trường và giai đoạn. Người phải xây dựng được đời sống trường cửu cho nhưn sanh thì mới đạt được kết quả sau cùng của việc phổ độ. Nếu như Tam Kỳ chỉ làm được việc truyền bá giáo lý mà không tạo được đời sống vĩnh cửu cho chúng sanh thì vấn đề đặt ra là giải quyết cuộc đời chưa đi đến đích (Theo NLT, khảo cứu vụ 10-6-1973).

CHƯƠNG IV

TAM GIÁO TRIẾT HỌC YẾU LƯỢC

TIÊU NGỮ TAM GIÁO QUI NGUYÊN BAO HÀM ý nghĩa Quốc Đạo vì Tam giáo là quốc đạo dưới đời Lý Trần trở về sau, mà Đạo Cao Đài qui Tam Giáo, vậy Đạo Cao Đài là Quốc Đạo là lý đương nhiên theo logic.

Tiêu ngữ NGŨ CHI PHỤC NHŨT bao hàm Đại Đạo vạn giáo vì trong hoàn vũ trong ngoài các tôn giáo: Thần giáo, Thánh giáo, Tiên giáo, Phật giáo (tránh dùng chữ Đạo: Thần đạo, Thánh đạo.. là 5 bước đường tu của Đạo Cao Đài). Thánh Đức Cao Đài đã dạy “*Quốc Đạo Kiếm triều thành Đại Đạo*”.

Chọn mảnh đất miền Nam làm nôi, làm điểm tựa để bật ra thế giới, nên Đạo Cao Đài mang đậm bản sắc dân tộc Việt Nam, ảnh hưởng tinh thần Tam Giáo: Phật, Lão, Nho. Phật giáo mang tinh thần bản địa của Ấn Độ. Lão giáo, Nho giáo cội nguồn triết học Phương Đông, điều đó không thể biện giải khác được, thông qua Tam giáo.

Như thế, triết học Phương Đông gần đồng nghĩa với Đạo học vì nó phát xuất từ các tôn giáo. Triết học phương Đông đặt vấn đề cơ bản của triết học trong cái nhìn toàn diện, chớ không phân tách chi li như triết học phương Tây. Triết học Hy Lạp thiên về giới tự nhiên hơn con người. Họ tìm hiểu qui luật vũ trụ, nguyên nhân, sự cấu tạo, còn đối với con người họ nhấn mạnh về nhận thức luận. Trái lại, Thần học Cao Đài chú trọng vào Nhơn Đạo

rồi Thiên Đạo. Lý trí và tình cảm của người đạo tương quan với Trời đất Thần linh, xã hội, chính trị, đạo đức. Trong Đạo coi trọng cái vô hơn cái hữu (vô vi, vô ngôn, vô danh, vô thanh) vì Đạo gần âm dương biến dịch luôn vừa tĩnh vừa động chớ không thường hằng bất biến như triết học Hy Lạp.

Trong Tam giáo mà Đạo Cao Đài thừa kế có tính chọn lọc và phát huy, luôn biến đổi chớ không theo nguyên bản. Bài viết này về Tam Giáo cũng với mục đích như vậy.

I- Triết Học Phật Giáo

1- Siddharta nhập Niết Bàn

Thái tử Cồ Đàm Tất Đạt Ta sanh ngày 8 tháng 4 năm 563 trước Tây lịch. Ngài là con vua xứ Kapilavastu, phía Nam xứ Népan, ở dưới chân núi Hy Mã Lạp Sơn. Năm 17 tuổi, Ngài lấy người em họ, sinh được một con trai tên là Rahula.

Một ngày kia, Ngài ra khỏi thành thấy cảnh đói khổ, bệnh hoạn, chết nghèo của nhân dân mà động lòng trắc ẩn. Thế nên, năm 29 tuổi, Ngài bỏ ngôi vua xuất gia tìm đạo. Sau 7 năm đi chu du và học đạo với các vị đạo Phật. Từ đó, Ngài hiến trọn đời mình cho đạo pháp, rao giảng những chân lý Thánh nên Ngài đã giác ngộ như Tứ thánh đế và thập Nhị nhân duyên. Đức Thích Ca Mâu Ni nhập Niết Bàn năm 80 tuổi.

2- Triết học Phật Giáo

Trước khi có Đạo Phật, Ấn Độ đã có Đạo Bà la Môn thờ ba Thần: Brahma, Shiva, Christna với kinh Véda và Upanishad. Đức Thích Ca đã tiếp nhận ở Ấn Giáo những tư tưởng sau:

- Quan niệm vạn vật biến dịch vô thường, vô ngã.
 - Quan niệm về nhân quả, nghiệp báo.
- Nhấn mạnh vai trò trí tuệ trong quá trình giác ngộ để đi đến giải thoát.

Nội dung chính của triết học Phật giáo được trình bày rõ ràng trong bài thuyết pháp đầu tiên của Đức Thích Ca về Tứ Thánh Đế (hay Tứ diệu đế). Bốn chân lý Thánh là:

KHỔ ĐẾ

Khi chuyển pháp luân viết: *“Này các Tỳ kheo! Sanh là khổ, già cũng là khổ, bệnh cũng là khổ, chết cũng là khổ, gần người mình không ưa là khổ, xa người mình yêu quý là khổ, cầu mà không được là khổ, chấp chặt ngũ uẩn là khổ là một chân lý Thánh”*.

TẬP ĐẾ

“Dẫn tới luân hồi và tái sinh là lòng ưa thích và thèm khát, nơi nào có ưa thích đều thèm khát mong cầu, đó là chân lý Thánh về nguyên nhân sự khổ”.

Nguyên nhân các nỗi khổ là do thập nhị nhân duyên:

✘ Nhân (quá khứ)

1. **VÔ MINH:** bị mê hoặc không thấy vô thường....
HOẶC
2. **HÀNH:** Hành động xấu tạo ra nghiệp....
NGHIỆP

3. **THỨC:** Ý thức phân biệt.

☒ **Khổ – Quả (Hiện Tại)**

4. **DANH SẮC:** Do kết hợp với thâm tâm mà có

5. **LỤC NHẬP:** sáu cảm quan

6. **XÚC:** Tiếp xúc với ngoại cảnh

☒ **Nhân (Hiện Tại)**

7. **THỤ:** Cảm nhận từ ngoại cảnh

8. **ÁI:** Tham ái, dục vọng.

9. **THỦ:** Thu về làm của riêng

☒ **Khổ – Quả (Vị Lai)**

10. **HỮU:** Hiện hữu, tồn tại

11. **SINH:** Sinh ra

12. **LÃO TỬ:** Già chết

Ta có thể dẫn giải một cách dễ hiểu như vậy: Nguyên nhân của sự già chết là sanh (jaramarara, jāti). Nhân duyên của sanh là hữu (bhava), tức cái ý thức về sự có của thân ta. Nhân duyên của hữu là thủ (upādāna) tức là tính tham muốn lấy cho mình. Nhân duyên của thủ là ái (trīsnā) tức là ưa thích mọi thứ. Nhân duyên của ái là thọ (Vēdāna) tức cảm giác vui buồn. Nhân duyên của thọ là xúc (sparca), cái truyền báo cho ta. Nhân duyên của xúc là lục nhập (sadāyyatana) tức mắt nhập sắc, tai nhập âm thanh, lưỡi nhập vị, thân nhập xúc và ý nhập pháp.

Nhân duyên của lục nhập là danh sắc (nāmarāpa) tức thân danh và sắc tướng ở đời. Nhân duyên của danh sắc là thức (vijñāna) tức ý thức phân biệt. Nhân duyên của thức là hành (saṅskāra) tức cái làm cho ta phải hành động. Nhân duyên của hành là vô minh (avidyā) tức không sáng

suốt phân biệt thực giả.

Nếu ta nói thuận từ 1 đến 12 nhân duyên thì: vô minh sinh hành, hành sanh thức, thức sanh danh sắc, danh sắc sanh lục nhập, lục nhập sanh xúc, xúc sanh thọ, thọ sanh ái, ái sanh thủ, thủ sanh hữu, hữu sanh ra sanh vì có sanh mới có lão tử.

DIỆT ĐẾ

Phật Thích Ca dạy: *“Này các Tỳ kheo! Xa lìa đoạn trừ lòng ưa thích, thèm khát nói trên, giải thoát, không còn chấp thủ, đó là chân lý Thánh diệt đế.”*

Diệt đế là trừ mọi mê hoặc, khổ ải. Tiếng Phạn gọi là Nirvāna tức Niết Bàn. Niết Bàn được diễn tả những từ ngữ như vô diệt, vô sinh, vô khởi, vô ưu, tịch diệt. Phái Đại thừa gọi Niết Bàn là chân như, thật tướng, trí tuệ bát nhã.

ĐẠO ĐẾ

Phật Thích Ca dạy: *“Này các Tỳ kheo! Tám con đường đạo (Bát Chánh Đạo): chính kiến, chính tư duy, chính ngữ, chính nghiệp, chính mạng, chính tinh tiến, chính niệm, chính định là 8 con đường diệt khổ”.*

Đạo đế là con đường đưa tới Niết Bàn, giải thoát con người khỏi vòng luân hồi sinh tử.

Trong Đạo Cao Đài nhắc tới TAM HỌC tức giới, định, huệ.

✘ **Giới:** bao gồm chính ngữ, chính nghiệp, chính mạng. Giới là tích cực làm điều thiện tránh điều ác, gồm NGŨ GIỚI:

- 1- Không sát sanh.
- 2- Không trộm cắp.

3– Không tà dâm.

4– Không rượu thịt.

5– Không gian dối.

✘ **Định:** bao gồm chính tinh tiến, chính niệm, chính định. Định là thiên định, tập trung tư tưởng, từ bỏ mê vọng sai lầm, loại trừ hoặc nghiệp.

✘ **Huệ:** bao gồm chính kiến, chính tư duy. Huệ là chân tâm sáng tỏ để chứng ngộ Tứ Thánh đế.

Theo Anagarika Govinda trong “*The psychological attitude of early Buddhist Philosophy*”, Rider and company, London 1961 trang 73, thì mối quan hệ Thập Nhị nhân duyên, Bát Chánh Đạo và Tam học như sau:

– Số Á Rập chỉ Thập Nhị nhân duyên

– Số La Mã chỉ Bát Chánh Đạo.

(hình?)

Tóm lại, “*Cả triết học Phật giáo gom lại chỉ quanh quần thuyết Thập Nhị nhân duyên và Tứ diệu đế*”^[1]. Đạo Phật là đạo từ bi bác ái, chủ trương con người tự giải thoát chính mình chớ không trông cậy vào quyền lực siêu nhiên bên ngoài con người. Đức Lục Tổ Huệ Năng dạy:

“*Muốn hồi hướng về Phật, phải theo tự tánh mà hành chớ cầu ngoại thân. Tâm giác ngộ sáng suốt là Phật*”. Còn thiên theo Thần Tú là thừa kế sắc thái thần thông của thiên Ấn Độ.

[1] PHAN VĂN HÙM, Triết học Phật Giáo, Hà Nội, Tân Việt 1942, trang 31.

II- Triết Học Lão Giáo

Thời Xuân Thu – chiến quốc, triết học Trung Quốc cực kỳ phong phú và đa dạng, hàng trăm trường phái, về sau còn sáu trường phái tiêu biểu.

1. **NHO GIA:** vốn là những học giả, những thầy dạy học như Khổng Tử, Mạnh Tử.
2. **MẶC GIA:** là các hiệp sĩ, thợ nghề cung kiếm như Mặc Tử.
3. **ĐẠO GIA:** là các đạo sĩ, ẩn sĩ như Lão Tử, Trang Tử.
4. **DANH GIA:** là những biện sĩ, du thuyết như Huệ Thư, Công Tôn Long.
5. **ÂM DƯƠNG GIA:** là những phương sĩ, chiêm tinh, bói toán.
6. **PHÁP GIA:** là các nhà chính trị, pháp luật như Tuân Tử, Hàm Phi Tử.

Trung Quốc đất đai rộng lớn, có nhiều dân tộc chung sống. Văn minh của dân tộc phương Bắc là văn minh ngũ hành. Miền Nam gồm các dân tộc Bách Việt. Trong đó, dân Việt thường có nền văn hóa cao đã tổ chức thành Nhà nước, có trống đồng, thờ Thần Nông, giỏi âm dương bát quái. Dân phương Bắc đã chinh phục dân tộc phương Nam rồi tổng hợp các nền văn hóa ngũ hành, âm dương bát quái thành văn hóa chung của Trung Quốc.

“Lão Tử chính là ông tổ triết học của dòng họ Bách Việt mà ngành trưởng của dòng họ này là Hùng Vương đóng đô ở Phong Châu hùng cứ tại Việt Nam^[2]”.

[2] Lão Tử, Đạo Đức Kinh, chương 40

1– Lão Tử Tây Du

Tiểu sử Đức Lão Tử như Đạo vô vi mờ mịt của Ngài. Tổng hợp các sách và Kinh Tiên Giáo, ta có thể viết tiểu sử Ngài như sau: Đức Lão Tử sinh ở nước Trần năm 571 trước Tây lịch sống cùng thời với Đức Khổng Tử lớn hơn Trọng Ni 53 tuổi^[3]. Ngài rời Lạc Dương vào năm 500 TTL qua ải Hàm Cốc gặp Doãn Hỉ xin truyền đạo. Nhân đó, Ngài ở lại viết xong bộ Đạo Đức Kinh (gồm 2 thiên, 81 chương) là một kỳ thư. Sau đó, Ngài sang hướng Tây “*Lưu sa Tây độ*” mà “*Quảng truyền Đạo Đức*”.

Năm 666 vua Đường Cao Tông tôn Ngài là Thái Thượng Huyền Nguyên Hoàng Đế. Năm 743, vua Đường Huyền Tông tôn Ngài là Thái Thượng Lão Quân. Các tôn hiệu này phù hợp với câu kinh “*Khai thiên địa nhơn vật chi tiên*”. Ngài có trước khi trời đất hình thành do khí hồng mông hóa sinh: “*Tiên thiên khí hóa, Thái Thượng Đạo Quân*”.

Ngày “*Nhứt thân ức vạn, diệu huyền thân biến*” giảng sanh nhiều lần với nhiều danh hiệu khác nhau như Thái Thượng Đạo Tổ, Lão Quân, Lão Tử... Hội Thánh chọn ngày 15 tháng 2 “*nhị ngoại nhập ngũ*” tức ngày giảng sanh gần như làm lễ vía Ngài.

2– Quan niệm về Đạo của Lão Tử

Đạo giữ nhiệm vụ trọng tâm trong triết học Lão Tử. Đạo là nguyên lý vô danh tối thượng, sanh ra vạn vật. “*Vạn vật trong trời đất sinh ra từ cái hữu, cái hữu từ cái vô*”

[3] HOLMES WELCH, Taoism, the Parting of the way, New York 1967

danh mà ra”^[4]

Đạo của Ngài là cái gì chưa tên gọi: “*Đạo khả đạo phi thường đạo, danh khả danh phi thường danh*” (Đạo có thể gọi tên không phải Đạo thường, tên có thể gọi ra không phải là tên thường)^[5]

Chữ “*thường*” trong triết học Lão Tử có nhiều ý.

– “*Trở về cái mạng gọi là thường, biết cái thường gọi là minh, không biết cái thường làm bậy gọi là hung*”^[6]

– Sự thể hiện của Đạo là Đức, “*Thánh nhân thường khéo cứu người*”.

Đức là sức mạnh, là sự thể hiện của Đạo. Đạo là nguyên lý phát sinh phát triển vạn vật. Đức là biểu hiện của Đạo nơi sự vật. Mọi vật đều tôn Đạo quý Đức (ĐĐK, chương 51). Vậy, Đạo là cái nhờ đó mà mọi vật được sinh và Đức là cái mọi vật được định hình và đặt tên để trở thành nó mà phân biệt với cái khác. Sống hợp với tự nhiên là sống hợp với Đức với Đạo thường của Lão giáo. “*hòa cùng đạo trời đất, hòa thì thường hữu, thường hữu thì sáng*”^[7].

Đạo bao gồm cái có lẫn cái không, động và tĩnh, âm và dương. Đạo không có cái gì cụ thể nhưng nhờ Đạo mà có tất cả. “*Trời được cái MỘT mà trong, đất được cái MỘT mà an, thân được cái MỘT mà linh, suối được cái một mà đầy, vạn vật được cái MỘT mà hồi sinh*”^[8]

Đạo mông lung “*Mắt không thấy được, tai không nghe*

[4] NGUYỄN HỮU LƯƠNG, Kinh dịch với vũ trụ quan Đông phương, bài tựa

[5] ĐĐK, ch 1

[6] ĐĐK, ch 16

[7] ĐĐK, ch 55

[8] LÃO TỬ, Đạo Đức Kinh, chương 39

được, tay không nắm được, đón nó thì không thấy đầu, theo nó thì không thấy đuôi^[9]. Lão Tử cho rằng: “*Đạo trông rộng đồ mãi không đầy, Đạo như vực thẳm, dường như tổ tiên của muôn vật*”^[10]

Ngài lại nói: “*Đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật*” (ĐĐK, ch 42). *Nhất* là cái một, cái gom mọi cái làm một, chưa gọi tên. Từ cái một sinh cái *hai* đã phân chia thì có tên gọi tức trời đất, âm dương. Từ cái hai sinh cái *ba* là Thiên Địa Nhân. Từ cái ba sinh ra vạn vật vì Thiên Địa Nhân sẽ hóa thành mọi vật từ thiên nhiên đến con người.

Trong quá trình phát sinh phát triển, Đạo theo qui luật “*Nhân pháp địa, địa pháp thiên, thiên pháp đạo, đạo pháp tự nhiên*” (ĐĐK, ch. 25). Không vật nào mà không bị đạo chi phối. “*Lưới trời lỏng lẻo, tuy thưa mắt mà không lọt một máy lông*” (ĐĐK, ch. 73). Đạo tùng theo các qui luật:

– **Luật điều hòa thống nhất:** theo Lão Tử muôn vật đấu tranh để hòa hợp, bổ sung chớ không phải để tiêu diệt lẫn nhau. “*Vạn vật công âm, bồng dương, khí xung nhau nhưng hòa nhau*” (ĐĐK, ch. 42).

– **Luật cùng tác biến:** nhờ biến mà thông. Lão tử dạy: “*Gió mát không suốt sáng, mưa lớn không suốt ngày*” (ĐĐK, ch.25) và “*khuyết thì tròn, cong sẽ ngay, trúng lại đầy, cũ sẽ mới*” (ĐĐK, ch. 22)

– **Luật phản phục:** “*Quay trở về là cái động của Đạo*” (ch. 40) “*Đạt chỗ cùng cực lui không, giữ lòng thanh tịnh, vạn vật đều do đó mà ra. Ta lại thấy tất cả quay về, vạn vật*

[9] ĐĐK, ch. 14

[10] ĐĐK, ch. 4

trùng trùng, vật nào cũng quay về cội rễ của nó. Trở về cội rễ gọi là tịnh, gọi là phục mạng. Phục mạng gọi là đạo thường”

– **Luật quân bình:** cái dụng của đạo đức là giữ cho sự sinh hóa của vạn vật được quân bình không thái quá hay bất cập. Lão Tử nói: “*Đạo Trời có khác gì cây cung giương lên, cao thì ép xuống, thấp thì nâng lên, đủ thì bớt, thiếu thì bù. Đạo Trời là bớt chỗ dư bù chỗ thiếu*”^[1]. Lão Tử đã nhìn toàn bộ xã hội con người trong mối quan hệ biến chuyển không ngừng từ hiện hữu sang hư vô.

3- Luyện Đạo trường sanh

Đức Lão Tử dạy: “*Thiếu tắc đắc, đa tắc hoặc*” vì “*theo đạo thì càng ngày càng bớt, bớt rồi lại bớt nữa đến không còn gì cả*” (Vi Đạo nhật tổn, tổn nhi hựu tổn, dĩ chí ư vô vi).

Bớt cái gì? Bớt cái trục lợi, bớt chạy theo danh vọng tiền bạc, chỗ mà Đức Lão Tử bảo “*thiếu tu, quả dục*” và Krishnamurti – Hội Thông Thiên học nói “*Soyez Rien!*” để đạt đạo trường sanh.

Giáo lý Cao Đài dạy: “*Đạo Hư Vô, Sư Hư Vô*” phải có cái tâm “*vô chấp*”. Theo Đức Lục Tổ ngồi thiền chỉ là phương tiện chớ không phải là cứu cánh, muốn giải thoát thì chỉ “*Kiến tánh thành Phật*”. René Foucheré cho rằng những kẻ tu thần thông mong người đời xem như bậc dị nhân, phi thường là giả trá. Bà Bát Nương dạy: “*Phải tìm cho được cái tịnh trong cái động*”

Người tu thiền phải biết lấy dương âm (Càn Khôn) làm nôi lò, lấy Tam Bửu (tinh, khí, thần) làm thuốc để luyện nấu linh đơn. Tâm là lửa, Can là củi, tỳ là lò đất,

[1] ĐĐK, ch. 77

phế là ẩm nhâm, thận là nước; lấy cái đạo đức đạo hạnh trong chính bản thân ta mà bế ngũ quan, vận chuyển ngũ hành, để tâm hư không, dưỡng Tinh Hóa Khí, dưỡng Khí tồn Thần, luyện Thần hườn Hư, đạt thành chánh quả.

Vậy lò Bát quái đặt ở đâu? Không nơi nào xa lạ, ngay trong thân thể ta, nơi nào Đạo gia gọi là Đơn Điền (dưới rốn ba thốn). Bát Quái là cơ quan gì trong cơ thể ta?

Theo “*trung y chẩn đoán học giảng nghĩa*” thì quẻ Càn thuộc kim, quẻ Khảm thuộc Thận thủy, quẻ Cấn thuộc Mật, quẻ Chấn thuộc ruột non, quẻ Tốn thuộc Can mộc, quẻ Ly thuộc Tâm hỏa, quẻ Khôn thuộc Tỳ Thổ, quẻ Đoài thuộc Bàng quang. Người ta phải ổn định tám cơ quan ấy qui về Đơn Điền mà luyện Đạo.

Theo phương thuật các đạo sĩ về thần bí có lục thông, giáo lý Cao Đài chỉ nhận Thiên Nhân thông tức thấy được mọi việc ngoài ngàn dặm và đại thần thông (lậu tận thông) tức vượt lên mọi phiền não, hoàn toàn không còn bị nghiệp chướng trói buộc nữa.

Nếu luyện Tam Bửu được thuần dương thì “*Hữu tinh thần hựu dưỡng tinh thần, tinh thần bốn thị Linh đơn duệ*” là thuốc trường sanh vậy. Lúc ấy, Đức Lão Tử nói: “*Không ra khỏi ngõ mà biết việc thiên hạ. Không trông ra cửa vẫn biết Đạo Trời*” (Bất xuất hộ trí thiên hạ. Bất khuy dũ, trí Thiên Đạo).

Tóm lại, tịnh luyện trong Đạo Cao Đài là một chiết trung tổng hợp: thiên định (Phật), luyện đơn (Lão), và chiết Khảm điền Ly (Kinh Dịch).

III – Triết Học Khổng Giáo

1 – Văn Tuyên Vương

Khổng Tử (551–479 TTL) tên là Khâu, tự là Trọng Ni. Người nước Lỗ, xuất thân từ một gia đình quý tộc đời nhà Châu. Năm 35 tuổi, Ngài làm quan dưới đời Tề Cảnh Công, năm 52 tuổi, đời Lỗ Định Công giữ chức Tư Không rồi Tư Khấu. Năm 56 tuổi, Ngài lãnh chức Tướng Quốc, sau đó từ chức đi chu du.

Khổng Tử sống vào cuối thời Xuân Thu. Xã hội thời ấy loạn lạc, tòi giết vua, con giết cha, đạo đức suy đồi. Thế nên, Ngài lấy học thuyết chính danh để củng cố quyền lực nhà Châu và học thuyết Trung dung để lập lại trật tự đạo đức, sao cho xã hội hòa thuận lẫn nhau. Triết lý Trung dung phản ánh thực trạng xã hội lúc ấy.

Suốt 14 năm du hành các nước, mong được các vua thi thành cái đạo của Ngài. Rốt cuộc, Ngài trở về nước Lỗ lúc đã 68 tuổi. Ngài mở trường dạy học, có tới ba ngàn môn sinh, trong đó có 72 người hiền (Thất thập nhị hiền). Thầy Nhan Hối nổi tiếng là bậc hiền triết.

Mùa xuân năm 841 TTL, người nước Lỗ đi săn bắt được một con kỳ lân què chân trước bên trái. Khổng Tử đến quan sát rồi bưng mặt khóc, khi trở về nhà, Ngài nói: “*Ngô đạo cùng hỷ*” (Đạo ta đến lúc cùng). Sách Xuân Thu chép điều đó, Ngài ngưng. Thế nên, đời sau còn gọi Kinh Xuân Thu là Lân Kinh.

Một ngày năm Nhâm Tuất (479 TTL), Ngài đi tiêu diều dạo quanh nhà hát và hát: “*Núi Thái Sơn đổ sao? Cây lương mộc bị hủy hoại rồi sao? Người triết nhân suy yếu ư?*”

rồi mất lúc 73 tuổi. Năm 739, Đường Huyền Tông truy phong Đức Khổng Tử là Văn Tuyên Vương mà trong Đạo xưng tụng là Văn Tuyên Đế Quân.

Tương truyền, Đức Khổng Phu Tử đã “*san thi, dịch Thư, tán Dịch, định Lễ, bút Xuân Thu*”, có nghĩa là Ngài đã rút gọn Kinh Thi, chọn lọc Kinh Thư, giải rộng Kinh Dịch, qui định kinh Lễ, sáng tác Kinh Xuân Thu.

Đối với Kinh Dịch, Ngài xiển dương những ý tưởng của Văn Vương và Chu Công mà làm ra Thập Dực (10 cánh).

1. **THOÁN THƯỢNG TRUYỆN:** giải nghĩa thoán từ của Văn Vương ở thượng kinh, khởi đầu bằng hai chữ THOÁN VIẾT.
2. **THOÁN HẠ TRUYỆN:** giải nghĩa thoán từ của Văn Vương ở hạ kinh, cũng khởi đầu bằng hai chữ THOÁN VIẾT.
3. **TƯỢNG THƯỢNG TRUYỆN:** ở thượng kinh chia làm hai: 1– đại tượng truyện lý giải cái tượng của toàn quẻ; 2– tiểu tượng truyện lý giải cái tượng từng hào, thích rõ nghĩa hào từ của Chu Công. Vậy mỗi quẻ có một đại tượng truyện và 6 tiểu tượng truyện. Tất cả đều bắt đầu bằng hai chữ TƯỢNG VIẾT.
4. **TƯỢNG HẠ TRUYỆN:** Ở hạ kinh cũng phân chia như trên.
5. **HỆ TỬ THƯỢNG TRUYỆN:**
6. **HỆ TỬ HẠ TRUYỆN:** hai thiên này gom tóm tất cả tư tưởng cốt yếu của Khổng Tử, bình giảng tổng quát triết lý của toàn bộ Kinh Dịch và luận

bổ nghĩa cho một số hào.

7. **VĂN NGÔN TRUYỆN:** Giải thêm nghĩa cho lời thoán và hào từ của hai quẻ Càn Khôn. Văn ngôn viết luôn dưới hai quẻ đó.
8. **THUYẾT QUÁI TRUYỆN:** Giảng rõ ý định của người xưa khi làm Kinh dịch, chú giải cái hình tượng của 8 quẻ chính.
9. **TƯ QUÁI TRUYỆN:** luận giải thứ tự các quẻ trong Dịch.
10. **TẬP QUÁI TRUYỆN:** Xếp 64 quẻ thành 32 đôi mà ý nghĩa thường trái ngược nhau.

2– Sự hòa hợp Thiên địa Nhân

Đức Khổng Tử đề cao Đạo Trời (Thiên Đạo) và Đạo Người (Nhân Đạo) như trong Thần Học Cao Đài. Đạo Tam Tài: Thiên Địa Nhân thì người là đức của Trời Đất, giữ vai trò trung gian. Con người thể hiện thiên lý, thiên mạng nên có Nhân Đạo. Theo Đức Khổng Tử thì Nhân Đạo phải hợp với Thiên Đạo. Những từ Thiên Đạo, Thiên Mạng, Thiên Lý có khi chỉ ngôi vị Thượng Đế, có khi nguyên lý tối cao, chẳng hạn như:

- **THIÊN ĐỊA VẠN VẬT:** Thiên đây là Trời đối với Địa là Đất.
- **HOÀNG THIÊN THƯỢNG ĐẾ:** chỉ ngôi vị tối cao thống ngự vạn vật.
- **THIÊN MẠNG CHI VỊ TÍNH:** nguyên lý tối cao, luận giải mọi lẽ.
- **THÀNH BẠI TẠI THIÊN:** định mạng do Trời chi phối, khó cưỡng lại.

Đức Khổng Tử đã xây dựng hệ thống lý luận hoàn chỉnh, hòa hợp trên dưới, trước sau rất cân đối theo sơ đồ dưới đây:

Sẽ bổ túc sơ đồ sau

*** Thiên Đạo:**

- Thái Cực
- Âm Dương
- Thiên Đạo
- Thiên Lý
- Thiên Mạng
- Nhân Đạo
- Tính
- Tính mạng
- Đức

*** Tâm truyền:**

- Suất tính chi vị Đạo
- Con người là Đức của Trời
- Cách vật trí tri
- Hành Đạo, đạt Đạo

*** Công truyền:**

- Chính danh, trung dung
- Tam cương, ngũ thường
- Minh minh đức, Tân dân, Chí thiện
- Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ

Nhờ Thiên Đạo biến hóa ra muôn vật, con người. Thiên mạng giao phó nơi con người gọi là tính. Sống theo tính tự nhiên Trời phú gọi là Đạo. Hành đạo theo thói

quen của bản tính gọi là đức. Nếu Thiên Đạo có Thiên mạng thì đạo người có tính mạng. Đó là đặc điểm nhân bản trong triết học Khổng giáo, vừa đề cao Trời Đất vừa đề cao con người mà Đạo Cao Đài thừa kế áp dụng triệt để trong Kinh Điển.

Nhân đạo gồm hai mặt tâm truyền (hình nhi thượng siêu hình) và công truyền (hình nhi hạ đời thường).

Về tâm truyền, nhận thức các lý lẽ cao siêu của vạn vật để hiểu rõ bản thể thiên nhiên của Trời Đất là trung dung, trung hòa mà hành đạo, đắc đạo.

Về công truyền đạo đức nhân sanh: con người sống thì phải chung đụng với mọi người trong xã hội, muốn hòa thuận phải giữ tam cương, ngũ thường.

Nếu không hài hòa với nhau được, con người cần phải được giáo dục về nhân trí, tu thân. Trong tam đức: trí, nhân, dũng thì trí phải đứng hàng đầu. *“Đạo thường trong thiên hạ có năm mối (ngũ luân) thì hành năm mối ấy thì phải có ba đức. Vua tôi, cha con, chồng vợ, anh em, bạn bè, đó là năm đạo thường trong thiên hạ. Còn ba đức lớn trong thiên hạ là: trí, nhân, dũng.”*^[12]

Theo Khổng Tử cái tự nhiên Trời cho gọi là tính, thực hện tính đó gọi là Đạo. Nhưng đường Đạo phức tạp vì nhiều khi con người hành động sai với ý mình muốn. Do đó, Đạo phải mở lớp Hạnh Đường để điều chỉnh những sai lầm, giúp cho con người thấy được bản tính thiên phú của mình *“suất tính chi vị đạo, tu đạo chu vị giáo”*^[13]

Trong Tân Luật của Đạo Cao Đài chỉ nhấn mạnh

[12] TRUNG DUNG, chương 20;

[13] TD, ch.1

giữ gìn tam cương, ngũ thường mà không nói đến ngũ luân. Thật ra, tam cương rút ra từ ba mối quan hệ đầu của ngũ luân. Chính Đức Khổng Tử thường chỉ nhấn mạnh đến quan hệ vua tôi, cha con, chồng vợ hơn hai quan hệ anh em và bạn bè.

Trong quan hệ quân thần thì “*Vua lấy lễ mà sai khiến tôi (thần) tôi lấy trung mà thờ vua (quân)*”^[14]. Trong quan hệ phu phụ thì trên thuận dưới hòa.

Năm đạo thường (ngũ thường) của mỗi người trong xã hội là: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Nếu giữ được năm con đường ấy thì gia đình an vui, xã hội trật tự.

- **Nhân** là lòng thương người, giúp tha nhân thực hiện nhân tính.
- **Nghĩa** là lòng biết ơn con người, lấy đức báo đức, lấy lòng ngay thẳng ơn nghĩa thay oán thù, lợi lộc. “*Vị lợi chỉ gây oán thù, chính vị nghĩa làm ra lợi*”^[15].
- **Lễ** là tương kính tôn trọng lẫn nhau. Lễ hiểu rộng là quan hôn tang tế. Khổng Tử dạy Nhan Uyên: “*Điều gì không phải lễ đừng nhìn, không phải lễ đừng nghe, không phải lễ đừng nói, không phải lễ đừng làm*”.
- **Trí** là sự sáng suốt nhận biết mọi vấn đề, hiểu rõ Nhân Đạo, Thiên Đạo
- **Tín** là trung tính, trung thành, ai cũng phải giữ chữ tín.

Tóm lại, “*Người xưa muốn làm sáng cái đức sáng của mình trong thiên hạ, trước hết phải lo trị nước mình, muốn trị nước phải lo việc nhà cho chính tề, muốn tề gia trước hết*

[14] Luận ngữ, Bát Dật, III

[15] Đại Học, chương X;

phải lo tu thân. Muốn tu thân trước hết phải giữ lòng ngay thẳng, muốn chính tâm phải thành ý, phải có trí thức thấu đáo, trí thấu đáo thì mới thành, ý thành thì tâm mới chính, tâm chính thì mới tu thân được. Tu thân rồi tề gia, tề gia rồi trị nước, trị nước rồi mới bình thiên hạ. Từ Thiên tử tới thứ dân ai ai cũng phải lấy việc tu thân làm gốc”^[16]

Xem thế, Thiên Đạo hòa hợp với Nhân Đạo trải qua quá trình tám bước (bát điều mục): cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Như thế chưa đủ, giáo sĩ muốn hoàn thành thiên chức của mình còn phải tô luyện trí, nhân, dũng.

Trí là sự sáng suốt nhận biết mọi vấn đề hiểu rõ Nhân Đạo, Thiên Đạo. “*Muốn nhân mà không muốn học thì bị cái ngu che mờ, muốn trí mà không muốn học thì bị cái sai trái che mờ, muốn trực mà không muốn học thì bị cái ương ngạnh che mờ, muốn dũng mà không muốn học thì bị cái loạn che mờ, muốn cương mà không muốn học thì bị cái bạo tàn che mờ*”. (Luận ngữ, Dương Hóa, 17).

Thế nên, thiếu học kém trí khó mà tu thân, hiểu thảo, hòa đồng.

Nhân là lòng thương người, sửa mình theo lễ giáo, hạn chế dục vọng ích kỷ, hành động theo đạo đức. “*Điều gì mình không muốn thì cũng đừng làm cho người khác*”. (Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân – Luật Ngữ, Nhan Uyên).

Dũng là ý chí biết xấu hổ cái sai, cái xấu của mình, dám từ bỏ và cương quyết làm điều thiện. “*Kẻ ham học gắn với đức trí, ham làm gắn với đức nhân, biết hổ người gắn với đức dũng. Ai biết ba điều ấy tức biết phép tu thân. Biết*

[16] Đại Học, ch.3

phép tu thân tức biết phép trị nhân, biết phép trị nhân tức biết phép trị quốc gia, thiên hạ” (Trung dung, chương 20).

Tóm lại, triết học Khổng Giáo ra đời vào thời Xuân Thu nhưng nó vượt khỏi không thời gian tồn tại giá trị đến ngày nay. Triết học ấy giúp cho Đạo Cao Đài làm nền tảng sống vững trong lòng người và giúp các nước Châu Á thành những con rồng kinh tế.

IV- Chọn Lọc Tinh Hoa Tam Giáo

Xuyên qua những điều vừa trình bày, về phương diện triết lý, Đạo Cao Đài nhìn nhận những nguyên tắc cơ bản của Tam giáo sau đây:

1- *Phật giáo*: Luật nhân quả: nghiệp báo, luân hồi. Tam học: Giới Định Huệ trong đó có Bát chánh đạo, ngũ giới cấm. Tam qui, từ bi bác ái, minh tâm kiến tánh.

2- *Lão giáo*: Thuyết Tam bửu, ngũ hành, luyện chơn thoát tục siêu phàm, tu tâm luyện tánh, quan niệm về Đạo.

3- *Khổng giáo*: Thuyết Trung Dung, thuyết biến dịch, Tam cương ngũ thường. Tam đức: trí, nhân, dũng. Tu thân, tề gia... Sự thờ kính tổ tiên. Tôn tâm dưỡng tánh.

Tổng tắt, triết học Cao Đài tổng hợp để giải quyết những vấn đề cụ thể vào cuộc đời chứ không phải là những khái niệm trừu tượng hay những giáo lý viển vông. Thực chất, Giáo lý Cao Đài không thiên duy tâm mà cũng không thiên duy vật, vì tâm và vật không thể tách rời nhau. Tâm vật bình hành mà tương trợ lẫn nhau. Nói một cách khác Thiên Đạo và Thế Đạo không là hai Đạo, Thiên Đạo là chuyển đưa người đời từ nơi phàm tu trở nên chí thiện,

chí Thánh. Đạt hàng Thánh trở lại giúp đời (Thế Đạo) đến cảnh Đại Đồng huynh đệ, tạo dựng thiên đàng tại thế.

Tóm lại, Đạo Cao Đài có mục đích qui Tam giáo “mà nhiều người tin tưởng trong tương lai, những luồng tư tưởng này có thể dung hòa thành ý thức hệ kiêm đủ chân thiện mỹ, khả dĩ đem lại cho phương Đông và toàn thể nhân loại một cuộc sống tinh thần cũng như vật chất đầy đủ, tốt đẹp, luôn luôn khai phóng và hướng thượng”^[17].

Triết gia Pháp Charles Renouvier cũng đã kêu gọi đồng bào ông hãy quay về tôn thờ triết học phương Đông... mà Việt Nam là nơi tập trung. “Luồng tư tưởng lớn Ấn độ nằm trong Bà La môn giáo và Phật giáo; luồng tư tưởng lớn Trung Hoa nằm trong Khổng Giáo và Lão giáo. Điểm đặc biệt nhất là cả hai luồng tư tưởng lớn này đều hướng về Việt Nam, tập trung nơi đây, thăng hoa và phát triển đến cao độ, khiến nước này có cái thế vươn mình xa rộng khắp Đông Nam Á”^[18].

Đức Cao Đài phán truyền lập một Thế Giới Đại Đồng, không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, chánh kiến, sang hèn... vượt trên khả năng hoàng khai vạn loại của họ. Đại hội Thần linh học thế giới đã phát biểu:

“Tuy không có người Đạo Cao Đài nào tham dự hội nghị để thấy rằng chỉ có Đạo Cao Đài mới khả dĩ thực hiện được việc tổng hợp tôn giáo mà Đại Hội Thần linh học năm 1952 theo đuổi, nhưng bất cứ tín hữu Cao Đài nào cũng biết rằng Đạo Cao Đài chung góp phần quan trọng vào việc thực hiện mục đích cao thượng đó”^[19]

[17] NGUYỄN HỮU LƯƠNG, sdd, trang 27

[18] NGUYỄN HỮU LƯƠNG, sdd, bài tựa

[19] TRẦN VĂN RẠNG, Đại Đạo sử cương (quyển II), trang 23

Thật vậy, dù khách bàng quan có Đạo hay chưa Đạo đều tìm thấy trong Đạo Cao Đài một chỗ đứng thích nghi cho mình để quan sát kiểm nghiệm chân lý Vũ trụ vô cùng (mà giáo lý Cao Đài gọi là Nhơn Đạo). Bởi lẽ, Đạo Cao Đài là cánh cửa luôn mở rộng tầm nhìn cho mọi người đi vào Vũ trụ và thế giới loài người mà không phân biệt chủng tộc, cao thấp, sang hèn. Vì Giáo lý Cao Đài dung hòa thuyết Đông Tây kim cổ và khai thông mọi đường lối xây dựng trong mọi xu hướng gom về một chân lý độc nhất là hòa bình nhân loại.

Tóm lại, háo sinh là đức lớn, nên Đức Chí Tôn dạy sự THƯƠNG YẾU. Đạo đức của người là Nhân Nghĩa. Đạo lý của vạn vật là Âm dương, tứ đức của Càn Khôn là: Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh, Ngũ thường của người: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín. Thế nên, con người chủ Nhân đạo không thể làm trái những điều đó. Trái thì “*vật cực tắc biến*” để tái lập trật tự mới mà thiên lý lưu hành.

CHƯƠNG V

LỄ NHẠC VÀ HIẾN TAM BỬU

LỄ BÁI LÀ HÌNH THỨC BÊN NGOÀI ĐỂ TỎ SỰ KÍNH trong lòng. Đạo Cao Đài đã phát sinh trong lòng xã hội Việt Nam nên lễ tiết phản ánh xã hội này. Ngoài việc thờ cúng Đức Chí Tôn, người Đạo thờ cả Thần, Thánh, Tiên, Phật và phụng tự tổ tiên.

Thờ cha mẹ và ông bà không phải tục lệ mê tín dị đoan mà là cách tỏ lòng nhớ cây có cội, nước có nguồn, nhớ ân sâu nghĩa nặng của người sinh ra mình. Sự thờ kính cũng là cách bảo vệ thuần phong mỹ tục, vun bồi luân lý. Việc phụng tự phải làm tận đáy lòng mình nghĩa là phải chí thành chí kính. Đức Khổng Tử dạy: *“Tế lễ tổ tiên phải kính như có tổ tiên ở đó, tế như tại, tế thần như Thần tại, tế Thần như Thần ở đó”*.

Người Việt Nam làm lễ là phải lạy, phải chấp tay. Bàn tay phải là Nguyệt (âm), bàn tay trái là Nhật (dương). Âm dương tương hiệp mà sanh sanh hóa hóa. Chấp tay *ấn tý* là dùng ngón tay cái trái ấn vào ngón VÔ DANH chỗ cung Tý (Thiên khai y Tý) rồi nắm trọn lại. Ngón tay cái phải ấn vào ngón trở cung Dần (nhân sanh ư Dần).

Trong năm ngón tay, ngón vô danh (áp út) biểu tượng cảnh trời đất lúc chưa khai: *“Vô danh thiên địa chi thủ”*. Đến hội Tý mới lập cõi Trời: *“Thiên sanh ư Tý”* mà cung Tý lại ở ngón tay vô danh, chỗ bắt đầu. Sau khi Tạo Thiên Lập Địa, vạn vật mới hóa sanh đồng thọ khí nơi

mẫu: “*Hữu danh vạn vật chi mẫu*” mà Mẫu chỉ là ngón tay cái. Theo Bí pháp, ngón trở, ngón út là 2 ngón *xuất điển quang*; ngón giữa và ngón vô danh là 2 ngón *tiếp điển quang*. Thế nên, bắt *ấn tâm* tiếp điển thì co hai ngón giữa lại và chỉ thẳng hai ngón trở và út ra để chống tà điển mà luyện đạo. Còn *ấn tý* chỉ dùng để hộ thân mà không xuất điển nên 2 ngón trở và út không đưa ra. Khi cúi lạy, 2 bàn tay úp xuống, hai ngón cái gát lên nhau sanh Tứ Tượng, tám ngón tay còn lại chỉ *Bát Quát* mà biến hóa Càn Khôn. Phần lễ và nhạc phải đi đôi để nhật giữ trật tự đàn cúng và điều hòa trời đất.

Lễ giả Thiên Địa Chi Tự

Nhạc giả Thiên Địa Chi Hòa

Nhờ sức mạnh tinh thần lễ nhạc thêm vào kinh kệ đủ cảm hóa lòng người tu thân, và “*chúng ta đã nghe thấy ở tiếng đàn lời của đấng thiêng liêng*” (Lời của danh nhân Hồi giáo Maulana Rumi). Thế nên, cơ bút không còn cần thiết nữa. Tiếng trống, tiếng chuông, tiếng đàn, tiếng kèn hòa lẫn với lời cầu kinh thể hiện sự nhường nhịn lẫn nhau, dung hòa lẫn nhau dẹp hẳn tiếng bắc tiếng chì trong cuộc sống chật vật hằng ngày. Vì thế, ngoài việc tế lễ nhạc còn là phương cách mẫu nhiệm giúp cho lớn nhỏ, sang hèn hòa và kính lẫn nhau giúp cho xã hội quân bình an lạc.

✱ *Lễ có mục đích:*

1. Hàm dưỡng tính tạo ra thiện cảm tốt giữa người và người.
2. Lập thế quân bình cho hợp đạo Trung dung.
3. Định ngôi thứ và trật tự trong xã hội.
4. Kềm thúc và tiết chế tình dục, không cho phóng

túng và hỗn loạn.

Như vậy, lễ dạy người biết kính Trời Đất, Thánh tiên, biết tiết độ và đối đãi vừa chừng trong nhân quần.

✘ *Nhạc có mục đích:*

1– Cảm hóa lòng người theo điều thiện.

2– Hiểu được lòng u ẩn của người đàn.

3– Diễn tả tinh thần của một sắc dân, một nước.

Thế nên, lễ phải kính mà nhạc phải hòa. Việc giao tiếp ở đời cũng phải vậy. Chủ cung kính thì khách mới hòa vui. Vậy lễ nhạc để điều hòa và giúp cho con người có lễ nghĩa và văn hóa, vậy việc tế lễ Đức Chí Tôn của Đạo Cao Đài hết sức tiến bộ. Xét quá trình các Tôn giáo từ xưa tới nay, ta thấy rằng: Từ thời thượng cổ, quan niệm về Thượng Đế còn mơ hồ. Con người thờ tô tem gần như rộng khắp mặt đất.

Trong cựu ước, người hiến lễ lên Thần linh bằng đồng nam đồng nữ làm vật hy sinh. Đạo giáo chỉ độc tôn, Thánh Moïse là Đấng hằng hữu và phải tàn sát tất cả sắc dân nào có tín ngưỡng riêng.

Qua thời trung cổ, người ta quan niệm Thượng Đế có quyền tác họa, ban phước. Kẻ nào làm lành được lên Thiên đàng hay Cực lạc, còn đứ đở thì bị đày vào hỏa ngục hay Địa ngục. Tôn giáo nào cũng cho mình là đúng, là phải. Do đó mới gây ra chiến tranh Tôn giáo như ở Ấn Hôi, hoặc kỳ thị Tôn giáo ở Âu Châu.

Về tế lễ Trời Đất, thay đổi những con vật lớn bằng những con vật nhỏ gọi là Tam sanh mà không còn dùng con người làm vật hy sinh như trước nữa.

Thời kỳ hiện đại, ngoài những Kinh Thánh sớm truyền báo trước Đạo Cao Đài xuất hiện ở Âu Châu có Hội Thông Thiên học, Hội Baha'i tuyên truyền thuyết tôn giáo Đại Đồng (La religion universelle) và báo tin cho toàn nhơn loại sẽ có một nền tôn giáo chủ trương Đại Đồng Thế Giới ra đời. Đến năm 1926, Thượng đế đã giáng trần lập Đạo Cao Đài có Giáo hội, Giáo pháp, kinh lễ chuẩn định.

Đạo Cao Đài cũng quan niệm rằng: việc hiến lễ lên Đức Chí Tôn không có chi bằng sanh mạng của mình. Nhưng thay vì dùng đồng nam đồng nữ hoặc sinh vật để cầu phước, cầu danh lợi cho riêng mình, người tín hữu Cao Đài dùng Tam bửu là 3 món quý báu nhất của con người gồm Tinh Khí Thần thay bằng Bông Rượu Trà dâng lên Đức Đại Từ Phụ.

- **Bông** tượng trưng cho hình thể hữu vi (thể xác) tức là **Tinh**
- **Rượu** tượng trưng cho trí não khôn ngoan tức là **Khí**.
- **Trà** tượng trưng cho linh hồn, tức là **Thần**.

Việc hiến lễ của tín hữu Cao Đài không cầu mong phước lộc cho riêng mình mà chỉ nguyện dâng cả thân này, từ thể xác, trí não đến linh hồn làm con vật hy sinh để phục sinh, để phục vụ, thi hành lệnh của Đức Đại Từ Phụ đưa nhơn loại đến cảnh huỳnh đệ Đại Đồng.

Hình Quả Càn Khôn đầu tiên tại Từ Lâm Tự 1926.

PHẦN THỨ NHẤT
QUAN NIỆM VỀ VŨ TRỤ

1. NGUỒN GỐC CÁC TINH CẦU
2. LUẬT BẢO TỒN VẠN VẬT
3. CÁC NGƯỜI ĐẠO

CHƯƠNG I

NGUỒN GỐC CÁC TINH CẦU

THÁNH NGÔN DẠY “*KHI CHƯA CÓ CHI TRONG CÀN khôn thế giới thì Khí Hư Vô sanh ra có một Thấy*^[1] và ngôi của Thấy là Thái Cực” (TN₂, tr 62). “*Nếu không có Thấy thì không có chi trong Càn khôn thế giới*” (TN₁, tr.31)

Vậy Càn khôn thế giới là gì? Khắp cả Càn khôn thế giới gọi là vũ, chỗ cùng gọi là trụ. Vũ là trùm cả bốn phương trên dưới. Trụ còn có nghĩa là xưa qua nay lại, nên từ trong từ ngữ vũ trụ bao hàm nghĩa không gian thời gian.

Trước khi chưa định ngôi Thái Cực thì trong không gian còn mờ mịt với khí hồng mông, vì còn trong thời kỳ tổn nguyên. Không gian ấy tức là vô cực. Trong vô cực có một lý thiên nhiên tuyệt diệu, tuyệt huyền và một khí tự nhiên. Lý và khí ấy lần lần ngưng kết, đồng tụ qua nhiều thời, nhiều kiếp mới kết thành một khối Linh quang bao gồm các sự tốt lành. Chừng đúng ngày giờ, khối ấy nổ tung ra một tiếng dữ dội phi thường, làm rung động cả không gian, rồi có một điện Đại Linh quang từ trong tiếng nổ ấy văng ra mà lẫn lộn quây quần nhau giữa không trung, bắn tỏa hào quang rất chiếu diệu rạng ngời trùng trùng, điệp điệp, rực rỡ chói lòa khắp cả mọi nơi. Ấy là ngôi Chúa tể của Càn Khôn vũ trụ đã biến hóa ra^[2].

[1] Thánh ngôn là từ chỉ chung các lời của các Đấng vô hình giảng dạy, in trong 2 quyển **Thánh Ngôn Hiệp Tuyển** viết tắt là TN. Đức Chí Tôn khi dạy đạo xưng Ngài là Thấy, gọi chúng sanh là con.

[2] Đại thừa chơn giáo, Gia Định, trước tiết tàng thơ 1956, tr 175. Đại thừa chơn giáo viết tắt là ĐT, phần dạy vô vi, phần sau giải

Vũ trụ từ đây mới bắt đầu có ngôi Thái Cực trọn lành, trọn tốt, toàn trí, toàn năng, thiên biến vạn hóa, vô tận, vô cùng, nắm trọn quyền hành thống chưởng cả Càn khôn vũ trụ và lấy các thể âm dương mà phân thanh hiện trước, làm máy động tịnh để gom tụ các khí đặng hóa sanh muôn loài vật (ĐT, tr. 176).

Máy âm dương do tác động của đấng toàn xây chuyển không ngừng để tạo ra các hiện tượng trong vũ trụ và các tinh cầu. Tinh cầu có quả trợt quả thanh, quả trên cao, quả dưới thấp, có cái sáng và tối chuyển động theo trật tự (TN1, tr 69). Tuổi tinh cầu cũng không đồng đều, có tinh cầu mới hình thành, có tinh cầu đã già cõi tan biến mà không ảnh hưởng gì đến Vũ trụ rộng lớn.

Như thế, Vũ trụ là một đại thể nhíp nhàng, không thể phân ly, rộng lớn vô cùng, trong đó có vô số thế giới (TN1, tr 69). Mỗi thế giới gồm những hệ tinh cầu lớn nhỏ quây quần với nhau theo luật pháp Thiên^[3]. Các cung các cõi từ trợt tới thanh, từ nặng tới nhẹ, từ tối tới sáng đều là những tần số điển khác nhau của Thầy tạo thành các cõi này được sức sống tồn tại là nhờ nguồn điển lực cung cấp từ trung tâm vũ trụ. Trong vũ trụ có rất nhiều tinh cầu đoàn mà gần ta nhất là Thái Dương hệ, có nhiều tinh cầu quay chung quanh Mặt Trời, có những tinh cầu ánh sáng không chiếu tới như Diêm Vương tinh (Pluton). Trong Thái Dương hệ, địa cầu ta ở, theo giáo lý Cao Đài là địa cầu thứ 68 (TN2, tr.30) mà bậc Đế vương nơi địa cầu này

thích những ẩn ngữ, những đoạn văn súc tích của bộ “Thánh Ngôn hiệp tuyển” như về Vũ trụ, về địa cầu 67 và 68.. có thể coi là quyển sách giải lý của bộ “Thánh ngôn hiệp tuyển”

[3] Pháp Thiên là phép trời, nhờ luật này Càn Khôn thể giới sanh hóa vô cùng.

chưa vào lực chói của địa cầu 67 (TNI, tr.68). Xem thế, càng lên cao, các tinh cầu càng Thánh thiện, văn minh hơn.

Điều này, các báo chí thế giới có đề cập đến 1 loài người xa lạ ở tinh cầu khác đến trái đất ta trong mấy năm gần đây tại Ấn Độ, những người hành tinh khác đến dựng một cột sắt với độ tinh khiết hoàn toàn.

Tại bãi Braalbek, những người ở tinh cầu họ đã đến xây dựng một bãi phóng hỏa tiễn vĩ đại.

Tại Cao nguyên Nazca (Péru) người vũ trụ đã để lại một sân bay lớn với những hình vẽ khổng lồ mô tả thú vật, chín muôn côn trùng. Nhất là các phi thuyền thám hiểm không gian, như phi thuyền của Mỹ chẳng hạn, có mang theo bản tín hiệu của người trái đất gửi cho các tinh cầu khác, nếu có giông người văn minh hơn để biết sự hiện hữu của con người ở địa cầu 68 này.

Những lý giải trên cũng phù hợp với con đường tu tiến của Đạo Cao Đài từ Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo, Phật Đạo^[4] tương đương với sự tiến triển đi lên của các tinh cầu như tinh cầu nhân đạo của ta là địa cầu 68, sự đạo đức văn minh của địa cầu này chưa thể so với địa cầu 67 là tinh cầu thần lực, cứ thế mà tăng tiến lên địa cầu khác... *“Ít nữa con người phải chuyển kiếp trăm ngàn lần, công phu khổ hạnh mới đặng bỏ địa cầu này đến địa cầu khác”* (ĐT, tr.104).

Các địa cầu được ánh sáng rọi tới là cõi dương quang (tức cảnh quang cõi dương), dưới quyền thống quản của Đức Chí Tôn, phần còn lại ánh sáng không chiếu tới được dưới quyền cai quản của Phật Mẫu, gọi là cõi âm quang,

[4] Đạo ở đây là con đường tu, con đường giải thoát.

âm cảnh (tức cảnh quang cõi âm) hay Trường đình^[5] (TN2, tr.85) như Diêm Vương tinh chẳng hạn.

Như thế, quan niệm về sự hình thành và an bày vũ trụ của giáo lý Cao Đài không khác gì khoa học. Nhưng khoa học chỉ căn cứ vào những hiện tượng thực thể mà nghiên cứu giải thích, chớ không thấy được tác động sâu xa của Đấng toàn năng, nên không thể nào giải thích được cái bản chất của vũ trụ, cái mà loài người đang khao khát muốn hiểu biết.

Để xác định, chính Đức Chí Tôn đã tạo ra Càn Khôn vũ trụ và “*Thống ngự vạn vật*” (KL, tr.18), Ngài dạy thờ Ngài như sau: “*Một quả Càn Khôn như trái đất tròn quay. Bề kính tâm (đường kính) 3m33, sơn màu xanh da trời. Cung Bắc Đẩu và tinh tú vẽ lên quả Càn Khôn. Thấy kể Tam thập lục thiên, Tú đại bộ châu ở không không trên không khí, còn Thất thập nhị địa, Tam thiên thế giới đều là tinh tú. Tính lại, 3072 ngôi sao, con liệu vẽ lên đó cho đủ, trên sao Bắc Đẩu vẽ con mắt Thấy. Đáng lẽ, quả Càn Khôn phải bằng pha lê, đúc trên 1 ngọn đèn thường sáng. Ấy là lời cầu nguyện rất quý báu cho cả nhân loại*”. (Đàn cơ 17-6-1926)

Xem thế, quả Càn Khôn không phải là trái đất, mà là 1 Thiên cầu^[6]. Các tinh tú nói trên xa gần khác nhau, nhưng trong đêm mắt ta thấy như ghi trên một hình cầu màu xanh rất lớn^[7] đó là thiên cầu. Thiên nhân lại vẽ gần ngay trên thiên xích đạo của thiên cầu, vì người ở nước

[5] Trường đình là nơi linh hồn nhập thể hay giải thể, xét mình coi kiếp sanh có bao nhiêu phước tội.

[6] Quả Càn khôn vì quá lớn nên chỉ tạc thờ tại Tòa Thánh mà thôi, còn các Thánh Thất thì thờ Thiên nhân in trên giấy.

[7] Do hiệu quả phép phối cảnh (effet de perspective)

Việt Nam (gần địa xích đạo) thấy sao Bắc Đẩu nằm ngang trên đường chân trời (tức ngang tầm mắt).

Còn ngọn đèn thường sáng, đó là giả mượn tâm đấng, Phật Tiên truyền đạo cũng do đó, nhân loại thành Đạo cũng ở đó. Ngọn đèn Thái Cực để ngay chính giữa Thiên cầu, không lay động, không xao xuyên, chiếu soi khắp cả Càn Khôn. Mặt Trời, Mặt Trăng có lúc sáng, hồi tối (đối với con người), chớ đèn Thái cực, nơi Thấy ngự thì giờ khắc nào cũng tỏ rạng. Như vật nhờ đó mà sanh, nhờ đó mà thành, nhờ đó mà an vui. Vũ trụ nhờ đó mà quang vinh trường cửu. Người tu hành nhờ đó mà tạo Phật tác Tiên, siêu phàm nhập Thánh (ĐT, tr.61). Đó là không phải là lời cầu nguyện rất quý báu cho cả nhân loại hay sao?

CHƯƠNG II

LUẬT BẢO TỒN VẠN VẬT

TRONG VŨ TRỤ, CÁC VẬT THỂ CÓ SỰ TƯƠNG QUAN nhíp nhàng với nhau, khống chế lẫn nhau, không có cái nào cô lập, không có cái nào vượt qua cái nào, không có cá thể nào tách ra ngoài toàn thể mà có thể tồn tại được. Cái này phải nương vào cái nọ mà sinh thành, cái nọ phải nương vào cái kia mà hiện hữu theo luật pháp Thiên, cứ như thế đến vô cùng tận.

Xem như sự sống, sự chết chẳng qua chỉ là những lần biến hóa Chơn thân, chuyển luân từ hình hài này qua hình hài khác trong cùng một địa cầu hay từ địa cầu trước lên địa cầu thanh sạch hơn (ĐT, tr.104). Chẳng khác nào nước trong thiên nhiên, tùy theo nơi lưu trú mà có bản thể khác nhau. Khi ở biển, nước gặp nắng hạn bốc hơi thành mây mưa đổ xuống đồng bằng tắm mát cỏ cây, rồi chảy ra sông nuôi tôm cá, hay giúp nguồn nước uống nuôi con người, tạo thành máu huyết tiết ra mồ hôi. Sự chuyển luân ấy dưới nhiều hình thức khác nhau nhưng không thể mất đi. Mỗi vật thể có số lượng nhất định, tuy thay đổi về vị trí, biến thành vật khác, chớ phân lượng của nó không tăng không giảm, không tiêu diệt.

Sự hủy hoại của vật này là sự hình thành của vật khác và một vật khác kế tiếp, cứ chuyển luân mãi mãi. Sự còn mất theo tôn giáo chỉ là sự siêu thoát hay sự thay đổi hình dạng mà thôi như “*Bát hôn vạn chuyển hóa thành chúng sanh*” (KL, tr.101)

Thật vậy, mỗi hiện tượng tiêu diệt đó còn lại cái *không* mà cái không này chẳng trường cửu, nên đưa đến sự phát sinh hiện tượng khác, trở lại về cái *có*. Cái có này cũng không bền vững nên sẽ diệt để trở về cái không. Như vậy, các hiện tượng có không thật là giả tạm.

Trong Đạo Đức kinh, Đức lão Tử có nói: “*Đạo thường vô vi, nhi vô bất vi*” hay “*Thiên hạ vạn vật sanh vi hữu, hữu sanh vi vô*” (vạn vật dưới trời đều sanh ra từ cái có, có này sinh từ hư vô).

CHƯƠNG III

BA NGƯƠN ĐẠO

NƯƠN CỦA GIÁO LÝ CAO ĐÀI GỒM CẢ VIỆC TẠO ra Vũ trụ, vạn vật có thể coi là các thời kỳ địa chất và các thời kỳ lịch sử nhân loại, nên gọi chung là ngưỡn vạn loại.

Từ Hồng Mông cho đến ngày nay, Đạo Cao Đài chia làm 3 ngưỡn: Thượng ngưỡn, Trung ngưỡn và Hạ ngưỡn, chuyển sang thể pháp trong một năm cũng có ba ngưỡn, Rằm tháng bảy (âm lịch) là Trung ngưỡn và Rằm tháng mười (năm Bính Dần 1926) thuộc thời Hạ ngưỡn mặt kiếp để bảo tồn nhân loại.

Thời Thượng ngưỡn còn gọi là ngưỡn tạo hóa, tức là ngưỡn gây dựng Vũ trụ. “*Thấy lại phân tính Thấy mà sanh ra vạn vật là vật chất, thảo mộc, côn trùng, thú cầm*” (TN₂, tr.62) khởi nguyên Vũ trụ còn hỗn độn rồi phân chia âm dương, trái đất nguội dần nhéo thành núi biển sông hồ đất đá. Mặt đất ổn định, các loài cây cỏ xuất hiện, sau đó mới có các giống thú và chim muông, cuối cùng thì loài người mới xuất hiện^[1] giai đoạn này kéo dài trong nhiều tỷ năm loài người khó phân biệt nổi.^[2]

[1] Theo thuyết tiến hóa của Darwin, con người do loài hâu nhân (homo sapiens) hóa thành. Theo Thần học Cao Đài, loài thú nhờ tu luyện mà chuyển hóa thành người (xem ở sau) rồi thành Thần, Thánh...

[2] Đến ngày nay các nhà bác học Mỹ, Liên Xô vẫn còn tranh cãi về sự xuất hiện của loài người. Bác học Mỹ cho loài người xuất hiện cách đây trên triệu năm. Bác học Liên Xô cho trên 600 năm.

Con người còn mới hóa sinh còn thuần phát thiên lương, tương thân tương ái, sống hòa hiệp trên dưới, không xâm lấn của nhau vì của cải thiên nhiên còn nhiều. Họ sống chung cộng đồng quyền lợi và sinh hoạt. Khí thiên nhiên còn trong lành không bị ô nhiễm khói nhà máy, nên con người cộng hưởng thanh nhàn khoái lạc và vui say mùi Đạo. Lẽ đó, thời Thượng ngươn^[3] mới có tên là đời Thánh đức hay thời Thượng Đức nên cũng gọi là *Ngươn Thánh Đức*.

Thời Trung Đức nối tiếp thời Thượng ngươn, lòng người bất nhứt, thâm hiểm, nhiều vết xấu, tật hư, đánh mất thiên lương, cậy sức mình mà bức hiếp lẫn nhau, tương sát, tương tàn, mạnh còn yếu mất, mới sanh ra biết bao trường quyết chiến không kể đồng loại, đồng chủng cùng một nguồn gốc mà ra.

Lẽ đó thời Trung ngươn^[4] mới có tên là đời Thượng lực, nên còn gọi là *Ngươn tranh đấu*.

Thời Hạ ngươn tiếp nối sự đấu tranh ngày càng ác liệt, ghê tởm, con người mưu mô hơn, chê sức mạnh mà dùng trí não, nên mới tạo ra chức quý mưu tà, kế sâu bẫy độc tàn hại lẫn nhau. Nhờ chính sự tranh đua, các phát minh khoa học giúp con người tiến bộ, tạo ra vũ khí hạt nhân tàn sát lẫn nhau vô cùng.

Lẽ đó, thời Hạ ngươn^[5] mới có tên đời mạt kiếp (ĐT, tr. 33–34). Nhưng Đức Chí Tôn không thể cho con cái Ngài tiêu diệt.

[3] Thời Thượng ngươn trùng với bốn nguyên đại địa chất và một phần thời thượng cổ của lịch sử loài người. So sánh này nhằm cho người đọc dễ lãnh hội mà thôi.

[4] Thời Trung ngươn trùng với thời trung cổ trong lịch sử loài người

[5] Thời Hạ ngươn tương ứng với lịch sử thế giới cận đại và hiện đại

Nên chính Ngài dùng huyền diệu giáng trần để giáo Đạo mà cứu vớt sanh linh, thế nên Hạ ngươn này còn gọi là *Ngươn bảo tồn* để phục tùng lại đời Thánh đức, sống chung cộng đồng quyền lợi và sinh hoạt (TNI, tr.51) bằng cách tu theo con đường nào để được ân xá và cứu rỗi.

Tạo đời cải dữ ra hiền

Bảo sanh năm giữ diệu huyền Chí Tôn.

■ (KL, tr.45)

Tóm lại, sự vận chuyển các tinh cầu (trong không gian) ba ngươn đạo (thời gian) và luật bảo tồn vạn vật hợp thành Vũ trụ quan của Đạo Cao Đài; ba ngươn đạo là chu trình kín biểu hiện hết thịnh tới suy về hình thức, nhưng về nội dung thì thời Thánh Đức buổi đầu do thiên lương mà có thể khác xa đời Thánh Đức của đời bảo tồn do sự giáo hóa đạo đức đạt thành. Thế giới mai sau không có kiểu phong phú như hiện nay song có ngàn kiểu phong phú khác giúp con người phúc lạc sung sướng. Về của cải vật chất trong đời Thánh Đức buổi đầu vật thực thiên nhiên còn nhiều chỉ hái lượm, nhưng đến đời này nhờ tiến bộ khoa học, máy móc làm ra của cải nhiều, phẩm chất có khác nhau, nhưng chung qui vẫn là sự cộng đồng sinh hoạt và quyền lợi, hợp lẫn với sự cộng ưu hòa ái. Nói một cách khác, kỷ nguyên Thánh Đức là ngươn của thế giới đại đồng, xã hội này được tạo lập do con người biết thương yêu kính trọng nhau, không còn phân biệt màu da chủng tộc, giai cấp, tôn giáo, con người có trình độ tiến hóa cao về đạo đức và lòng từ bi bác ái.

PHẦN THỨ HAI
QUAN NIỆM VỀ CON NGƯỜI

1. CÁC GIAI ĐOẠN TẠO DỰNG CHÚNG SINH
2. LINH HỒN VÀ BA THỂ CỦA CON NGƯỜI
3. THUYẾT CHUYỂN LUÂN
4. ĐẠO LÀ GỐC Ở TÂM
5. KINH SÁCH ĐẠO

CHƯƠNG I

CÁC GIAI ĐOẠN TẠO DỰNG CHÚNG SANH

SỰ HÌNH THÀNH CON NGƯỜI THEO THẦN HỌC Cao Đài trải qua 3 giai đoạn: Khởi đầu Khí Hư vô sinh ra Đức Cao Đài, rồi Ngài tạo ra vạn vật, sau cùng mới phối hợp âm dương sanh ra con người.

Giai đoạn 1: *“Khi chưa có chi trong Càn Khôn thế giới thì khí Hư vô sanh ra một Thấy. Thấy lại phân tán thành Thấy mà sanh ra vạn vật là vật chất, thảo mộc, côn trùng thú cầm gọi là chúng sinh”* (TN1, tr.62).

Giai đoạn 2: *“Khi Đức Chí Tôn đem dương quang ấm áp làm cho hóa sinh thì cái khoảng âm quang phải thối trầm làm tinh đầu sanh hóa vạn linh”* (TN2, tr.85).

Như thế, sự hiện diện của con người là do âm dương tác hợp mà sanh hóa, hoặc do tu tiến mà chuyển hóa, hoặc do Tiên Thánh giáng trần làm người để giáo đạo.

Giai đoạn 3: Đức Chí Tôn dạy tiếp: *“Có Thấy mới có các con, có các con rồi mới có chư Thần, Thánh, Tiên, Phật”* (TN1, tr.48), *“Nên chi các con là Thấy, Thấy là các con”* (TN1, tr.30).

Một đàng khác, Đức Chí Tôn dạy: *“Thấy là Phật, chủ cả Pháp và Tăng, lập thành các đạo”* (TN1, tr.48).

Như vậy Đức Chí Tôn xác định rõ trước hết Ngài tạo Vũ trụ dần dần theo thứ tự: trước tiên tạo ra đất đá, sông núi biển, kể đến dựng cảnh quang thảo mộc, rồi mới

đến côn trùng nhằm tạo môi trường sinh sống cho thú cầm. Các vật chất vô tri như đất nước, gió lửa thiếu tự giác nên gọi là *vô tính chúng sanh*, còn các sinh vật có năng lực hoạt động và có cảm giác gọi là *hữu tính chúng sanh*.

Sau khi tạo đủ điều kiện cho sinh hoạt loài người, Đức Chí Tôn mới dùng dương quang phối hợp âm quang tức *“Âm dương hữu hạn biến sanh, Càn Khôn sản xuất hữu hình”* (KL, tr.101) mà tạo ra con người với điển Linh quang của Ngài. Con người, như vậy phối hợp đủ tính chất của Thiên Địa nên gọi con người là Tiểu Thiên Địa. Trời có Tam tài là Thiên, Địa, Nhân, người có Tam bửu là Tinh, Khí, Thần. Chính nhờ có điển Linh quang và chơn dương mà con người có thể tu luyện thành Tiên, Phật, nên *“có các con rồi mới có chư Thần, Thánh, Tiên, Phật”*. Như thế Đức Chí Tôn đã giành cho con người nhiều ưu ái nhất.

Tiên, Phật cũng xuống trần làm người để phổ độ nhân sanh, gọi là khách trần (TN2, tr.3) các vật chất, thảo mộc, côn trùng, thú cầm tu luyện cũng có thể thành người, rất hạn hữu, nhưng phải thoát kiếp sang đầu thai một tinh cầu khác. Theo thần học Cao Đài, chúng sanh cũng như thế giới, tùy luật tuần hoàn mà có lúc thành, lúc trụ, lúc hoại, lúc sinh. Khoảng thời gian ấy gọi là kiếp. Sau khi qua một kiếp thì Linh hồn (gọi đúng là Chơn thần) tiến sang một thế giới khác hoặc Linh hồn thọ âm dương sẽ thành hữu hình ở thế gian. Như vậy, một kiếp là quan niệm về thời gian của thần học Đạo Cao Đài.

Ngoài con người mọi sinh vật khác tu luyện đều có thể thành người: *“Bát hồn vận chuyển hóa thành chúng sanh”*. Tám hồn là vật chất hồn, thảo mộc hồn, thú cầm hồn, nhơn hồn, Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn và Phật

hồn. Những sinh vật dưới người như thảo mộc phải tu tiến qua từng kiếp chớ không phải nhảy vọt được, riêng từ Thần hồn trở lên đều do Linh quang giáng trần thành khách trần một cách dễ dàng vì đã qua kiếp người.

Quan niệm sự chuyển hóa con người như vậy có người cho là ảo tưởng. Nhớ lại, khi Gallie cho quả đất là hình cầu, nhưng dân La Mã vẫn cho là hình tròn, lúc ra tòa Gallie đã tuyên bố 1 câu thơ danh là “*Tôi lầm nhưng trái đất vẫn quay*” (Jesuis trompé, mais la terre quitourne). Mặt khác, khoa học đã khám phá ra nhiều sự kiện có vẻ vô lý mà lại là chân lý. Chẳng hạn, vật chất có thể biến thành ánh sáng chạy theo đường cong và thời gian co giãn theo sự chuyển động hay tùy theo dẫn lực giới...

Do đó, cái mà giác quan hay lý trí con người chưa cảm giác hay chứng minh nổi đâu phải là không có, bằng những con tính, nhà bác học Einstein đã chứng tỏ không gian cong trong một chiều thứ tư nào đó mà ta không thể hình dung nổi. Mặt khác, khoa học ngày nay phải chấp nhận sự kém cỏi trong việc tìm hiểu vật chất. Người ta chưa hình dung được điện tử ra sao? Nó có phải là vật chất hay chỉ là luồng sáng. Nhà bác học Đức Heisenberg phải phân các hiện tượng ra làm hai loại: xét nghiệm được và không xét nghiệm được, chỉ có thể đoán qua suy luận như điện tử chẳng hạn. Như thế “*Bát hồn vận chuyển hóa thành chúng sanh*”^[1] vượt qua tầm hiểu biết và xét nghiệm của khoa học. Đó là đặc điểm của thần học, là tiên tri của giáo lý Cao Đài.

Tóm lại, mọi vạn vật chi chi trong Vũ trụ đều do Đức

[1] Chúng sanh chỉ chung các loài biết bò, bay, máy, cựa, còn theo nghĩa hẹp là nhân sanh.

Cao Đài sinh thành. Con người là sản phẩm có cấu trúc tinh vi nhất mà Ngài sùng ái đặc biệt nhất ban cho nhiều tri thức và phương tiện sinh tồn nhất để thay Ngài, nên Ngài gọi con người là Thượng sanh^[2] mà thống ngự vạn vật đem lại hạnh phúc cho toàn thể nhân loại.

[2] Tân luật... SĐD, tr.97-99 trong kiếp hữu sanh, phẩm người là cao hơn hết nên gọi là Thượng sanh.

CHƯƠNG II

LINH HỒN VÀ BA THỂ CỦA CON NGƯỜI

LÍ CAO ĐÀI XÁC NHẬN CON NGƯỜI CÓ Linh hồn, nếu không có Linh hồn thì cũng không có Đạo Cao Đài. Nói cách khác, Linh hồn là một tiểu Linh quang của Đức Chí Tôn phân tánh ban cho (TN1, tr.95), nên tâm ta động hay ước nguyện điều gì thì Đại Linh quang của Ngài sẽ cảm ứng ngay vì cùng tần số vi ba, một nguồn gốc mà hóa thành, chẳng khác gì trung tâm điện toán, một tế bào quang điện nhiều động thì trung tâm có phản ứng ngay. Chính nhờ đó mà Đạo Cao Đài mới thông linh được Tiên, Phật qua cơ bút.

Người là sinh vật thiêng liêng trong các loài, nên có đủ 3 phần trong một cơ thể: hình hài, Chơn thần, Chơn linh (hay Linh hồn, lương tâm)^[1]. Trong khi đó, loài thảo mộc chỉ có xác do tế bào cấu thành: gốc trở xuống ngọn quay lên. Như thế, gốc là đầu, ngọn là chơn nên không di chuyển được^[2]. Rồi tiến hóa lên hạng thú cầm đầu và đuôi ngang nhau, ngoài xác do tế bào cấu thành, còn thêm đệ nhị xác thân (tức chơn thần). Do đó, loài thú cầm có hoạt động, biết ăn uống, ham muốn, ghét sợ như con người. Nhưng nếu chỉ như thế thì con người khác chi con vật. Thế nên, Đức Chí Tôn mới tạo ra con người đứng thẳng: đầu ở trên, chơn ở dưới, ban thêm Linh hồn hay lương

[1] Xem CAO QUỲNH CỬ, Luật tam thể, Tây Ninh 1970.

[2] Một nhà văn Anh quốc viết một chuyện giả tưởng là trong tương lai loài cây sẽ biết di chuyển.

tâm (TN₂, tr.66) để hạn chế lòng ham muốn dục vọng.

- ✘ **Hình hài** con người khởi đầu là *linh* dịch phối ngẫu với noãn sào thành khối tế bào có âm dương, tế bào mẹ dần dần phân hoá thành hình người^[3]. Đó là nhục thể, một cái xác không hồn, không Chơn thần.
- ✘ “**Chơn thần** là nhị xác thân, là khí chất bao bọc thân thể, của xuất nhập của nó là mở ác” (TN₁, tr.78). khi ta ngủ thì Chơn thần đi vào thế giới khác thích hợp với hoạt động tu tính riêng của nó, nên dù bị rệp cắn hay muỗi đốt ta cũng không hay vì chỉ có cái xác tế bào mà thôi. Nhưng Chơn thần vẫn còn giữ liên lạc với hình hài bằng nhưn điện, nên trái tim còn đập, phổi còn thở dưới dạng vô thức.

Bản chất của nhị xác thân ở trạng thái *khí* giống y hình hài. Nhiệm vụ của nó là thu hút sanh khí (chơn dương) trong Vũ trụ để nuôi sống tế bào và Khí Hư Vô giúp hình hài an nhàn vô bệnh (ĐT, tr.47); đồng thời nhận lấy kinh nghiệm của kiếp chúng sanh để khi bỏ xác đến tinh cầu thanh cao hơn vun bồi sự sống. Thế nên, nhị xác thân là chơn thân, còn hình hài là giả thân vì nó sẽ bị thối rửa khi ta chết.

“Cái xác thân thiêng liêng là nhị xác thân, khi còn ở nơi xác phàm rất khó xuất riêng ra đặng, bị xác phàm kéo níu. Cái Chơn thần ấy của các Thánh, Tiên, Phật thì huyền diệu vô cùng, bất tiêu, bất diệt. Bậc chơn tu khi đắc đạo có thể xuất ra trước buổi chết mà vân du thiên ngoại. Các Chơn thần ấy mới đặng phép đến trước mặt Thầy” (TN₁, tr.6).

Có nhiều người chết, cái chết rất khó khăn vì Chơn

[3] Tế bào là yếu tố cấu thành thể xác các sinh vật. Hình thức phức tạp gồm có 3 phần: nguyên sinh chất, hạt và nhân.

thần còn luyện tiếc hồng trần, nên cần phải giải oan, độ hồn để Chơn thần có đủ nghị lực rời khỏi tử thi trở về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống vì luật ân xá ba kỳ chỉ độ dẫn cao thăng (KL, tr.102). Như vậy, trong Chơn thần ta có 2 phần: Ngươn thần và Thức thần. Thức thần chỉ làm những điều vô đạo, ích kỷ, tội lỗi, ngược lại Ngươn thần thì chống lại những điều sai quấy ấy. Thế nên, sự gì không làm cản rút lương tâm là của Ngươn thần, còn sự gì làm nhức nhối Lương tâm (dạng khác của Linh hồn) là của Thức thần.

✘ Phần thứ ba của xác thân là Linh hồn hay **Chơn linh**, hay Lương tâm hay *Thần*, là điển Linh quang của Đức Chí Tôn ban cấp Ngài dạy:

“Nơi thân phàm các con, mỗi đứa Thầy đều cho một Chơn linh gìn giữ cái chơn mạng sinh tồn mà đặng phép giao thông cùng cả chư Thần, Thánh, Tiên, Phật và các đấng trợn lành nơi Ngọc Hư cung. Các Chơn linh ấy có tánh Thánh nơi mình, chẳng phải gìn giữ các con mà còn dạy dỗ các con”.

Vậy Linh hồn có nhiệm vụ thông công các đấng để dạy dỗ xác thân nên còn gọi là Lương tâm. Thế nên, Lương tâm con người rất sáng suốt, quán cổ tri kim, khiến con người làm điều hay sự phải, giục con người mến đạo đức, chuộng tinh thần, biết thuận theo thiên lý. Cái kiến thức ấy (của các nhà bác học chẳng hạn) là một hoạt động của Linh hồn duy nhất mà ta cảm thấy được. Thế có nghĩa Linh hồn là nguồn gốc của sự khôn ngoan, chỉ nhận thức được chớ không sờ mó được.

Cái tánh Thánh trợn lành của Linh hồn thường bị thức thân của xác thân dục động, đưa đẩy làm cho cháng váng cái thanh quang, sanh lòng quấy phá. Thế nên, muốn

Linh hồn được trong sạch thì xác thân phải khang kiên và hướng thượng, để có thể tiếp điển quang của các đấng mà giáo hóa chính mình và cho cả nhân loại.

Những điển quang, từ cõi xa xăm của các đấng phóng đến làm máu to lưu chuyển, tế bào ta thay đổi kích động Linh hồn tiếp điển, rồi ra lệnh cho trung tâm não khiến tay viết ra thành chữ mà giáo hóa vạn loại.

Tóm lại, trong mỗi một con người gồm có bảy thể cần yếu là: xương, máu, thịt, chơn dương, tinh, khí, thần theo quan niệm cũ, thần học Cao Đài gom lại còn ba:

– Xương, máu, thịt gọi là xác thân (hình hài) thuộc hữu hình còn Chơn thần có hình thức giống y xác thân nhưng ở thể *khí* đại diện xác thân ở cõi vô hình nên hấp thụ khí chơn dương (tức Khí Hư Vô, Khí Hạo Nhiên). Còn Linh hồn còn được điển Linh quang của Đức Chí Tôn ban cấp tức *thần*. Thần và Khí là 2 thể vô hình đều có nhiệm vụ lo cho xác thân. Tinh chỉ là sản phẩm của xác thân, nó hoạt động nhịp nhàng với Thần để được ban cấp tiểu Linh quang, khi một giọt tinh dịch phối thành tinh đầu (TN₂, tr.85).

Con người biết giữ gìn ngươn tinh đầy đủ thì làm cho Chơn thần an vui, Linh hồn minh mẫn. Khi Chơn thần thanh thoi mới hút Khí Hạo Nhiên châu lưu vận hành trong hình hài mà nuôi lấy Ngươn thần. Nhờ đó, luyện Tinh bảo tồn Ngươn Khí, luyện Khí hoá Thần mà hườn Hư. Hề hườn Hư (vô) tức đạo chuyển mà phản bốn hườn nguyên đặng thành Tiên tác Phật.

Tóm lại, thần học Cao Đài xác nhận: *xác thân* là giả thân sẽ bị tiêu hủy sau khi chết, *Chơn thần* mới là chơn

thân ở thể khí phản ánh đúng mọi thể, mọi lẽ của xác thân, nên *chính Chơn thân mới đi chuyển kiếp* và đến trước mặt Thầy, chớ không phải Linh hồn. Vì Linh hồn là điển Linh quang và là Chơn linh giữ gìn chơn thân, vốn trọn lành, có tội phước đâu mà phải đầu thai. Đó là một quan niệm tiến bộ của thần học Cao Đài.

Chính nhờ điển Linh quang mà con người mới liên lạc được với thế giới vô hình. Bởi các cõi trời từ trước tới thanh, từ nặng tới nhẹ, từ tối tới sáng đều có những tần số điển khác nhau của đấng Chí Tôn tạo thành. Các cõi ấy trước sự sống tồn tại là nhờ nguồn điển lực cung cấp từ trung tâm Vũ trụ đấng Chí Tôn là Đại Linh quang, con người là Tiểu Linh quang của Ngài.

(Luật Tam Thế)

Do đó, điển lực của Ngài và các tầng trời Ngài thống trị phát ra, cái máy thu thanh con người đương nhiên phải nhận được. Đó là nguồn cội cơ bút Đạo Cao Đài.

Khoa học cũng đã xác nhận: vào năm 1968, nhà khoa học Nga P. Guláep nhờ máy có độ nhạy cao đã ghi nhận được điện trường sinh học xung quanh tế bào thần kinh học. Dựa vào phát minh ấy, A.Prexman đề ra giả thuyết rằng các cơ thể sống sử dụng điện trường sinh học để thu nhận và trao đổi thông tin. Ông muốn nói đến giác quan các nhà nghiên cứu cũng đã phát hiện trong biển và đại dương có rất nhiều dòng điện, những dòng điện này chạy trong các tầng nước theo những hướng khác nhau. Các dòng điện đó có cường độ không đáng kể nhưng cũng đủ cho các loài sinh vật dưới biển (cá) nhận biết (Khoa Học và Đời sống số 5, 149–383.)

Xem như thế, mọi loại trong vạn vật đều có thể nhận biết được các nguồn điện lực từ xa, chớ đâu phải riêng con người. Vả lại, việc cấu cơ chấp bút đâu phải là một việc mới mẻ gì. Bởi lẽ, nó đã thịnh hành ở bên Châu Âu, trong dân gian Việt Nam, Đạo Cao Đài chỉ phát triển đến đỉnh cao của cơ bút, biến cơ bút thành công cụ lập giáo và phổ truyền giáo lý.

CHƯƠNG III

THUYẾT CHUYỂN LUÂN

THUYẾT CHUYỂN LUÂN CỦA ĐẠO CAO ĐÀI CŨNG phù hợp với lập thuyết khoa học như thuyết tiến hóa của Darwin và Lamarck cho rằng trong Vũ trụ không có cái gì tự sinh mà cũng không có cái gì tự diệt. Nhà bác học Lavoisier thêm “*Cái gì cũng có lý do cả*”.

Theo thần học Cao Đài, cái kia nương vào cái kia mà sinh thành, cái kia nương vào cái nọ mà tồn tại, lớp lớp chồng chất đến vô tận. Con người bỏ cõi xác trần để Chơn thần mặc vào cái áo mới tốt hơn ở cõi khác, hoặc có thể ở cõi trần này, nếu về mặt tu dưỡng chưa tiến bộ.

Kinh lễ có câu: “*Chuyển luân định phẩm cao thấp*” (KL, tr.102) nên vòng chuyển luân chỉ định vị cho người thăng tiến chớ không có địa ngục a tỳ. Nếu Thánh ngôn có dạy “*trần là cõi đọa bậc Thánh Tiên có làm lỗi*” (TN, tr.3) thì cái đọa ấy đã có trong các kỳ phổ độ trước đến kỳ ba phổ độ này nhờ Đức Chí Tôn đại ân xá con cái Ngài sẽ trở về cùng Ngài (KL, tr.102).

Ngài dạy: “*Ta vì lòng đại từ, đại bi, vẫn lấy đức báo sanh mà dựng nên Đại Đại Tam Kỳ Phổ Độ để cứu vớt những kẻ hữu phần vào nơi địa vị cao thượng, để tránh khỏi số mạng luân hồi*”^[1].

Thánh ngôn Cao Đài có nhắc chữ luân hồi là chỉ để

[1] Thuyết chuyển luân của Đạo Cao Đài không có âm ty ma quỷ. Thuyết luân hồi của Phật giáo, kẻ có tội phải xuống âm phủ cho Diêm Vương hành phạt.

so sánh với luật luân hồi nhân quả xưa kia của Đức Phật, làm ác gặp ác, nhân nào quả đó. Đạo Cao Đài giáo hóa nhân sanh bằng phong trào thi đua công quả tiến tới ngày tuyển phong Phật vị (KL, tr.45). Bởi vì, muốn trở về Cõi Thiêng Liêng Hằng Sống xứng đáng nhất không có con đường nào khác là đạt vị Phật, một phẩm cao nhất trong trường học 5 lớp, vì Thầy có dạy: “*Thầy là các con, các con là Thầy*” mà Thầy là một vị Phật.

Trường học 5 lớp từ dưới lên trên là Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo và Phật Đạo cho những hóa nhân bình thường. Nhưng cũng có những Nguyên nhân tu từ các thời kỳ trước chưa đạt tột bậc thì tùy theo phẩm mà Ngài cho tu theo hạng Thánh hay Tiên. Hóa nhân là loài côn trùng thảo mộc chuyển kiếp lên thành người. Nguyên nhân là nguyên khí chất Tiên thiên giáng sanh làm người.

Như thế, trường học 5 lớp ấy tùy trình độ mà vào học. Riêng địa cầu 68 thì phải bắt đầu vào lớp một nhân đạo, địa cầu 67 có thể vào ngay lớp 2 là Thần Đạo.

Con người khi qui vị được một chức sắc làm Phép Độ Thăng thì Chơn thần mới lìa khỏi xác đi vào thế giới thích hợp, đem theo cả phần chơn dương, chỉ còn lại phần âm nên thi thể giá lạnh, một cái xác không hồn. Do đó, Đạo Cao Đài gọi là *đám xác* vì không tin có ma quỷ. Xác chỉ còn phần âm nặng nề thuộc quyền quản trị của Cung Diêu Trì, nên Đức Phật Mẫu và chín Cô^[2] tùy theo nhiệm vụ, trước đã dìu dẫn Linh hồn theo Đạo, khi chết các Cô cũng đến độ hồn đem về cõi thiêng liêng hằng sống đặng lãnh phần thưởng xứng đáng hơn (TNI, tr.65) trong quá

[2] Cửu Vị Nữ Phật DIÊU-TRÌ-CUNG.

trình tu luyện tại thế gian.

Chơn thần sẽ thăng tiến sau chín ngày thoát xác ở Trường đình rồi từ Ngạn uyển đến Vườn Đào Tây Vương Mẫu, rồi cõi Thanh Thiên, cõi Huỳnh Thiên, Xích Thiên, Kim Thiên bước sang tầng trời Hạo Thiên Nhiên, Phi Tưởng Thiên, Tọa Hóa Thiên và sau rốt dự vào Hội Long Hoa để tuyển phong vị Phật mà hội hiệp cùng Đức Chí Tôn ở đây, Linh hồn:

*“Khả tinh thức tiên duyên nhớ lại,
Đoạn cho rời oan trái buổi sanh,
Dem mình nương bóng chí linh”*

■ (KL, tr.38).

Tại vườn Tây Vương Mẫu Chơn thần được uống rượu trường sanh và được độ dẫn lên “*chín tầng trời*” vì “*Cõi Thiên đẹp thấy nhẹ nhàng cao thẳng*” (KL, tr.39)

Trước tiên là cõi Thanh Thiên (tầng trời thứ nhất) đây là miền Bồng Lai Tiên Cảnh được Hội Thánh minh giáo giao sách Trường xuân (KL, tr.40). tiến sang cõi Huỳnh Thiên (tầng trời thứ hai) do Huyền Thiên Quân chưởng quản, Chơn thần được lửa tam mụi đốt cháy oan gia nghiệt chướng để tuyệt khổ mà đi lên cõi Xích Thiên (tầng trời thứ ba) do Thái Thượng Lão Quân chưởng quản, hồn đến đài Chiếu Giám xem tội phước ở kiếp sinh. Rồi nhờ xe Như Ý, hồn tới cõi Kim Thiên (tầng trời thứ tư) do Phật Như Lai chưởng quản. Ở đây, Chơn thần đến đài Huệ Lương trừ sạch ô ố, ướp vào mùi thơm ngọt ngào để đến Niết Bàn (KL, tr.42). Lúc này, hồn đã nhẹ nhàng tới cõi Hạo Thiên Nhiên (tầng trời thứ năm) do Phật Chuẩn Đề chưởng quản và được Thần Tiên hiệp sức giải thi đưa Chơn thần lên Phi Tưởng Thiên (tầng trời thứ

6), cung Diêu Trì cõi Tạo Hóa Thiên (tầng trời thứ bảy) dưới quyền cai quản của Đức Phật Mẫu, chơn hồn đến Cung Trí Giác tịnh dưỡng tinh thần. Sau đó, Chơn thần đến cõi Hư Vô Thiên (tầng trời thứ tám) do Đức Nhiên Đăng chưởng quản, vào ao Thất Bửu gội mình sạch tục và được Bồ Đề Dạ dẫn hồn thượng tấn” (KL, tr.44) đến châu Đức Di Lạc ở cõi Hỗn Ngươn Thiên (tầng trời thứ chín) đặt dự vào “*Hội Long Hoa tuyển phong Phật vị*” vì trong kỳ ba phổ độ này, Đức Di Lạc thay diệu huyền của Đức Chí Tôn tuyển chọn ngôi vị Phật (KL, tr.45) cuối cùng Chơn thần thăng lên cõi Thượng Thiên tức cõi Thiêng Liêng Hằng Sống, trong đó có Ngọc Hư Cung nơi Đức Chí Tôn ngự và Bạch Ngọc Kinh là kinh đô của Thánh, Tiên, Phật... triều nghi của Đức Chí Tôn cũng ở đây^[3].

CHÍN TẦNG TRỜI

CỐI THIÊNG LIÊNG HẰNG SỐNG

9- HỖN NGƯƠN THIÊN

8- HƯ VÔ THIÊN

7- TẠO HÓA THIÊN

6- PHI TƯỚNG THIÊN

5- HẠO NHIÊN THIÊN

4- KIM THIÊN

3- XÍCH THIÊN

2- HUỲNH THIÊN

1- THANH THIÊN

0- DƯƠNG QUANG

[3] Phần chuyển luân này viết theo kinh Di Lạc và kinh cũ, quan niệm về “chín tầng trời” có khác với sách cũ.

CỐI ÂM QUANG

Tóm lại, luật chuyển luân chính là định luật tiến hóa của Vũ trụ giúp con người học hỏi luôn. Để Chơn thân nhận rõ sự sai lầm, mở thêm sự sáng suốt giác ngộ đường đạo đức. Nếu Chơn thân không đủ trình độ để tuyển phong vào Hội Long Hoa tạo đời Thánh Đức thì phải chờ bảy ức niên nữa. Định luật tiến hóa luôn luôn máy động, nếu ngừng nghỉ thì cơ tận diệt cũng đến. Chơn lý của đạo 2 sự tiến hóa, từ trầm luân trọng trược vẫy vùng đến chỗ cao siêu minh triết, 2 trạng thái sinh diệt luôn thể hiện trong Vũ trụ.

CHƯƠNG IV ĐẠO GỐC Ở TÂM

TRONG KINH LỄ CÓ CÂU: “ĐẠO GỐC BỞI LÒNG (TÂM) thành tín hiệp”. Thánh ngôn cũng có dạy: giáo lý Đạo không giảng cùng lý mà chỉ nói đến cái tâm. Vì tùy sự giác ngộ hiểu biết của con người mà Đạo trở thành thâm sâu hay thô thiển.

Việc thờ Thiên Nhân Đức Cao Đài cũng đã minh định:

*“Nhãn thị chủ tâm
Lưỡng quan chủ tế
Quang thị Thần,
Thần thị Thiên
Thiên giả, Ngã giả”*

Con người mới sinh ra có nhục nhãn, nhờ tu luyện giác ngộ đạo thì có huệ nhãn (thần nhãn) rồi tiến đỉnh cao là Thiên nhãn, thông kim bác cổ, thông suốt Vũ trụ, cũng như người tu có huệ tâm thì luyện mãi thành Thiên tâm tức Đạo tâm.

Buổi đầu, Thánh ngôn Thầy có dạy Tịch Đạo trong đời Giáo Tông thứ nhất là Thanh Hương, trong đời kế tiếp là Đạo Tâm. Thờ Thiên Nhân là thờ cái tâm, hiển lễ lên Thầy chữ tâm, đối xử với nhau cũng bằng chữ tâm, cho nên, đạo gốc ở chữ tâm. Tâm tức là Đạo, Đạo tức tâm, biết tâm thì biết Đạo, biết Thầy (Tâm tức Đạo, Đạo tức Thiên, tri Tâm tắc tri Đạo tri Thiên), mà Đạo thì ở trong

tâm con người, sáng như ban ngày, tuy có lúc biến đổi theo hoàn cảnh, nhưng cái ánh sáng của ngày không hề thay đổi. Muốn đạt đạo tâm phải có đạo từ, tâm trụ. Đạo từ là từ bi hỉ xả, tâm trụ là càng lay càng im, càng trụ vững đức tin và đến lúc nào đó thì đốn ngộ, đạt đạo. Đó là con đường tu tắt, và muôn luyện tâm trụ phải thiền định, khác với con đường tu theo Cửu phẩm Thần Tiên và Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng theo đường tu tiệm ngộ. Nói một cách khác, thời kỳ đạo tâm là thời kỳ tự tu, tự ngộ vì con người đã đến giai đoạn giác ngộ cao, tu tâm dưỡng tánh.

Tâm tánh là một, nhưng vì hiện trạng khác nhau nên có tên gọi khác mới: làm chủ tế gọi là đế, lưu hành gọi là mệnh, phú con người gọi là tính, làm chủ cái thân gọi là tâm. Tuy cái tâm ta phát ra mỗi việc mỗi khác, nhưng chung qui có mỗi cái tính. Cho nên, ngoài cái tâm thì không có lý, ngoài cái tâm thì không có sự việc. Thế nên, chỉ lo cái tâm của hàng giáo lãnh. Các chức sắc hơn người là vì có cái tâm thuần nhiên thiên lý bất cứ lúc nào cũng như cái gương soi nên chỉ hành thiện, thường nhân để che lấp đi lòng thành. Vậy thiện ác là hai việc không hề có sẵn mà do tâm tạo ra. Thế nên, người đạt được đạo tâm thì lời nói như kẻ thường mà cái tâm mình cho phải thì phải, dù lời Thánh nhân mà tâm mình cho trái thì trái. Do đó, không nên tìm sự khác nhau giữa tôn giáo này và tôn giáo nọ mà làm thế nào cho tâm mình được ổn thì thôi. Cho nên, người đạt đạo tâm thì quan niệm rất rộng rãi: Đạo không có trong không ngoài, không có người không có ta, thiên địa vạn vật nhất thể để tồn tâm dưỡng tánh, để tiến tới đại đồng thế giới.

Cái bản thể của tâm là lương tri. Chính tùy cái lương

tri nơi mỗi người mà người ta quan niệm có quý thần hay không, cái gì cũng bởi đó mà ra. Thế nên, nói cái tâm là cốt bỏ cái tối, tà vậy để thấy rõ ánh sáng của lương tri. Do vậy, Đạo Cao Đài là một tôn giáo mới phù hợp với con người thời đại hạt nhân, không dạy những điều khoa khoa học hay mê tín.

Nhưng cái u tối của một ít người là do không rèn luyện cái lương tri, vô hình trung làm nơi bàn luận cho khách bàng quan. Cho nên, lương tri là đầu mối lớn của học vấn của sự hiểu biết. Do đó, một khi đã theo Đạo phải rèn luyện cái tâm cho sáng suốt thì bất cứ nơi đâu, bất cứ hoàn cảnh nào tác động tối, càng lay càng im lìm.

Tóm lại, đầu mối ở trong tâm con người “*Nhơn tâm duy nguy, Đạo tâm duy vi, duy tinh duy nhất doãn chấp quyết trung* – Trung dung” (Lòng người dễ khuynh, lòng mến đạo lại yếu, cho nên phải xét cho tinh một mực, quyết giữ cho bằng được đạo trung).

CHƯƠNG V

KINH SÁCH ĐẠO

KHI ĐỌC KINH ĐIỂN ĐẠO CAO ĐÀI, TA PHẢI chấp nhận câu: Đọc kinh tâm lý. Cái chân lý nhiệm mầu của Đạo không thể nói ra được mà kinh điển chỉ là phương tiện để trình bày cái chân lý, còn cứu cánh là do sự ngộ đạo của người đọc. Nếu đọc với tinh thần như vậy không những bây giờ mà cho đến mai sau, giáo lý Cao Đài sẽ vẫn thích hợp với mọi thời đại.

Riêng về sách do các chức sắc và đạo tâm viết thì có nhiều hạn chế: gốc đạo Phật mới nhập môn theo Đạo Cao Đài thì viết nhiều về triết lý nhà Phật, gốc nho sĩ viết nhiều về Khổng giáo... Vì thế ta không lấy gì làm lạ: các đệ tử của ông Ngô Minh Chiêu lập ra phái Chiêu Minh vô vi, chủ trương luyện kỹ tu đơn theo Lão giáo, còn Đạo Cao Đài Tây Ninh lúc mới khai đạo ở chùa (Phật) Từ Lâm thì chủ trương Phật giáo chấn hưng (bìa sách do G. Gobron viết tựa nhỏ *bouddhisme rénové*). Sau đó, một số nhà nho, thấy kinh sách đạo Cao Đài xưng tụng các đấng đều bằng chữ Hán và Tân luật^[1] viết theo nho gia, nên chủ trương Nho tông chuyển thế. Một vài Thánh Thất chi phái coi ngày Chúa giáng sanh là ngày lễ lớn chính thức, có bài kinh xưng tụng Đức Gia Tô giáo chủ, đọc theo giọng nam xuân của Đạo Cao Đài.

[1] Tân luật là luật của con người làm có sự phê chuẩn của Đức Chí Tôn, có thể sửa đổi theo trình độ tiến hóa của nhân sanh, nên không là sách vĩnh cửu được.

Như đã trình bày ở trước, Đạo Cao Đài thừa kế tất cả tinh hoa của các tôn giáo xưa: Thừa kế có chọn lọc và sáng tạo. Nhưng sự chọn lọc và sáng tạo lại tùy con người, hạn chế hay không, sáng tạo hay ghép nhặt là ở chỗ đó.

Về sách các đấng giáng cho 2 quyển căn bản là “*Pháp Chánh Truyền*” và “*Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*”, vừa là chỗ dựa cho sự thống nhất các chi phái vừa là giáo lý truyền Đạo khắp toàn cầu. Muốn hiểu Đạo Cao Đài một cách chân chính thì tự mình đọc hai quyển đó. Bộ Thánh ngôn gồm 2 phần: phần dạy đạo trong nước Việt Nam bị giới hạn về đất đai, con người. Người Âu Mỹ đọc qua chắc sẽ thấy xa lạ. Phần dạy đạo ngoài nước còn nhiều chướng ngại... Vì Đức Cao Thượng Phẩm sớm qua đời, người cùng phò cơ với Đức Phạm Hộ Pháp từ buổi đầu có đầy đủ huyền diệu để phong Thánh và truyền Đạo.

Về kinh lễ, ta phân biệt 3 phần. Hai phần các Đấng giáng cho trong kỳ ba phổ độ và Đức Phạm Hộ Pháp viết thì phù hợp với giáo lý Cao Đài. Riêng phần do Chi Minh Lý (từ Tam Tông Miếu ở đường Cao Thắng, Sài Gòn) dâng cho buổi đầu, gồm kinh Tứ Thời (Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu), kinh Sám Hối, xưng tụng Thần Thánh Tiên Phật có lẽ cần phải xét lại.

Ngay phần kinh Tứ thời tiếp lễ nhạc quân Cao Mỹ Ngọc có nhận định như vậy: “*Những bài Tịnh tâm, Tịnh khẩu, Tịnh thân, An thổ địa, các đạo hữu nên học cho biết, chẳng nên đọc nơi đàn vì không phải là kinh chú Tiên có ý muốn dạy chúng ta cho biết cách chức đặng giữ mình, hầu khỏi thất lễ nơi trước bữu điện. Nếu đọc thì sai, vì ta nói rằng ta tịnh khẩu, tịnh tâm mà kỳ thật đọc um lên, rồi thế nào mà tịnh đặng*” (KL, tr.139). Từ năm 1929 (Kỷ Tỵ) mà

ông Cao Mỹ Ngọc có nhận định tiến bộ như vậy, còn ngày nay thì sao? Khi các phái đạo dâng kinh không có một bất buộc nào, ta thấy phù hợp với tôn chỉ Đạo Cao Đài thì dùng không hợp thì gửi trả lại^[2].

Đạo cốt là ở tâm linh diệu và ở giáo lý cao thượng chứ không phải ở kinh điển. Vì kinh điển tiếng Việt Nam hay Hán văn, người ngoại quốc làm sao đọc được mà truyền đạo.

Thầy dạy: “*Kinh điển giúp đời siêu phàm nhập Thánh chẳng khác chi đũa (ăn cơm), chẳng có đũa, kẻ có cơm (đạo) bốc tay ăn cũng đặng*” (TN2, tr.5)

Quan niệm về Đạo của ĐỨC CHÍ TÔN rất bao dung rộng rãi. Cứu cánh là sự giác ngộ giáo lý cao thượng, chứ không phải những cái “*râu ria*” mang nặng bản sắc Á Đông, làm trở ngại xây dựng một thế giới đại đồng, còn kinh điển chỉ là phương tiện, không lấy phương tiện làm cứu cánh bao giờ. Nói một cách khác, đọc kinh phải tâm lý. Vậy cái lý ấy dịch ra tiếng nước ngoài để người ta đọc suy nghĩ cái lẽ cao thâm huyền diệu, có tác dụng cao thâm hơn đọc kinh mà không hiểu nghĩa trong kinh ra sao? Đó cũng là quan điểm của người ngoại quốc, họ luôn luôn tìm hiểu ngọn ngành trước khi nhập cuộc, không dễ tin, nhưng khi đã tin thì không có gì làm lay chuyển nổi.

Bởi lẽ ấy, ĐỨC CHÍ TÔN dạy: “*Thầy chẳng dùng sự chi mà thế gian gọi là tà quái dị đoan, nếu có xảy ra một ít dị đoan trong Đạo đã dùng lối, ấy là tại nơi tâm của một vài môn đệ đó. Nếu chẳng giữ theo lẽ chánh mà hành đạo và bày biện nhiều sự vô lối thì trong ít năm sau đây sẽ trở*

[2] Kinh sám hối, kinh xưng tụng Thần Thánh... của Chi Minh Lý, nội dung không phù hợp với giáo lý tân tiến của Cao Đài.

nên một mối tà đạo mà các con đã từng thấy” (TN2, tr.42).

Xem thế, giáo lý Đạo không dạy điều chi dị đoan, nhưng không phải lúc nào cũng triệu thỉnh được các Đấng để xin thánh ý (TN, tr57), nên một số người đã suy luận và tự ý bày biện thêm, đương nhiên là với hảo ý, nhưng cái hảo ý ấy cục bộ, phù hợp với vài cá tính, vài địa phương nào đó, vô tình đánh mất tính khoa học, tính quần chúng của tôn chỉ Đạo.

Về ngôn ngữ trong kinh sách, có mục đích “*văn dĩ tải đạo*” nên nhằm đạt được sự truyền bá và độ rãi nhân loại, chớ không chủ tâm tạo ra một triết lý bác học, khó phổ cập. Ngôn ngữ cũng có cái giới hạn của nó, không thể nào diễn tả một thế giới xa xăm hay tương lai hoặc một chơn lý nhiệm mầu mà con người có thể dễ dàng cảm thông được. Do đó, đôi khi phải cụ thể hóa, so sánh những vật thể gần gũi để người đọc lãnh hội một cách dễ dàng, mà có người hiểu lầm là trần tục. Và lại, tôn giáo thường phát sinh trong dân gian, trong đám người nghèo khó. Đức Cao Đài như trình bày ở trước, là Thượng đế của người nghèo.

Sự hiện hữu của Đạo Cao Đài có nguồn gốc bình dân, đó là chủ đích của Đức Chí Tôn không giấu ai. Ngài dạy: “*Hồi trước còn ngu xuẩn, kẻ phò cơ không đủ tinh thần nên mỗi khi cầu cơ khó nhọc lắm mới được vài lời của người khuất mặt.*” (TN2, tr.92). Như vậy, văn pháp ảnh hưởng tùy ở đồng tử (medium) vì các Đấng dạy bằng tư tưởng chớ không dạy lời lẽ. Thế nên, đồng tử dốt thì lời vụng về. Đồng tử biết ngoại ngữ mới nghe được tiếng thiêng liêng mà viết ra. Mặt khác, lúc Đạo khai ngữ pháp Việt Nam chưa hình thành, văn chưa gọn gàng, nói sao viết vậy.

Mục đích là truyền Đạo được mà thôi. Đức Chí Tôn lại chọn một nước trong vòng nô lệ ngoại bang mà mở Đạo là có ý lớn độ rỗi những đứa con thống khổ nhất đang bị trầm luân. Ngài dạy: *“Thấy đã lập Đạo nơi cõi Nam này là cốt để ban thường một nước từ thử đến giờ hằng bị lầm cơn thịnh nộ... Đạo trời mở ra cho một nước, tất là ách nạn của nước ấy hầu mãn”* (TN2, tr.14.25).

Tóm lại, bất cứ ai muốn tìm hiểu Đạo Cao Đài hoặc muốn tu theo Đạo Cao Đài đều phải cần đọc những sách căn bản sau đây do các Đấng thiêng liêng giảng dạy.

- **THÁNH NGÔN HIỆP TUYỂN:** (2 quyển), có phần Thánh Ngôn Pháp văn với nhan đề: Les Messages Spirites Tây Ninh 1962.
- **PHÁP CHÁNH TRUYỀN:** đã dịch ra Pháp văn với nhan đề: La Consitution Religieuse du Caodaïsme Paris, Dervy 1953, 191 trang.
- **KINH LỄ:** (thường gọi là Kinh Thiên đạo, Thế đạo) nên chú trọng phần chính truyền.
- **TÂN LUẬT:** (Paris Gasnier 1952) nên lấy ý chung mà hiểu luật đạo trong buổi đầu ở nước Việt Nam.

Các sách khác do các cá nhân viết ra tùy thuộc trình độ hiểu biết và quan điểm của tác giả. Hội Thánh không trách nhiệm nào về mặt lý luận và trọng tự do tư tưởng của mọi chúng sanh. Chỉ có một quyển siêu kinh, cao nhất của Đạo Cao Đài là *“Kinh Vô Tự”* vĩnh cửu với thời gian.

PHẦN THỨ BA
ĐẠO CAO ĐÀI LÀ TÔN GIÁO
ĐẠI ĐỒNG THẾ GIỚI

1. MỘT TÔN GIÁO BAO DUNG QUI HỢP
2. CHÁNH SÁCH CỘNG HÒA YÊN TĨNH
3. ĐẠO CAO ĐÀI MỘT TÔN GIÁO HOÀN CẦU
4. HỘI THÁNH NGOẠI GIÁO

CHƯƠNG I

MỘT TÔN GIÁO BAO DUNG QUI HỢP

NHỮNG PHẦN TRÌNH BÀY TRƯỚC LÀ PHƯƠNG tiện đưa đến phần này, vì lý tưởng cao cả nhất của người tín đồ Cao Đài là sự hình thành một thế giới đại đồng. Người tín đồ nào cũng mơ ước một ngày nào đó, nhờ phép mầu của Đức Cao Đài chuyển nhân loại sống chung một nhà, cộng đồng quyền lợi và sinh hoạt, không còn phe phái này nọ kình chống nhau. Đó là lời cầu nguyện mỗi ngày 4 lần “*Thiên hạ thái bình*” (KL, tr.24) của mỗi tín đồ Cao Đài.

Trong thế kỷ XIX, khoa học mang tính cách độc đoán đối lập với tôn giáo, cả tin vào khối óc khám phá Vũ trụ của con người. Bởi lẽ, có những điều mầu nhiệm của tôn giáo mà khoa học với phương tiện của nó không thể nào chứng minh được. Song, đến nửa đầu thế kỷ XX theo André Maurois, Viện sĩ Hàn Lâm Viện Pháp thì vật chất của nhà vật lý học không còn có thể sờ được, cũng không còn có thể trông thấy được nữa. Nó là chỗ giao điểm giữa hai làn sóng của hư không, một cái chớp đỉnh của khoảng thời gian, một dự phóng của ý thức người quan sát và cuối cùng, nó là phương trình số học, tức là một ý tưởng. Như vậy, các nhà vật lý học đi tới chỗ phải suy tưởng bằng dụng ngữ của tinh thần hơn là của vật chất. Chúng ta lại trở về với Platông (Platon).

“Vốn từ trước Thầy đã lập ra ngũ chi Đại Đạo là Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo, Phật Đạo. Tùy theo

phong hóa hơn loại mà gây thành chánh giáo, là vì khi trước Càn vô đặc khán, Khôn vô đặc duyệt, hơn loại đã hiệp đồng, Càn Khôn dĩ tận thức, lại bị phần nhiều những Đạo ấy mà hơn loại nghịch lẫn nhau, nên Thấy mới nhứt định qui nguyên phục nhứt”.

Lời mặc khải huyền nhiệm của Ngài cũng là triết thuyết mới mẻ về tôn giáo, vì mặc khải không thể có bằng kinh nghiệm, cũng không lý luận hay chứng minh gì được. Đó là đặc điểm của tôn giáo khác với khoa học. Khoa học đã căn cứ vào vật thể mà phát minh những phương tiện giao thông cho con người sống gần nhau, nên cũng cần phải có tôn giáo mới phù hợp với thời đại mới. Đạo Cao Đài có sứ mạng thiêng liêng cao cả, làm trung gian hiệp đồng mọi luồng tư tưởng Đông Tây nên giáo lý Cao Đài có tính cách bao dung hòa hoãn.

Đức Phật Mẫu cũng dạy:

«Độ anh nhi Nam Bắc Đông Tây

Kỳ khai tao nhứt linh đài

Diệt hình tà pháp cường khai đại đồng

Hiệp vạn chủng nhứt môn đồng mạch»

■ (KL, tr.103).

Đức Mẹ đã xác nhận, dù người ở Đông bán cầu hay Tây bán cầu, ở Bắc bán cầu hay Nam bán cầu, các chủng tộc ấy đều có nguồn gốc chung từ Đức Chí Tôn mà ra, nên phải hiệp lại mà tạo lập nên một thế giới đại đồng, giúp đỡ lẫn nhau như con một nhà (TN2, tr.14). Mỗi một tín đồ Cao Đài đều phải truyền cao lời dạy của các Đấng và phải phổ độ hơn loại khắp năm châu (TN1, tr.32).

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ độ là mối đạo lớn chung cho

tất cả, một giải pháp tổng hợp vừa chừa cho tất cả (không nhằm phủ nhận một tôn giáo nào), là danh hiệu chung cho tất cả tôn giáo, mà từ trước các vị giáo chủ giảng trần giáo đạo. Tất cả các Ngài đều là sứ giả của Đức Chí Tôn. Thế nên, Đại Đạo không phải là hiệp hội các tôn giáo mà là con đường lớn qui các tôn giáo vào một mối. Ngoài Tam Giáo ở Á Đông, Đức Chí Tôn còn dạy: **“Thầy là Đức Jéovah của dân Hébreux, vị chủ tể của dân Israel, vị Thánh vô danh của dân Do Thái, Đức Đại Từ Phụ của Chúa Jésus cứu thế. Con chỉ cầu nguyện Thầy với danh hiệu Cao Đài thì sẽ có sự cảm ứng”** (TN_I, tr.124)

Còn tam kỳ là phổ độ lần thứ ba. Theo giáo lý Cao Đài, trước kia có Nhứt Kỳ Phổ Độ vào thời đại thượng cổ và Nhị Kỳ Phổ Độ vào thời Trung cổ. Sự phân chia này nói lên sự tuần hoàn hết thịnh tới suy, hết suy tới thịnh. Khi nhân loại suy đồi thì tôn giáo có nhiệm vụ phục hưng giáo đạo vì sai lạc bản chất (TN_I, tr.120). Đức Chí Tôn cũng dạy: **«Đạo Thánh của Chúa làm tăng dục vọng của kẻ mạnh đối với người yếu và giúp cho bọn trên hiệp dưới. Phải có một giáo lý mới đủ khả năng kiềm chế nhơn loại trong sự thương sót chúng sanh»** (TN_I, tr.121). về Phật giáo Ngài dạy: **«Từ trước ta giảng sanh lập Phật giáo gần 6.000 năm thì Phật giáo chánh truyền thay đổi. Ta thường nghe chúng sanh nói Phật giả vô ngôn. Nay Ta nhứt định lấy huyền diệu mà giáo đạo, chớ không giảng sanh nữa, đặng chuyển Phật giáo lại cho hoàn toàn»** (TN_I, tr.49)

Nhứt Kỳ Phổ Độ tức là nhứt thiết Long Hoa Thiên khai Tý hội thuộc vào thời Phục Hy bên Trung Quốc. Thời này có các sứ giả Đức Chí Tôn ra đời cứu thế như Đức Nhiên

Đảng, Thái Thượng Lão Quân, Phục Hy (Trung Quốc), Đức Kristna (Ấn Độ), Đức Moise (Ai Cập)...

Nhị Kỳ Phổ Độ tức nhị thiết Long Hoa Thiên khai Sứ hội. Thời này có Đức Lão tử, Khổng Tử (Trung Quốc), Đức Thích Ca (Ấn Độ), Jésus Christ (Trung Đông)...

***Tam Kỳ Phổ Độ** tức tam thiết Long Hoa Thiên khai Dân hội. Chính Đức Chí Tôn giáng điển quang, qui Tam giáo, hiệp Ngũ chi mà giáo đạo không giao chánh giáo cho tay phạm nữa.*

*Danh hiệu **Tam Kỳ Phổ Độ** được dịch là **Troisieme Amnistie de Dieu en Orient**: Ân xá kỳ ba của Đức Chí Tôn ở phương Đông. Từ ngữ phương Đông (Orient) nó lý giải cho từ Tam giáo. Ở phương Đông có 2 nước lớn nhất là Trung Quốc và Ấn Độ, cho nên đặt Lão Tử, Khổng Tử (Trung Quốc) gấp đôi và ngang hàng với Đức Thích Ca (Ấn Độ) là lý đương nhiên. Đây là giới hạn về không gian, nhưng ta nên hiểu là tiếp ngang 3 lãnh tụ Tam giáo còn chấm lửng và muốn thêm bao nhiêu vị khác nữa cũng được (vì cơ lập giáo Đức Cao Thượng Phẩm sớm qua đời). Ba vị giáo lãnh ấy, cũng như các vị giáo lãnh khác chỉ là sứ giả của Đức Cao Đài. Tất cả chỉ là sự thay hình đổi dạng của một nguồn sống mệnh mông chảy dài trên dòng thời gian mà mỗi vị đều có phận sự phải hoàn thành, là thể hiện sự sống một cách đầy đủ nhất, trong những môi trường mà mình có mặt.*

Về ngũ chi phục nhứt (ngoài những điều trình bày ở trước), trong bài thuyết đạo Đức Phạm Hộ Pháp có giải thích: Phật Đạo là lối sống và hành đạo theo Đức Thích Ca (Ấn Độ) Pi-ta-go-lo (Pythagore ở Hy Lạp)... Tiên đạo là lối sống theo Lão Tử, Dương Châu, Mặc Dịch... Thánh đạo là

lối sống theo Jésus Christ (Trung Đông), Mahommed (Á Rập)... Thần đạo là lối sống theo Khương thượng, các nhân vật trong Hy Lạp phong thần, Ai Cập phong thần... Nhơn đạo là lối sống theo Socrate, Platon, Eùsope...

Tam giáo và ngũ chi mà giáo lý Cao Đài qui nhất nhằm mục đích nói lên các tôn giáo đều có cùng một nguồn gốc. Thật ra, đa số các giáo chủ của các tôn giáo đều ở trong trạng thái tinh, nói một cách khác, dạy đạo, phong Thánh đều do chính Đức Cao Đài đảm nhận, các vị giáo lãnh thỉnh thoảng mới xuất hiện, thêm vào đó Lý Thái Bạch, Giáo Tông phân hồn cho các tín đồ là 1 sắc thái riêng biệt. Việc phong tặng đạo hiệu cho tín đồ là nhiệm vụ của Bạch Vận Động mà Thanh Sơn Đạo Sĩ (tức Nguyễn Bình Khiêm, người Việt Nam) chủ trì. Những điều ấy nói lên giáo lý Cao Đài tuy tổng hợp hòa đồng, nhưng có sáng tạo và nắm phần chủ động.

Tóm lại, các Đấng giữ vai trò tích cực trong Đạo Cao Đài không phải là Tiên, Phật cũ mà là những khuôn (chơn?) linh mới: Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu với 9 Cô, Đức Lý Giáo Tông, Thanh Sơn Đạo Sĩ (nội giáo), Nguyệt Tâm Chơn Nhơn tức Victor Hugo (ngoại giáo) và những Thánh, Tiên mới đoạt chánh quả tong Kỳ Ba Phổ Độ. Thật vậy, giáo lý Cao Đài là do các vị Tiên giảng dạy. Nếu các vị giáo chủ xưa giảng cho cũng phải dạy trong kỳ ba này mới có quan điểm phù hợp với nền tâm tôn giáo. Các kinh điển xưa thì Đạo Cao Đài được xem là cựu ước, cựu luật không phù hợp với sự tiến hóa của nhân loại trong thời đại nguyên tử này. Nếu những ai sao chép luật lệ, kinh điển các tôn giáo xưa “nguyên bản” mà cho là giáo lý Cao Đài ở đó, là chưa cần nhắc và chưa quán triệt thần học Cao Đài.

Nếu nói Đạo Cao Đài không đem gì mới mẻ cho nhân loại, sao lại có sự tranh luận. Việc qui Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi, dùng cơ bút để thông linh với cõi vô hình, quan niệm mọi sắc dân trong hoàn vũ là anh em... những chủ đề ấy quả đã làm bận tâm cho nhiều người. Và lại, những thành tựu khoa học, văn hóa ngày nay người ta coi là của chung nhân loại, James Watt, người Anh phát minh ra máy hơi nước, Stéphenon, người Mỹ áp dụng vào xe lửa cho chạy được. Có ai bảo là Stéphenon không sáng tạo. Việc Thiên Chúa giáo lập ra Dương lịch và trong tuần lễ có ngày Chúa nhật, có dân tộc nào trên thế giới không theo mà có ai nghĩ là mình đã theo đạo Thiên Chúa đâu. Thuyết luân hồi của Phật giáo hay của Bà la môn giáo? Chủ nghĩa hiện sinh của Jean Paul Sartre hay đã có từ thời Socrate, Saint Bernard? Trong thế giới hiện nay, có cái gì hoàn toàn mới mà không thừa kế? Xét cho cùng, thuyết luân hồi của Phật giáo rất khác với thuyết luân hồi của Đạo Cao Đài. Thuyết luân hồi của Phật giáo có địa ngục, có qui dữ hành hạ tội nhân. Thuyết chuyển luân của Cao Đài giáo không có địa ngục, cũng không có qui dữ hành hạ “vô địa ngục, vô qui quan” mà chỉ có Trường Đình, nơi tự xét tội phước của mình.

Việc lấy dấu 3 ngôi của Thiên Chúa giáo là Đức Chúa Cha (ở giữa) Đức Chúa con và Thánh Thần. Ba ngôi của Đấng A-Ấ-Ấ dạy là Phật (ở giữa), tức Đức Chí Tôn (Phật trên các Phật) rồi đến Pháp (tức Pháp Thiên) và Tăng là chúng sanh (TN_I, tr.48) hàm ý lấy phép Trời nối liền giữa Thiên và Nhơn. Thật ra, Đạo Cao Đài có tên 3 ngôi riêng là A-Ấ-Ấ nhưng 3 ngôi này quá mới mẻ, xa lạ, gần giống như mang một ký hiệu khoa học. A là ngôi trung hòa, Ấ là ngôi âm, Ấ là ngôi dương tượng trưng cho cả Càn khôn

Vũ trụ, cho bản chất Thượng Đế Đại Thiên Địa và cho cả mỗi con người Tiểu Thiên Địa. Như thế, 3 ngôi của Đạo Cao Đài thể hiện được tính khoa học và tính nhân bản, hợp với **“Thiên nhơn hòa ước”** (Hòa ước ký giữa Người và Trời tại Tịnh Tâm Điện Tòa Thánh) trong kỳ ba đại ân xá này. Trời Người hiệp nhứt: **“Thầy là các con, các con là Thầy”**. Khi ta niệm **“Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát”** là ta hàm ý niệm cả 3 tôn giáo lớn, niệm cả Càn khôn Vũ trụ, cả Phật Tiên Thánh chẳng sợ thiếu chi, niệm nhiều vị là chưa hiểu bản chất của Đức Chí Tôn. Khi niệm tên Thầy, tâm thức của ta hòa với tâm thức Càn Khôn, rung động một nhịp, 1 tần số với đại hồn Vũ trụ, đó là chánh niệm đưa đến cơ bút, niệm danh Thầy tức là niệm danh của hồn ta, ta đánh lễ ta, ta kích động nhắc nhở, thức tỉnh ta để nắm quyền chủ động Tiểu Càn Khôn của ta, nhờ đó mà thần trí ta mở mang phát triển giác ngộ Đạo, đạt chánh quả.

CHƯƠNG II

CHÍNH SÁCH CỘNG HÒA YÊN TĨNH

NHẦM THIẾT LẬP MỘT THẾ GIỚI ĐẠI ĐỒNG, NGOÀI VIỆC TU THEO CON ĐƯỜNG ĐẠI ĐẠO để trở về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống, nơi mà mọi sắc dân thế giới đều đồng đẳng cộng lạc hòa ái vì đã thông suốt nhân loại đều có chung nguồn cội, đều có cùng một đấng Cha chung, Cao Đài còn tạo lập ở thế gian này một cuộc sống dựa trên **CHÍNH SÁCH CỘNG HÒA YÊN TĨNH**, thể hiện bằng lòng từ bi bác ái và lòng chí thành của mỗi người làm cơ bản (TN₂, tr.36.61).

Ta thấy Đức Chí Tôn nhấn mạnh **chánh sách cộng hòa yên tĩnh** này nhiều lần trong Thánh ngôn (TN₂, tr.36.61) nhằm tạo lập một thế giới HÒA BÌNH, DÂN CHỦ, TỰ DO, bằng con đường đạo đức, vì xã hội loài người hình thành do ý chí và đức hóa sanh Cao Đài cứ vào trình độ tiến hóa về đạo đức của vạn vật chứ không phải được xây dựng lên từ vũ khí bạo lực. Đạo Cao Đài thực thi chính sách cộng hòa yên tĩnh bằng 3 tuyên ngữ: bảo sanh, nhơn nghĩa, đại đồng.

1- Dân sanh: Tuyên ngữ bảo sanh có hai mặt: một mặt do lối sống cơm no, áo ấm, mặt khác là bảo vệ tính mạng không để người khác xâm phạm.

Thời kỳ này là đời mặt kiếp, nhân sanh bị vô vàn khổ. Thế nên, các Đấng dạy Hội Thánh phải tìm phương mở rộng các ngành kinh tế để nuôi dưỡng dân sinh. **Bảo Sanh**

*Quản là người đứng đầu để tìm mọi phương kế nâng cao mức sống nhân sanh, cộng tác với ông có **Bảo Công Quân** lo về công nghiệp, **Bảo Nông Quân** lo về canh nông, **Bảo Thương Quân** lo về đặt định giá cả vừa mức tiêu thụ của người dân và quân bình cán cân xuất nhập cảng. Những hoạt động đó nhằm biến đổi bộ mặt xã hội, giúp cho xã hội hoàn toàn có nếp sinh hoạt mới mẻ. Ngoài ra, còn có **Bảo Cố Quân** lo về xã hội^[1] mở mang dưỡng lão viện, Ấu trĩ viện... Con người có ăn, có mặc rồi mới dạy lễ nghĩa được “**phú quý sinh lễ nghi**”. Bồi lễ, Đạo không chỉ lo cho con người, ở kiếp sống trần gian mà phải độ cả kiếp sống trong cõi vô hình, như thế mới gọi là tận độ chúng sanh.*

Mặt khác, giáo lý Cao Đài dạy phải bảo trọng tính mạng, nghĩa là cấm tự tử: “**Sự sống là Thấy mà giết Thấy đầu phải dễ**” (TN2, tr.63). Đạo lý cũng lên án sự chém giết lẫn nhau: “**Vì vạn vật do Đức Từ bi mà sanh hóa trong cả thế giới nên đồng nhất thể. Tính háo sanh của Đức Đại từ bi cũng nhân đó mà vô biên vô giới... Hễ giết một mạng sống thì đau lòng Đức Đại từ bi**” (TN2, tr.88). Lòng thương yêu của Đức Chí Tôn vô tận dù trong Đạo hay ngoài Đạo và ngay cả kẻ thù nữa, nếu họ nguy tại thì cũng phải ra tay cứu vớt (TN2, tr.93) vì “**sự thương yêu là chìa khóa mở cửa Bạch Ngọc Kinh**” (TN2, tr.43).

2- **Dân Đức**: Người theo Đạo thì dạy đạo, người theo Đạo thì lấy cái Đức của người Đạo để cảm hóa chúng sanh. Đức Chí Tôn dạy: “**Các con thương mến nhau, chia vui sốt nhục nhau, ấy là các con hiến cho Thấy sự vui vẻ đó**” (TN1, tr.90), còn “**Bác ái là lòng thương xót sanh linh hơn thân mình, cho nên kẻ có lòng bác ái coi mình nhẹ**”

[1] NGUYỄN ĐĂNG THỰC, «Đi tìm luật căn bản triết học Cao Đài» Sài gòn nhân sinh số 7, tr.6, 1964.

***bon mây lông, mà coi thiên hạ trong bằng trời đất...
Còn chỉ thành là mỗi việc lấy lòng thành thật mà đối
đãi nhau” (TN₂, tr.45)***

Do đó, con người cần phải tránh những điều tổn Đức, tàn ác. Đạo Cao Đài coi trọng đạo đức, nếu có tài mà thiếu đức thì chỉ dùng bạo tàn để đàn áp nhân sanh, đó là mầm móng tạo loạn.

*Lấy Thánh Đức diu đời giác ngộ
Dùng bạo tàn đâu phải chỗ an bang*

Hoặc:

*Đức lập quyền dân đặng chu toàn
Đời xưa đức nhân gian thống khổ.*

Lấy chỉ nhân thay cường bạo, lấy đạo nghĩa thắng hung tàn^[2] trong lịch sử Việt Nam, đã dẫn tới nhiều thành công tốt đẹp. Hai chữ nhân nghĩa (trước mặt tiền Tòa Thánh) có ý nghĩa hết sức rộng lớn. Cả bộ sách 7 quyển của Thầy Mạnh Tử cũng chỉ có 2 chữ nhân nghĩa. Tấm lòng con người đối với người là lòng nhân ái. Tấm lòng con người đối với hết thảy mọi chúng sinh là lòng bác ái, dẫn tới tình từ bi, hỉ xả. Chữ nhân thể hiện bằng tình thương thì chữ nghĩa thể hiện bằng cách cư xử, nghĩa đồng bào, nghĩa nhân loại. Chữ nghĩa dẫn con người đến lòng hiếu để đối với mẹ cha, anh em. Con người đối với nhau thiếu lễ nghĩa thì xã hội đó sắp loạn lạc, sắp suy tàn. Lễ nghĩa làm cho con người gần bó với nhau, thương mến nhau, thiện cảm nhau, từ đó mới linh thông dẫn tới đại đồng nhân loại.

Tóm lại, nhân nghĩa là mục tiêu của chính sách hòa bình yên tĩnh, thực hiện trọn vẹn sẽ góp một phần lớn vào

[2] NGUYỄN TRÁI, Bình Ngô đại cáo, in trong VN sử lược.

giáo thuyết đại đồng nhân loại.

3- Dân hòa: Khi cuộc sống được đảm bảo, con người mới lo trau dồi nhân phẩm đạo đức mình. Tuy nhiên, dân nhân chưa được hòa hảo, cần phải sinh hoạt về mặt chính trị đất nước. Như thế, Đạo Đời mới tương đắc.

Theo Nguyễn Đăng Thục, Đạo Đời tương đắc ngày xưa là trong cái đình, ngày nay là trong Thánh Thất Cao Đài, chớ không phải cái chùa (Đạo Phật), cái miếu Văn Thánh (Đạo Nho), cái am (Đạo Lão), cái nhà thờ (Thiên Chúa Giáo)

Ta xác định rõ là tại hậu diện các Thánh Thất là nơi bàn việc Đạo, và quốc kế dân sinh, chính trị hiểu theo nghĩa hẹp, chớ không phải chính trị Đảng phái, mục đích là để điều đời:

Đời lẩn Đạo, Đời xa cội phúc
Đạo dìu Đời vận nước mới an

Đức Hộ Pháp đã ví Đạo như nước, Đời như thuyền. Nếu nước trong sạch, không nhiều cặn bã thì thuyền đi nhanh, khi nước dâng lên thì thuyền lên, khi nước nổi ba đào có thể nhận chìm thuyền, chớ thuyền không thể làm nước cạn được. Nói một cách khác, khi Đạo chính nghiêng thì con người xa Đạo. Đó là hiện tượng ai tai cho nhân loại.

Như thế, muốn nhân loại đại đồng, người Cao Đài phải nhập thế, xả thân giúp đời, không đóng kín cửa tu riêng. Mỗi tín đồ phải tác động, cảm hóa được ít nhất 12 người theo lẽ phải đạo đức. Khi con người có cuộc sống được đảm bảo, nhân nghĩa đạo đức đầy đủ thì xã hội an cư lạc nghiệp. Nếu mỗi nước đều được như vậy thì thế giới hòa bình, nhân loại sẽ tiến tới nước đại đồng.

Muốn đạt đến thế giới đại đồng, theo giáo lý Cao Đài, phải đủ 3 điều kiện: **Hòa Bình, Dân Chủ, Tự Do** như câu liêng ở các cửa Thánh Thất.

**Cao thượng CHÍ TÔN Đại Đạo HÒA BÌNH, DÂN CHỦ mục,
Đài tiền sùng bái Tam kỳ cộng hưởng TỰ DO quyền.**

Đây coi như bản tuyên ngôn về mặt đời, câu liêng hướng ra mặt ngoài Thánh Thất của Đạo Cao Đài, xác định rõ là trong kỳ ba phổ độ này, Đức Chí Tôn tụy lập Đạo ở nước thuộc địa Pháp, nhưng Ngài sẽ chuyển cho nước ấy được hòa bình, dân chủ. Ngài mở Đạo nơi nào ách nước nơi ấy hầu mãi, (TN2, tr.14), bằng cách gieo những tư tưởng tiến bộ mà ta đã liệu dẫn trước, hoặc tác động đến nhà cầm quyền buộc họ phải thay đổi chánh sách cai trị, hoặc thức tỉnh dân nước đứng lên cỡi ách nô lệ. Nói một cách khác, Đạo Cao Đài là trung tâm cải cách kinh tế văn hóa xã hội tiến bộ, không có tham vọng phục quốc hay tranh lấy chính quyền. Câu liêng trên có tác dụng như một hải đăng đi đường, một tiên tri mặc khải, chứ không tiêu biểu cho một tham vọng chính trị nào. Sở dĩ chúng ta tôn trọng câu liêng đó vì lời tiên tri của Đức Cao Đài quá chính xác, quá đúng nên người tín đồ Cao Đài qua đó cũng mong mỏi được quyền tự do dân chủ, để truyền bá tôn giáo mình.

- NGUYỄN ĐĂNG THỰC, «**Đi tìm luật căn bản triết học Cao Đài**» Sài gòn nhân sinh số 7, tr.6, 1964.

Người nào cũng hiểu rằng hòa bình dân chủ không phải tự nó đến mà phải có tác động của con người. Thế nên, năm 1956, Đức Phạm Hộ Pháp đưa ra **Chính Sách Hòa Bình Chung Sống** gửi cho hầu hết các nước trên thế giới. Cương lĩnh nêu rõ hòa bình rồi mới chung sống đồng đẳng.

Dù nhược tiểu hay cường quốc, không ai được xâm lấn ai vì ai cũng cần sống và đều là con cái Đức Chí Tôn.

Có người nghi ngờ xã hội Cao Đài không phải là một xã hội dân chủ vì trọng kinh Xuân Thu của Khổng Giáo Tôn quân. Thật ra Đạo Cao Đài không chủ trương một xã hội phóng khoáng kiểu phương Tây mà một xã hội dân chủ huyền nhiệm: “Ý Dân là ý Trời” hay dân chủ tập trung tức là trọng trí thức toàn thể nhân sanh. Đức tin chung của nhân sanh trụ thành khối nguyên vọng chung đó. Thế nên, mới gọi ý Dân là ý Trời, nghĩa là Đức Chí Tôn là người phán quyết cuối cùng, nhưng phán quyết ấy không bao giờ ngược lại lòng dân. Đó không phải hình thức dân chủ huyền nhiệm cao độ sao?

*Vả lại, Đạo Cao Đài dù chọn Kinh Xuân thu làm bửu pháp, thế cũng chỉ chọn cái triết lý tiêu biểu: “**chính danh, định phận**”. Hơn nữa, Khổng giáo lấy dân chúng làm căn bản, xem dân chúng là nguồn trí tuệ cao cả nhất. Chính trị Khổng giáo quan niệm kẻ cùng đinh và người cai trị trên nguyên tắc đều bình đẳng. Điều này đã được chứng minh trong thời đại hoàng kim của Khổng giáo: Thời vua Nghiêu, vua Thuấn. Một chính phủ lý tưởng, theo Nho giáo, phải là chính phủ vì dân, mặc dù hình thức quân chủ hay dân chủ^[3]. Nói một cách khác, chính thể không quan trọng bằng người lãnh đạo. Anh quốc và Nhật Bản chẳng hạn, tuy chế độ quân chủ nhưng người dân được hưởng nhiều quyền tự do dân chủ.*

Sau khi chuẩn bị đầy đủ về tinh thần (đạo đức), vật chất (bảo sanh), Đạo Đài tương đắc (dân hòa) và lý tưởng

[3] TRẦN QUANG THUẬN, **Tư Tưởng Chính Trị Trong Triết Học Khổng Giáo**, Sài gòn, Thư lâm ấn quán 1961, tr.174

*thế giới đại đồng, người tín đồ Cao Đài có điều kiện nhập thế để truyền bá tư tưởng của tôn giáo mình. Giáo lý Cao Đài không chủ trương giành chính quyền mà nhiệm vụ chính yếu là nâng cao sự an sinh xã hội, gây ý thức cho mọi người có tư tưởng hòa bình, dân chủ, tự do hầu giúp cho đất nước mà họ đang sống có một bộ mặt mới tiến bộ. Chủ thuyết Đạo Đồi tương đắc là Đạo ở trong lòng Đồi, Đồi phải nương nhờ Đạo. Nói một cách khác, **Đạo có nhiệm vụ giúp Đồi đạt những mục đích hòa bình, dân chủ, tự do mà không nhằm nắm lấy chính quyền.***

*Nợ nước hai vai nặng gánh gồng,
Thần dân nhiệm vụ phải lo xong.*

■ (KL, tr.136)

*Như thế, **chính sách cộng hòa yên tĩnh** là phương tiện để xây dựng một thế giới đại đồng. Nó có tác dụng như những lời khuyên đạo đức, những lời Thánh dạy. Nó có thành tựu hay không là tùy thuộc vào sự giác ngộ của nhân loại và sự truyền bá Đạo Cao Đài trên thế giới.*

CHƯƠNG III

ĐẠO CAO ĐÀI, MỘT TÔN GIÁO HOÀN CẦU

NGAY TỪ NHỮNG BUỔI ĐẦU KHAI ĐẠO, KHÔNG những người Pháp ở Sài Gòn hoặc ở Pnompenh theo Đạo Cao Đài mà ngay cả trí thức tại nước Pháp và nhiều nơi khác cũng xin theo Đạo, hoặc xin tìm hiểu giáo lý của nền tôn giáo. Ông Henri Regnault đại diện Cao Đài giáo tại Pháp quốc, Phó chủ tịch ủy ban quốc tế của hội nghị thần linh học thế giới (M. Henri Regnault, Vice – Président de l’union Spirite Française, Président du Comité Français du Conseil spirite mondial, trésorier-adjoint du conseil supérieur du C.S.M., délégué Caodaïsme) là một trong những người trí thức Pháp nhiệt tình nhất có nhận xét tinh tế khách quan về Đạo Cao Đài. Trong Hội nghị thần linh học thế giới năm 1952, trong bản phúc trình ông đã xác nhận rằng Đạo Cao Đài là một tôn giáo hoàn cầu, phù hợp với khoa học và triết học. Sau đây, chúng tôi xin dịch nguyên bản phúc trình đó.

1- Đạo Cao Đài, tôn giáo hoàn cầu

Năm vừa qua tôi (tức H. Regnault) đã có dịp điều trần ở hội nghị Bruxelles (Bỉ, 1951)^[1] rằng Cao Đài giáo có thể có một trách vụ quan trọng trong công việc thực hiện một nền tôn giáo hoàn cầu.

Tôi căn cứ vào những đề mục mà những người tổ chức

[1] Những chữ trong dấu ngoặc trong bản phúc trình này là chú thích của người viết.

hội nghị Luân đôn đã nêu ra để khảo cứu xem một tôn giáo như Cao Đài giáo xây dựng căn bản Thần linh học, có thể giúp ta hiểu ra thêm việc thống hợp tôn giáo, triết lý, khoa học, tâm lý học và nghệ thuật hay không?

Từ cuộc Hội nghị Lausanne (Thụy Sĩ 1948) đến nay, năm nào tôi cũng có cơ hội để làm cho quý vị hội viên phải lưu tâm đến Đạo Cao Đài. Đạo Cao Đài có một thái độ rộng rãi đối với những tôn giáo khác, tôn trọng tín ngưỡng của mọi người cũng như chơn lý nguồn cội ở Đức Chí Tôn vô biên, vô tận, vô thường, vô danh, vô đối.

Nếu ta phải tổng hợp tôn giáo khoa học, triết học, tâm lý học nghệ thuật để tìm hiểu Thần linh thì tôi cho Cao Đài giáo có thể rất có ích cho chúng ta để đạt tới mục đích ấy.

2- Đạo Cao Đài với tôn giáo khác

Là một tôn giáo, Đạo Cao Đài liên hợp hết thảy các tôn giáo sau đây.

Trong Hội nghị Thần linh thế giới, các chi ngành thần linh học đều có cử đại biểu. Tuy không có người Cao Đài nào dự để thấy rằng chỉ có Cao Đài giáo khả dĩ thực hiện được việc tổng hợp mà đại hội thường niên 1952 theo đuổi. Nhưng người tín đồ Cao Đài nào cũng biết rằng Đạo Cao Đài chung góp một phần quan trọng vào việc thực hiện mục đích đó.

3- Đạo Cao Đài với khoa học và triết học:

Đạo Cao Đài căn cứ vào Thần linh học^[2] mà thần linh học là một khoa học và một triết lý. Năm 1950, trong một buổi họp của Hội nghị Haywards Henth, tôi đã có dịp định nghĩa rõ ràng thế nào là thần linh học, một khoa học không nên lầm lẫn với mê tín quàng xiềng.

Thần linh học làm cho ta thấy chắc chắn rằng Linh hồn có thực, tuy xác chết mà hồn vẫn còn và giữa người sống và người chết vẫn còn giao cảm được.

4- Đạo Cao Đài và tâm lý học

Đạo Cao Đài có những liên quan mật thiết với tâm lý học. Đức Thượng Đế đã giáng trần khai đạo, nhưng Ngài không đụng chạm đến các tôn giáo hiện hữu.

Người tín đồ Cao Đài cung kính cầu nguyện những vị Thần Thánh, Tiên Phật đã giáng trần để cứu vớt nhơn sanh. Họ không quên một vị nào mà họ thờ tất cả từ Phật Thích Ca, Chúa Jésus, Đức Khổng Tử đến các vị Tiên Phật thời thượng cổ, Thần Thánh, Châu Âu, Châu Á...

Người có đức tin như người không đức tin đều có thể vào trong Thánh Thất Cao Đài để trầm tư mặc cảm và cầu nguyện theo sở vọng. Đó chẳng phải là một lý thuyết tâm lý sâu xa hay sao? Cái đó chẳng có gì lạ. Vì Đạo Cao Đài nguồn gốc là ở chỗ siêu trần mà lại là sự nghiệp của nhơn sanh.

Căn nguyên của Đạo Cao Đài là ở đó, là ở chỗ truyền

[2] Ở đây tác giả muốn nói Đạo Cao Đài công nhận có Linh hồn mà tiếp diễn bằng cách thông linh (Théophile) chứ không phải Đạo Cao Đài từ TTL mà ra.

đạt nghĩa hòa bình, lòng nhân đức, tình tương thân, tương ái và lý Đại đồng.

5- Đạo Cao Đài và nghệ thuật

Những vị hội viên có mặt tại Hội nghị Bruxelles (Bỉ 1951) đã nhận được cuốn sách nhỏ trong đó có in bản phác trình của tôi (H.Regnault), trong sách đó có nhiều hình vẽ, những vị nào có dự hội nghị Assise, Hayward, Henth, Bruxelles thì đã nhận được cuốn di bút của ông G. Gobron nói về lịch sử và giáo lý Đạo Cao Đài. Cuốn sách đó có nhiều tranh ảnh. Cái đó tất đã thấy rằng trong nền tôn giáo này, nghệ thuật đã có một địa vị rất quan trọng.

Kiến trúc trong ngoài Tòa Thánh là một mỹ thuật đáng được chú ý đặc biệt: Khi trông ngắm Tòa Thánh Tây Ninh, mặt trước đền, mặt bên và trong đền những tượng Phật Thích Ca, Jésus, Lão Tử và thiên bàn thờ Đức Chí Tôn, toát lên một nghệ thuật độc đáo.

Như thế, dưới sự nghiên cứu và lối nhìn một cách khoa học, nhà học giả H.Regnault từ lâu đã xác nhận Đạo Cao Đài là một tôn giáo toàn cầu.

CHƯƠNG IV

HỘI THÁNH NGOẠI GIÁO

DỂ PHỔ THÔNG NỀN CHƠN ĐẠO RA NƯỚC NGOÀI, một số trí thức Cao Đài nghĩ đến phương tiện báo chí. Trong giai đoạn đầu chỉ xem một ít bài vào báo hàng ngày như tờ *Eùcho Annamite* (1920–1940) của Nguyễn Phan Long (đặc phong Giáo sư). Năm 1928 Nguyễn Thế Phương chủ trương tờ *L'Action Indochine* ở Sài Gòn, cơ quan ngôn luận chuyên biệt phổ biến giáo lý và nghi thức tu học theo Đạo Cao Đài, khuyên răn mọi tín đồ phải sống liêm khiết, đơn giản, giữ thể xác, tinh thần và đạo đức cho trong sạch.

Tháng 7–1930 ông Nguyễn Văn Ca (đặc phong Phối Sư) sáng lập tờ *Revue Caodaïste* do Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu làm chủ bút, báo quán đặt tại Thánh Thất Cầu Kho (nay ở đường Nguyễn Cư Trinh, Sài Gòn). Tạp chí này xuất bản mỗi tháng một lần toàn bằng Pháp ngữ để phổ thông nền chơn giáo.

Việc truyền đạo bằng báo chí có kết quả nhất định, nếu lồng vào báo thương mại thì bị chìm trong bể tin tức, nếu làm báo chuyên nghiệp thì bị thiếu tài chánh để sinh tồn. Trong lời phi lộ, tờ số 1, xuất bản tháng 7–1930 có viết: *“Tờ lâu Đạo Cao Đài dự định cho một tờ báo hoặc bằng Tiếng Việt hoặc bằng tiếng Pháp để trình bày tôn chỉ của mình và bênh vực quyền tự do tín ngưỡng. Vì thiếu cơ quan ngôn luận như thế mà 1 số người lưu ý đến vấn đề tôn giáo không khỏi thắc mắc, có thể gây những điều xuyên tạc*

bịa đặt, khăn khăn phán cho Đạo Cao Đài một mục đích khác, không phải của Đạo”.

Tờ tạp chí mà chúng tôi cấp miễn cho các độc giả phương Tây cũng như Việt Nam sẽ trả lời cho hai nhu cầu thiết yếu:

1. Chỉ rõ Đạo Cao Đài dưới nét thực của nó.
2. Phá tan được chùng nào hay chùng nấy bầu không khí khinh khi và ngờ vực bao trùm Đạo Cao Đài từ trước tới nay.

(Depuis longtemps, le Caodaisme devait publier un organe rédigé soit en Annamite, soit en français pour l'exposé de la doctrine et la défense de sa foi. Hrésulte de l'absence d'organe... questions religieuses et d'exposé de ce fait à des insinuations, voire à des accusations qui s'obstinent à lui prêter un autre but que celui qu'il poursuit véritablement.

La Revue que nous présentons aujourd'hui, tant au public européen qu'aux Annamites de culture française répond donc à un double besoin:

1- Montrer le Caodaisme sous son vrai jour

2- Dissiper autant que faire se peut, l'atmosphère de méfiance et de suspicion dont il est jusqu'ici détrempé.)

Căn cứ theo địa chỉ gửi báo thì tờ báo này được lưu hành hầu hết trên thế giới như Châu Âu (Pháp, Đức, Ý, Anh, Thụy Sĩ...) Châu Mỹ (Hoa Kỳ, Canada) và Châu Phi.

Nhờ đó, mà ở Đức lúc bấy giờ có đạo Eglise Gnostique d'Allemagne đã viết thư qua Việt Nam xin hiệp nhưt với Đạo Cao Đài.

Nhiều báo bằng tiếng Pháp trích đăng bài của tờ LaRevue Caodaisme như Saigon Dimanche, xuất bản ngày 16/10/1932 đã viết: *“Trong những bài báo những buổi diễn thuyết các nhà lãnh đạo Cao Đài dự định thiết lập Thánh Thất Cao Đài để hoạt động với một số tín hữu, Châu Âu... các nhà truyền giáo Đạo Cao Đài sẽ mở rộng hoạt động của mình ra khắp thế giới.*

Báo La Presse Indochinoise ra ngày 23/10/1932 viết về Đạo Cao Đài như sau: *“Đạo Cao Đài có thể đảm bảo sự thành công của mình trong các vùng Germanie và những vùng Hồi giáo.... Và Đạo Cao Đài đã chậm rãi đi tới. Rồi đây, họ sẽ đi đến thủ đô Paris dựng lên Thánh Thất Cao Đài”.*

Không những báo chí ở Đông Dương cổ vũ cho Đạo Cao Đài mà ngay cả trên đất Pháp cũng rất sôi nổi. Tờ La libre Opinion ra ngày 8/11/1931 viết: *“Trong lúc toàn thế giới đang lan tràn một làn sóng thù hằn, thì ở phương Đông xa xăm, ai biết Đạo Cao Đài lại ra đời đúng lúc”.*

Báo Progrès Gvique ra ngày 19/12/1931 cũng viết: *“Người ta không thể chối cãi rằng Đạo Cao Đài làm sống lại cái quyền hạn tối thiêng liêng của tất cả mọi người, những tư tưởng của họ rất quăng đại, không những vô hạn mà rất nhân từ”.*

Những báo chí buổi đầu đã góp phần quan trọng trong việc làm sáng tỏ tôn chỉ, mục đích của nền tôn giáo.

Ngay năm sau khi Khai Đạo ở Gò Kén vào trung tuần tháng 5-1927, cơ quan truyền giáo ra nước ngoài tức Hội Thánh Ngoại Giáo (Mission étrangère) đặt trụ sở tại đường Lanlande Lalan (Phnom Pênh). Đây là phần

chuyển pháp Thiên liêng tích cực nhất trong việc truyền bá bằng báo chí.

Hội Thánh ngoại giáo dưới sự chỉ đạo của Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn tức đại văn hào nước Pháp Victor Hugo và dưới sự bảo hộ hữu hình của Đức Phạm Hộ Pháp. Vào đêm 20/3/1932 tại Thánh Thất Kiêm Biên, Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn dạy: *“Bản đạo khi đắc lệnh làm chương đạo lập Hội Thánh ngoại giáo, giáo đạo tha phương, thì tùy lòng bác ái của Đức Chí Tôn, mở rộng cửa thế cho nhơn sanh đáng công đổi vị. Bản đạo chẳng kể nguyên nhân, hóa nhân hay qui nhân, hề biết lập công thì thành Đạo”*.^[1]

Hội Thánh ngoại giáo vừa tròn một năm, số tín đồ tăng lên mười ngàn người. Trong đó, nhiều vị được thăng cấp chủ trưởng Hội Thánh ngoại giáo như Giáo sư Thượng Bầy Thanh (1927–1937), Cao Tiếp Đạo, Giáo sư Hương Phụng, Giáo sư Thượng Chử Thanh. Về sau có hai vị được bổ từ Tòa Thánh Tây Ninh. Tại Tòa Thánh Tây Ninh cũng có thiết lập một tòa Hội Thánh Ngoại Giáo (còn gọi nhà Vạn Linh) đối diện với Đầu Sư Đường.

1– Truyền Đạo tại Campuchia^[2]:

Ngay từ ngày mới lập Đạo, người Khmer từ xứ Campuchia không quản ngại xa xôi đã đến cầu Đạo tại Tòa Thánh Tây Ninh và ở lại làm công quả. Họ mang theo cả gạo, thức ăn, khi nào hết lương thực mới trở về xứ.

[1] Xin xem Les messages Spirites (Thánh giáo dạy đạo nước ngoài) Tây Ninh 1962

[2] Xem thêm: P.BERNADINI, Le Caodaïsme au Cambodge (tiến sĩ đệ tam cấp). Đại học Paris VII, 1974, 451 tr

Ngày 2/6/1927, số tuần cảnh Pháp báo cáo với nhà đương cuộc là có 5.000 người Khmer đến lễ bái trước chánh điện Tòa Thánh Tây Ninh và trước pho tượng Đức Phật Thích Ca cưỡi ngựa tằm Đạo trong Đại Đồng Xã. Khi số người tăng lên 30 ngàn thì Bộ trưởng tôn giáo ra thông tư ngày 23/5/1927 trong có khoản như sau: «*Giáo lý nhà Phật mà dân Khmer đã thấm nhuần đang dẫn đến chơn thiện và liêm khiết. Ngoài ra không một tôn giáo phái nào khác đến choán chỗ trên các địa phương của ta*».

Tháng sau, các sư sãi Campuchia được chỉ thị rõ ràng là họ có bốn phận đẩy lui giáo lý Cao Đài trái nghịch Hiến pháp vương quốc, trái với những điều giới răn Phật Tổ và các tác phong của hàng Phật tử.

Đến ngày 22-12-1927, sắc lệnh của vua Campuchia lên án Đạo Cao Đài và định hình phạt đối với người Cao Miên nào nhập môn theo Đạo Cao Đài. Viện lẽ rằng, theo điều 15 của Hòa ước bảo hộ (11-8-1963) và những sắc lệnh của nhà vua (ngày 21-11-1903) ngày 6-8-1919 và 31-12-1925). Thêm vào các điều 149, 213 và 214 của bộ luật Campuchia thì chỉ có Phật giáo và Thiên Chúa giáo mới được hành lễ tự do tại xứ Campuchia mà thôi.

Vì lẽ đó, người Khmer bớt theo Đạo. Các vị chức sắc bèn chú trọng đến Việt kiều và Hoa kiều mà việc truyền Đạo không bị gián đoạn. Để an lòng chính quyền bảo hộ Pháp, các vị chức sắc và đạo hữu Cao Đài đã làm tờ cam kết như sau:

“Chúng tôi đồng ký tên dưới đây, chức sắc và thiện nam tín nữ cư trú tại xứ Cao Miên đồng ý với nhau cam kết với chính quyền Pháp và chính phủ Cao Miên rằng: Chúng tôi nguyện sinh hoạt theo đời sống đạo đức thuần túy, trọn

tuân luật pháp chọn truyền Đại Đạo Cao Đài với tôn chỉ qui nguyên Tam giáo, hiệp nhứt Ngũ chi, hầu đem nhơn loại đến đại đồng đặng hưởng hòa bình hạnh phúc. Chúng tôi xin cam kết với chính phủ là không bao giờ làm rối rắm cuộc trị an. Nếu chúng tôi thất hứa thì cam chịu tội tử hình”.

Dù vậy, vẫn bị công an theo dõi nên việc truyền giáo hết sức thận trọng khéo léo, bằng cách thiết đàn tại tư gia và truyền bá giáo lý đạo trong các dịp quan, hôn, tang, tế.

Về sau, Khâm sứ bảo hộ Vương quốc Campuchia thương lượng với Thống đốc Nam Kỳ và nhà vua, cả ba đồng thỏa thuận khoan hồng cho Đạo Cao Đài hành giáo nơi đất Campuchia nhưng không được truyền đạo và không được cất thêm Thánh Thất.

Đức Quyền Giáo Tông nhân cơ hội đó, ban bố sự tự do tín ngưỡng cho các tín hữu và thông báo với các chánh tham biện, chủ tỉnh các nơi để tường. Giáo sư Thượng Bảy Thanh bắt đầu vận động cất một Thánh Thất lớn để làm cơ sở của trung tâm truyền giáo tại xứ Chùa Tháp. Số người theo đạo tăng lên, các hương chức giúp đỡ phương tiện. Vì thế, chính phủ bảo hộ lại bãi bỏ chính sách khoan hồng, bắt buộc phải thi hành những điều ngăn cấm của Vương quốc.

Ngày 4-7-1930, Khâm sứ bảo hộ Pháp chỉ thị cho các chủ tỉnh là thủ tiêu cho đến khi có lệnh mới những biện pháp khoan hồng mà chính phủ và hoàng gia Campuchia đã ban cho Đạo Cao Đài từ trước. Như vậy, kể từ đó trở đi, bất luận các tổ chức lễ bái dưới hình thức nào đều bị ngăn cấm. Ai không tuân hành phải trục xuất ra khỏi xứ Campuchia.

Hậu quả của chỉ thị này là các vụ bắt bớ đạo hữu, đập phá nơi thờ phượng. Các buổi hành lễ dù có xin phép vẫn bị đàn áp. Giáo sư Thượng Bẩy Thanh, chủ trường cơ quan truyền giáo đệ đơn xin phép cúng Rằm tại Thánh Thất (8-9-1930) nhưng vẫn bị ngăn cấm và bị bắt câu lưu. Sau hai ngày bị giam ông mới được giấy thông báo nhà cầm quyền bác đơn xin phép.

Trải bao cơn sóng gió, chức sắc truyền giáo vẫn một lòng kiên trì gieo truyền mối Đạo. Vững lòng hơn nhờ nhiều người Pháp như luật sư Jacob và Lascaux, nhất là các nhà văn Gabriel Gobron giúp đỡ can thiệp với Hội Nhân Quyền và các yếu nhân chính trị tại nước Pháp.

Ngày 3-9-1931 tờ la Grippe số 36 và các số kế tiếp bêu xấu thái độ của viên Khâm Sứ Campuchia là đe dọa ông Lê Văn Bẩy bằng câu «*Không có vấn đề đối xử hòa bình với người Đạo Cao Đài*» và thẳng tay lên án các viên chức thuộc địa. Tờ báo này còn đả kích việc thành lập tổ chức «*Kiểm Biên Phật Giáo Nghiên Cứu Viện*» do nghị định ngày 25-1-1930 của toàn quyền Pierre Pasquier^[3] có mục đích phổ biến Phật giáo tiểu thừa trong khắp xứ Ai Lao và Campuchia. Báo này tố ngay là P. Pasquier có tham vọng làm giáo chủ Phật giáo để chống lại Giáo Tông Lê Văn Trung người đang cầm quyền Đạo Cao Đài.

Do sự can thiệp của toàn quyền P. Pasquier, người Campuchia không nhập môn theo Đạo nữa, chỉ còn Hoa kiều và Việt kiều mà thôi. Đến năm 1951, Hội Thánh Ngoại Giáo lập bộ đạo thì con số tín đồ là 73.167 người, chỉ có 8.210 người Khmer, còn lại là Hoa kiều và Việt Kiều. Đến

[3] Toàn quyền P. Pasquier cấm đạo, xem TRẦN VĂN RẠNG, Đại Đại Sử cương (quyển II). Tây Ninh 1971, tr. 44-45

năm 1956, Đức Hộ Pháp lưu vong sang Campuchia việc truyền giáo được tiếp tục.

2- Truyền giáo tại Trung Hoa

Năm 1937, ông Lê Văn Bảy được bổ đi truyền giáo tại Trung Hoa. Ông đến tỉnh Vân Nam và lập văn phòng tại Vân Nam phủ. Ông chỉ hành đạo ở đây có một năm rồi trở về Tòa Thánh.

Năm 1948, Đức Phạm Hộ Pháp có sang Hương cảng và đặt một số cơ sở ở đây. Cũng nên thêm rằng Hiền tài Mã Nguyên Lương, người Trung Hoa, tướng của quân đội Quốc Dân Đảng sống lưu vong sau khi Mao Trạch Đông nắm chính quyền ở Hoa lục. Ông ở tại ngoại ô Tòa Thánh, đã dịch xong Pháp Chánh Truyền và có ý định sẽ trở lại Trung Quốc truyền Đạo. Chẳng may, tuổi già sức yếu, ông mất 1972.

3- Truyền giáo tại nước Pháp

Năm 1931, chính phủ bảo hộ tại Campuchia phái ông Trần Hiến Trung sang Paris công tác. Nhân đó, ông có dịp tiếp xúc và gây thiện cảm với nhiều chính khách như các tổng trưởng Albert Sanaut, Marius Moutet, các tổng thư ký Henri Guernut, Emile Kahn, Hội nhân quyền, nhất là vợ chồng nhà văn Gabriel Gobron. Ông G. Gobron sau đắc vị Tiếp Dẫn Đạo Nhơn. Nhờ vậy, các vụ rắc rối ở Nam Kỳ và Vương Quốc Campuchia được giải quyết ổn thỏa.

Năm 1954, Đức Phạm Hộ Pháp có sang Pháp (thuyết

lượng về chánh tinh VN?) và viếng mộ phần đại văn hào Victor Hugo tức Đức Nguyệt Tâm chôn nhơn tại điện Panthéon. Năm trước, Hội Thánh đã ban cho Lễ sanh Thượng Minh Thanh ở tại Balè chức chủ trưởng “*Hải ngoại Cao Đài truyền giáo hội*”.

Báo Pháp cũng ca ngợi Đạo Cao Đài có lý tưởng hợp nhất các tôn giáo để đem lại hòa bình trên thế giới.

Tiếp dẫn Đạo chơn nhơn Gabriel Gobron đã đại diện Hội Thánh tham dự các Hội nghị sau:

- Hội nghị quốc tế về thần học tại Barcelone (Tây Ban Nha) năm 1934.
- Hội nghị quốc tế về Tân giáo tại Luân Đôn (Anh quốc) năm 1936.
- Hội nghị quốc tế về Thần học tại Glasgour (Anh quốc) năm 1937.
- Hội nghị quốc tế về tôn giáo tại Paris (Pháp) năm 1939.

Sau đó, ông qua đời, ông Henri Regnault đại diện Cao Đài giáo tại Pháp quốc thay mặt Hội Thánh Cao Đài dự các hội nghị sau:

- Hội nghị quốc tế về Thần học tại lausanne (Thụy Sĩ) năm 1948.
 - Hội nghị quốc tế về Thần học ở Haywards Henth năm 1950.
 - Hội nghị quốc tế về tôn giáo ở Stockholm (Thụy Điển) năm 1951.
 - Hội nghị quốc tế tôn giáo ở Bruxelles (Bi) năm 1951.
- Trong Hội nghị ở Bruxelles được báo chí ghi nhận:

Đạo Cao Đài có thái độ rất khoan hòa rộng rãi đối với các tôn giáo khác, tôn trọng tín ngưỡng của mọi người, cũng như tôn trọng chơn lý mà nguồn gốc từ Đức Chí Tôn vô biên, vô tận, tối cao tối thượng. Nếu ta tổng hợp tôn giáo với khoa học, triết học, tâm lý học và nghệ thuật để tiêu biểu các thần linh thì Đạo Cao Đài có khả năng giúp chúng ta đến mục tiêu đó.

4- Truyền giáo tại Nhật Bản

Năm 1935 ông Isao Deguchi, giáo chủ Đạo Đại Bản Nhật có liên lạc với Đầu sư Thái Thơ Thanh tìm hiểu về Đạo Cao Đài.

Năm 1954, Đức Phạm Hộ Pháp sang Nhật rước tro Kỳ Ngoại Hầu Cường Để và truyền Đạo, có phong cho ông Naga-Fuchi người Nhật, Lễ Sanh phái Thái. Năm 1972, Đạo Đại Bản Nhật mời Hội Thánh Cao Đài sang Nhật thuyết giáo về Đạo Cao Đài, sau đó một phái đoàn Đạo Đại Bản có sang tìm hiểu đạo lý tại Tòa Thánh Tây Ninh.

Năm 1955, Hội nghị tôn giáo ở Atamis (Nhật), một giáo sĩ Nhật phát biểu: *“Tôn giáo từ xưa đến nay, mắc ba chứng bệnh trầm kha là tự tôn tự đại, tự mãn tự túc và độc thiên kỳ thân, không chịu tham gia các cuộc hội thảo chung. Nếu không sớm sửa chữa, sẽ suy yếu và tự diệt. Thế giới đang mắc phải đám cháy to lớn, nếu tôn giáo cứ tiếp tục hoạt động riêng rẽ thì chỉ là 1 gáo nước, còn hợp lại sẽ trở thành một khối nước khổng lồ để cứu nhơn sanh và chúng ta khuyến Cao Đài giáo tiếp tục sứ mạng của họ.”*

5- Truyền Đạo tại các nước khác

Ở Thái Lan, Ai Lao, Ấn Độ và nhiều nơi khác đều có truyền đạo nhưng thiếu nuôi dưỡng hoặc ảnh hưởng hoàn cảnh bên ngoài nên không bành trướng được.

Chẳng hạn, vào những năm 1936, 1937, nhà thần bí triết học Đức có liên lạc thư từ với Tòa Thánh Tây Ninh, xin tài liệu về Đạo Cao Đài để tham khảo. Hậu quả của việc đó là năm 1940-1941 Đạo Cao Đài bị nghi ngờ là có liên lạc với Đức quốc xã nên các Chức sắc đại Thiên phong bị bắt.^[4]

Từ năm 1961, tạp chí National geographic số tháng 10, có đăng bài biên khảo của Peter White phân tách về giáo lý Đạo Cao Đài. Đồng thời bác sĩ Quinter Lyon thuộc đại học đường Missisipi cũng viết bài “The great religion” để làm tài liệu tham khảo cho trường.

Năm 1962, ông Arthur Moor gửi thư đến Tòa Thánh Tây Ninh xin tài liệu về Đạo, trong đó ghi nhận về việc cấu cơ đang phổ phát. Cùng năm đó, bác sĩ H.B.Cyran ở Bollant cũng gửi thư xin tài liệu tham khảo về nền Tân tôn giáo.

Năm 1970, trong tập san nghiên cứu về Đông phương của trường đại học Luân Đôn (Anh quốc), giáo sư R.B.Smith liên tiếp trong 2 tập 2 và 3 (quyển 33) ông viết: Khai dẫn về Đạo Cao Đài (phần I viết về nguồn gốc và lịch sử), phần 2 viết về tín ngưỡng và tổ chức giáo hội.

[4] Các Thánh Thất Cao Đài trên nóc có đắp chữ vạn theo chiều đứng và tính..... (ngược chiều kim đồng hồ). Chữ vạn của quốc xã Đức nằm theo dấu nhơn và động (cùng chiều kim đồng hồ). Pháp dựa vào chữ vạn để đàn áp Đạo Cao Đài đó là một sự nhầm lẫn

Ngoài ra, nhiều sinh viên Tiến sĩ, Cao học từ nhiều nước, nhiều nơi trên thế giới như: Đức, Pháp, Mỹ... đều đến tận Tòa Thánh Tây Ninh hoặc gửi thư xin tài liệu giáo lý để làm luận án tốt nghiệp.

Nhìn chung, trong thời gian tương đối ngắn, Đạo Cao Đài được phổ biến khắp năm châu, tuy nó chưa phát triển đúng tầm vóc mong muốn của Hội Thánh, do nhiều nguyên nhân bên trong như bên ngoài.

Song với niềm tin vô đối, người tín đồ Cao Đài nào cũng thấy được Đạo mình sẽ thành theo ước vọng chung của nhân loại.

Đọc qua các chương trên, độc giả nhận rõ mục đích tối cao tối thượng của người tín đồ Cao Đài là MỘT TÔN GIÁO ĐẠI ĐỒNG, phổ giáo mọi sắc dân. Nên Tân tôn giáo Cao Đài có một quan niệm đúng đắn về Vũ trụ.

Giáo lý Cao Đài nhìn nhận một Đấng tối cao, độc nhất, vô nhị, tạo nên Càn khôn Vũ trụ và muôn loài vạn vật. Đấng ấy là Đức Cao Đài hay Đức Chí Tôn mà Trung Quốc gọi là Ngọc Hoàng Thượng Đế, Tây Phương gọi là Đức Chúa Trời...

Trong Vũ trụ, chính Đức Cao Đài đã tạo ra vô số tinh cầu và dùng quyền lực của riêng Ngài sinh ra vạn vật và con người. Con người đó có điển Linh quang Ngài ban cho nên có tính Thánh thiện và luôn luôn mong quay về ngôi vị cũ, nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống. Về thời gian, giáo lý Cao Đài xác nhận có 3 ngươn: Thượng ngươn hay ngươn Thánh Đức, Trung ngươn hay ngươn Tranh đấu và Hạ ngươn hay ngươn Mạt kiếp còn gọi là ngươn Tái tạo để trở lại ngươn Thánh Đức. Thời gian trong mỗi

Tiểu Thiên Địa (con người) là một kiếp. Kiếp ấy dài hay ngắn do quyết định của Bạch Ngọc Kinh (công nhận con người có số mạng nhưng cũng cần số mạng được do công quả tu hành). Do quan niệm con người có Xác thân, Chơn thần và Linh hồn. Xác thân khi chết thì hư hoại, Chơn thần mới chuyển kiếp thăng vị, còn Linh hồn vốn là điển Linh quang của Đức Chí Tôn nên trọn lành, trọn tốt hướng dẫn Chơn thần lên phẩm cao thăng. Đây là chỗ khác với các tôn giáo cũ: cho rằng Linh hồn chịu luật quả báo luân hồi, đúng ra là Chơn thần phần vô hình giống hình tướng xác thân.

Thần học Cao Đài nhìn nhận có những tinh cầu tuyệt cao trong không gian phù hợp với sự tiến bộ của các Đấng Thiêng liêng thượng đẳng ở cõi Thiêng Liêng Hằng Sống, nơi sống chung cho nhân loại tu hành đắc quả. Cõi Thiêng Liêng Hằng Sống còn có Ngọc Hư Cung nơi ngự của Đức Cao Đài và Bạch Ngọc Kinh, Kinh đô hành giáo của chư Phật, Tiên... Đạo Cao Đài cũng nhìn nhận có các tầng vô hình khác thấp hơn, có thể chia làm 3 hạng:

- **THƯỢNG ĐẲNG THIÊNG LIÊNG:** chư Phật, Tiên, Thánh.
- **TRUNG ĐẲNG THIÊNG LIÊNG:** chư Thần.
- **HẠ ĐẲNG THIÊNG LIÊNG:** Chơn thần của bát hồn tập trung nơi Trường Đĩnh (sau khi chết) từ đó tùy theo tu hơn tích đức, cái số mạng xấu ra tốt mà tiến lên Trung đẳng hay Thượng đẳng thiêng liêng.

Về thế giới nhân loại (quan niệm như sinh), Thần học Cao Đài xác nhận là tùy theo sự tiến bộ và phong hóa của mỗi nước mà canh cải cho phù hợp với sinh hoạt, tập

quán địa phương. Riêng về giáo lý thì phải y theo Pháp Chánh Truyền và Thánh ngôn buổi đầu.

Như thế, bất cứ sắc dân nào, bất cứ chế độ nào, người tín đồ Cao Đài cũng là người công dân lương thiện, giáo lý Cao Đài cũng không hề phản khắc lại phong hóa truyền thống của dân tộc nào.

Kinh điển tế tự buổi đầu của Đạo Cao Đài, nó chỉ phản ánh địa phương Việt Nam, cúng lạy chỉ là hình thức bề ngoài, quan trọng của tôn giáo là sự giác ngộ tâm linh, nên kinh điển tế tự buổi đầu không phải là bức tường ngăn Đạo Cao Đài truyền bá ra nước ngoài, Pháp Chánh Truyền, Thánh ngôn đã được nhiều người dịch ra tiếng nước ngoài và đã được nhiều giới trí thức Tây Phương hoan nghênh xin theo Đạo. Việc tế lễ Đức Cao Đài và Phật, Tiên... theo luật không gì trở ngại. Riêng Kinh Tứ Thời, ta giữ sắc thái địa phương xuất phát với 2 giọng Nam Xuân (tức Majeur) và Nam Ai (tức Mineur) nhưng phổ nhạc bằng Solfêze (tân nhạc). Lẽ đương nhiên, kinh điển chỉ chú trọng tinh thần nội dung của tiếng nước theo Đạo, chứ không theo tiếng Việt Nam. Phần nghi lễ thuộc hình thức dễ dàng vượt qua. Lễ khác, khi theo Đạo người nước ngoài đâu chuộng hình thức mà họ nghiên cứu tôn chỉ của tôn giáo ấy có phù hợp với tiến bộ loài người không, giáo lý ấy có phần khoa học hay nó là động lực thúc đẩy khoa học thăng tiến, Thần học của tôn giáo ấy hợp lẽ với quan niệm nhân sinh không... Tôn giáo nào cũng phải qua các màn lọc trên để vĩnh tồn. Đạo Cao Đài đã vượt qua những thử thách đó (?)

Tóm lại, Đạo Cao Đài là một nền tôn giáo có tầm vóc to lớn phát sinh trong thời đại nguyên tử phù

hợp với ước vọng của mọi sắc dân trên thế giới.

HỘI THÁNH NGOẠI GIÁO

- CHƯỞNG QUẢN – VICTOR HUGO
- ÂU Á – LEO TOLSTOY
- CHÂU ÂU – LA FONTAINE
- CHÂU PHI – ARISTIDE BRIAND
- CHÂU MỸ – PEARL BUCK
- CHÂU Á – TÔN TRUNG SƠN
- LIÊN HIỆP ANH – SHAKESPEARE

HỘI THÁNH NGOẠI GIÁO VÔ HÌNH

■ *(Theo Les Massages Spirites)*

PHẦN THỨ TƯ
ĐỨC THƯỢNG ĐẾ = ĐỨC CAO ĐÀI

MỤC A: THƯỢNG ĐẾ GIẢNG TRẦN

1. THỜ ĐỨC TIN NHÂN LOẠI
2. THƯỢNG ĐẾ HẰNG HỮU
3. Ý NIỆM VỀ THƯỢNG ĐẾ
4. TRỜI NGƯỜI HIỆP NHỨT
5. NGÔI THỜ ĐỨC CHÍ TÔN
6. VÍA ĐỨC CHÍ TÔN
7. THIÊN ĐẠO VÔ BIÊN

MỤC B: BỐN NGUYÊN LỜI DẠY CỦA
ĐỨC CHÍ TÔN

CHƯƠNG I

THỜ ĐỨC TIN CỦA NHÂN LOẠI

SỰ XUẤT HIỆN CỦA ĐẠO CAO ĐÀI ĐÃ ĐƯỢC kinh sách báo trước, là một tôn giáo được Đức Chí Tôn mặc khải toàn diện. Đạo sinh ra là để cứu đời “*tận độ chúng sanh*” thoát khỏi bể trầm luân.

Đạo Cao Đài sinh ra và lớn lên trong cái nôi gò bó chật hẹp dưới hai tầng áp bức: nửa thực dân, nửa phong kiến.

Thế mà, Đức Chí Tôn phán truyền: “*Độ dân hoài sanh*” “*Hòa Bình Dân Chủ Tự Do*”, “*Luật thương yêu, quyền công chánh*”, Nam nữ bình quyền (có bao nhiêu Chức sắc nam thì có bao nhiêu nữ), phá bỏ hủ lậu (*Không vì nguyệt huyết kỳ anh linh*) để “*tạo đời cải dữ ra hiền*”^[1]. Và Đức Chí Tôn đã dùng huyền diệu qua cơ bút lập Đạo:

*Từ thừa nước Nam chẳng Đạo nhà,
Nay Ta gây dựng lập nên ra...*

Đó là những chiếc gai nhọn thọc thẳng vào chế độ thực dân và phong kiến, dù Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhật bày tỏ với Thống Đốc Nam Kỳ lúc đó là Blanchard de la Brosse là Đạo Cao Đài chỉ thờ kính Trời (Dieu) chớ không làm chính trị^[2]. Nhưng mật thám Pháp vẫn đàn áp nhiều tín đồ, dẹp Thánh Tượng^[3].

[1] Những tiêu đề tóm lược này xin đọc lại Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

[2] Tiểu sử Đức Quyền Giáo Tông. TN 1973, tr.53-54.

[3] Tiểu sử Đức Quyền Giáo Tông. TN 1973, tr.53-54.

Lalaurette, Thanh tra Chính trị sự vụ và Hành chánh Nam kỳ, và Vilmont, Tỉnh trưởng Tây Ninh (Administrateur des Services civils, Chef de la province de Tây Ninh) đã theo dõi Đức Quyền Giáo Tông và Phạm Hộ Pháp rất gắt gao được đúc kết trong tập phúc trình “*Le Caodaisme*”^[4] gồm 2 phần:

– Phần I: (tr1–24) do Lalaurette viết lược sử và giáo điều CĐ

– Phần II: (25–91) do Vilmont viết gồm tài liệu về phái, kinh tế, xã hội, sự phân lý tôn giáo và chính trị.

Còn triều Nguyễn ra dụ cấm Đạo: “*Bảo Đại tự niên cấm truyền giáo Trung kỳ*” vì Đạo Cao Đài hô hào “*Tự do dân chủ*” làm lung lay chế độ quân chủ phong kiến.

Thật ra, Đạo ở trong nước, không thể tách khỏi xã hội nên Giáo lý Cao Đài dựa theo sinh hoạt của con người hầu biến đổi cuộc sống ngày một tốt hơn. Bởi lẽ đó mà Giáo lý Đạo Cao Đài phù hợp với ước vọng thâm kín từ lâu của nhân sanh. Đạo đã trở thành cái phao, con thuyền cứu độ trong lúc họ bị phong ba bão táp bủa vây. Họ đến với Đạo Cao Đài vì Đạo Cao Đài tận độ họ, vỗ về an ủi họ và tương lai sẽ giúp họ có một cuộc sống tốt đẹp hơn cuộc đời cực khổ hiện hữu. “*Thấy đến lập nền Chánh giáo tại cõi Đông Dương là cốt làm cho kẻ bị hiếp đáp đặng mạnh mẽ, kẻ hiền lương làm thấy kẻ hung bạo*”^[5].

Giáo lý Đạo Cao Đài là những nguyên tắc hành động “*Phổ độ chúng sanh*” chớ không phải những giáo điều suông. Người tín hữu nào cũng hiểu rằng tu là làm giảm bớt đau khổ cho chính mình và cho những người

[4] *Le Caodaisme*, Sài gòn 1933, 91 trang.

[5] Đạo sử quyển II, TN 1957 tr.248.

xung quanh mình, chứ không phải tu vì Thượng đế hay làm cho Giáo hội thêm uy quyền. Với quan niệm như vậy, người tín hữu Cao Đài sẵn sàng đón nhận giáo thuyết Tam giáo, Ngũ chi với thành tâm thiện ý. Họ đã thực thi lời Đức Chí Tôn dạy: **Thương yêu** và **Công chính** (Amour et Justice) mà không vì bản ngã tôn giáo.

Họ có một đạo tâm sinh động và một nội lực mạnh mẽ để chịu đựng khảo đảo của cuộc đời. Dù đời nêu lên “*Cái Án Cao Đài*”, dù đời cho Đạo là những mảnh vỡ của nền văn hóa truyền thống^[6]. Những việc đó là những thử thách trên đường tu học. Họ không trả lời nhưng có những bạn hữu của họ hồi đáp cho khách bàng quan bằng “*Cái Án Cao Đài*” và người tín hữu các tôn giáo trước cũng đã đi vào cuộc đời với những nỗi “*nhọc nhằn*” như vậy. “*Khi Thích Ca truyền đạo, dân Braman cho là Bàn môn. Khi Lão Tử truyền đạo thì đời cho là phù phép mê hoặc. Khi Chúa Jésus truyền đạo thì dân Israel gọi là Tả đạo*”.^[7]

Người ta bảo không thể nào “*Qui Tam Giáo, Hiệp Ngũ Chi*” được. Bởi lẽ họ đã thâm nhiễm triết học Tây phương. Theo Louis Millot, những ai muốn hiểu được người Đông phương thì hãy xếp lại quyển “*Phương pháp luận*” (Discours de la Méthode) của Descartes vì lý luận Đông phương và Tây phương không cùng bản chất. Đông phương không có triết học mà chỉ có Đạo học. Tất cả các nền tôn giáo lớn đều xuất phát từ phương Đông, Đạo học Đông phương không trong không ngoài, vừa là A mà vừa không phải là A.

Thần học Cao đài cũng mang tính hư hư thực thực

[6] Kim Định, Căn bản Triết lý trong văn hóa VN. Saigon 1967, tr.70.

[7] Đạo sử II, sdd tr.243.

đó. Guglielmo Ferreco khi so sánh giữa nền văn minh phẩm và nền văn minh lượng của Tây phương có viết:

“Đường như cái lý tưởng tiến bộ càng mập mờ bao nhiêu thì càng có sức mạnh được nhiều người tin tưởng bấy nhiêu”. Thêm vào đó, G.Monod Herzen nhận xét: *“Sự tổng hợp Đông phương và Tây phương, nền tảng của sự thuần nhất loài người là một vấn đề sinh tử, có lẽ là vấn đề khẩn thiết nhất của thời đại”* (La Synthèse Orient, base de l’unité humaine, est une nécessité vitale, probablement la plus immédiatement nécessaire à notre époque).^[8]

Có người cho rằng không thể nào làm như Tôn giáo Cao Đài, để chung Thích Ca, Lão Tử, Khổng Tử cùng trên một Thiên bàn được. Thật ra, *“Tam giáo tuy có khác nhau ở chỗ lập giáo và hành đạo nhưng đến chỗ cùng tột tuyệt đối thì cũng gặp nhau ở chỗ lý tưởng, cho nên vẫn dung nạp được nhau. Đó là cái đặc sắc của Tôn giáo Á Đông.”* (Trần Trọng Kim, Phật giáo, Saigon 1958). Đức Khổng Tử đã nói: *“Thiên hạ đồng qui nhi thù đồ, nhất trí nhi bách lợi”* (Thiên hạ tuy có nhiều đường khác nhau nhưng về một chỗ; dầu có trăm lo cũng gom về một mối). Cái một ấy là Thái cực, là tuyệt đối, còn vạn tượng chỉ là sự biến hóa của cái một đó, mà cái một ấy là Thiên Nhân, tượng trưng cho Đấng Duy Nhất.

Trong *“La Fin d’un Mythe”*, Carlo Suares nhận định một cách sáng suốt như vậy: *“Chân lý là sự tổng quát của hai đối cực, chỗ không phải sự đề cao cái này mà phủ nhận cái kia. Đạo học Đông phương và Khoa học Tây phương đều cùng sống trong một ảo tưởng như nhau”*. (La vérité est; a synthèse des deux pôles, mais non pas l’affirmation de l’un

[8] Confluences Orient-Occident, France Asie No100

au détriment de l'autre. L'Orient métaphysique est dans la même illusion que l'Occident scientifique).

Đông phương và Tây phương đều sống trong ảo tưởng nên đều sai lầm như nhau. Nhân loại ngày nay đã xích lại gần nhau vì “*Cán khôn dĩ tận thức*” và “*Đồng qui nhi thù đồ*”, cùng gom về một mối Đại Đạo mà mỗi bên đi theo con đường riêng của mình: Thống nhất mà không đồng nhất.

Theo Hubert Benoit: “*cả vạn vật trong Vũ trụ đều do sự tổng hợp của Tam nguyên (ngôi Trung hòa), có hai nguyên mâu thuẫn, một cái thuộc Dương (Thiện), một cái thuộc Âm (Ác) cả hai cùng đứng trên một bình diện và có giá trị bằng nhau, được một nguyên lý tối cao (Trời) điều hòa lại, hòa giải hoặc chinh lại, bằng không, chúng sẽ tự hủy diệt lẫn nhau*”. (Tout l'univers est ainsi créé par la synthèse trinitaire, deux principes opposés, l'un positif, l'autre négatif, situés sur la même plan et ayant la même valeur, sont harmonisés, conciliés arbitré par un principe suprême, sans lequel, ils s'annuleraient) (H.Benoit, metaphysique et Psychanalyse, Paris 1945, trang 40).

Thánh Mahatma Gandhi đồng quan điểm với tôn giáo Cao Đài, đã nói: “*Tất cả những chân lý khác biệt nhau, khác nào số lá trên cây, tuy mỗi lá có sắc thái riêng nhưng chung qui ở trên một thân cây, cùng một gốc sống chung với nhau*”. Chẳng khác chi ý bài Khai Kinh “*Một cội sanh ba nhánh in nhau*”. Nếu những ai phê phán Thần học Cao Đài bằng cách chia ra từng phần mà không xem là một toàn thể bất khả phân, tất cả đều do một Đấng Duy Nhất, tùy trình độ cao thấp của nhân sanh qua các thời kỳ mà Ngài lập Đạo, là chưa hiểu được chủ trương tổng hợp của

nền Đạo mới này.

Đức Lão Tử dạy: “*Người rành Đạo thì không thích biện lý, kẻ ưa biện lý là kẻ không rõ lẽ Đạo*” (Biện giả bất thiện, thiện giả bất biện). Chân lý Đại học không thể chứng minh như khoa học mà chỉ kêu gọi, giác ngộ: “*Nói là không biết, mà biết thì không nói*”. (Ngôn giả bất tri, tri giả bất ngôn). Đó mới là Đạo tâm sâu kín.

Biểu tượng tổng hợp và thống nhất của tôn giáo hoàn cầu đó là “*Con Mắt trái mở rộng*”. Đó là đức tin chung đức ngàn đời không những của dân tộc mà các dân tộc khác trên thế giới tôn sùng.

Thờ duy nhất một Con Mắt là thờ Chân lý tuyệt đối:

*“Nhân thị chủ tâm,
Lưỡng quang chủ tế.
Quang thi Thần,
Thần thi Thiên.
Thiên giả Ngã giả”*

“*Tượng Thầy chẳng giống chi hết. Thấy vốn vô hình vô ảnh. Thấy tốt đẹp chưa ngọn bút phàm nào vẽ đặng, nhưng vẽ như Tượng thường tốt hơn là Tượng Ngũ chi*” (Đạo sử II, tr.229). Trên thế giới, nhiều tôn giáo, nhiều dân tộc sùng kính *Con Mắt*. Trong Thánh Kinh Tân ước của Kitô giáo có nhiều đoạn nói về Con Mắt. Thánh Mathieu, nơi chương 6, điều 22,23 và Thánh Luc, nơi chương 11, điều 34, 35 đều viết: “*Con Mắt là ngọn đèn rọi sáng thể xác. Nếu con mắt lành thì cả thể xác được minh mãn. Nếu Con Mắt xấu thì cả thể xác sẽ ở trong U Minh (bóng tối)*”. (L’Oeil est la lampe du corps. Si ton oeil est en bon état, tout ton corps sera éclairé. Mais si ton oeil est en mauvais état, tout ton

corps sera dans les ténèbres).

Ở Hoa Kỳ, vào năm 1776, Ủy ban soạn thảo triện gồm 3 nhà lãnh đạo Mỹ quốc là Thomas Jefferson, Benjamin Franklin và John Adams với hình Kim Tự Tháp mà trên chót có “*Con Mắt*” trong hình tam giác như các khung hình quanh Tòa Thánh hiện nay. Họ giải thích rằng tiền nhân người Hoa Kỳ có nguồn gốc từ Thượng Đế nên sự tiến bộ của nước Hoa Kỳ luôn cần được sự phù hộ của Đức Thượng Đế.

Vì thế, người tín hữu Cao Đài theo chủ thuyết Đại Đồng nhân loại, không hành động cái gì riêng cho mình mà “*quên mình làm nên cho người, giúp người nên Đạo*” (Theo Tứ đại điều qui).

Thật ra cái nguyên lý tối cao nhất điều hòa những mâu thuẫn là Đạo, là Đấng Tuyệt Đối (Một Con Mắt), là Đấng vĩnh cửu... vô ảnh giúp cho nhân loại khỏi rã rời và chia rẽ.^[9]

Thiên Nhân cũng chỉ là một tượng trưng mà thôi, tùy nước tùy nơi mà con mắt khác nhau về hình thể nhưng thống nhất về giáo lý: Tin Đấng Duy Nhất.

Đức Chí Tôn đã dạy: **Đạo Thầy là vô hình, vô dạng**, nhưng cái lý vô vi ấy cần phải nương với hữu hình. Chẳng nên lấy cái Có mà bỏ cái Không, mà cũng chẳng nên giữ gìn cái Không mà quên cái Có. Bốn nguyên của Đạo Cao Đài là duy nhất Thần với biểu tượng Thiên Nhân. Còn những cách thể bày biện ngoài Thiên Nhân chỉ là sự biểu lộ lòng tôn kính đối với hàng giáo lãnh của các tôn giáo đã có trước, cũng nhằm để phổ độ chúng sanh bằng hình

[9] G.Gobron, Histoire et Phylosophie du Caodaisme, Paris Dervy 1949, tr.196.

tượng siêu thoát.

CHƯƠNG II THƯỢNG ĐẾ HÀNG HỮU

THẬT SỰ CÓ TRỜI (DIEU) KHÔNG? TRỜI Ở ĐÂU?
Ta hãy nghe ông Trời phán truyền:
“Muôn kiếp có ta nắm chủ quyền”

Hay:

“Cùng nhau một (Đại)Đạo tức một Cha(Trời)”^[1]

Đó là tuyên ngôn của nền Đại Đạo gồm tất cả các mối Đạo để tiến tới Đại Đồng Nhân loại vì con một nhà, anh em một Cha.

Lúc nào Đức Chí Tôn cũng có mặt dưới những hình thức lập giáo khác nhau, Ngài cho biết:

*“Nhiên Đăng Cổ Phật thị Ngã
Thích Ca Mâu Ni thị Ngã,
Thái Thượng Ngươn Thi thị Ngã,
Kim viết Cao Đài”^[2]*

“Thầy là Đức Jéovah của dân Hébreux, vì Chúa tể của quân dân Israel, vị Thánh Vô danh của dân Do Thái, Đức Chúa Cha của Chúa Jésus. Con chỉ cần câu nguyện Thầy với danh hiệu Cao Đài thì sẽ có cảm ứng ngay”^[3]

Như vậy, đặt vấn đề có Trời, có Thượng Đế, có Chúa Cha hay không thì nên quay lại tìm hiểu các tôn giáo mà

[1] TNHT.I.TN1964 tr.5

[2] TNHT.I. tr.13

[3] TNHT.I. tr.124

Đạo Cao Đài tổng hợp. Sự hiện diện của Đạo Cao Đài là tiếp nối đạo Giatô và đạo Phật sắp mặt pháp vào năm 2000. mặt pháp theo Đức Hộ Pháp dạy không phải Tận thế mà đúng một giáp tới một nền văn minh tôn giáo mới, một chu kỳ Đạo^[4]. lúc đó, Đức Di Lạc ra đời cứu rỗi con người. Ngài là biểu tượng của nền văn hóa tổng hợp hoàn cầu. Ngài đầy đủ nhận định về xã hội và kiến thức về con người để dẫn dắt nhân loại đi trên con đường Đạo tâm Thánh Đức. Sự xuất hiện của Đức Di Lạc như cuộc vận động mới làm sống lại những gì Đức Cao Đài đã phán truyền: Nhân loại hiệp đồng, văn hóa khoa học chỉ là một.

Trở lại vấn đề có Trời hay không? Vào thế kỷ II, nhà thiên văn Ptolémé đã viết: *“Có một sức mạnh nào đó phóng ra từ ête vĩnh cửu của Vũ trụ và truyền tới hết thảy những gì bao quanh trái đất và có cái gì hoàn toàn phụ thuộc vào sự thay đổi. Đó là những điều mà mọi người thấy rõ. Mặt Trời cùng với môi trường bao quanh nó, bằng cách nào đó, luôn luôn truyền cái trật tự của mình tới tất cả những gì ở trên mặt đất”*.^[5]

Thầy Trang Tử cũng viết: *“Ta thấy Trời xoay vòng, còn đất thì duy trì mãi. Mặt Trời, Mặt Trăng cứ xoay vòng liên tiếp. Ta tự hỏi cái gì thống quản Vũ trụ? Cái gì nối liền Vũ trụ? Cái gì tồn tại vô cùng và giữ cho các hành tinh chuyển động mãi mãi như vậy?”* Nhất định phải có một Đấng thống ngự vạn vật. *“Khi chưa có chi trong Càn Khôn Vũ Trụ thì khí Hư Vô sanh có một mình Thấy”*.^[6]

Vậy Đức Chí Tôn là Đấng Nguyên Thủy.

[4] Bài thuyết Đạo (Quyển I), tr.132

[5] Những bí mật của sự tiên đoán. Hà Nội 1977, tr.144

[6] TNHT.II.TN 1963, tr.62.

Vũ trụ không ngẫu nhiên mà có. Trái đất tự quay mà không có điểm tựa, lại phân bốn mùa tám tiết, không ngừng nghỉ, không sai một ly. Những hiện tượng đó buộc ta phải nghĩ rằng có một vị Chúa tể thiên liêng là Vô vi Thái cực, cái “*Vô danh thiên Địa chi thị*”, cái không tên mà là nguồn gốc của Trời Đất. Cái Chân Hư ấy qui tụ điểm Chân như (Jésus) và ánh sáng nguyên thủy (A Di Đà Phật) mà nay gọi là Đức Chí Tôn (Le Très-Haut).

Đứng trước Vũ trụ huyền bí bao la, không ai mất đức tin hoàn toàn. Hãy để cho tiếng lương tâm vang lên, thì đức tin sẽ lộ dạng. Sự hiện hữu của Trời là nhờ kinh nghiệm trong cuộc sống, chớ không phải nhờ từ bên ngoài hay nhớ lý luận. Rõ ràng nhất là khi công lý loài người vắng bóng thì động lòng Trời, ta sẽ thấy sự diệu hữu của Ngài. “*Có lắm người tưởng rằng ta phải thấy Trời y như Trời đứng bên này, còn ta đứng bên kia, đâu phải vậy. Trời với tôi chỉ là một động tác thấy Trời của tôi*” (Eckhart).

Đức Chí Tôn đã dạy: “*Tuy con không thấy Thấy nhưng nghe Thấy dạy thì con nên tin đó là sự thật*”. Và lại cơ thể của Tiên Phật là tinh tế, mắt thường đâu thể nhìn thấy dễ dàng được.

Lắm người ngoài miệng nói không có Trời, nhưng gặp khó khăn bất hạnh lại “*kêu Trời*” vì Trời là một Đấng Công bình, toàn thiện toàn năng. Do đó, “*Nơi lòng Thấy ngự động Thấy hay*”^[7]. Thế nên, muốn tin có Trời, phải sống phù hợp với Đạo lý để tâm ta có đủ tri giác nhận thức một điều gì đó. Miễn sự tư duy đó là vô ngã biết thương yêu kẻ khác vì cùng một Cha chung, rồi lần lần ta sẽ thấy có Trời ngự trong lòng ta.

[7] TNHT.I.tr.87

“Ta chuẩn nhận Đức Thượng Đế như một Anh Linh tuyệt đối, vô thi vô chung, toàn thiện toàn hảo, vô hình mà hiện thực, như một thực thể toàn tri, vô sở bất tại. trong đời tôi, hơn một lần, mỗi khi cõi lòng đau khổ, cái Anh Linh toàn năng, cái LÝ tuyệt vời, cái hình ảnh Từ bi ấy đã phát lộ đến với tôi đầy xót thương, an ủi, dường như để cho tôi thấy là có Trời. TÔI CHO LÀ CÓ TRỜI, không phải như trường hợp một thầy tu có đức tin vì có học Đạo, mà đây là trường hợp của kẻ vô tín ngưỡng buộc lòng phải tin có Trời như người bại trận.”^[8] Theo Théologia Germanica: “Trời là một và phải là một. Trời là tất cả và phải là tất cả. Vậy cái gì có nhưng không phải là Một không phải là Trời và cái gì có nhưng không phải là Tất cả không phải là Trời. Bởi vì Trời là Một và trên Một, là Tất cả và trên Tất cả. Người nào mà vạn hữu không phải là Một đối với mình, kẻ đó không thể tìm thấy sự thỏa mãn nơi Trời” (trang 184).

Tóm lại, Trời không cao, không xa, không lạ với bất cứ ai. Trời ở ngay trong lòng người “trong lòng Thấy ngư” hay “Nhãn thị chủ tâm” cũng vậy. Thượng Đế hằng hữu ở khắp mọi nơi, nhất là những nơi trầm luân khổ hải, mất công lý. Nhờ thế người đa nghi mấy cũng phải tin, người ác mấy cũng phải hiền, người yếu mấy cũng thấy mạnh. Trong Thánh ý: “Các con nhỏ noi mà các con to lớn, các con nhịn nhục mà các con hình phạt”.^[9] Nhờ tin có Trời, sợ Trời, con người mới làm lành lánh dữ để khỏi bị Trời hình phạt.

[8] Dieu existe-t-il? Saigon 1972, tr.88 và 174.

[9] TNHT.I.tr 36

CHƯƠNG III

Ý NIỆM VỀ THƯỢNG ĐẾ

TÔN GIÁO CAO ĐÀI PHẢN ÁNH PHONG HÓA XÃ HỘI Việt Nam. Tín đồ đa số thuộc giới bình dân. Vậy ta tìm hiểu nơi mà Đạo Cao Đài xuất hiện và trưởng thành xem dân chúng ấy có ý niệm như thế nào về Đấng Toàn Năng.

Sau khi khảo sát tục ngữ, phong dao Việt Nam, Thanh Lăng đã lược ghi như sau:

1. Ông Trời tự có, không ai dựng nên, nhưng tất cả Vũ trụ đều là tạo phẩm của ông Trời.
2. Ông Trời điều động guồng máy Vũ trụ, không việc gì xảy ra trên đời này, dù việc thầm kín trong lòng người, mà không do ông Trời.
3. Ông Trời không cay ác độc địa, trái lại rất nhân từ, nhất là đối với người lương thiện.^[10]

Trong ngôn ngữ dân gian không thiếu những từ ngữ: Lạy Trời, Ỗn Trời, nhờ Trời, Trời giúp... Thế nên, họ rất thương, rất mến ông Trời. Vì đó mới có danh từ: Đại Từ Phụ, Cha, Thầy... rất gần gũi thân thương cảm hóa được tấm lòng quần chúng. Nhờ đó, họ cảm ứng nồng nhiệt Đạo Mới mà không có mãnh lực nào ngăn cản nổi.

Theo Lê Văn Siêu, “*quan niệm siêu hình về Thượng Đế thời xưa chỉ chất phác là có một Đấng Vạn năng ngồi trên chín tầng mây mà dưới này ai nói gì cũng nghe, ai nghĩ gì*

[10] Thanh vãng, Văn chương bình dân, Saigon 1957, tr.227

cũng biết cả^[11]” rất phù hợp với giáo lý Cao Đài.

Léopold Cadere có quan niệm gần giống như vậy: “Ý nghĩa về một Đấng Toàn năng đã được phát triển với ảnh hưởng của các tư tưởng Trung Hoa, nhưng ngay từ khởi thi, trong ý thức VN đã có sẵn mầm mống của ý niệm đó rồi”^[12]

Có lẽ Hoàng Trọng Miên viết rõ về ông Trời:

“Ngày xưa, trước tất cả mọi sự, đã có ông Trời. Trời là một bậc quyền phép vô song, ở trên cao, làm ra tất cả: Trái đất, núi non, sông biển, mưa nắng; sinh ra tất cả: Loài người, muôn vật, cỏ cây... Từ mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao trên Trời cho đến vạn vật ở mặt đất, tất cả đều do Trời tạo nên.

Trời có Con Mắt, thấy tất cả, biết hết mọi sự xảy ra ở thế gian. Trời là Cha đẻ của muôn loài, xét đến muôn việc, thường phạt không bỏ ai. Do đó mà con người tin có đạo Trời, nhờ Trời, cho là Trời sinh, Trời dưỡng và đến khi chết thì về châu Trời...

Giang sơn của Trời từ mặt đất lên đến trên cao có Chín Tầng Trời và chỗ giáp với đất, ấy là chân Trời. Trời vô hình, không nói, nhưng người ta tin là ở đâu đâu cũng có mặt của Trời, không một ai tránh khỏi lưới Trời, mọi việc đều do Trời định.

Ông Trời của Việt Nam thời cổ cũng gọi là Ngọc Hoàng Thượng Đế. Ngọc Hoàng ở trong Cung điện giống như Cung điện nhà vua dưới trần đã bắt chước làm theo. Ở cửa điện có một vị Thần mặc áo giáp cầm côn giữ cửa. Ngọc Hoàng hợp triều tại đây, triều đình cũng không khác gì hạ giới, chư Thần Thiên cung, đạo quân nhà Trời để trừng phạt những

[11] Lê Văn Siêu, Nguồn gốc Văn học VN, Saigon 1956, tr.76

[12] Nguyễn Đăng Thục, Tư tưởng VN (dẫn lại), Saigon 1964, tr.258

Thần linh ngộ nghịch.

Vợ Ngọc Hoàng là Tây Vương Mẫu ở núi Côn Lôn, cùng một đàn Tiên nữ. Tây Vương Mẫu có một vườn Đào, cứ 3000 năm trái chín một lần, ăn vào thì được trường sanh bất tử.

Cõi trời chia ra 9 tầng, các vị Thần tùy chức tước mà ở theo thứ tự mỗi tầng. Ngọc Hoàng là bậc tối cao, ở tầng thứ nhất”^[1]

Đó là ông Trời theo quan niệm của dân gian.

Đọc kinh điển Cao Đài giáo, ta thường thấy câu này: “*Tùy theo trình độ tiến hóa của nhân sanh mà thay đổi cho phù hợp*”. Thế nên, Đức Chí Tôn của Đạo Cao Đài không da vàng mũi tẹt hay da trắng mũi cao mà vô hình vô ảnh “*Vô vi nhi dịch sử quân linh*”^[2] không hình mà điều khiển cả nhân sanh. Đức Chí Tôn không hề có vợ hay con như quan niệm thấp thỏi của dân gian.

Dưới tay của Đức Chí Tôn có cả một triều nghi tức là Thiên triều, còn gọi là Ngọc Hư Cung, cầm quyền cai trị toàn cả thế giới vô hình và hữu hình, chẳng có mảy lông nào lọt qua lưới Trời. Đó là về mặt “*Công*”, về mặt “*Tư*”, Thượng Đế là Đại Từ Phụ, Đấng Cha Lành của mọi chúng sanh. Lúc nào Ngài cũng Đại từ, Đại bi, Đại hỷ, Đại xả, thương toàn nhân loại và “*Thấy cấm từ đây các con nếu không đủ sức THƯƠNG YÊU nhau thì cũng chẳng đặng ghét nhau*” (TNHT.II, tr.69). Thượng Đế là Thiên Thượng, còn nhân loại là Thiên Hạ. Hai khối ấy luôn luôn tương hiệp, tương sanh để thế giới vĩnh hằng. Tuy hai mà một, tuy một mà hai, trong ý niệm “*Thấy là*

[1] Hoàng Trọng Miên, VN Văn học toàn thư (Q.I) Saigon 1959, tr.61

[2] Kinh Lễ. Paris Gasnier 1952, tr.18

các con mà các con là Thầy”. Nói cách khác, Thượng Đế là Đại Linh Quang, con người là Tiểu Linh Quang do Ngài phân tánh cho ta. Nói rộng hơn, Thượng Đế là khối Đại Lương Tri (Conscience universelle) gồm tất cả Lương tri của nhân loại.

Thượng Đế là Thái Dương, chủ Dương quang. Phật Mẫu là Thái Âm, chủ Âm quang. Phật Mẫu chuyển hóa Âm Dương tạo thành chúng sanh:

*“Hiệp Âm Dương hữu hạp biến sanh,
Càn khôn sản xuất hữu hình
Bát hỗn vận chuyển hóa thành chúng sanh”.*^[3]

Trên đây là ý niệm về Trời của người bình dân Việt Nam. Còn đối với các tôn giáo mà Đạo Cao Đài tổng hợp có quan niệm thế nào về Thượng Đế?

Kitô giáo cho Đức Chúa Trời chỉ là một cá nhân siêu phàm, có xác thật nhưng toàn năng. Ai ai cũng phải chịu phán đoán tối hậu của Đức Chúa Trời, làm lành thì được hưởng phúc, làm dữ sẽ bị hình phạt đời đời.

Đạo Phật cho Phật là chân lý siêu việt. Thật ra học thuyết Đại Thừa có ý niệm về Trời. Về hình thức suy cứu với căn bản triết lý và dưới hình thức bình dân theo thuyết đa Thần giáo, cho Phật chỉ là một khuôn mặt của Thượng Đế. Đại Thừa cũng cho rằng Bồ Tát ngự ở vị trí cao nhất nên Bồ Tát vốn là một ngôi với Thượng Đế. Trong câu niệm: *Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát*, xác nhận Đại Bồ Tát là Đức Thượng Đế.

A Di Đà Phật (Adi Boudha) là vị Phật tối sơ, còn gọi là Tối Thắng Phật, đã lấy cái trí hóa ra 5 vị Phật khác gọi

[3] Kinh Lễ. Paris Gasnier 1952, tr.101

là Dhyani Boudha. Năm vị này tự tính luân thân hóa ra 5 vị Bồ Tát, đó là Phổ Hiền Bồ Tát, Kim Cương Thủ Bồ Tát, Quan Thế Âm Bồ Tát, Văn Thủ Bồ Tát và Bảo Thủ Bồ Tát (Ratnapâni Bodhisattva).

Giáo lý của Bà La Môn giáo (tức Ấn Độ giáo) không giống giáo lý Kitô giáo và Phật giáo. Bà La Môn giáo không phủ nhận có một Đấng điều khiển Vũ trụ. Mọi người được tự do muốn tin Đức Chí Tôn là Brahma, Siva hay Christna (Hiện thân của Vishnou) cũng được.

Phái cổ Phệ Đà tin có Đấng Tối Cao, chẳng tùy thuộc không gian, thời gian và nhân quả. Phái nhứt nguyên (advaita) dạy: Nhờ có Đức Brahma mà người Bà La Môn mới biết mọi việc. Không có Trời ban hơi thở cho ta thì ta không sống thêm một giây nào. Ta sống là nhờ Trời. Trời là tinh túy của vạn vật trong hoàn vũ, là nguồn suối phát xuất Linh hồn. Không một ai ở thế gian tự hào là mình biết Trời.

Chuyển sang Trung Hoa, dân tộc này tin có ngôi Thượng Đế thống ngự vạn vật. Đấng ấy ngự tại sao Bắc Đẩu điều khiển cả thế gian, không tùy thuộc vào ngôi nào, có đầy đủ quyền uy.

– Thuận Thiên giả tồn, nghịch Thiên giả vong. (Theo ý Trời thì còn, trái ý Trời thì mất).

– Mưu sự tại nhân, hành sự tại Thiên. (Tính việc ở người, thành việc do nơi Trời).

– Tác thiện, Thiên giáng chi bá phúc, tác bất thiện, Thiên giáng chi bá ương. (Làm lành, Trời ban trăm điều phúc, làm ác, Trời cho trăm tai ương).

– Tri mạng chi nhân kiến lợi bất động tâm, tử bất

oán. (Biết mạng Trời, thấy lợi không động lòng, thấy chết không oán hờn).

Xem thế, các dân tộc trên thế giới như các tôn giáo đã ra đời đều tin có một Lý Tuyệt đối, tối cao, siêu nhiên mà loài người không ý niệm nổi. Dù hoài nghi thế nào, Vũ trụ và con người đều bị một định luật khắc khe thống quản. Đáng điều khiển ấy là Đức Chí Tôn, là Thế Tôn, là Ông Trời, là Đức Chúa Trời... tùy theo quan niệm của mỗi dân tộc.

CHƯƠNG IV TRỜI NGƯỜI HIỆP NHỨT

TÔN GIÁO CAO ĐÀI BẮM CHẶT CỘI RỄ VÀO ĐẤT nước, nơi mà Đạo xuất hiện và đơm hoa kết trái. Đạo cực lực phát huy và triển khai các thành ngữ “*Trời cao có Mắt. Ý dân là ý Trời*”

“*Ý dân là ý Trời*” nghĩa là sao? Theo Kinh Cảm Ứng, cầu tất linh, cảm tất ứng. Nghĩa là trong một đàn cúng lễ chẳng hạn, mọi người đều nguyện cầu “*Thiên hạ thái bình*”. Những ý tưởng đó bay lên cao động lòng Trời và Trời theo ý muốn của nhân sanh mà ban ơn lành cho “*Thiên hạ thái bình*”.

Người Đạo Cao Đài phát triển “*Ý dân là ý Trời*” thành “*Trời người hiệp nhứt*”. Khi bước vào cửa chánh Đền Thánh, ta thấy hình Tam Thánh, đại biểu cho cả ba nước “*gân gũ*” Việt Nam nhất, đứng ký Thiên Nhơn hòa ước, còn gọi là Đệ Tam Hòa Ước.

Tiêu đề là: Thiên Nhơn hiệp nhứt (hai chữ Hán viết là Thiên thượng Thiên hạ và hai chữ Pháp là Dieu et Humanité).

Nội dung là: Thương yêu và công chánh (mà nguyên ngữ bằng chữ Pháp là: Amour et Justice).

Vậy muốn Trời Người hiệp nhứt phải làm sao? Phải nhờ đồng tử làm trung gian mà trong Đạo gọi là Thập nhị Thời quân. Giáo lý Cao Đài xác nhận con người có Linh hồn vì nếu không có Linh hồn thì cũng không có

Đạo Cao Đài. Nói cách khác, Linh hồn là một Tiểu Linh Quang của Đức Chí Tôn (Ngài là Đại Linh Quang) phân tánh ban cho (TNHT.I.tr.95) nên khi tâm ta động hay ước nguyện điều gì thì Đại Linh Quang của Ngài sẽ cảm ứng ngay vì cùng một tầng số vi ba, một nguồn gốc hóa thành. Chẳng khác gì trung tâm điện toán, một tế bào quang điện nhiều động thì trung tâm có phản ứng ngay. Chính nhờ đó mà Đạo Cao Đài mới thông linh được các Đấng vô hình qua cơ bút.

“Khoa học cũng làm sáng tỏ việc não bộ của con người phát ra các làn sóng điện từ có cùng đặc tính của những sóng đã ghi được trong bầu trời”^[4].

Kinh Dịch có viết *“Dịch giả? Thiên Nhơn tương hợp nhi dĩ hi”* (Dịch là gì? Cái lẽ Trời Người cùng hiệp đó mà).

“Khởi nguyên của sự sống là sinh lực (biénergie) và là năng lượng khí (énergie). Chung quanh khoảng không Vũ trụ còn có trường hấp dẫn, trường điện từ, trường sinh học, trên khoảng chân không còn có một dạng thứ tư của vật chất là Plasma của Vũ trụ và Bioplasma của sinh vật. Chính những *dòng Plasma vận hành trong cơ thể con người giao lưu cùng Vũ trụ*” (VS-Tinh Khí Thần của tư tưởng Đông phương).

Việc phù cơ thỉnh Tiên đã có từ thời đại Lý Trần và có lâu đời ở Trung Hoa. Trước khi Đạo Cao Đài xuất hiện, phái Minh Sư ở Trung Hoa do cơ bút đã truyền bá câu:

*CAO như Bắc khuyết nhân chiêm ngưỡng,
ĐÀI tại Nam phương đạo thống truyền”*

Đến thời Pháp thuộc, báo chí chữ Pháp phổ biến

[4] Những bí mật của sự tiên đoán, Hà Nội 1977, tr.150

phương pháp xây bàn (la table tournante), các ông Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc theo đó mà làm và vô hình trung bắt điển thiêng liêng truyền Đạo.

Ta có thể nói, Đạo Cao Đài phát sinh dựa trên hai nền tảng:

1. Xã hội tính Việt Nam chung đúc trên 4000 năm văn hiến. Đó là văn hóa Phật, Khổng, Lão, sau cùng là Kitô giáo. Đạo Cao Đài cố gắng làm sáng tỏ phong hóa VN: *Nam phong thử nhật biến Nhơn phong*.
2. Khoa học tâm linh như Thần Linh học, Thông Thiên học, nhất là phong trào xây bàn ở Châu Âu tràn vào nước ta vào đầu thế 20. Như thế, đức tin người Cao Đài có cơ sở, đâu phải huyền hoặc mê tín. Đạo Cao Đài là một tôn giáo tiến bộ có đủ năng lực giải thoát con người tiến đến cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Việc cấu cơ thỉnh Tiên hiện nay trên thế giới, ngoài nước Trung Hoa lâu đời, còn có Pháp, Anh... nhất là Mỹ. Theo báo Nation người ta cấu cơ nơi trống thuộc nhà thờ Đạo Do Thái ở New York nhân ngày giỗ của cô đào Marilyn Monroe (tự tử ngày 5-8-1962), hồn cô về cho biết “*cô uất hận vì đã bị dòng họ Kenedy ám sát*”.

Việc xây bàn bắt đầu từ năm 1847 ở nông trại Hydesville thuộc tiểu bang New York, Mỹ quốc, tại gia đình họ Fox. Theo lời bà Fox, một hôm bà nghe tiếng đập cửa. Bà liền nói “*Hãy đếm đến 20*” thì tiếng đập đủ số 20. Bà liền nói nếu hồn linh thì đập 2 tiếng, được đáp y như lời. Sau đó hồn linh cho biết mình tên là Charles Haynes, làm phu khuân vác bị chủ nhà giết chết và chôn trong

hầm trại. Ông Fox đào lên thấy xương tóc của người chết.

Tiếng đồn người sống nói chuyện với hồn linh vang khắp nước Mỹ.

Năm 1852, Hội nghị Thông linh học (Congrès spirite) mở ra lần đầu tại Cleveland. Số người theo Thông linh học lên đến 3 triệu người vào năm 1854, trong đó có hơn 1 vạn đồng tử. Phái đoàn đồng tử Mỹ sang Anh, Đức, Pháp gây phong trào Thông linh rộng lớn tại những nước đó.

Ở Pháp, bà Girardin phổ độ cho văn hào Victor Hugo (Sau đặc phong Chưởng Đạo Hội Thánh Ngoại giáo Cao Đài) về việc xây bàn khi ông ra đảo Jersey. Sau đó Allan Kardec hệ thống hóa Thông linh học phù hợp khoa học chân xác ngày nay.

Non một thế kỷ, việc xây bàn từ Pháp mới truyền sang nước ta, được các ông Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang tiếp nhận, học tập xây bàn. Vô hình trung họ đã làm trung gian cho Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế khai Đạo ở Việt Nam.

Quay sang nước Nhật, từ thời vua Minh Trị Thiên Hoàng Đạo OMOTO (Đại Bản) cũng được sáng lập bằng huyền diệu cơ bút. Năm 1935, Hội Thánh Đạo OMOTO có phái giáo sĩ sang VN liên lạc với ông Đầu Sư Thái Thơ Thanh năm 1955, phái đoàn Cao Đài sang dự hội nghị tôn giáo quốc tế tại Nhật, được ông Sao Deguchi, Giáo chủ Đạo OMOTO tiếp đón. Ông nói cơ bút của Hội Thánh OMOTO cho biết Đạo Cao Đài sẽ xuất hiện tại VN^[1]

Bên Ý, vào năm 1984, Luật sư Sados Albertini, một tín hữu Kitô giáo, có đứa con trai tên Andrea bị chết oan.

[1] Lịch sử Cơ bút Đạo Cao Đài, Sài Gòn, Hồn Quê 1967, tr.37

Hồn hấn về thông tin cha và bà đồng tử Anitac. Luật sư tổng kết những điều kỳ diệu mà ông giao tiếp với con viết thành quyển “*Thế giới bên kia tồn tại*”. cuốn sách bán hết trong 10 ngày và phải in lại đến lần thứ 24. Sách được dịch ra nhiều thứ tiếng: Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Pháp. Ông đã nhận được 5000 là thư chứng tỏ họ bị thuyết phục về huyền diệu của Thế giới vô hình.

Luật sư Sardos Albertini viết “*Tôi tin ở Chúa. Tôi tin ở Giáo hội. Các thông báo của Andrea (Linh hồn người chết) đều hoàn toàn thích hợp với những điều Giáo hội răn dạy, chính vì vậy, tôi tin vào Andrea*”.

Về Andrea cho biết “*Bãi chẵn thả lớn các Linh hồn đi theo ánh sáng vô tận của Thần Thánh... Một Linh hồn chỉ biết những gì mà Thượng Đế thông đạt*”^[2].

Những điều vừa trình bày trên chứng tỏ rằng thế giới vô hình và sẵn sàng liên lạc với người còn sống. Ngay từ buổi đầu lập giáo, Đạo Cao Đài luôn luôn được Đức Thượng Đế phò trợ. “*Muốn đến với Thầy thì cầu nguyện. Thầy không bao giờ không cảm ứng với những lời cầu nguyện chân thành*”^[3] và “*Thầy nhứt định đến chính mình Thầy độ rồi các con chẳng chịu giao Chánh giáo cho tay phạm nữa*”^[4].

Những lời phán truyền đó nói lên “*Trời Người hiệp nhứt*” trong ý niệm lưu truyền lâu đời “*Có Trời mà cũng có Ta*”

Đức Chí Tôn lại dạy: “*Sự nào về Đạo mà vừa lòng*”

[2] Dẫn lại trong Đặc san “Mùa xuân thi ca”. Nhà XB Hội Nhà Văn VN năm 1992, tr.43-44

[3] TNHT.I.sđđ, tr.124

[4] TNHT.I.sđđ, tr.18

trong cả chú Chúc sắc và tín đồ, ấy là hiệp Thiên ý. Còn điều nào mà phần nhiều môn đệ của Thầy chẳng khứng chịu theo, ấy là bất hiệp Thiên ý đó”^[5]. Câu ấy có khác gì câu: Ý dân là ý Trời.

Nhờ đó, bao nhiêu khó khăn thử thách trong buổi đầu đều được Đức Chí Tôn hiển linh qua cơ bút chỉ vẽ, giải quyết mọi vấn đề. Chỉ một thời gian rất ngắn, cơ chế Đạo đã hình thành: Pháp Chánh Truyền, Hội Thánh Hiệp Thiên Đài, Cửu Trùng Đài...

Những điều huyền diệu linh hiển của cơ bút thì vô ngần không kể xiết. Từ việc dạy Ngũ chi Minh đạo về hiệp nhứt, tới việc trị bệnh điên, bệnh thời khí, đều đạt kết quả tốt. Nhờ đó, Đạo khai không bao lâu, số người theo Đạo lên tới non triệu.

[5] TNHT, sđđ, tr.47

CHƯƠNG V

NGÔI THỜ ĐỨC CHÍ TÔN

TRONG TÒA THÁNH, TRÊN CUNG ĐẠO, CÓ BÁT Quái Đài xây thành 12 bậc, tượng trưng cho Thập Nhị Khai thiên. Từ lúc giáng trần, Đức Chí Tôn ngự tại Tòa Thánh. Nếu có nơi nào nói là Ngài giáng, đó chỉ là phân tánh của Ngài do lời cầu khẩn của nhơn sanh mà thôi.

Trên mặt Bát Quái có vẽ các quẻ và tạo quẻ Càn Khôn tượng trưng cho sự thống nhất các tôn giáo trên hoàn vũ (vạn thù qui nhứt bổn), ở giữa quả Càn Khôn vẽ Thiên Nhân (con mắt trái mở rộng).

Đức Chí Tôn dạy việc thờ Ngài như sau:

“Một quả Càn Khôn như trái đất tròn quay. Bề kính tâm (đường kính) 3,33 mét, sơn màu xanh da trời. Cung Bắc Đẩu và tinh tú vẽ lên quả Càn Khôn. Thấy kể Tam thập lục thiên, Tứ Đại Bộ Châu ở không không trên không khí, còn Thất thập nhị Địa, tam thiên Thế giới đều là tinh tú (hành tinh). Tính lại 3072 ngôi sao, liệu vẽ trên đó cho đủ, trên sao Bắc Đẩu vẽ con Mắt Thấy. Đáng lẽ quả Càn Khôn phải bằng pha lê, đúc bên trong một ngọn đèn thường sáng. Ấy là lời cầu nguyện rất quý báu cho cả nhơn loại”.

■ (Đàn cơ đêm 17-6-1926)

Xem thế, quả Càn Khôn không chỉ là trái đất mà gồm cả Thiên cầu^[1]. Các tinh tú nói trên xa gần khác nhau,

[1] Quả Càn Khôn chỉ tạc thờ tại Tòa Thánh, còn các Thánh Thất

nhưng trong đêm mắt ta thấy như ghi trên một hình cầu màu xanh rất lớn^[2], đó là Thiên cầu, vì người ở nước VN (gần địa Xích đạo) nên thấy sao Bắc Đẩu nằm ngang trên đường chân trời (tức ngang tầm mắt) chớ không phải Thiên Nhân vẽ trên địa Xích đạo.

Còn ngọn đèn thường sáng, đó là giả mượn Tâm đấng, Phật Tiên truyền Đạo cũng do đó, nhân loại thành Đạo cũng ở đó. Ngọn đèn Thái Cực để ở ngay chính giữa Thiên cầu, không lay động, không xao xuẩn, chiếu soi khắp cả Càn Khôn. Mặt trời, Mặt trăng có lúc sáng lúc tối (đối với con người) chớ đèn Thái Cực, nơi Thấy ngự thì giờ khắc nào cũng tỏ rạng. Nhơn vật từ đó mà sanh, từ đó mà thành, nhờ đó mà an vui. Vũ trụ nhờ đó mà tạo Phật tác Tiên, siêu phàm nhập Thánh. Đó há không phải là lời cầu nguyện rất quý báu cho cả nhơn loại hay sao?

Mặt khác, ngọn đèn cũng biểu trưng nguồn sáng nuôi sống nhơn loại. Đèn tắt là thời kỳ mạt kiếp tới. Khoa học nhận Vũ trụ hiện đang ở thời kỳ nở ra (période de dilatation). Mọi vật đều dần ra cùng một nhịp^[3]. Do đó, các tinh tú ngày càng xa nhau, đến một lúc nào đó, điều kiện sống không còn, vạn loại sẽ đến thời kỳ mạt kiếp. Cho nên người tín đồ Cao Đài luôn luôn thấp sáng (sưởi ấm) trên Thiên Bàn để cầu nguyện cho nhơn loại trường tồn.

Tại sao Thiên Nhân tượng trưng cho Thượng Đế?

Đức Chí Tôn dạy như vậy: *“Chưa phải hỏi các con biết dạng tại sao vẽ Thánh tượng con Mắt mà thờ Thấy, song Thấy nói sơ lược:*

thờ Thiên Nhân.

[2] Do hiệu quả của phép phối cảnh.

[3] Đường dài nào trong Vũ trụ cũng nở thêm chừng 0,000.000.01% mỗi name

*Nhãn thị chủ tâm,
Lưỡng quang chủ tế,
Quang thị Thần,
Thần thị Thiên
Thiên giả ngã giả”*

Nghĩa là:

*Mắt là chủ cái Tâm
Hai yếng sáng trong mắt là chủ tế,
Yếng sáng là Thần,
Thần là Trời
Trời là TA vậy.*

Đức Chí Tôn lại dạy:

“Từ ngày Đạo bế, tu thì nhiều mà người đắc Đạo rất ít vì Thần là cơ mấu nhiệm mà lại bị biếm. Nay Thầy đến hườn nguyên Tam Bửu cho các con đắc Đạo. Các con hiểu Thần cư tại nhãn, thì nên bố trí cho đạo hữu các con hiểu. Nguồn Tiên Phật yếu nhiệm tại đó”.

Cổ thư có nói: “Mắt là nơi chứa Thần. Ngoài con Mắt ra không thể chỉ Thần ở đâu cả, nếu không thì Thần người không chỗ nào là không có Thần. Lông tóc không có Thần thì xin nháp mà vàng, răng không Thần thì không sáng bóng, tiếng nói không có Thần thì không thể hài hòa, móng tay chân có Thần mới sáng sủa”. (Hải Thượng tập Đạo Lưu Dư Vận, Saigon, Khai Trí 1972).

Như vậy, thờ Thiên Nhãn (tức thờ Thần) là cách diễn đạt Bí pháp muốn đắc Đạo phải có Thần mới hườn nguyên với đệ nhị xác thân mà nhập cảnh Thiêng Liêng Hằng Sống.

Đức Chí Tôn đã dạy: “*Con Mắt là gốc ở Tâm*”. Dân Pháp cũng nói “*Con Mắt là kiếng soi tâm*” (Loiel est miroir du coeur).

Như vậy, con Mắt tượng trưng cho lương tri, lương tâm (conscience). Cả vạn vật hợp lại thành khối đại lương tri, đại lương tâm (conscience universelle) tượng bằng Thiên Nhân, nên thờ Thiên Nhân là thờ Đức tin của nhân loại.

Trong Tứ thời lễ bái, lúc nào người tìn hữu cũng nhìn thẳng lên Thiên Nhân để soi tâm mình mà kiểm chế tục tánh tội lỗi vì “*Hoàng Thiên hữu nhãn*” (Trời cao có mắt).

Trong Tam giáo Thích, Lão, Nho đều lấy tâm tánh giáo hóa con người. Tâm tánh có biết được là do “*Lưỡng quang chủ tế*” tức cửa ngõ tâm hồn chủ đạo. Thế nên,

Phật giáo dạy: *Minh tâm kiến tánh*

Lão giáo dạy: *Tu tâm luyện tánh*

Nho giáo dạy: *Tôn tâm dưỡng tánh*

Trong Kinh Dịch cũng có câu: “*Nhất nhơn chi tâm, tức Thiên Địa chi tâm, nhân vật chi lý, tức vạn vật chi lý*”. (Cái tâm của mỗi người là cái tâm của Trời Đất, cái lý của mỗi người là cái lý của vạn vật).

Phải nhận rằng Đạo Cao Đài liên quan nhiều với các truyền thuyết và tôn giáo Trung Hoa, nhưng không có tham vọng làm y như người phương Bắc mà giản dị nó vừa tầm vóc với mọi sắc dân. Người đệ tử Cao Đài có ước vọng tôn giáo mình sẽ rộng hơn Di Hòa Viên và dài hơn Vạn Lý Trường Thành.

Dưới Bát Quái Đài có cái hầm gọi là Hầm Tàng

Bửu Khánh, tượng trưng nơi chứa châu báu để cứu khổ nhơn sanh.

Trên nóc Bát Quái Đài thờ 3 ngôi Thần của Đạo Bà La Môn (Ấn giáo) là Brahma, Siva (Shiva). Christna (hay Vishnou) tượng trưng cho Tam Thanh: Thái Thanh, Thượng Thanh và Ngọc Thanh, ba phái trong Đạo Cao Đài. Ba Thần vâng lệnh Đức Thượng Đế điều khiển ba ngươn, công thành quả mãn nên đặc Phật vị.

- **PHẬT BRAHMA:** hướng mặt về phía Tây, điều khiển Thượng ngươn tức ngươn Thánh Đức.
- **PHẬT SIVA:** hướng mặt về phía Bắc, điều khiển Trung ngươn tức ngươn Tranh đấu, như lời cầu khẩn Đức Chí Tôn (vì Thượng Đế ngự tại ngôi Bắc Đẩu) tế độ nhơn sanh thoát vòng trầm luân.
- **PHẬT CHRISTNA:** hướng mặt về phía Nam, điều khiển Hạ ngươn tức ngươn Bảo Tôn.

Đức Hộ Pháp có giảng về nhiệm vụ cao trọng của Phật Christna:

“Dầu cho những Chơn linh nào chết nơi chân trời hay góc bể đi nữa, nếu đầy đủ công nghiệp tâm đức thì được Phật Christna (Vishnoun) lãnh linh Đức Chí Tôn mà rước Chơn linh ấy về ngay nơi Bạch Ngọc Kinh” Đức Hộ Pháp giảng thêm: *“Tòa Thánh là hình ảnh của Bạch Ngọc Kinh tại thế, tương quan Bí pháp nơi cõi Thiêng liêng”.*

Tóm lại Cao Đài giáo chọn biểu tượng Thiên Nhân để tôn thờ vì lẽ Đấng Tối cao vô hình, vô ảnh. Nếu một vị Giáo chủ bằng xương bằng thịt là người Tây phương sẽ làm người Đông phương mặc cảm và ngược lại. Thế nên, hình ảnh thi phàm mắt thịt là hàng rào ngăn cách

khó có thể thực hiện một tôn giáo đại đồng như loại.

Lẽ đương nhiên, Cao Đài giáo nhất Thần tượng trưng bằng CON MẮT TRÁI MỞ RỘNG. Còn những thể thức bày biện bên ngoài Thiên Nhân chỉ là sự biểu lộ lòng tôn kính đối với hàng giáo lãnh của các tôn giáo, đồng thời giúp việc truyền Đạo được mau chóng.

Bình tâm mà nhận rằng, không tôn giáo nào chỉ duy nhất một vị Thần mà phải nói là các tôn giáo có một vị Thần độc tôn mà còn không biết bao nhiêu vị Thần khác bao quanh.

Hãy bình tâm nhìn cách thờ phượng chính thống tại Tòa Thánh Tây Ninh. Ta thấy có hai phần rõ rệt: cái nhìn ngang thấy được và cái ngẩng đầu lên mới thấy được.

1- *Cái ngẩng đầu lên* là nơi thờ Thần Thánh Tiên Phật trong Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ Phổ độ. Những Thần linh đã có sẵn trong nhân dân các nước. Tam Kỳ Phổ độ tạc tượng thờ là để kính trọng (Kính nhi viễn chi) để xác nhận các tôn giáo đều có chung nguồn gốc. Các thức giả chắc thấy được mỹ ý đó.

2- *Cái nhìn ngang* đều thấy được là ngôi thờ các Thần linh của Đạo Cao Đài. Từ **Tam Thánh**, **Tam vị thiên sứ**, **Bảy ngài** (1. Giáo Tông, 2. Chưởng Pháp, 3. Đầu Sư) tới **Thiên bàn thờ quả Càn Khôn** trên có **Thiên Nhân** đều là Thần linh của Tam Kỳ Phổ độ.

Thánh thi, Thánh ngôn dạy hợp với trào lưu tiến hóa sau thời Khai Đạo Cao Đài mới được chấp nhận. Lời của các bậc Giáo lãnh phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Đạo Cao Đài được trân trọng.

Thế thì, Đạo Cao Đài là Đạo Cao Đài, có bản sắc

riêng của mình. Khi làm lễ, Đức Chí Tôn dạy các đệ tử nhìn ngay vào Thiên Nhân mà không nhìn nơi nào khác. Lời dạy ấy có ai còn dám bảo Đạo Cao Đài đa thần không?

“Không ai chối cãi rằng Đạo Cao Đài đã làm sống lại cái quyền hạn tối thiêng liêng của con người với những tư tưởng quảng đại và nhân từ. Họ đã đem đến cho dân chúng Đông Dương một sự hấp dẫn mãnh liệt, nên đến năm 1931, họ đã tập hợp trên một triệu tín đồ”^[1].

1- Càn Khôn là gì?

QUẢ CÀN KHÔN không phải chỉ là Trái đất (Khôn) mà gồm cả Thiên Cầu (Càn) trùm lên nhau, biểu tượng “*Âm Dương hợp nhất chi vị Đạo*”. Vậy Đạo bao gồm cả Âm Dương, mà Âm Dương là Thái Cực, mà Thái Cực là ngôi Đức Cao Đài. Chung qui thờ Quả Càn Khôn là thờ Đức Chí Tôn. Thờ Âm Dương là thờ sự biến dịch của vạn loài. Đó là triết lý cao khiết về mặt tôn giáo và cả khoa học nữa. Bởi lẽ đời người ngắn ngủi, con người chỉ là hiện tượng nhất thời phát sinh do tác động giữa âm dương mà sinh thành. Nguyên tử cũng chỉ do sự hóa hợp điện tử âm và điện tử dương mà sinh thành. Tất cả mọi việc trong Vũ trụ đều lấy Càn (Dương), Khôn (Âm) làm điều kiện cơ bản. Vậy Càn Khôn là gì? Càn Khôn là Đạo, là Thái Cực, mà “*Đạo sinh nhất, nhất vi Thái Cực*” (Thiệu Tử, Văn Ngữ Lục). Lí giải đơn giản:

– CÀN là Trời, là Vua, là Cha, là Chồng, là đầu, là cứng, là lãnh đạo, là vàng, là băng, là thiên thể...

– KHÔN là Đất, là nhân dân, là vợ, là mẹ, là thuận

[1] Báo Progrès Civique ngày 19-12-1931

tông, là mềm, là sắc vàng, là văn, là bụng...

Càn Khôn là âm dương trong Trời Đất. “*Một âm một dương quanh đi quẩn lại cái vòng tròn không đầu mối. Nói rằng âm dương là Một (Thái Cực) cũng được, mà bảo là âm dương thiên biến vạn hóa vô cùng tận cũng được*” (Nhất âm nhất dương nhi hoàn vô đoan. Vị âm dương khước thị thiên biến vạn hóa nhi vô cùng diệc khả)^[2].

Chu Hy trong “*Chu Dịch Bản Nghĩa*” giải thích cụ thể hơn “*Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn rừ áo xiêm mà thiên hạ trị; đó là lấy tượng ở quẻ Càn, quẻ Khôn*” (Hoàng Đế, Nghiêu Thuấn thù y thường nhi thiên hạ trị, cái thú như Càn Khôn).

Trong Dịch Hệ Thượng (Chương IV), Chu Tử chú giải về Càn Khôn như vậy: “*Đạo dịch chỉ là Âm (Khôn) với Dương (Càn) mà thôi. Uẩn hay rõ ràng, sống hay chết, qui cũng như Thân, tất cả đều là biến tướng của âm dương, là cái Đạo của Trời Đất*”. Và ông quả quyết: “*Cái Khí (mà khoa học gọi là ÉTHER) bần bạc khắp trong trời đất để biến hóa tạo lập ra muôn loài, thực ra chỉ là hai khí âm dương trước sau, suy thịnh mà thôi*” (Doanh Thiên Địa chi giab, sở dĩ vi tạo hóa giả, âm dương nhị khí chi thủy chung thịnh suy nhi dĩ). Đức Chí Tôn cũng dạy: “*Đạo Thấy không chi lạ, không ngoài hai lẽ âm (Khôn) dương (Càn)*”

Như vậy, hai động lực căn bản tạo thành Vũ trụ là âm dương. Nếu dương cực thì âm sinh, âm cực thì dương sinh. Khoa vật lý cũng chứng minh rằng: một nguyên tử có hai yếu tố căn bản là âm điện tử (électron) và dương điện tử (proton) hoạt động nhộn nhịp chứ không im lìm. Nếu nguyên tử chỉ có thuần một âm tử hay dương tử thì

[2] Hồ Cư Nhân, Dịch Tương Sao, quyển II, tr.8

nguyên tử ấy chẳng thể nào phóng xạ sinh hóa được. Giả dụ, nếu mạch điện bị cắt một dây dương thì không thể nào tạo ra điện năng được. Như thế, âm dương không thể tách rời. Âm dương chỉ là hai trạng thái tịnh động của Lý Thái Cực, chu hành trong Vũ trụ cùng tác động với nhau để biến hóa vạn vật.

Chung qui «Đạo vốn chỉ một âm một dương mà thôi. Trước sau, đầu cuối, động tịnh, tối sáng, trên dưới, tiến lui, qua lại, đống mở, đẩy vơi, tiêu trường, tôn ti, quý tiện, biểu lý, ẩn hiện, hướng bội, thuận nghịch, tồn vong, đắc thất, xuất nhập, hành tàng; có cái gì thích hợp mà chẳng phải một âm một dương?»^[3] Vậy «Vật có gốc ngon, việc có trước sau» và có «Biết được trước sau mới gần được Đạo»^[4]

2- Kinh Dịch giải về Càn Khôn ra sao?

Trong Kinh Dịch phân Thoán truyện do Đức Khổng Tử viết có đoạn: “Đức nguyên, Càn lớn, vạn vật bắt đầu từ Càn (nảy nở) thống cả Thiên Đạo, Càn làm mây mưa khiến cho vạn vật hình thành sinh trường. Bậc Thánh Nhân thấy cả trước sau, cả 6 hào của quẻ thuần Càn, mỗi hào có một vị nên thuận thời mà hành Đạo như cưỡi 6 rồng (âm chỉ 6 hào dương của quẻ thuần Càn) mà thống ngự cả vùng Trời. Đạo Càn biến hóa khiến cho Bậc Thánh Nhân đứng đầu muôn vật, theo Đạo Càn thì muôn nước đều bình an” (Đại tai càn nguyên, vạn vật tứ thủy, nãi thống thiên, vạn hành vũ chí phẩm vật lưu hình. Đại minh chung thủy, lục vị thời thành, thời thừa lục long dĩ ngự thiên. Càn Đạo

[3] Trần Thúc Lượng và Lý Tâm Trang, Tổng nguyên học án, quyển III, tr.643

[4] Tiên Mục, Tứ Thư thích nghĩa, tập II, tr.2

biến hóa, các chánh tính mệnh, bảo hợp thái hòa nãi lợi trinh, thủ xuất thủ vật, vạn quốc hàm ninh)

Trong Hệ Từ Truyện, Thiên Thượng, chương 1 có viết “*Đạo Càn tạo thành người Nam, Đạo Khôn tạo thành người Nữ*” (Càn Đạo thành Nam, Khôn Đạo thành Nữ).

Câu: “*Thời thừa lục long dĩ ngự thiên*” như câu: “*Thời thừa lục long du hành bất tức*” trong bài “*Ngọc Hoàng Kinh*”, lại nữa Càn Khôn còn tạo ra con người. Vậy ta xét Đạo Càn Khôn theo Kinh Dịch như sau:

Theo quẻ Thuần Càn thì Càn có 4 đức tính: nguyên (đầu tiên), hanh (thông), lợi (thích đáng), trinh (chính bền). Trời có đức nguyên vì là nguồn gốc của vạn vật, có đức hanh vì làm ra mây mưa để cho vạn vật sinh trưởng, có đức lợi và trinh vì biến hóa làm cho mọi vật giữ được bản tính và nguyên khí đặng thái hòa. Càn còn tượng trưng cho người quân tử với 4 đức tính nhân, nghĩa, lễ, trí.

Chu Công giải nghĩa 6 hào của quẻ Thuần Càn thành 6 rồng, con vật ngự của Đấng Chí Tôn như sau:

- ✘ HÀO ĐẦU: Rồng còn ẩn náo chưa (đem tài) dùng được (tiềm long vật dụng), tức rồng còn dưới vực sâu chưa lên mây nên chưa biến hóa được. Ý nói: người chưa gặp thời thì nên trau dồi hạnh đức, luyện thêm tài trí, ở ẩn không cần danh, không ai biết mình thì cũng chẳng buồn.
- ✘ HÀO HAI: Rồng đã hiện ở cánh đồng, ra mắt đại nhân thì lợi (hiện long tại điền, lợi kiến đại nhân). Người giúp đời mà không khoe công lao, giữ được lòng thành tín và được trung chánh gặp đại nhân thì lợi.
- ✘ HÀO BA: Người quân tử suốt ngày hăng hái tự cường,

đến tối vẫn còn thận trọng, dù nguy hiểm nhưng không tội lỗi (quân tử chung nhật, càn càn tịch tịch nhược. Lệ vô cửu) Người quân tử giữ lòng trung tín mà tiến đức lập ngôn, lấy lòng thành lập nên sự nghiệp. Ở địa vị cao mà không tự kiêu, ở địa vị thấp mà không lo lắng.

- ✘ HÀO BỐN: Như rồng có khi bay lượn, có khi nằm vực, tùy thời mà không lầm lỗi (hoặc được, tại uyên vô cửu) Thận trọng tùy thời cơ, nên tiến thì tiến (như rồng bay) nếu không thì chờ đợi (rồng nằm vực) chuẩn bị cho kịp lúc ra giúp đời.
- ✘ HÀO NĂM: Rồng bay trên trời ra mắt đại nhân thì lợi (Phi long tại thiên lợi tiến đại nhân). mây bay theo rồng, gió bay theo cọp. Ý nói Thánh nhân ra đời người người trông theo.
- ✘ HÀO CUỐI: Rồng lên cao quá có hối hận (kháng lạng hữu hối). Rồng bay cao quá khó xuống, nếu hành động sẽ xảy ra điều đáng tiếc vì cực thịnh tắc suy nên lui bước để giữ đạo người quân tử.

Trên đây, quẻ Thuần Càn dạy người Nam, dưới đây quẻ Thuần Khôn dạy người Nữ. Thật ra hai quẻ Càn Khôn đều dạy chung con người.

Đạo Khôn có đức đầu tiên và lớn, hanh thông, thích đáng, đức chính và bền của con ngựa cái (nguyên hanh lợi, tấn mã chi trinh) vì Văn Vương cho con ngựa cái có tính thuận theo đực, như Khôn thuận theo Càn.

Càn tạo ra vạn vật ở cõi vô hình thuộc Khí, mà phải nhờ Khôn, vạn vật mới tượng hữu hình rồi sinh trưởng. Cho nên công của Khôn (Mẹ) cũng lớn như công của Càn (Cha), chỉ khác là Khôn phải ở sau Càn, tùy theo Càn, bổ

túc cho Càn. Thế nên, các đức nguyên, hanh lợi, Khôn có đủ như Càn. Riêng về đức trinh thì Khôn hơi khác: tuy chính và bền mà phải thuận.

Chính vì Khôn có đức thuận mà mọi việc khởi xướng đều là Càn. Khôn chỉ tiếp tục công việc của Càn. Người đời nếu ở địa vị Khôn thì phải tùy thuộc theo người trên mà làm, không nên khởi xướng mà lầm lỡ. Như thế, Đức Mẹ chờ được vạn vật cũng lớn sánh bằng Đức Cha.

Cái lý của 6 hào Thuần Khôn gần ý như vậy nên không bàn thêm.

Thế thì, người xưa “*Thấy Trời cao, Đất thấp mà lập ra quả Càn Khôn động và tĩnh nhất định nhờ đó mà phân biệt được cương nhu*” (Thiên tôn, Địa ti, Càn Khôn định hỉ, động tĩnh hữu thường, cương nhu đoán hỉ. Hệ Từ Thượng Truyện).

Tóm lại, “*Đạo Càn lúc tĩnh thì chuyên nhất, lúc động thì tiến thẳng, cho nên sức sinh của nó lớn. Đạo Khôn lúc tĩnh thì nhu lại, lúc động thì mở ra, cho nên sức sinh của nó rộng*” (Phù Càn kỳ tĩnh dã chuyên, kỳ động dã trực, thi dĩ đại sinh yên. Phù Khôn kỳ tĩnh dã hấp, kỳ động dã tịnh thị dĩ quăng sinh yên. Hệ Từ Thượng Truyện, chương 6).

Nói cách khác “*Đạo Càn mạnh nhất trong thiên hạ, đức hạnh của Càn là làm việc gì cũng dễ dàng, bình dị mà vẫn biết được chỗ nguy nan. Đạo Khôn nhu thuận nhất trong thiên hạ, đức của nó đơn giản mà vẫn biết được được nơi trắc trở*” (Phù Càn thiên hạ chi chí kiện dã, đức hạnh bằng di, dĩ tri hiểm. Phù Khôn, thiên hạ chi khí thuận dã, đức hạnh bằng giản, dĩ tri trở. Hệ Từ Thượng Truyện, chương 12).

Qua lý giải trên ta nhận rằng: Đức Chí Tôn chọn quả Càn Khôn tạo Thiên Nhân làm ngôi thờ thiêng liêng cho toàn Đạo đã nói lên ý tưởng cao xa huyền nhiệm vô biên. Càn Khôn biến đổi vô thường như Dịch lý không ngừng tạo ra vạn loài và “*thống ngự vạn vật*”, hữu tử vô chung.

Xem thế, “*Sự biến dịch của Càn Khôn uẩn ảo quá: Khi Càn Khôn hình thành thì đã có dịch ở trong. Nếu Càn Khôn bị hủy thì không thể có dịch, nếu dịch không thể phát hiện thì Càn Khôn tác nghi*” (Càn Khôn hủy tác vô dĩ hiện dịch. Dịch bất khả hiện, tác Càn Khôn hoặc, cơ hồ hi)^[5].

Muốn Càn Khôn (âm dương) không xung khắc phải theo học thuyết Trung Dung của Đức Khổng Tử mà Albert Einstein gọi là “*Thuyết Tương Đối*” là đại biểu cho tính sáng tạo của khoa học hiện đại và cả tính thống nhất^[6]. Trong Hệ Từ Thượng, Khổng Tử viết “*Thiên hạ cùng qui về tuy khác đường, một mối mà trăm lo*” và trong Hệ Từ Hạ, Ngài viết: “*Đạo cùng đi mà chẳng chống đối nhau, muôn vật nuôi nhau mà chẳng hại nhau*” (Đạo tịnh hành nhi bất tương bội, vạn vật tịnh dục nhi bất tương hại)^[7]

“*Đạt được trung hòa thì trời đất định vị, muôn vật đều hóa dục... Trung là gì? Trung là cái gốc lớn của thiên hạ. Hòa là gì? Hòa là sự đạt Đạo của thiên hạ*” (Trí trung hòa, thiên địa vị yên, vạn vật dục yên... Trung dã giả, thiên hạ chi đại bản dã. Hòa dã giả, thiên hạ chi đạt Đạo dã). Đạo đó là Đạo Trung Dung mà Đức Khổng Tử cho là không thể phút giây nào rời xa được (Đạo dã giả, bất khả

[5] Chu Hy, Chu Dịch Bản Nghĩa, Hệ Từ Thượng, chương XII

[6] Trương Kỳ Quân, Trung Hoa Ngũ Thiên Niên Sử, quyển II, chương XII, tr.25

[7] Chu Hy, sdd, Hệ Từ Hạ

tu du ly dã)^[8]. Đạo Trung Dung quan trọng như vậy nên vua Thuấn phải dặn dò ông Vũ: “*Lòng người dễ khuynh nguy, lòng mến Đạo lại yếu cho nên phải xét cho tinh một mực mà quyết giữ cho bằng được Trung Dung*” (Nhân tâm duy nguy, Đạo tâm duy vi, duy tinh duy nhất, doãn chấp quyết trung)^[9].

Tóm lại, Đạo Cao Đài mục đích là Qui Tam giáo, mà đời Lý Trần gọi là Tam Giáo Đồng Nguyên là Quốc Đạo, đã bắt nguồn từ hai luồng tư tưởng lớn trên bán đảo Ấn Trung: Phật giáo, Lão giáo, Khổng giáo, mà “*nhiều người tin tưởng trong tương lai những luồng tư tưởng này có thể dung hợp thành một ý thức hệ kiêm đủ chân thiện mỹ, khả dĩ đem lại được cho Đông phương và toàn thể nhân loại một cuộc sống tinh thần cũng như vật chất đầy đủ, tốt đẹp, luôn luôn khai phóng và hướng thượng.*”

Sự tin tưởng cũng là một liều thuốc linh nghiệm để đối phó với bệnh tình cấp bách hiện tại của Tây phương. Thúc giả Tây phương đã nhận thấy sự kém cỏi của mình, hơn một lần tự hạ mong học hỏi và cầu xin Đông phương giải cứu cho họ.^[10]

ĐẠO DỊCH VÀ LÂN MÃ

Vào ngày 15/6/1997, Bảo tàng Vĩnh Long đã «*Phát hiện lân mã ở Vĩnh Long*» trong báo cáo có ghi rõ:

“Theo một số bò lão bà con trong vùng cho rằng cách nay trên dưới 80 năm, có cụ Đức Lợi là người chuyên về đúc đồng, có thể cụ là người đúc ra con LÂN MÃ này, mà thực tế cụ đã đúc ra nhiều con như vậy. Một số khác còn cho biết,

[8] Tiên Mục, Tứ Thư thích nghĩa, tập II, tr.31-36

[9] Couvreur Seraphin, les Annales de la Chine, Paris 1950, tr.39

[10] Nguyễn Hữu Lương, sdd, tr.27

hiện nay trong Tòa Thánh Tây Ninh cũng có một con tương tự, nhưng đã bị hỏng, sót mẽ còn lại ở đâu đó trong Thánh địa (?)... “Lại có một tin nữa, cho rằng trong thời kỳ Pháp thuộc, trong tỉnh Vĩnh Long có bà Hương Thanh, người có vai vế trong Hội Thánh Cao Đài, nên trong Thánh Thất (Vũng Liêm) nơi bà ở có để con LẤN MÃ này, nên ngày nay có người nhận là chính con LẤN MÃ hiện nay là con LẤN MÃ của bà” (Báo cáo Bảo tàng Vĩnh Long, trang 23)

Trong “Đại nam Quốc Âm Tự Vị” của Huỳnh Tịnh Của giải thích về chữ Kỳ Lân như vậy: “Kỳ là thú có nhơn, chính là con đực, lân là con cái... Lân con thú giống sư tử mà hiền lành, người ta gọi là linh vật, đem vào tứ linh là long, lân, qui, phụng. Vua chúa có nhơn đức mới thấy nó”.^[11]

Trong “Hán Việt Từ điển” của Đào Duy Anh giải thích thêm: “Kỳ lân, con thú có tính lành giống con hươu mà lớn hơn, đuôi trâu vút ngựa, không ăn sinh vật, nên người ta gọi là nhân thú”^[12]. Về con Long Mã ông viết: “Long Mã, ngựa cao trên 8 thước, người Tàu gọi là Long Mã, con rồng hình dáng ngựa..... Hà Đồ xưa truyền rằng, đời vua Phục Hy, trong sông Hoàng Hà có con Long Mã xuất hiện, trên lưng nó có vẽ nét từ số 1 đến 10, Phục Hy mới theo đó mà vạch ra Bát Quái”^[13]

Năm 1919, L. Cadière công bố về “mỹ thuật ở Huế” trong tạp chí Bulletin des Amis du vieux Hue (những người bạn cố đô Huế) giới thiệu về nhiều con Kỳ Lân, nếu

[11] HUỖNH TỊNH CỬA, Đại nam Quốc Âm Tự vị (Tập I) Sài Gòn 1895, tr.510 và 538.

[12] ĐÀO DUY ANH, Hán Việt Từ điển, Hà nội 1992, tr.435-436 và 334-513

[13] ĐÀO DUY ANH, Hán Việt Từ điển, Hà nội 1992, tr.435-436 và 334-513

đem đối chiếu với lân đồng ở Vĩnh Long thì chính là lư Kỳ Lân dùng để đốt trầm, Lân Mã này cao 1,36m dài 1,48m, cân nặng 323 kg. Đó là vật cổ quý hiếm thuộc mỹ thuật thời Nguyễn có niên đại vào khoảng đầu thế kỷ XX^[14].

Số là năm 1936 Đức Phạm Hộ Pháp tái xây dựng Tòa Thánh có đến Vũng Liêm xin bà Lâm Hương Thanh tài trợ vì bà rất giàu có nhờ thừa kế của người chồng Pháp là Perrier gốc Thụy Sĩ. Bà không đủ tiền mặt nên đưa châu báu cho Đức Hộ Pháp, Ngài không nhận và nói: “*Sau khi Tòa Thánh cất xong phải có lư lân mã xông trầm*”. Vì thế mà bà Hương Thanh mới làm con Lân Mã để tại Thánh Thất Vũng Liêm và một con Lân Mã bằng đồng đen (?) nặng 3 kg để tại Đại Điện Tòa Thánh. Năm 1941, Pháp chiếm đóng Tòa Thánh thì con Lân Mã bị thất lạc. Ngày nay Hội Thánh làm con Ngọc Kỳ Lân thay thế (Ngọc đây ám chỉ cái quý của đồng đen) để múa trong các dịp lễ.

Về bí pháp của Lân mã ta thấy:

- Cao: 1,36m à 1+3+6 = 10 chỉ Hà Đồ: con Rồng
- Dài: 1,48m à 1+4+8 = 13 giờ Ngọ chỉ con Ngựa
- Nặng: 323 kg à 3+2+3 = 8 chỉ Bát Quái Cao Đài

Nếu đem so BQ Cao Đài với hai BQ trước, ta thấy những nét đặc thù sau:

- Đệ I BQ Phục Hy – Hà Đồ – Long Mã 10 (cộng từ 1 đến 10) = 55
- Đệ II BQ Văn Vương – Lạc Thư – Linh Quy 9 (cộng từ 1 đến 9) = 45
- Đệ III BQ Cao Đài – Thiên Thư – Lân Mã 8 (cộng từ 1 đến 8) = 36

[14] Tạp chí xưa và nay số 88 tháng 3 năm 2001, tr.37-38

Số 36 là Tam Thập Lục Thiên với không gian bốn chiều 4 x 9 tầng bằng 36 tầng trời. Theo Dịch lý giảm dần từ 10, 9, 8 đến 1 (Thái Cực) biểu hiện con người xa dần vật chất tiến tới tinh thần.

3- Phạm trừ Càn Khôn

Dịch Hệ Từ viết: “*Cương nhu tương dịch, duy biến sở thích*”. Trong Thái Cực, âm dương bên nhau đương nhiên có sự trao đổi lẫn nhau. Âm hút Dương, Dương hút Âm để thể hiện sự quân bình của Vũ trụ. Trong Hậu Thiên Bát Quái chẳng hạn, khí Dương của Càn hút khí Khôn âm để biến thành các quẻ Khảm, Cấn, Chấn, còn khí âm Khôn đoạt khí dương Càn để biến thành các quẻ Tốn, Ly, Đoài. Đó là luật nhị khí giao cảm, hóa sinh vạn vật. Mọi việc trên đời đều có cặp mâu thuẫn đối đãi mang tính tất nhiên và phổ biến như âm dương.

Bàn về quan niệm Vũ trụ, Dịch Hệ Thượng viết: “*Dịch có Thái Cực, Thái Cực sinh Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi sinh Tứ Tượng, Tứ Tượng sinh Bát Quái*”. Thánh Ngôn của Đạo Cao Đài cũng dạy: “*Thầy phân Thái Cực ra Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi sinh Tứ Tượng, Tứ Tượng sinh Bát Quái, Bát Quái biến hóa vô cùng*” (TNHT quyển II, tr.62). Hai ý trên như đinh có cùng một gốc.

Trong Dịch Hệ Thượng, Đức Khổng Thánh lưu ý: từ chất co giãn vô hình, Thái Cực chia ra hai Nghi là Âm Dương rồi biến hóa ra Tứ Tượng thành Bát Quái. Bát quái biểu tượng cho vạn vật. Thế thì, Vũ trụ được hình thành từ vô thi đến vô chung, từ vô hình qua hữu hình với quá trình biến hóa đi lên của nó. Quả thật, “*Vũ trụ có những*

mãnh lực bí mật lớn lao đã hợp nhất lại và vô số hình thể sống động của nó đã đảm bảo sự liên tục cho chúng". (Les grands forces mystérieuses de la Nature étaient désormais unifiées. Les innombrables formes vivantes affirmaient leur enchainement)^[15]

Vì thế, Kinh Dịch mới nói: “*Sinh rồi lại Sinh thì gọi là Dịch*”. Cái gì sinh? Chu Hy lý giải: “*Âm sinh Dương, Dương sinh Âm, sự biến hóa của chúng vô cùng*” (Âm sinh Dương, Dương sinh Âm, biến hóa vô cùng)^[16]. Đức Chí Tôn cũng dạy: “*Đạo Thấy không chi lạ, không ngoài hai lẽ Âm Dương*”. Tất một lời, quan niệm Vũ trụ theo phương Đông, trời đất, vạn vật chịu ảnh hưởng của hai yếu tố căn bản là Âm Dương, biến hóa luôn luôn, chảy quanh khắp nơi, khắp chốn một cách vô thường. Đó là Đạo, Đạo vốn không có hình, nhưng ở đâu cũng có Đạo, thiếu Đạo thì không có sự vật nào tồn tại được.

Theo Soothill: “*Trong Vũ trụ đều là Âm hay Dương. Trời, ánh sáng, khí nóng, đàn ông, cha, sức mạnh, sự sống là dương – Đất, bóng tối, hơi lạnh, đàn bà, mẹ, sức yếu, sự chết là Âm*”^[17] (Tout est Yin ou Yang dans la Nature. Le Ciel, la lumière, la chaleur, l’homme, le père, la force, la vie Yng, La Teere l’obscurté, le froid, la faiblesse, la mort sont Yin).

Âm Dương là Thái Cực là Đạo vì “*nhất âm nhất dương chi vị Đạo*”. Trước Thái Cực còn có hằng trống không gọi là Vô Cực. Thánh Ngôn dạy: “*Khi Hư Vô sinh*

[15] RÉNE JUDRE, Les Nouveles Enigmes de l’Univers, Paris 1951, tr.14

[16] CHU HY, Chủ Dịch Bản nghĩa, Hệ Từ Thượng, Chương V.

[17] W.E.SOOTHILL, Les rois religions de la Chine. Paris 1946, tr.161

một Thấy, Thấy là Thái Cực, Thái Cực phân cực Âm Dương, Âm Dương sinh Ngũ Hành mà tạo thành vạn vật. Châu Liêm Khê viết trong Thái Cực Đồ thuyết như sau:

“Vô Cực mà là Thái Cực. Thái Cực động thì sinh Dương, động cực thì tĩnh, tĩnh thì sinh Âm, tĩnh cực lại động, một động một tĩnh cùng làm căn bản cho nhau. Rồi khi đã phân chia ra Âm Dương thì Lương Nghi thành lập. Đến lúc Dương biến, Âm hợp, thì Thủy, Hỏa, Mộc, Kim, Thổ sinh ra. Năm khí đó nếu được xếp đặt thuận lợi thì bốn mùa sẽ vạn hạnh đều đặn.

Ngũ hành nếu hợp nhất thì thành Âm Dương. Âm và Dương nếu hợp nhất thì thành Thái Cực. Thái Cực có gốc Vô Cực. Ngũ Hành sinh hóa đều có tính chất duy nhất. cái chân không của Vô Cực, cái tính chất của Âm Dương và Ngũ Hành, tất cả phối hợp một cách kỳ diệu và kết tụ lại với nhau. Thế rồi, Đạo Càn làm thành trai, Đạo Khôn làm thành gái, hai khí giao cảm mà sinh ra muôn vật, muôn vật sinh rồi lại sinh, sinh sinh mãi mãi và biến hóa vô cùng.”^[18]

Thật vậy, “Trong lịch sử, có lẽ không có gì chính xác hơn việc biến dịch. Vật đổi thay. Người đổi thay. Đất đổi thay. Phong tục, quan niệm đổi thay” và tôn giáo cũng đổi thay cho phù hợp với sự tiến hóa của nhân loại. (Perhaps nothing is more certain in history than change. Animals change. Men change. The Earth changes. Customs, opinions ideas change).

Về nhân sinh quan, sự hình thành con người cũng do sự giao thoa của âm dương mà hóa thành, nên trong mỗi con người đều có gien âm dương. Chu Hy quả quyết

[18] Trần Thúc Lượng, Lý Tâm Trang, Tống Nguyên học án, Tập I, quyển 9, tr.131

rằng: “Người người đều có một Thái Cực, vật vật đều có một Thái Cực” (Nhân nhân các hữu nhất Thái Cực, vật vật các hữu nhất Thái Cực)^[19]. Chu Hy còn viết thêm: “Thái Cực tự nó bao gồm cái lý động tịnh, chứ không thể lấy trạng thái động tịnh mà phân thể dụng. Bởi vì tịnh là thể của Thái Cực, còn động là dụng của Thái Cực”^[20]. Nếu ta coi động tịnh là hai trường hợp khác nhau của Thái Cực thì “Âm Dương chỉ là một khí. Khí âm lưu hành tức là khí dương, khí dương ngưng tụ tức là khí âm. Thực chẳng có chuyện hai vật chống đối nhau bao giờ”^[21]

Thật vậy, luật “đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu” của âm dương trong Kinh Dịch rất tâm đắc. Theo G. Lakhousky trong thuyết “Dao động tế bào” (Oscillation cellulaire), mỗi vật đều phát ra một luồng sóng đặc biệt: có cảm mới có ứng, có tương đồng mới có thể giao cảm. Đó là nguồn gốc cơ bút và cách trị bệnh bằng nhân điện trong Đạo Cao Đài buổi đầu.

Cặp Âm dương giống như cặp Ác Thiện, tuy thấy như mâu thuẫn nhưng chẳng bao giờ rời nhau. Khi ta gọi là dương vì phần dương lấn phần âm. Khi ta gọi là âm vì phần âm lấn phần dương. Thế nên, ta khó tìm được thuần âm hay thuần dương cũng như thuần thiện hay thuần ác. Không có người tốt nào không mang trong mình một tật xấu. Thế nên, người ta phải biết vượt lên trên Thiện Ác, Thị phi mới thanh thoát. Nếu còn bị ràng buộc trong giả tượng của hiện tượng giới thì chưa có thể giác ngộ vào

[19] Platt N. and Drummond M.J. Our world through the ages, New York 1959, tr.6

[20] Chu Hy, Ngữ loại

[21] Trần Thúc Lượng, Lý Tâm Trang, Tổng Nguyên học án, tập II quyển 44, tr.505

cõi Phật. Nên nhớ, “*Những kẻ đại gian ác là những kẻ đại Thánh thiện*” (Les grands pécheurs seront de grands Saint). Madeleine trước khi thành Thánh là người đàn bà sa đọa, Thánh Augustin thuở nhỏ cũng là một kẻ nhiều lầm lỗi, còn Thập Bát La Hán nguyên là những kẻ trộm cướp giết người. Trong “*Con đường Thiêng Liêng Hằng Sống*”, Đức Hộ Pháp xác nhận “*Quý Vương là phần trước của Thượng Đế*” (Satan est la doublure de Dieu)

Xem thế, Thần hay Quỷ ở tại bản thân của mỗi chúng ta. Hồ Cự Nhân cũng nói: “*Thần của mộc, hỏa sinh vật ở hướng Đông Nam. Quỷ của kim, thủy diệt vật ở hướng Tây Bắc*”^[22]. Nói một cách khác “*U ẩn hay rõ ràng, sống hay chết, Quỷ cũng như Thần, tất cả đều là biến tướng của âm dương*”^[23]. Như thế, quỷ thần không xa ta, Thiên đàng hay Địa ngục đều nằm trong tâm của mọi người. Tránh hạng người “*Thần Công Báo*”, kẻ mở cửa Ma giới trần gian đó. Họ gây xáo trộn trong mỗi con người: hữu vi (xác), vô vi (hồn) lìa nhau, Đạo Đời không còn tương đắc, Âm (xác) Dương (hồn) rời rã...

Hãy nghe Pháp Chánh Truyền giải thích về ĐẠO ĐỜI TƯƠNG ĐẮC. “*Hội Thánh có hai phần tại thế. Phần hữu hình là Cửu Trùng Đài tức là Đời, nghĩa là xác, một phần bán hữu hình là Hiệp Thiên Đài, là Chơn thần, nghĩa là nửa Đời nửa Đạo, còn phần vô vi là Bát Quái Đài tức là hồn, ấy là Đạo*”. Rõ ràng PCT phân giải Đạo là Bát Quái Đài, còn Cửu Trùng Đài là Đời (nhân sanh của Đạo), chớ không phải Đời là chỉ người ngoại Đạo. Chẳng hạn Thế Đạo là Đời của Đạo, chỉ những người Đạo còn sống lẫn lộn với Đời. Đọc tiếp PCT ta sẽ thấy

[22] Hồ Cự Nhân, Dịch Tượng Sao, quyển I, tr.2

[23] Chu Hy, Dịch Hệ Thượng, chương IV

rõ hơn: “*Thầy là Chúa Tể của sự vô vi, ắt Bát Quái Đài là của Hồn. Hồn hiệp với xác bởi Chơn thân. Ấy vậy, Chơn thân là trung gian của Hồn và Xác. Xác nhờ Hồn mà nên, thì Cửu Trùng Đài cũng nhờ Hiệp Thiên Đài mới mong đạt Đạo*”, nói cách khác “*nếu muốn cho sự vô vi (Đạo) và sự hữu hình (Đời) đặng TƯƠNG ĐẮC thì cả hai ông chúa (Đạo, Đời) phải liên hiệp với nhau*”.^[24]

Xem thế, ĐẠO ĐỜI TƯƠNG ĐẮC rõ ràng là chỉ cách luyện Đạo. Thế mà người sau xa rời kinh sách lại hiểu méo mó là người Đạo và quyền Đời phải tương đắc! Sự lầm lẫn đó phải trả giá của nó khá cao! “*Sự ngạc nhiên của chúng ta quá lớn khi chúng ta thấy điều mê tín kém nhất lại là một điều phổ biến rất lâu dài*”. (... la superstition la plus basse a été, pendant si longtemps, un fait universel)^[25]

Chúng ta phải làm như thế nào như Lord Acton nói: “*Tôn giáo là cái chìa khóa của lịch sử*”. (La religion est la clé de l'histoire)^[26]. Bởi lẽ, nếu không có tôn giáo thì lịch sử hẳn hoang lương tiêu điều, cuộc đời hẳn cũng giảm sinh thú. Ngoài tính chất thẩm mỹ, tôn giáo còn có một ảnh hưởng quan trọng đối với nền văn minh nhân loại^[27].

[24] (26) Tân Luật, Pháp Chánh Truyền, Paris 1952, tr.37

[25] André Ruffaf, La superstition à travers les ages. Paris 1952, tr.211

[26] Christopher Dawson, La religion et la formation de la civilisation Occidentale, Paris 1953, tr.9

[27] Nguyễn Hữu Lương, sđđ, tr.58. xem “*Lý giải Quả Càn Khôn*” cùng người viết.

CHƯƠNG VI

VÍA ĐỨC CHÍ TÔN

TẠI SAO CHỌN NGÀY MỪNG 9 THÁNG GIÊNG LÀM lễ vía Đức Chí Tôn?

Theo tục lệ, mừng 7 hạ nêu để chấm dứt Tết Nguyên Đán thì nhân sanh mở ngay ngày Tết Khai hạ. Theo Dịch lý, ngày mừng 7 ứng vào con ngựa trong Thập Nhị Chi, ngày mừng 8 ứng vào luau (?), ngày mừng 9 ứng vào Trời. Cho nên lấy ngày đó làm lễ Vía Đức Chí Tôn.

Mặt khác, số 9 là số *Thái dương*, số 8 là số của *Thiếu âm*, số 7 là số của *Thiếu dương*, và số 6 là số của *Thái âm*. Theo thứ tự trong Tứ tượng thì Thái dương là ngôi số 1, lấy 1 trừ 10 còn 9 dùng làm số đặc biệt của Thái dương, tức Trời vậy.

Thờ quả Càn Khôn là thờ CỬU THIÊN KHAI HÓA vì Càn 3 hào, Khôn 6 hào cộng lại là 9. vả lại, quả Khôn chồng lên quả Càn thành quả Thái có nghĩa là thông suốt. Quả Thái làm chủ tháng Giêng. Kết hợp lại, mừng 9 tháng Giêng là Vía Trời.

Thêm vào đó, trong Kinh Dịch gọi số $9 = 3 \times 3$ là SỐ Tham Thiên hằng số. Nhà toán học Pythagore cũng nói: “*Chín là số hoàn hảo, là bình phương của ba, tam hợp hài hòa trọn vẹn*”. (Neuf est le nombre parfait en tant que carré le trois qu'est le trinité de l'harmonie complète).

Vả lại, các ngày hội lễ trong năm nảy sanh từ nền văn minh nông nghiệp. Mùa Xuân, tháng Giêng lễ Cha, tức

Vía Đức Chí Tôn, mùa Thu, tháng 8 lễ Mẹ tức Vía Đức Phật Mẫu. Các ngày lễ này, các Chức sắc phải về triều lễ tại Tòa Thánh.

Ngoài nghi lễ tôn nghiêm, Hội Thánh còn cho tổ chức các cuộc vui như dựng cộ bông, lửa trại, thai đố, ngâm thơ... vừa nâng cao đời sống tâm linh, vừa buông thả tình cảm để thư giãn. Thế nên, lễ Vía xen lẫn cái huyền nhiệm và cái thực tế, cái chính thống tôn giáo và cái buông thả của nhân gian.

Trong ba ngày lễ Vía Đức Chí Tôn, trừ ngày mùng 9 chánh lễ, còn các ngày khác là lễ tạ ơn tổ tiên hoặc tổ chức các cuộc vui, trong đó Văn Minh Điện thu hút nhiều người nhất.

Trong nắng Xuân ấm áp, Hội Thánh cho dựng một cái đài lục giác giữa Đại Đồng Xã, gồm tầng trệt và tầng cao để mọi người đứng xa đều thấy rõ người điều hành. Ban tổ chức gồm một Trưởng ban cầm cái mõ (thường là Phối Sư Thái Đến Thanh) Một ban cổ nhạc trần thiết ở tầng trên giữa căn nhà lục giác. Phía trước Văn Minh Điện có một cái cầu thang duy nhất lên và xuống, phía bên trên có đề 3 chữ: Văn Minh Điện, tức nhà văn minh về đạo đức, văn học, mỹ thuật...

Các cuộc vui gồm: Thai đố, thi thơ, hát vè, ngâm thơ. Ai trúng thì được thưởng kinh sách có giá trị.

Văn Minh Điện bắt nguồn từ hai câu thơ giáng cho của bà Đoàn Thị Điểm được sửa từ và rút ra trong truyện “*Chinh Phụ Ngâm*” như sau:

*Chín tầng ngói báu trao tay,
Nửa đêm truyền lệnh định ngày xuống ngai.*

Xuất nhứt nhơn (một người). Rõ ràng đây là câu đố. Mãi đến cách mạng tháng tám năm 1945, Bảo Đại xuống ngôi, người ta mới biết *nhứt nhơn* đó là Vĩnh Thụy. Từ đó, thú chơi thai đố ngày càng thịnh hành. Cái vui của Văn Minh Điện là những câu thai đố được lý, hò, ngâm, diễn, đọc với điệu bộ dễ cười của các diễn viên nghiệp dư. Chính nhờ điệu bộ đó, người xem đoán được phần nào nội dung câu đố.

Một diễn viên đọc với điệu bộ câu này:

*Cất mình qua ngọn tường hoa,
Lần đường theo bóng Trăng tà về Tây.*

Xuất nhứt điểu (một con chim), âm điệu thơ Kiều mà lại là câu đố hóc búa. Một tín hữu mặc áo dài trắng giơ tay xin giải đáp. Trưởng ban cuộc thi mời anh lên thang gác. Anh nọ đứng lựng chựng cầu thang đáp: Con chim cút. Viên giám khảo giơ cao tay đánh vào mõ cái cốc. Mọi người đều biết sai, cười ồ lên. Anh nọ bẽn lẽn xuống cầu thang. Nếu ai đáp đúng mõ được đánh một hồi. Ban nhạc tiếp thanh âm hòa tấu một bài để tuyên dương người đáp đúng. Một thiếu nữ giơ tay trả lời là con quạ vàng. Ban giám khảo yêu cầu giải thích. Cô gái đáp: “*Lần đường theo bóng Trăng tà về Tây*” thì chỉ có Mặt Trời, mà Mặt Trời là Kim Ô. Ban ngày đôi khi có Mặt Trăng nhưng do ánh sáng của Mặt Trời làm ta không thấy Trăng. Một hồi mõ dài được gõ lên. Ban nhạc hòa tấu khúc “*Trạng nguyên hành lộ*”. Cô gái được thưởng một chồng kính sách với những tràng pháo tay vang dậy.

Kế đến là cuộc thi ngâm thi, thí sinh có thể lấy thơ trong “*Thi văn Hiệp tuyển*” hay tự biên tự diễn.

Một nhà thơ trẻ với giọng ngâm ngọt ngào truyền cảm hòa lẫn tiếng đàn cò, tiếng tiêu, diu dặt như bay bổng giữa tầng không:

VỊNH TÒA THÁNH

*Tòa Thánh vút cao đứng giữa trời
Ánh vàng tỏa rộng khắp nơi nơi.
Hiệp Thiên vang tiếng Lôi Âm Cổ.
Bát Quái lặng thình Bạch Ngọc ngồi.
Cung Đạo thiêng liêng miền thượng giới.
Cửu Trùng dung tục cõi người đời.
Thoáng nhìn trụ phước, bỏ để cõi.
Tòa Thánh vút cao đứng giữa trời.*

Trên đây chỉ là những trích đoạn về thai đố, thi thơ để người đọc hiểu phần nào thú vui tao nhã nhân ngày Vía Đức Chí Tôn, vừa phù hợp với truyền thống lễ nghi huyền nhiệm, vừa tác động cuộc vui chơi dân Đạo, thích đáng với quan niệm cổ truyền “*Trời Người hiệp nhất*”. Tiếc thay, Văn Minh Điện không vĩnh tồn với thời gian.

Tất một lời, ngày Vía Đức Chí Tôn là ngày hạnh phúc lớn của đại gia đình nhà Đạo, không phân biệt sang hèn, màu Đạo sắc tộc, mọi tín hữu khắp mọi nơi, trên mọi nẻo đường, hướng về Tòa Thánh mừng lễ Đấng Cha Lành.

Người Đạo Cao Đài luôn luôn tâm niệm và thực hành lời Đức Đại Từ Phụ dạy: Tất cả nhơn loại là con một Cha. Tất cả mọi tôn giáo có cùng một gốc. Thế nên, người tín hữu Cao Đài không thấy ngại ngần khi vào lễ trong một chùa Phật hoặc nhà thờ Thiên Chúa, hoặc đền thờ Hồi giáo. Bởi lẽ, người tín hữu Cao Đài biết rằng các

Đấng Giáo chủ ấy đều do Đức Chí Tôn phân tánh giáng sanh nên chịu dưới quyền điều khiển của Ngài.

Người tín đồ nào cũng thuộc câu: “*Cùng nhau một Đạo tức một Cha*”. Thế nên, họ không kỳ thị tôn giáo và không kỳ thị chủng tộc, coi tất cả mọi sắc tộc trên thế giới dù khác màu da sắc tóc, ngôn ngữ hoặc chánh kiến đều cùng chung huyết mạch.

Khi nói Đức Cao Thượng Phẩm là Ngươn linh Hớn Chung Ly hay Thanh Sơn Đạo Sĩ là Ngươn linh của Hồng Y Richelieu, là xác nhận Đạo Cao Đài tin có Luật chuyển luân. Ngày trước là người Trung Hoa, ngày nay đầu kiếp làm người VN hay ngược lại. Điều ấy nói lên mọi sắc dân, trước mặt Đức Chí Tôn đều là con cái, là đồng chủng. Nếu tiền kiếp là người Ấn Độ thì theo đạo Phật, hoặc người Tàu sao tránh khỏi theo đạo Lão hay đạo Nho. Vậy ta đã từng là môn đệ của các vị đó trước kia, nay tôn vinh các vị đó làm thầy là lý đương nhiên.

Với tinh thần ấy, người tín hữu Cao Đài lúc nào cũng tôn kính các tôn giáo khác và đặt các vị Giáo chủ ngang hàng nhau, không có sự đặt biệt trọng khinh nào.

Thế thì tôn thờ Đức Chí Tôn là tôn thờ đức tin của nơn loại.

Lễ Vía Đức Chí Tôn lúc 0 giờ ngày mùng 9 tháng Giêng âm lịch hàng năm^[1]. Đây là buổi lễ trang nghiêm nhất, tất cả mọi sinh hoạt đều im lặng nhường cho tiếng trống tiếng chuông và lời cầu kinh.

Sau khi Lôi Âm Cổ (trống) dứt hai hồi, vị Tả Phan

[1] Nghi thức thờ Đức Chí Tôn. Xin xem “Ý nghĩa thờ Thiên Nhân” của Hiền tài Nguyễn Kim Anh.

Quân cầm phướn Thượng sanh hướng dẫn các phẩm Lễ sanh, Giáo thiện nam nữ lên lan can lầu Đền Thánh, nam tả nữ hữu (trong Bửu điện nhìn ra), đồng thời cho 6 vị Lễ sanh và 6 vị Giáo thiện nam nữ vào hầu Bát Quái Đài.

Khởi Bạch Ngọc Chung (chuông), vị Hộ Đàn Pháp Quân cầm cờ Tam Thanh (cờ Đạo) và vị Hữu Phan Quân cầm phướn Thượng Phẩm hướng dẫn chư Chức sắc Hiệp Thiên, Cửu Trùng và Phước Thiện vào Đền Thánh (Hoán đàn). Hai bên Chức việc, Đạo hữu nam nữ cũng đi vào Hoán đàn. Đoàn phân ban nam nữ. Đồng thời 3 vị Chánh Phối Sư và Nữ Chánh Phối Sư vào Nội Nghi. Một vị Phối sư ở Ngoại Nghi.

Tiếp Lễ Nhạc Quân lên Giảng đài nữ cầm hiệu. Một vị Giáo sư phái Ngọc lên Giảng đài nam xướng lễ.

Dứt chuông, Hộ Đàn Pháp Quân ra cờ lệnh nhập đàn.

Vị Giáo sư phái Ngọc xướng

1- Nội Nghi, Ngoại Nghi tựu vị

2- Thiên phong dĩ hạ các tứ kỳ vị.

- a. **XÀNG XÊ:** nghĩa là đưa qua trợn lại, biểu tượng cho thời kỳ hỗn độn sơ khai.
- b. **NGŨ ĐỐI THƯỢNG:** là năm tầng trên Trời tức khí thanh bay lên làm bầu Trời.
- c. **LONG NGÂM:** là rồng xuống, tượng trưng cho Âm. Nhứt Âm nhứt Dương chi vị Đạo.
- d. **VẠN GIÁ:** là muôn việc đã định an, muôn loài vạn vật đều có tên.

CHƯƠNG VII

THIÊN ĐẠO VÔ BIÊN

TẠI SAO THỜ ĐỨC CHÍ TÔN NƠI BÁT QUÁI ĐÀI?
 Thánh Ngôn dạy rằng: “*Khi chưa có Trời Đất thì khí Hư Vô có sanh một Thầy và ngôi của Thầy là Thái Cực. Thầy phân Thái Cực ra Lương Nghi, Lương Nghi sanh Tử Tượng, Tử Tượng biến ra Bát quái, Bát Quái biến hóa vô cùng mà tạo lập ra Càn Khôn Thế giới*”.

“*Từ vô hình ra hữu hình là do khí hóa mà ra. Khí hóa hình, hình hóa khí, từ đó có mọi vật hiện hữu*”.

Khoa học Vật lý nguyên tử ngày nay cũng xác nhận: “*Vật chất (la matière) là khí đọng lại mà thành, khí là vật chất tan ra mà thành khí, hay nói cách khác: Khí lực (énergie) và vật chất là một hoặc hai của một thực thể*”. (Conquête de la Science, p.195, p.Rousseau).

Lời Thánh Ngôn cho ta thấy rõ: Khí Hư Vô (Khí hư Vô là khí khi Vũ trụ chưa hình thành.) sanh có một mình Đức Chí tôn. Ngài ngự trên ngôi Thái Cực mà sanh ra Âm Dương thì sinh khí hóa mới tạo Thiên lập Địa muôn màu muôn vẻ: Nhất bốn tán vạn thù là vậy.

Bà Bát Nương dạy thêm: “*Trong Vũ trụ bao la, không gian ở trên là thượng tầng bí pháp của quyền năng thiêng liêng. Đức Chí Tôn vi chủ Thân, Thánh, Tiên, Phật hộ trì. Thời gian ở dưới có đủ khí chất, để tạo dựng thế giới hữu vi và vật chất hữu hình. Phép mẫu nhiệm ấy do quyền năng tuyệt đối của Đức Chí Tôn vận chuyển, khiến cho không*

gian phối hợp với thời gian thành cơ huyền nhiệm mà tạo lập Càn Khôn, hóa sanh vạn vật, và Đức Chí Tôn còn hiệp lập Thiên thơ định thành Thiên Điều, là luật pháp thống trị Càn Khôn vạn vật”.

Không gian, thời gian đưa tới nhân quả. Ba hiện tượng đó không mà có, có mà không. Nó lảng vảng theo ta như bóng với hình mặc dù ta không hề thấy. Quan sát biển (không gian) và sóng biển (tác nhân của thời gian) nổi cao khi có gió rồi biển mất, rõ ràng ta thấy nhân và quả, hiện tượng tuần hoàn của sóng. Thế mà giờ đây ta không thấy gì, ảo ảnh chăng?

Cái đó là Đạo, là sự chuyển luân. Đạo không có hình nhưng ở đâu cũng có mặt. Thiếu Đạo thì không có sự chi trên đời tồn tại.

Chữ Đạo gồm 2 phần: Chữ xước có nghĩa là đi, tượng trưng nguyên lý động, tức nguyên lý Dương, chữ Thủ là đầu tương đối bất động của thân thể, tượng trưng nguyên lý tịnh, tức nguyên lý Âm. Cái đầu hình **tròn**, cái chân đi hình **vuông** mà Trời thì tròn, Đất thì vuông, tượng trưng cho Dương Âm, Trời Đất.

Thế thì Đạo bao gồm mọi mâu thuẫn trên đời: Động và Tịnh, Thị và Phi, Thiện và Ác, Sáng và Tối, Trong và Ngoài, Vinh và Nhục, Trời và Đất... nên phải biết quân bình để tường tồn trường sanh.

Khi Đạo Cao Đài chủ trương Qui Tam giáo: Phật giáo, Lão giáo, Khổng giáo và hiệp Ngũ chi: Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo, Phật đạo. Thế thường, người ta cho giáo lý các tôn giáo này mâu thuẫn nhau. Nhưng người ta quên rằng mâu thuẫn để sinh tồn và tiến bộ. Sách cổ Hy

Lạp Kybalion viết gần giống Kinh Dịch:

“Tất cả đều có hai mặt, những chân lý nói ra chỉ là những phân nửa chân lý mà thôi, tất cả mọi nghịch thuyết đều có thể dung hòa” (Tout est double... Touts les vérités ne sont que des demivérités, tous les paradoxes peuvent être conciliés)^[1]

Đạo học Đông phương có đồng quan điểm đó, về bên ngoài thấy mâu thuẫn, nhưng bên trong không bao giờ có sự mâu thuẫn.

Hai bên vách Đền Thánh tạc hình hoa sen, gương sen và ngó sen trong khung hình chữ nhật đứng, ở giữa có khung tam giác Thiên Nhân phản chiếu các tia rẽ quạt rất sinh động. Thiên Nhân là Thái Cực, bụi sen trên, bụi sen dưới là Âm Dương tức Lưỡng Nghi, 4 trái sen hai bên là Tứ Tượng, 8 lá sen là Bát quái, 12 ngó sen là Thập Nhị Khai Thiên. Lấy hình ảnh sen để biểu tượng cho Dịch Lý của vạn vật luân chuyển không ngừng.

Theo Lão tử: Tổng hợp những mâu thuẫn để biến thành một thể mới phong phú hơn. Đó là mục đích của Cao Đài giáo.

Trình Di cho rằng: *“Không có sự đi nào mà không trở lại. dương xuống đất ắt trở lại mà lên trên. Âm trở lại mà lên trên, Âm lên ở trên ắt trở lại mà xuống”*. Đó là tư tưởng phản phục của Đông phương.

Hãy gác lại phương pháp luận của Descartes và đòi hỏi phân tích của Tây phương, ta sẽ thấy các tôn giáo ở Đông phương thống nhất tuy không đồng nhất. Ta đừng

[1] Le Kybalion. Traduction de l'Anglais par André Durville, 23 Saint Merri, Paris, tr.29.

bất chước kiểu lý luận Tây phương chỉ thấy cây mà không thấy rừng, thì ta không thể thấy được triết lý siêu việt tổng hợp văn hóa toàn cầu của Đạo Cao Đài.

Trong Đền Thánh có tất cả 28 cột rồng. Thượng Đế cưới rồng tuần du. Rồng tượng trưng cho sự biến hóa, về sau người ta lấy rồng làm biểu tượng cho Dịch lý.

- **RỒNG MÀU XANH:** tượng trưng cho Thanh Dương Đại Hội trong Nhứt kỳ phổ độ, do Đức Nhiên Đăng hành khiển.
- **RỒNG MÀU ĐỎ:** tượng trưng cho Hồng Dương Đại Hội trong Nhị kỳ phổ độ, do Đức Di Đà hành khiển.
- **RỒNG MÀU TRẮNG:** tượng trưng cho Bạch Dương Đại hội trong Tam kỳ phổ độ, do Đức Di Lạc khai hội Long Hoa.

Đức Thượng Đế khi hành pháp cưới rồng:

*“Thời thừa lục long,
Du hành bất tức.
Khí phân Tứ Tượng
Oát triển vô biên”^[2]*

Nghĩa là: Trời ngự xe sáu rồng hành pháp không ngừng nghỉ, từ Thái Cực phân chia tới Tứ Tượng mà biến hóa vô thường. Rồng còn là biểu tượng của cội nguồn dân tộc, trong ý “*Con Rồng cháu Tiên*”. Thế nên, Đạo Cao Đài bắt nguồn từ lòng dân tộc.

Kinh Dịch lập ra 6 hào tương ứng với 6 Rồng trong quẻ Thuần Càn thuộc Dương.

1– Hào sơ cửu tiềm long (rồng nằm)

[2] Kinh lễ, Paris, Gasnier 1952, tr.18

- 2- Hào cửu nhị hiện long (rồng ruộng)
- 3- Hào cửu tam tích tịch (rồng ruộng cổ vùng lên)
- 4- Hào cửu tứ tại huyền (rồng nhảy lên khỏi vực)
- 5- Hào cửu ngũ Phi Long (rồng bay lên Trời)
- 6- Hào thượng cửu Càn long (rồng mạnh bay xa)

Từ hào sơ cửu đến hào thượng cửu, Dịch lý biến hóa diệu diệu huyền huyền. Đức Cao Đài nhờ đó mà nắm trọn Thập nhị Khai Thiên mà tạo dựng chúng sanh.

Sự chuyển dịch đó ta thấy ghi rõ trong Tân luật và kinh điển *“Tùy theo sự tiến triển của nhơn sanh mà sửa đổi”*. Bởi vì Vũ trụ luôn luôn biến động, xã hội luôn luôn thay đổi thì đâu có giáo điều vĩnh hằng với thời gian. Chỉ có một chân lý thực tại, mà thực tại thì sinh động và phong phú mầu nhiệm vô cùng. Những lời Thánh dạy chỉ là ngôn ngữ gợi mở giác ngộ, nếu định kiến hiểu một cách chật hẹp thì chưa đáp ứng được nhu cầu con người đang biến đổi hằng ngày. Chính Đức Chí Tôn dạy rõ: *Sau tịch đạo Thanh Hương là tịch Đạo Tâm*, há không phải là một tiên tri về biến dịch của nhơn loại ư?

“Nhâm tâm duy nguy, Đạo tâm, duy vi”. Cái lòng người (nhân tâm) thì đem đến nguy hại, còn Đạo tâm thì rất yếu. Thiếu thời, con người vô tâm mang chất trọn lành của Thiên tính. Lớn lên, sống chung với xã hội nảy ra óc tự cao. Đến tuổi già (Ngũ thập tri Thiên mạng), cái tâm vô sai biệt, cái tâm bình đẳng bát nhã. Vào tuổi đó, người chưa hòa vào Đại hỗn Vũ trụ là việc giáo hóa của tôn giáo coi như thất bại.

Tính đến nay, nền Đạo đã trên 60 năm, người tín hữu phải đạt được **vô ngã nhi hành** để đáp ứng lại Thiên

điều **vô vi nhi trị** (cái tự nhiên không cần luật pháp). Tấm lòng hỷ xả **bỏ tất cả để được tất cả**. Khi hành Đạo, không còn cái Ta (vô ngã) không phân biệt thân thuộc hay xa lạ, không phân cách nghèo khó hay giàu có. Mọi người với Đạo tâm không không, được vậy đó chẳng phải là Thiên đàng tại thế ư? Đức Hộ Pháp nói: *“Thiên đàng tại trần thế này chứ không nơi nào khác”*.

Toàn Đạo bước vào thời Đạo Tâm để sửa soạn đón Đức Di Lạc mở Hội Long Hoa.

Chủ trương tổng hợp tôn giáo của Đạo đưa đến tổng hợp văn hóa toàn cầu. Ngài là một bậc minh triết, chánh biến tri, thông suốt văn hóa sử chúng sanh, thấu đạt mọi ước muốn của loài người. Ta phải sửa soạn Đạo Tâm để đón rước Ngài. Một tâm hồn hướng thượng, một tư tưởng tinh khiết trong mỗi con người. Nếu không, Ngài xuất hiện mà ta không thấy vì ta thiếu đạo tâm, mắt bị vật dục ám ảnh. Thầy đã dạy: **Cơ thể Phật Tiên trong lành phải có huệ nhãn mới trông thấy được**. Bình minh Thánh triết hay hoàng hôn u tối là tùy thuộc vào Đạo tâm của mỗi chúng ta.

Tại sao ta phải thờ Đức Chí Tôn trên nền Bát Giác?

Xin nhắc lại, Thầy đã dạy: *“Ngôi Thầy là Thái Cực, Thái Cực sanh Lương Nghi,.... Tử Tượng,.... Bát Quái”*.

“Âm Dương là cái pháp nhiệm màu sâu kín của Thiên cơ. Âm Dương hiệp nhứt thì phát khởi Càn (Trời) Khôn (Đất). Khi Âm cướp một phần chơn dương của ngôi Càn, Càn mới hóa ra Ly (Ly là Thái Dương, mặt nhứt). Khôn đặng chơn dương biến thành Khâm (Khâm là Thái âm,

mặt nguyệt). Càn lìa ngôi mà thất vị. Tiên Thiên mới biến ra Hậu Thiên, Hà Đồ phải hóa Lạc Thư mà gọi rằng Từ cá Âm Dương cộng thành Bát Quái. Âm Dương lúc ấy giáng thẳng, động tịnh mà dương dục muôn loài”.

Người ta cho rằng vua Phục Hy đã tạo ra Tiên Thiên Bát Quái. Theo “*Từ Hải*” thì Phục Hy có tên là Bào Hy, Thái Hạo, 1 trong 3 vị vua thời thái cổ. Hai vị kia là Toại Nhân và Thần Nông. Phục Hy sống vào thế kỷ 43 trước Tây Lịch (có sách nói thế kỷ 34 T.T.L). Ông làm vua được 115 năm, dạy dân săn bắn, đánh cá, nuôi súc vật và đặt ra Bát Quái.

Kinh Dịch nói về việc vua Phục Hy chế ra Bát Quái như sau: “*Ở sông Hà hiện ra bức đồ, ở sông Lạc hiện ra trang chữ, Thánh nhân phỏng theo đó*”. (Hà xuất đồ, Lạc xuất thư, Thánh nhân tắc chi). (Thiên Hệ Từ Thượng truyện), chương 11

Như vậy, Phục Hy phỏng theo bức đồ hiện ra ở sông Hà và vua Vũ thấy chữ hiện ra ở sông Lạc mà vạch ra Bát Quái.

Thiên Hệ Từ Thượng truyện, chương 2 ghi rõ hơn: “*Ngày xưa, họ Bào Hy (tức Phục Hy) cai trị thiên hạ, ngừng lên thì xem các hình tượng trên trời, cúi xuống thì xem các phép tắc dưới đất, xem sắc của chim muông cùng những thích nghi của từng miền, gần thì lấy ở thân mình, xa thì lấy ở vật, rồi làm ra Bát Quái để thông suốt cái đức của Thần mình và điều hòa cái tình của vạn vật”.*

Do đó, người ta mới nói quẻ của Phục Hy vạch ra là Tiên Thiên Bát Quái.

Kinh dịch chép rằng: “*Long Mã là vật linh kết hợp*

bởi 8 tinh anh của Trời Đất, xuất hiện dưới huệ nhãn của vua Phục Hy là một bậc Chí Thánh, xem được các vật trong cõi vô hình, thấy rõ linh vật của Trời Đất”. Long Mã đội bản Hà Đồ là sách Trời ban cho vua Phục Hy để trị thiên hạ. Mãi tới thời Hán Võ Đế (140–86 TTL), Khổng An Quốc, cháu thứ 12 của Đức Khổng Tử là đại thần của vua Hán Võ Đế lập lại Hà Đồ, nhưng phải đến 12 thế kỷ sau, đời Tống Huy Tông (1101–1125) hai hình đó mới được in trên sách.

Còn về lạc Thư, tương truyền vua Võ sanh khoảng 2206 năm trước Tây lịch, thủy tổ nhà Hạ. Mùa nước lụt, vua ra giữ nước ở bờ sông Lạc, một chi nhánh của sông Hoàng Hà. Khi nước rút, vua thấy một con rùa Thần hiển hiện, trên lưng có 9 số, vua Võ theo đó mà vạch thành Cửu Trù Hồng Phạm.

Tóm lại, Tiên Thiên Bát Quái vẽ tượng Âm Dương tức Thái Cực sanh lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi sanh Tứ Tượng, Tứ Tượng biến ra Bát Quái.

PHẦN THỨ TƯ

ĐỨC THƯỢNG ĐẾ = ĐỨC CAO ĐÀI

1. THÁNH THỨ, THÁNH NGÔN
2. THỐNG HỢP VĂN HÓA
3. GIÁO LÝ HƯỚNG THƯỢNG TIẾN BỘ

CHƯƠNG I

THÁNH THI, THÁNH NGÔN

BẮT CỨ MỘT TÔN GIÁO NÀO, MUỐN VIỆC TRUYỀN giáo thành công đều phải tạo được đức tin và cảm hứng trong hơn sanh. Chư Chức sắc biết đồng lao cộng khổ với các tín hữu, biết khinh thường địa vị và quyền lợi để làm gương sáng cho những ai muốn làm công quả để đổi lấy cái quả tốt đẹp hơn cuộc đời hiện tại. Nếu được những Chức sắc hành đạo có đức độ như vậy, cơ Đạo sẽ sớm phổ truyền khắp năm châu.

Tuy nhiên, người đệ tử Cao Đài phải biết nhẫn nại chờ đợi Đức Chí Tôn đến dạy Đạo. Ba vị Thiên sứ phải trải qua nhiều đêm học hỏi với Thất Nương, với các Chơn Linh khuất mặt, với ông AẤẤ rồi mới biết ông Trời là ai! Chử Nhân đối với người tín đồ rất quan trọng, vì biết nhẫn mới học được nghĩa lý sâu xa, mà Đạo vốn hư hư thực thực, cần trì chí bền lòng.

Mặt khác, Thánh ngôn, kinh điển của Đạo Cao Đài rất khác biệt nhiều tôn giáo, với lối hành văn nôm na, văn tắt, không lý luận, không chứng minh dài dòng. Những chữ chỉ cốt để khơi gợi cho một lý lẽ cao thâm, để người đạo nghe tiếng vọng trong lòng của mình mà giác ngộ.

Sự lưng chừng, sự tối tăm của lời văn và cách lập lập nửa vờ kích thích óc tò mò để tìm hiểu cái bí nhiệm của Thiêng liêng. Nhờ đó mà gợi mở được những ý tưởng thâm sâu tiềm tàng trong mỗi người ưa suy luận.

Văn trong Thánh ngôn và Kinh điển tràn đầy “*Văn dĩ tải Đạo*” (Văn để chở Đạo), và “*Thi dĩ ngôn chí*” (Thơ chứa lời giới thiệu), lẫn lộn giữa Thánh giáo và thi ca giông giống như Nam Hoa Kinh của Trang Tử hay Đạo Đức Kinh của Lão Tử.

Do cái tri và hành đi đôi như vậy nên có người đã nhận định rằng “*Đông Phương không có triết gia mà chỉ có hiền giả và thi nhân*”^[1]. Trong Thánh giáo ta thấy nhan nhản thi ca với lời lẽ của bậc hiền triết.

1- Về Thánh Thi

Đạo Cao Đài chọn Đường thi làm Thánh Thi chuyển tải Đạo lý. Bởi đời Đường (618–907) là thời đại hoàng kim của thơ ca, lấy nguồn cảm hứng từ “*Tam giáo đồng nguyên*”, nên nảy sinh Thi Tiên Lý Thái Bạch, Thi Phật Vương Duy (tức thơ thiền) và Thi Thánh Đỗ Phủ vì người đời coi thơ ông như chân lý cuộc sống. Nội dung Đường Thi phù hợp với mục đích của Tôn giáo Cao Đài, trong ý niệm đồng văn hóa. Tuy nhiên, ta vẫn thấy có nhiều thể thơ đặc biệt Việt Nam như song thất lục bát chẳng hạn.

Trong Đạo Cao Đài, về Thánh Thi các Đấng giảng cho đa dạng. Đứng đầu là tập NỮ TRUNG TÙNG PHẬN, viết theo thể song thất lục bát gồm 350 vế 1400 câu, thêm câu kết là 1401 câu: “*Đời đời danh chói Cao Đài*”

Mục đích của tác phẩm là “*Giục tài nữ sĩ sánh bì cùng Nam*”.

Tác phẩm bị hạn chế về thời phong kiến. Bà dạy phận

[1] Triết học Đông Phương, Saigon 1971, tr.135

con gái, làm vợ, công việc trong nhà ngoài ngõ, bốn phận dạy trẻ, thờ kính cha mẹ, kính thầy cô...

Khi tác phẩm ra đời, nước ta còn lệ thuộc nên Bà dạy:

“Nào quốc thể người khi kẻ thị”, “Nấu sôi cái máu anh phong”, “Nào dân đen phép qui hớp hồn”, “An bang tế thế một lòng lo âu”.

Ngoài tác phẩm tràng thi đó, còn những tác phẩm vùa như GIÁC MÊ KHẢI NGỘ, NGŨ ĐỜI của Đức Lý Thái Bạch, DÒNG BÍCH LẶNG của Đức Nhân Âm Đạo Trưởng, TÌNH ÁI của Thất Nương...

Trên đây chỉ sơ lược về thi ca trong Đạo vì mục đích chính của bài nghiên cứu này là viết về những lời dạy của Đức Chí Tôn.

Ngay từ những ngày đầu dạy Đạo, có người hỏi hình dạng của Ngài như thế nào, Ngài trả lời không những tự vịnh phong cách của mình mà Ngài còn tiên tri việc Đạo như sau:

*Trời trời mình không mới thiệt bản,
 Một nhánh sen trắng náo nương chân.
 Ở nhà mượn đám mây xanh kẹt,
 Đỡ gót nhờ con hạc trắng ngần.
 Bỏ hóa người đời gây mối Đạo,
 Gia ân đồ đệ dựng nền nhân.
 Chừng nào đất dậy Trời thay xác,
 Chư Phật Thánh Tiên xuống ở trần.^[2]*

Có người lại hỏi Bạch Ngọc Kinh như thế nào? Ngài liền *“Tân tả Bạch Ngọc Kinh”*:

[2] TNHT 1, tr.79

*Một tòa Thiên các ngọc lâu lâu
Liên bắc cầu qua nhấp nhóa sao.
Vạn trượng then gài ngăn Bắc Đẩu,
Muôn trùng nhịp khảm hiệp Nam Tào.
Chư Thân chóa mắt màu thường đổi,
Liệt Thánh kinh tâm phép vẫn cao.
Dời đổi chộp giảng doanh đở nổi,
Vững bền vạn kiếp chẳng hề xao.*

Sau cùng, các đệ tử biết đó là Ngọc Hoàng Thượng Đế Giáo Đạo Nam phương.

*NGỌC ẩn thạch kỳ ngọc tự cao,
HOÀNG Thiên bắt phụ chí anh hào.
THƯỢNG ban phúc hạnh nhưn đồng lạc,
ĐẾ tạo lương phương thế cộng giao.
GIÁO hóa nhưn sanh cầu triết lý
ĐẠO truyền thiên hạ ái đồng bào.
NAM nhưn tỉnh cảm sanh cao khí,
PHƯƠNG tiện tu tâm kế diệt lao.*

Đức Ngọc Đế đã thật sự giảng trần dạy Đạo ở Nam bang thì ách dân nạn nước sắp mãn.

*Hảo Nam bang! Hảo Nam bang!
Tiểu quốc tảo khai Hội Niết Bàn.
Hạnh ngộ Cao Đài truyền Đại Đạo,
Hảo phùng Ngọc Đế ngự trần gian.
Thi án tể chúng thiên tai tận.
Nhược thiệt nhược hư vạn đại an.
Chí bửu nhưn sanh vô giá định,
Năng tri giác thể trí cao ban.*

■ (TN1, tr.80)

Bốn nguyên lời dạy của Đức Chí Tôn nằm trọn trong Thánh Ngôn. Như thế, những điều gì không có trong Thánh Ngôn thì phải không có trên Thiên Bàn và không có trong Giáo lý Đại Đạo. Thánh Ngôn lại hư hư thực thực, có thật mà cũng có giả, nên Đức Chí Tôn dạy: *“Điều gì hợp với lòng chư môn đệ là Thánh ý, điều gì không hợp là của tà quái”*. Nếu hiểu được như vậy, độc giả sẽ thấy rõ Đạo Cao Đài là một tôn giáo thuận khoa học tiến bộ, khi đã loại bỏ những điều trái với đời thường.

Một ít nhà nghiên cứu cho rằng Giáo lý Cao Đài có nhiều mâu thuẫn là do họ đọc cơ bút của nhiều chi phái hay nhiều đồng tử khác nhau, nhưng những mâu thuẫn đó làm nổi bật cái bốn nguyên lời dạy của Đức Chí Tôn, chớ không làm lu mờ Thánh chất. Và lại, Đạo Cao Đài chỉ truyền bá hơn một giáp nên Giáo lý còn trong tình trạng hồng mông, chưa được hệ thống hóa. Đức Chí Tôn đã ban cho loài người một tôn giáo Đại đồng huynh đệ, một nền văn hóa tổng hợp thì nhân loại có bốn phận phải làm cho nó trở thành cao thượng tốt đẹp vì: *“Đại Đạo truyền thế giả. Thiên hạ vi công quả”* và *“Nhân năng hoằng Đạo, phi Đạo hoằng nhân”* (Con người mở rộng Đạo chớ không phải Đạo mở rộng được người)^[3], chớ Đức Chí Tôn không làm thay cho loài người. Nếu Thầy làm thay thì loài người còn gì để trao đổi mình trở thành Thánh thiện.

Xét lại quá trình tiến triển Phật giáo trong Tam Tạng Kinh thì Kinh Tạng và Luật Tạng có trước giống như Cao Đài giáo. Còn luật Tạng vào khoảng 400 năm sau Đức Thích Ca tịch diệt mới xuất hiện và tư tưởng hình nhi thượng học nghiên cứu về *“Không luật”* mới phát sinh,

[3] Vệ Linh Công XV, Luận Ngữ

đưa đến sự ra đời của Phật giáo Đại Thừa.

Như thế, bốn nguyên lời dạy của Đức Chí Tôn chưa được triển khai và hệ thống hóa đúng mức là chuyện bình thường. Ai thắc mắc thì chính người đó sẽ làm cho Giáo lý Cao Đài sáng chói trên hoàn vũ, chẳng hạn như nhà văn Pháp Gabriel Gobron, ông cũng mới nghiên cứu chừng mực nào đó thôi, chưa kể những chỗ còn sơ lược.

Những người nghiên cứu về Đạo Cao Đài đương đại thấy những điều chưa vừa lòng là tại người viết thiếu trí chớ không phải giáo lý không siêu việt. Đạo Cao Đài rất tự do về mặt tư tưởng (*phải trái đôi đường tùy ý chọn*), những bài nghiên cứu về Đạo Cao Đài của các học giả trong và ngoài nước đều được trân trọng. Bởi lẽ Đạo Cao Đài chủ lấy trí tuệ hiểu biết làm nền tảng chớ không cầu lấy sự mê hoặc chúng sanh làm lợi khí.

Vì chính Thầy đã dạy: *“Thầy đến lập cho các con một nền chơn Đạo, tức là mọi sự chi đối trá đều chẳng phải của Thầy”* (TNHT, QI, tr.77)

2- Về Thánh Ngôn

Bốn nguyên lời dạy của Đức Chí Tôn trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển có thể chia làm 9 phương diện:

I- Quyển lược Đức Chí Tôn

1- *Khí Hư Vô sanh có một Thầy...*

Nếu không có Thầy thì không có chi trong Càn Khôn thế giới này, mà nếu không có Hư Vô Chi Khí thì không có Thầy. (Tr.31-Q,1)

2- Một Chơn thần của Thầy mà hóa sanh thêm chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần và toàn bộ nhơn loại trong Càn khôn thế giới nên chi **các con là Thầy, Thầy là các con.** (Tr.30-Q,1)

3- Khai Thiên Địa vốn Thầy, sanh Tiên Phật cũng Thầy, Thầy đã nói một Chơn thần mà biến Càn khôn thế giới và cả nhơn loại.

Thầy là chư Phật, chư Phật là Thầy, các con là chư Phật, chư Phật là các con.

Có Thầy mới có các con, có các con rồi mới có chư Thần, Thánh, Tiên, Phật. (Tr.48-Q,1)

4- **Thầy khai Bát Quái mà tác thành Càn khôn thế giới nên mới gọi là Pháp, Pháp có mới sanh ra Càn khôn vạn vật rồi mới có người, nên gọi là Tằng.**

Thầy là Phật chủ cả Pháp, Tằng, lập thành các D(ạo mà phục hồi các con hiệp một cùng Thầy. (Tr.48-Q,1)

5- Thầy là Đức Jehovah của dân Hébreux, vị chủ tể của quân lực dân Israel, vị Thánh vô danh của dân Do Thái, Đức Đại Từ Phụ của Chúa Jésus cứu thế. Con chi cần cầu nguyện Thầy với **danh hiệu Cao Đài** thì sẽ có sự cảm ứng chấp thuận. (Tr.124-Q,1.dịch)

6- Chi chi hữu sanh cũng do bởi Chơn linh Thầy mà ra, hễ có sống ắt có Thầy. **Thầy là cha của sự sống**, vì vậy mà lòng hóa sanh của Thầy vô cùng tận. (Tr.62-Q,2)

7- Cái mạng sống là Thầy. Mà giết Thầy thì không phải dễ, các con gắng dạy nhơn sanh điều ấy. (Tr.62-Q,2)

8- **Thầy các con là ông Thầy Trời, nên biết một ông mà thôi, thì đủ, nghe à!** (Tr.45-Q,1)

9- Nơi Bạch Ngọc Kinh cả thầy đều là con cái Thầy tức là anh em với nhau. (Tr.57-Q.1)

10- Chẳng một ai dưới thế này còn dạng phép nói rằng thế quyền Thầy mà trị phần hồn cho nhân loại. (Tr.3-Q.1)

II- Trời Người hiệp nhưt

1- Lập “Tam kỳ phổ độ” này duy Thầy cho “Thần” hiệp “Tinh Khí” dạng hiệp đủ Tam bửu là cơ mẫu nhiệm siêu phạm nhập Thánh. (Tr.12-Q.1)

2- Thầy đến dạng hườn nguyên Chơn thân cho các con đắc Đạo. Nguồn cội Tiên Phật do yếu nhiệm là tại đó. (Tr.12-Q.1)

Cái Chơn thân ấy mới dạng phép đến trước mặt Thầy. (Tr.6-Q.1)

3- Cái Chơn thân buộc phải tinh tấn trong sạch mới nhẹ hơn không khí ra ngoài Càn khôn được. Nó phải có bốn nguyên chí Thánh chí Tiên chí Phật mới xuất Thánh Tiên Phật dạng. (Tr.29-Q.1)

4- Phải có một Chơn linh tinh tấn mới mẫu nhiệm, huyền diệu, phải dạng trường trai mới dạng Linh hồn tinh tấn, phải tập tành chí Thánh Tiên Phật mới phò cơ dạy Đạo cả chúng sanh. (Tr.7-Q.1)

5- Các con phải bỏ xác trần, mà bông trái thiêng liêng các con sanh hóa Chơn thân, Chơn thân lại biến hằng muôn thêm số tăng lên hoài. Ấy là Đạo. (Tr.30-Q.1)

6- Đạo cũng do nơi phạm mà phát ra và tiếp lấy cái thiêng liêng của Thầy mà hiệp đồng, mới sanh sanh hóa hóa thấu đáo Càn khôn. (Tr.79-Q.1)

*Lành dữ nơi mình chiêu phúc họa
Thành tâm ắt thấy hết thần minh.*

■ (Tr.114-Q.1)

Người dưới thế này muốn giàu có phải kiếm phương thế mà làm ra của. Ấy là về phần xác thịt, còn Thần, Thánh, Tiên, Phật muốn cho đắc Đạo phải có công quả. (Tr.26-Q.1)

7- Muốn đến Thầy thì phải cầu nguyện. Thầy không bao giờ không cảm ứng với những lời cầu nguyện chơn thành. (Tr.124-Q.1) (dịch)

8- Thầy cho một quyển rộng rãi cho cả nhơn loại Càn khôn thế giới nếu biết ngộ một đời tu đủ trở về cùng Thầy đặng. (Tr.70-Q.1)

9- Lương tâm của các con là một khiếu thiêng liêng của Thầy ban để sửa trị riêng các con trong đường tội lỗi và ban thưởng trong việc nhơn đức, làm một việc phải tức là do ý Trời, phạm một nét vạy tà là cãi nơi Thiên luật. (Tr.73-Q.1)

10- **Sự thương yêu** là chìa khóa mở Tam Thập Lục Thiên, Cực Lạc Thế Giới và Bạch Ngọc Kinh, kẻ nào ghét sự thương yêu thì chẳng hề qua khỏi cửa luân hồi. (Tr.43-Q.2)

11- Sự hành tàng nào về Đạo mà vừa lòng trong cả chư Chức sắc và chư tín đồ, ấy là hiệp Thiên ý. Còn điều nào mà phần nhiều môn đệ của Thầy chẳng khứng chịu theo, ấy là bất hiệp Thiên ý đó. (Tr.47-Q.2)

12- Kinh điển giúp đời siêu phàm nhập Thánh chẳng khác chi dưa ăn cơm, chẳng có dưa, kẻ có cơm bốc tay ăn cũng đặng. (Tr.5-Q.2)

III– Quan niệm về Vũ trụ và con người

1– Đạo tức là con đường để cho Thánh, Tiên, Phật đọa trần dò theo mà hồi cựu vị. Đạo là đường của các nhơn phẩm dò theo mà lánh khỏi luân hồi. (Tr.8–Q.1)

3– Khi chưa có chi trong Càn khôn thế giới thì khí hư vô sanh ra có một Thầy và ngôi của Thầy là Thái Cực.

Thầy phân Thái Cực ra Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi phân ra Tứ Tượng, Tứ Tượng biến Bát Quái, Bát Quái biến hóa vô cùng mới lập ra Càn khôn thế giới.

Thầy lại phân tánh Thầy mà sanh ra vạn vật là vật chất, thảo mộc, côn trùng, thú cầm gọi là chúng sanh. (Tr.62–Q.2)

4– Có Thầy mới có các con, có các con rồi mới có chư Thần, Thánh, Tiên, Phật (Tr.48–Q.1)

5– Nên chi các con là Thầy, Thầy là các con. (Tr.30–Q.1)

6– **Trần** là cõi khổ để đọa bậc Thánh, Tiên có lầm lỗi. Ấy là cảnh sâu để trả xong quả, hoặc về ngôi cũ, hoặc trả không xong quả, phải mất cả Chơn linh là luân hồi, nên kẻ bị đọa trần gọi là **khách trần**. (Tr.3–Q.2)

7– **Đài Nghiệt cảnh** sẽ là nơi rọi sáng các việc lỗi lầm. (Tr.83–Q.1)

IV– Huyền Diệu Thiêng Liêng

1– Thầy chưa giáng cơ lộ Đạo tại nước Nam chứ chư Thần, Thánh, Tiên, Phật dùng huyền diệu này mà truyền Đạo cùng vạn quốc. (Tr.57–Q.1)

2– Đạo mới khai lập, tuy xuất hiện chưa đầy một

năm chứ chứ Tiên, chứ Phật đã lập cùng cả năm châu.
(Tr.57-Q.1)

3- Thấy chẳng dùng sự chi mà thế giới gọi là tà quái, dị đoan mà nếu xảy ra một ít dị đoan trong Đạo đã dùng lối thì ấy là tại nơi tâm của một vài môn đệ đó, nếu chẳng giữ theo lẽ chánh mà hành Đạo và bày biện nhiều sự vô lối thì trong ít năm sau đây sẽ trở nên một mối Tả Đạo mà các con đã từng thấy. (Tr.42-Q.2)

V- Huyền Cơ Lập Giáo

1- Thấy nhứt định đến chính mình Thấy độ rồi các con chẳng chịu giao chánh giáo cho tay phàm nữa. Nhưng mà buộc phải lập chánh thể có lớn có nhỏ đặt để thế cho các con diu dắt lẫn nhau anh trước em sau mà đến nơi Bồng-Đào. (Tr.18-Q.1)

Il faut que je me serve moi-même maintenant d'un moyen plus spirituel pourvous convaincre. Vous ne pourres pas nien devant le grand Judgenment-Général que je ne sauve pas l'humanité partous moyens plausibles. (Tr.50-Q.1)

Dịch: Nay Thấy phải tự tìm lấy một phương pháp huyền diệu hơn để thâm phục các con. Các con sẽ không còn chối cãi nữa được trước Tòa Phán xét cho rằng Thấy không cứu vớt như loại bằng những phương pháp công hiệu. (Tr.122-Q.1)

Ta vì lòng đại từ, đại bi, vẫn lấy đức hiếu sinh mà dựng nên mối Đại Đạo Tam Kỳ Phổ độ, tôn chỉ để vớt những kẻ hữu phần vào nơi địa vị cao thượng, để tránh khỏi số mạng luân hồi và nâng những kẻ tánh đức bước vào cõi

nhàn cao hơn phẩm hèn khó nơi trần thế này. (Tr.64–Q.1)

Nơi xứ này dân tình rất thuận hậu ôn hòa nên Thầy đến cũng như Chúa cứu thế đã đến với chúng con để bài trừ tà thuyết và truyền bá chơn Đạo trên toàn cầu. (Tr.123–Q.1)

2– Thầy lại đến lập trong nước các con một nền chánh Đạo đủ tư cách độ rỗi chúng sanh. (Tr.77–Q.1)

3– La nouvelle doctrine que j'enseigne a pour but de vous nettre dans une communauté d'intérêt et de vie. Soyez done unis par ma volonté et préchez su monde la paix et la concorde. (Tr.51–Q.1)

Dịch: Giáo lý của thầy có mục đích dạy dỗ các con hòa hợp nhau trong *sự sống chung cộng đồng quyền lợi* và sinh hoạt. Vậy các con hãy *chung hiệp nhau mãi mãi theo ý muốn của Thầy* và hãy truyền bá khắp hoàn cầu thuyết *hòa bình tương thân tương ái*. (Tr.122–Q.1)

4– Hãy đọc Thánh Ngôn của Thầy. Giáo lý của Thầy sẽ là *đại đồng*. Nếu nhân loại tu hành thì đó sẽ là nền hòa bình hứa hẹn chung cho tất cả các dân tộc. (Tr.122–Q.1)

5– Chánh sách cộng hòa yên tịnh là chánh sách của các con đặng dựng lập Đạo mà thôi. (Tr.61–Q.2)

6– Mở một mối Đạo chẳng phải là sự thường tình mà sanh nhằm đời đặng gặp một mối Đạo chẳng phải dễ. Muốn lập thành tất phải có điều nghiêm chánh thưởng phạt. Có thưởng mới giục lòng kẻ có công, có phạt mới răn đặng lòng tà vạy. (Tr.53–Q.1)

7– Khi Ngọc Hư định cho Hiệp Thiên Đài cầm số mạng nhân sanh, lập thành chánh giáo thì Đại Từ Phụ lại

trở pháp giao quyền ấy cho Cửu Trùng Đài. (Tr.86-Q.2)

8- Từ đây trong nước Nam duy có một Đạo chơn thật là Đạo Thầy đã đến lập cho các con, gọi là «*Quốc Đạo*» (Tr.43-Q.1)

VI- Đối Với Các Tôn Giáo

1- Vốn từ trước Thầy đã lập ra Ngũ Chi Đại Đạo là:

- Nhơn Đạo
- Thần Đạo
- Thánh Đạo
- Tiên Đạo
- Phật Đạo

■ (Tr.17-Q.1)

2- Từ trước Ta giảng sanh lập Phật giáo gần 6000 năm thì Phật giáo chánh truyền gần thay đổi. Ta thường nghe chúng sanh nói Phật giả vô ngôn. Nay nhưt định lấy huyền diệu mà giáo Đạo, chớ không giảng sanh nữa đặng chuyển Phật giáo lại cho hoàn toàn. (Tr.19-Q.1)

3- Chúa cứu thế đã đến với các con. Người đã phải chịu đổ máu Thánh để chuộc tội cho loài người. Trong 2000 năm vắng mặt Người các con làm gì hữu ích? Các con truyền bá Đạo Người nhưng chính các con cũng không hiểu chi cả. Các con lại làm sai lạc bản chất tôn chỉ của nền Thánh giáo, nhân loại phải chịu đau khổ vì sự biến thể của các Thánh tông đồ. (Tr.120-Q.1)

4- La Sainte doctrine du Christiannisme ne sert qu'à envenimer l'ambition des fort contre les derniers.

Il faut une nouvelle doctrine capable de maintenir

l'humanité dans l'amour des créatures. (Tr.46-Q.1)

Dịch: Thánh Đạo của Chúa cứu thế (vì sự hiểu lầm) làm tăng gia dực vọng của kẻ mạnh đối với người yếu thế và giúp giáo cho bọn trên hiệp dưới.

Phải có một giáo lý mới mẻ đủ khả năng kiềm chế hơn loại trong sự thương xót chúng sanh. (Tr.121-Q.1)

5- Cette doctrine eu lieu d'apporter à l'humanité la paix et la concorde, lui apporte la dissension et la guerre. Voi là pourquoi je viensvous apporter moi-même la paix tant promise. (Tr.23-Q.1)

Dịch: Giáo lý ấy đáng lẽ phải đem lại hòa bình và tương ái cho loài người, nhưng trái lại nó gây mầm chia rẽ và chiến tranh. Bởi thế nên nay chính Thầy phải đến để đem lại cho các con nền hòa bình đã từng hứa hẹn. (Tr.120-Q.1)

6- Người sống trên thế gian này đều thuộc giống dân nào cũng chỉ có một Cha chung mà thôi. Ấy là Trời, đang chế ngự số mạng của các con. Tại sao các con lại chia rẽ nhau vì sự bất đồng Đạo lý mà chính các con đều phải chung chịu đau khổ rửa tội của các con ở cõi thế gian này. (Tr.123-Q.1)

VII- Thờ Tự Và Tế Lễ

1- Lạy là gì?

Là tỏ ra bề ngoài lễ kính trong lòng. (Tr.11-Q.1)

2- Khi bái lễ, hai tay co chấp lại, song phải để tay trái ẩn tỵ, tay mặt ngửa ra nằm dưới, tay trái chụp lên trên.

Chấp hai tay lạy là tại sao?

Tả là Nhật, Hữu là Nguyệt, vị chi Âm Dương, Âm Dương hiệp nhật, phát khởi Càn khôn. Sanh sanh hóa hóa tức là Đạo. (Tr.11-Q.1)

3- Thầy lập Phật giáo vừa khi khai Thiên lập Địa nên Phật giáo là trước, kế Tiên giáo rồi mới tới Nho giáo. Nay là Hạ ngưng hầu mãn, phải phục lại như buổi đầu nên phải phản tiền vi hậu.

Tỉ như lập Tam giáo qui nhứt thì:

- Nho là trước
- Lão là giữa
- Thích là chót

Nên Thầy phải ngồi sau chư Phật, Tiên, Thánh, Thần mà đưa chúng nó lại Vô Vi Chi Khí, chính là Niết Bàn đó vậy. (Tr.48-Q.1)

Thầy dạy các con như đàn nội chẳng nghiêm, Thầy không giáng. (Tr.51-Q.1)

5- Thiên phong là để cho bậc Thánh, Tiên, Phật lia trần phải lấm dầy công cùng chúng sanh mới trông mong hồi cựa phẩm đặng. (Tr.40-Q.2)

VIII- Hạnh Người Tu

1- Thầy buộc các con phải trường trai mới đặng luyện Đạo. (Tr.30-Q.1)

2- Một giọt máu là một khối Chơn linh. Như các con dâm quá độ thì sát mạng Chơn linh ấy. Khi các con thoát xác thì nó đến tại Nghiệt-Đài mà kiện các con. Các con chẳng hề chối tội cho đặng.

Vậy phải giữ gìn giới cấm ấy cho lẫm. (Tr.33-Q.1)

Hạnh ngay thật là nét yêu dấu của Thầy. (Tr.10–Q.2)

3– Các con phải **cẩn ngôn, cẩn hạnh**, thà là các con làm tội mà chịu tội cho đảnh, hơn là các con dối mà phải trọng hình đồng thể. (Tr.66–Q.2)

*Nho nhã con tua tập tánh tình,
Dưới đời đừng tưởng một mình lanh.
Một câu thất đức thiên niên đọa,
Nhiều nôi trầm luân bởi ngọn ngành.*

■ (Tr.112–Q.1)

4– Hạnh khiêm nhường là hạnh của mỗi đứa con, phải noi theo gương Thầy mới độ rồi thiên hạ đặng. Các con phải khiêm nhường sao cho bằng Thầy. (Tr.41–Q.1)

5– Các con hiền mà các con dữ, *các con yếu mà các con mạnh, các con nhỏ nòi mà là quyền thế, các con nhịn nhục mà là hành phạt*, cử chỉ các con khá tập sao cho *ngịch với cử chỉ thể tình thì là gần ngôi Tiên Phật đó*.

6– Các con phải giữ gìn đức hạnh đối với kẻ trên bằng chữ khiêm hòa, đối với kẻ dưới bằng chữ khoan dung. (Tr.95–Q.1)

7– Chẳng những phải cứu trợ kẻ ngoại đạo mà lại cứu kẻ nghịch cùng mình trong cơn nguy nữa. (Tr.93–Q.2)

8– Phải dối lòng trong sạch, lấy sự nhẫn nhịn làm gương soi mình hằng bữa, phải thương yêu nhau, giúp đỡ nhau dường như con một nhà, rồi cái thương yêu sự giúp đỡ nhau ấy sẽ diu các con vào tận chốn Cực Lạc Thiêng Liêng để tránh khỏi nơi cùng khổ tiêu tụy. (Tr.14–Q.2)

*Quyển biến dấu dùng khi buổi ngặt
Dần lòng nhớ tránh kẻ mưu gian.*

■ (Tr.15-Q.1)

9- Sự thương yêu là giếng bảo sanh của Càn khôn thế giới. Có thương yêu như loại mới hòa bình, Càn khôn mới an tịnh.

10- Các con thường để mắt dòm lên thấy kẻ cao sang thì các con cho rằng các con vô phúc, còn nhìn xuống thấy đồng chủng thấp hèn thì các con lại đem lòng khinh bạc. Ấy là một điều vô Đạo. (Tr.94-Q.1)

11- Các con đã rõ Đạo thì phải biết đức cần kiệm là đức hạnh đầu trong lúc các con còn ở thế gian này. Những sự lãng phí se sua ở đời này Thầy cũng cho là một việc tổn đức vậy. (Tr.48-Q.1)

*Mình Thánh mình Hiền mình biết lấy
Tặng phong quá tiếng chớ nhờ ai.*

■ (Tr.III-Q.1)

12- Các con thương mến nhau, dìu dắt nhau, chia vui sót nhọc nhau, ấy là các con hiến cho Thầy một sự vui vẻ đó. (Tr.90-Q.1)

13- Đạo tại lòng bác ái và chí thành.

Bác ái là hay thương xót sanh linh hơn thân mình cho nên kẻ có lòng bác ái coi mình nhẹ hơn mấy lông mà coi thiên hạ bằng Trời Đất.

Còn chí thành là mỗi việc lấy lòng thành thật mà đối đãi trong đời và trong Đạo; dù kẻ phú quý đến bậc nào đi nữa mà không có lòng bác ái và chí thành thì không làm chi nên việc. (Tr.45-Q.2)

14- Tham gian nhập vào nhà thì nhà không chánh giáo, tham gian nhập vào nước thì nước hết chơn trị, tham gian đã lộng toàn thể giới thì thế giới hết Thánh Thần. (Tr.63-Q.2)

15- Ngày nào các con còn trông thấy một điều bất bình ở đời này thì Đạo chưa thành vậy. (Tr.98-Q.1)

IX- Luật Phản Diện

1- Quỷ Vương là tay diệt hóa. (Tr.69-Q.2)

2- Ngày nay, Đạo đã khai tức là tà khởi. (Tr.34-Q.1)

3- Buổi Bạch Ngọc Kinh và Lôi Âm Tự lập pháp “*Tam kỳ phổ độ*”, *Quỷ Vương* đã khởi phá khuấy chơn Đạo, đến *danh Ta nó còn mượn*, duy ngài Ta nó chẳng dám ngồi mà thôi.

Lại còn hiểu rằng Ta đến với huyền diệu này, mượn cơ mầu nhiệm, hiệp Tam Thập Lục Động đổi gọi Tam Thập Lục Thiên. Các bên chư Thần, Thánh, Tiên, Phật bị mạo nhận mà lập nên Tả Đạo. (Tr.38-Q.1)

Thầy nói trước cho các con biết mà giữ mình, chung quanh các con dẫu xa dẫu gần, Thầy đã thả một lũ hổ lang ở lẫn lộn với các con. (Tr.13-Q.1)

4- Thầy thả một lũ hổ lang ở lộn cùng các con, lại hằng ngày xúi biếu nó cắn xé các con, song Thầy cho các con mặc một bộ thiết giáp, chúng nó chẳng hề thấyặng là đạo đức các con. (Tr.69-Q.1)

5- Đạo là vật rất hữu ích như giáp hữu ích cho thân các con. Nếu các con bỏ giáp thì thân các con trần lỗ còn bỏ Đạo thì các con ở dưới phép Tà Thần. (Tr.34-Q.1)

6- Những sự phạm tục đều là mưu kế của tà mị yêu quái cốt để ngăn trở bước đường Thánh Đạo của các con. Những mưu qui quyết ấy do lệnh của Thầy dùng để thử các con. (Tr.34-Q.1)

7- Các con không Đạo thì là tôi tớ ủy mị. (Tr.70-Q.1)

8- Thầy đến lập cho các con một nền chơn Đạo, tức là mỗi sự chi đối trá là chẳng phải của Thầy. (Tr.77-Q.1)

9- Thầy đến là chủ ý để dạy cả nhơn sanh đặng hòa bình chớ chẳng phải đến đặng giục thêm nghịch lẫn nhau. (Tr.77-Q.1)

10- Thầy lại thấy nhiều đứa chưa hiểu thấu huyền diệu là gì, bị người chê rồi về còn biếm nhẽ nữa. Phải nghịch chánh lý chẳng?

Trong phần đông các con có nhiều kẻ ấy. (Tr.45-Q.1)

CHƯƠNG II

THỐNG HỢP VĂN HÓA

THỜI KHOA HỌC ĐIỆN TỬ ĐÃ ĐƯA NHÂN LOẠI đến chỗ hợp đồng, trộn lẫn nhiều văn hóa đa dạng. Đạo Cao Đài chủ trương đại đồng tiểu dị, thống nhất mà không đồng nhất trong nền văn hóa các dân tộc.

Việc “*Qui tam giáo, hợp ngũ chi*”, đó là du nhập văn hóa bên ngoài để biến thành của mình. Thánh chỉ của Đức Cao Đài nhằm mục đích nối tiếp truyền thống của nền văn hóa Việt Nam. Thật vậy, thử hỏi các nhà ngôn ngữ có bao nhiêu tiếng Việt có gốc từ chữ Hán, Pháp... Các nhà dân tộc học hãy trả lời cho ta rõ có bao nhiêu nghi lễ Trung Hoa thành nghi lễ Việt Nam. Đạo Cao Đài theo truyền thống Tổ tiên, du nhập, gạn lọc “*biển của người thành của ta*” và phát triển lên tầm cao mới. Đó không phải là lắp ghép tạm bợ “*hố lớn*” các Thần Thánh thế giới lên trên một Thiên bàn Cao Đài mà là cả quá trình công phu công quả của hằng triệu tín đồ qua mặc khải của Đấng Toàn Năng. Việc phượng thờ nơi Tòa Thánh Tây Ninh xác nhận điều đó.

Chuyện du nhập văn hóa không riêng nơi người Việt Nam nói chung, đệ tử Cao Đài nói riêng mà các nước trên thế giới, không nền văn hóa lớn nào mà không trải qua quá trình chế biến văn hóa. Nền văn hóa Pháp chẳng hạn: Chủ nghĩa nhân văn thời Phục Hưng (Renaissance) ảnh hưởng sâu đậm văn hóa La Mã, chủ nghĩa cổ điển thì in dấu thời cổ Hy Lạp, còn “*thế kỷ ánh sáng*” lấy nguồn từ

văn hóa Anglo-Saxon và chủ nghĩa lãng mạn Pháp rút từ nền văn hóa Germanie.

Vậy quá trình “*qui Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi*” của Đạo Cao Đài không những nằm trong truyền thống dân tộc Việt Nam mà cũng nằm trong thông lệ của nhiều nền văn hóa khác nhau trên thế giới.

Đạo Cao Đài chủ trương qui hợp các tôn giáo trên thế giới đưa đến thống hợp văn hóa. Muốn đạt được một nền văn hóa nhân loại, người tín hữu Cao Đài phải biết quên mình là người VN, quên cả mình là người Đạo Cao Đài nữa: “*Quên tất cả để được tất cả*”. Hãy thực hiện Thương yêu và Công Chánh, Bác Ái và Công Bằng của Đức Chí Tôn dạy. Hãy “*Từ Bi Hi Xả*” quên mình mà “*làm nên cho người, giúp người nên Đạo*” làm cho cuộc đời an lạc, Thiên đàng tại thế.

Thực tế, “*không có những vấn đề triết học nào để giải quyết cả, chỉ có cuộc sống mà thôi*”. (Il n’y a pas de problèmes philosophiques à résoudre, il n’ya que la vie à vivre), một nhà Đạo học Ấn đã nói như vậy. Giai đoạn này không cần bàn đến việc qui hợp nữa. Bản thân mỗi người tín hữu hãy giang rộng tay ra tiếp thu mọi văn hóa nhân loại, tháo tung ranh giới văn hóa.

“*Ngày nay mối tương quan giữa Đông Phương và Tây Phương không còn là một vấn đề đưa ra thảo luận ở đại học nữa*” (Jean Herbert, Ce que l’occident peut apprendre de l’orient)

Trong quyển *La Fin d’un Mythe*, Carlos Suarès cũng viết: “*Chân lý là sự tổng quát của hai đối cực, chớ không phải là sự đề cao cái này, phủ nhận cái kia*”.

Henri Regnault, Phó Chủ Tịch Ủy ban quốc tế của Đại Hội Thần Linh học thế giới đã phát biểu: “Cao Đài giáo xây dựng trên căn bản Thần linh học có thể giúp ta thống hợp tôn giáo, triết lý, khoa học, tâm lý học và nghệ thuật. Cao Đài có thái độ khoan dung rộng rãi đối với những tôn giáo khác, tôn trọng tín ngưỡng của mọi người cũng như tôn trọng chơn lý, nguồn cội của Đấng Chí Tôn vô biên, vô thường, vô danh, vô đối. Nếu ta phải tổng hợp tôn giáo, khoa học, triết học, tâm lý học, nghệ thuật để tìm hiểu Thần linh thì tôi cho Cao Đài giáo có thể rất có ích cho chúng ta để đạt tới mục đích ấy.

Người có đức tin như người không có đức tin đều có thể vào trong Thánh Thất Cao Đài để trầm tư mặc tưởng và cầu nguyện theo sở vọng. Đó chẳng phải là một lý thuyết tâm lý sâu xa hay sao? Cái đó chẳng có gì lạ. Vì Cao Đài giáo nguồn gốc là ở chỗ siêu trần mà lại là sự nghiệp của thế nhân”^[1].

Đức Chí Tôn giảng dạy:

“Quốc Đạo kim triều thành Đại Đạo,
Nam Phong thử nhật biến Nhơn Phong”.^[2]

Câu đầu hàm ý tổng hợp các nền văn hóa như đã bàn giải ở trên. Câu dưới được Đức Phạm Hộ Pháp giảng như thế này:

“Phong đây là phong tục, Chí Tôn muốn nói phong hóa nước nhà sẽ trở nên phong hóa của loài người. Chúng ta suy gẫm coi phải Đức Chí Tôn mà quá lời không?” (trang 7)

Chúng ta thử coi nền Quốc Đạo sẽ trở nên nền tôn giáo

[1] Comment réaliser l'universalisme religieux, Le Caodaïsme et réincarna.

[2] Quốc Đạo Nam Phong, Kiến phong 1971.

của toàn cầu chăng? Và phong hóa chúng ta có thể thay thế cho cả nhân loại trên mặt địa cầu này chăng?

Chí Tôn đã nói “Tù thư cho sắc dân ấy (VN) chỉ biết nô lệ, chưa biết vi chủ, vì vậy mà Ta đến bồi thường sự bất công ấy.” Đạo đã dạy chúng ta chí thiện, chí nhơn, đại từ, đại bi. (trang 8)

May thay, tổ phụ chúng ta để lại món thuốc cứu cả tinh thần nhơn loại... Phong hóa nhà Nam không lúc nào sơ thất sự phụng tự, từ phong hóa trong nhà, phong hóa trong làng, phong hóa trong nước, phong hóa chung xã hội nhơn quần (tr 9). Nền tôn giáo chơn thật buộc vạn quốc phải nhìn nhận là một tôn giáo đặc sắc của các sắc dân chơn thật hơn hết (tr.42).

*Tổ chức xã hội của chúng ta khéo léo làm sao đâu! Bần đạo dám chắc rằng cao thượng hơn hết. Hại thay, quốc dân ta ôm của báu mà không biết quý trọng, lại liệng đi rồi chạy theo ăn mót đồ bỏ của thiên hạ lấy làm của mình. Thế nên, Đức Chí Tôn thức tỉnh nhơn sanh với câu: “**Nam phong thử nhứt biến nhơn phong**”, ý rằng phong hóa của chúng ta nó sẽ biến thành phong hóa của toàn nhơn loại”.^[3]*

Cái Nam Phong đó, Thanh Sơn Đạo Sĩ là người tiêu biểu. Nhân cách Nam Phong biểu hiện qua Tam Giáo Đồng Nguyên trong máu huyết Người. Người không màng danh lợi, từ quan, ảnh hưởng Lão Giáo; yêu dân, đau nỗi đau của dân, ảnh hưởng thuyết từ bi bác ái của Phật giáo; sâu đậm nhất của Khổng giáo. Đạo nhân len lõi vào tận thớ thịt buồng tim của Thanh Sơn Đạo Sĩ.

Học thuyết tôn quân trong Kinh Xuân Thu không

[3] Quốc Đạo Nam Phong, Kiến phong 1971.

phù hợp với ngày nay, nhưng “*Chánh sách của Đạo Cao Đài giúp quân chủ tạo dân quyền*”.^[4]

Nhưng chủ trương Đức trị trong Luận ngữ còn có giá trị: tu thân, trị quốc, bình thiên hạ. Khổng tử lấy đạo nhân làm căn bản. Nhờ có Nhân mà con người khác con vật. Lý tưởng chính trị cao nhất của khổng giáo là chính sách “*Vô vi nhi trị*” tương đồng với chủ trương “*trị bình*” của Nguyễn Bình Khiêm.

“*Cư kính nhi hành giản*” (ăn ở chơn chánh hành động giản đơn). “*Người có nhân hễ muốn tự lập thì lo lập cho người, còn muốn thông đạt thì cũng lo cho người thông đạt; hễ xử với mình thế nào thì cũng xử với người như thế*”.(Nhân giả kỹ dục lập nhi lập nhân, kỹ dục đạt nhi đạt nhân, nhân cận thủ thị; khả vị nhân chi phương dã dĩ)(luận ngữ),

Chủ trương “*Quyền Công Chánh*” là nhằm thức tỉnh Chánh Quyền Pháp hãy giáo dục quần chúng sao cho có ý thức trách nhiệm hơn là kềm kẹp, bắt buộc họ. “*Nếu nhà cầm quyền chuyên dùng pháp chế và hình phạt để trị dân thì dân sợ mà không phạm pháp đó thôi, chớ thật lòng họ đâu biết xấu hổ*”. (Luận ngữ), nghĩa là lấy đức độ mà trị, tự nhiên dân sẽ trở nên hiền tốt.

Tóm lại, Nguyễn Bình Khiêm thấm nhuần học thuyết Tam giáo mà Nho giáo là nền tảng. Nhân cách của Thanh Sơn Đạo Sĩ tiêu biểu cho Nam Phong. Cái Phong hóa mà Đạo Cao Đài đề cao để đạt tới mức Thượng Đức thi đua và Trấn áp Thượng Lực, Thượng Muôi^[5]

Thượng Lực mà thời đại dùng sức mạnh để xâm

[4] Lời thuyết đạo của Đức Phạm Hộ Pháp, Q.1 tr.41

[5] Xem “Đại Đạo Giáo Lý” cùng người viết.

chiếm nước ngoài, buộc người làm nô lệ. Thượng mưu là dùng trí xảo của mình để bắt kẻ khác lệ thuộc.

Chỉ có Thượng Đức, cái mà Đức Hộ Pháp nói “**phong hóa Tổ Tiên để lại**”, và Thanh Sơn Đạo Sĩ tiêu biểu: rất thương người, hợp lòng người, chỉ dùng đạo tâm, đức độ của mình để cảm hóa người.

Nếu cả thế giới biết hồi đầu hướng thiện, chính là lúc “**Nam phong thử nhật biến Nhơn phong**”: lấy văn hóa người Việt Nam làm văn hóa nhân loại.

Ngày đó là ngày “*Thiên hạ thái bình*” và đại đồng thế giới vậy. Bởi lẽ, Thầy đã phán truyền: “*Giáo Lý của Thầy là ĐẠI ĐỒNG. Nên Nhơn loại biết tu thì đó là nền hòa bình hứa hẹn chung cho tất cả các dân tộc*”. (TNHT.I tr.122)

CHƯƠNG III

GIÁO LÝ HƯỚNG THIÊN, TIẾN BỘ

DẠO CAO ĐÀI CÓ MỘT GIÁO LÝ BAO DUNG RỘNG rãi, coi nhân loại đều có một Đấng Cha chung trong một đại gia đình với thuyết đại đồng, lấy tình thương xóa bỏ hận thù. “*Thầy cấm các con từ đây nếu không đủ sức THƯỜNG YÊU nhau thì cũng chẳng đáng ghét nhau, nghe à!*” (TN 2, tr.69)

Giáo lý cao thượng, tiến bộ, diệt mê tín dị đoan, coi coi Hằng sống (Thiên đàng) và thế gian (Địa đàng) chỉ là một. “*CÁNH NHÂN chẳng phải đâu xa, chỉ ở nơi ĐỊA ĐÀNG đây.*” (Đàn đêm 21-2 -1927) hoặc “*Tiên Phật nơi mình chẳng ở xa*”. (Đàn 28-1-1926). Thầy chỉ rõ: “*Hễ cái tâm sáng suốt thiện từ đạo đức là Thiên đàng, còn tâm mê muội vạy tà hung bạo là Địa ngục cũng chỉ tại cái tâm*”. Chính cái tâm của một số môn đệ thấp kém mà Thầy răn dạy: “*Đạo Thầy không mê tín dị đoan, một số môn đệ bài biện vô lối, chẳng bao lâu thành ra mỗi bàn môn Tả Đạo*”. Một số người đã đưa lên bàn thờ những Thánh Tiên thần thoại lý tưởng có từ lâu trong dân gian, nhằm lấy biểu tượng siêu thoát đạt đạo của các Đấng ấy mà tế độ chúng sanh, chớ các Đấng ấy không phải là chủ thể và chủ động trong việc giáo hóa như sanh trong Kỳ Ba Phổ Độ này. Dù vậy, điều đó không phù hợp với nền Tân Tôn giáo nên Đức Chí Tôn cho là «*Bài biện vô lối*»

«*Không có nhà thờ nào có ma thuật cả, vì ma thuật luôn giấu diếm, còn nghệ thuật, tôn giáo mở toang cửa mời*

gọi mọi người»

«Cái đẹp tự thân tôn giáo không đồng nghĩa với bất kỳ cái đẹp lý tưởng nào, nhưng nó thể hiện một cách đặc thù của một nghệ thuật chân tính về nó».

«Thế nên, nghệ thuật và tôn giáo đều mang chức năng phục vụ xã hội hay một cộng đồng. Điều đó, khiến cả hai không thể bị phân hóa hay chia cắt thành những bộ phận rời»

■ (E. Durkheim).

Người tín hữu Cao Đài nào cũng thông suốt lời dạy sau đây của Đức Chí Tôn: *“Thấy đến đặng hườn nguyên Chơn thần cho các con đắc Đạo”*. (TNHT.I, tr.12) Nói thế không phải ai nhập môn vào Đạo đều đắc Đạo dễ cả mà phải dày công tu luyện. Một đẳng khác, Đức Chí Tôn nói rõ hơn; *“Than ôi! Đã bước vào đường đạo hạnh mà chẳng để công tìm kiếm, học hỏi cho rõ ngọn nguồn thì làm phận sự môn đệ như thế có ích chi cho nên Thánh giáo đâu? Đạo Trời khai ba lượt, người tục lỗi muôn phần, sanh đặng vào thế cuộc, chưa biết mình đã lãnh một vai tuồng, đặng chờ đến kết quả hôn qui Thiên ngoại: Lánh khỏi xác phàm trở về nơi khởi hành. Phận chưa xong phận, thân chẳng nên thân, thân phận lo tính chưa rồi còn mong mỏi chi dụng mình vào đường đạo đức để cho có ích chung nữa đặng.*

Lương tâm của các con là một khiểu thiêng liêng của Thầy ban để sửa trị riêng các con trong đường tội lỗi và ban thưởng để hành việc nhưn đức. Làm một việc phải tức là do theo ý Trời, phạm một nét vạy tà là phạm nơi Thiên luật. Phải quấy Thần Thánh chép biên, thưởng phạt duy đợi ngày chung cuộc, khá biết vậy!”

Theo Thánh ý, dù có quyền thiêng liêng giúp đỡ,

nhưng con người phải tự cứu lấy mình: “*Tận nơn lục tri Thiên mạng*” hay “*có Trời mà cũng có Ta*”, chớ không phải mọi việc đều buông xuôi phó thác cho số mạng.

“*Hạnh khiêm nhường là hạnh của mỗi đứa, phải noi theo gương Thầy mới độ rồi thiên hạ đặng. Nếu đời không tội lỗi, đâu phải nhọc đến công Thầy*”. (TNHT.I, tr.33)

“*Thầy khuyên các con hãy mở rộng trí ra mà thương nơn loại, thì mới hạp ý thầy. Các con phải giữ gìn đức hạnh, đối với kẻ trên bằng chữ khiêm hòa, đối với kẻ dưới bằng chữ khoan dung*”. (TNHT.I tr.71)

Đức Chí Tôn dạy ta xử ngược lại thế đời: “*Các con hiền mà các con dữ, các con yếu mà mạnh, các con nhỏ nhoi mà quyền thế, các con nhịn nhục mà hành phạt. Cử chỉ của các con khá tập sao cho nghịch với cử chỉ thế tình thì gần ngôi Tiên Phật đó*”(TNHT. I tr.46).

*Nho nhã con tua tập tánh tình,
Dưới đời đừng tưởng một mình lanh.
Một câu thất đức thiên niên đọa,
Nhiều nôi trâm luân bởi ngon ngành.*

■ (TNHT.I, tr.122)

Đó là hành trang tối thiểu để người đạo đi vào cuộc đời (nhập thế). Cuộc sống trong xã hội luôn luôn thay đổi và biến động. Cách tu, lối tu vì thế cũng phải tiến bộ cho phù hợp với đời. Thời còn ăn lông ở lỗ, núi hang là nơi ở thiên nhiên nên con người chọn lối tu núi tức là **tu Tiên**. Khi con người biết quần tụ cất nhà để ở thì con người nảy ra lối **tu chùa** tức tu theo Phật.

Trong luật cạnh tranh sinh tồn, người để mà đất không để nên thức ăn thiếu thốn, người ta giành giật

nhau từng miếng ăn manh áo. Đức Khổng Tử ra đời kêu gọi con người phải biết phải học Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín và tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Từ đó nảy sinh lối *tu tế* của Nho giáo.

Xã hội ngày càng văn minh, tiến bộ, nếp sống sinh hoạt cũ không còn thích hợp nữa. Thành thị hay nông thôn, chỗ nào cũng có người, cũng có chợ. Người ta sống giữa chợ đời, trò đời thì cũng phải có lối tu chợ tức *tu tâm*. Đó là lối tu của người tín hữu Cao Đài hiện nay, mỗi người đều tự giác tha, và điều rõ câu: “*Ngộ thân bất độ hà thân (?nhân) độ*”. Đạo ẩn trong lòng mọi người, nó sẵn sàng trấn áp mọi “*nộ, ố, bi, ai*”. Họ có một nội tâm sinh động và một nội lực thâm hậu để chống trả mọi cơn khảo đảo từ ngoài đưa vào. Thế mới gọi là “*đại ẩn ẩn thành thị*” tức tu giữa thành thị mới gọi là đại ẩn. Lại có câu: “*Nhất tu thị, nhị tu sơn*”.

Xét về quá trình các phương pháp tu, từ tu núi, tu chùa, tu tế, tu chợ, chắc chắn tu giữa chợ là lối tu khổ luyện nhất. Người tín hữu không bỏ nhà ẩn thân nơi non cao, không vào chùa để tham thiền nhập định mà tiếp xúc với mọi người, chung đụng với mọi người, gần gũi với mọi cảm dỗ chực đưa bất cứ tín hữu nào vào đường tội lỗi, nếu chưa luyện đạo tâm vững vàng.

Đạo lập ra để cứu đời, tận độ chúng sanh thoát khỏi nguy nàn. “*Mở một mối Đạo chẳng phải thường tình, mà sanh nhằm đời gặp đặng mối Đạo chẳng phải dễ*”. (TNHT.I, tr.53). “*Đạo Trời mở ra cho một nước, tất là ách nạn của nước ấy hầu mãn*”. (TNHT.II, tr.114)

“*Các con vì Đạo là việc công lý, mà công lý đánh đổ cường quyền thì Đạo mới phải Đạo*”. (TNHT.I, tr.98)

Thế nên, ngay từ đầu, Đạo Cao Đài nêu rõ chủ trương của mình là vì hòa bình, dân chủ, tự do.

**“CAO THƯỢNG CHÍ TÔN ĐẠI ĐẠO HÒA BÌNH DÂN CHỦ MỤC^[1],
ĐÀI TIÊN SÙNG BÁI TAM KỲ CỘNG HƯỞNG TỰ DO QUYỀN.”**

Bởi lẽ, “Ngày nào các con còn trông thấy một điều bất bình ở đời này thì Đạo chưa thành”. (TNHT.I, tr.98)

Làm thế nào để khỏi thấy một điều bất bình? Đức Chí Tôn dạy phải thi hành “Luật Thương yêu, quyền công chánh”. Vì “Sự thương yêu là giếng bảo sanh của Càn Khôn thế giới. Có thương yêu, nhưn loại mới hòa bình, Càn Khôn mới an tịnh”.

Giáo lý Đạo Cao Đài đề cao gia đình một vợ một chồng. “Cấm người trong Đạo, từ ngày ban hành luật này về sau, không được cưới hầu thiếp. Rủi có chích lẻ giữa đường thì được chấp nối... Vợ chồng người Đạo không được để bỏ nhau”(Tân Luật, TN 1966, tr.12).

Tuy vậy, Đức Chí Tôn hằng nhắc nhở chư môn đệ: Tà dâm là một trọng tội:

“Phàm xác thân con người, tuy con người coi thân hình như một, chứ kỳ trung nơi bốn thân vốn một khối chứa vàn vàn, muôn muôn sinh vật. Những sinh vật ấy cấu kết nhau mà thành khối. Vật chất ấy có tinh linh...”

Các vật thực nào tì vị, lại biến ra khí, khí mới biến ra huyết. Nó có thể hườn ra nhân hình, mới có sanh sanh tử tử của kiếp nhưn loại. Vì vậy mà một giọt máu là một khối Chơn linh.

Như các con dâm quá độ là sát mạng Chơn linh ấy.

[1] Đúng là chữ CHÁNH, giáo sư Latapie (Phó quản lý nội viện) sợ Pháp làm khó dễ nên xin đổi ra chữ MỤC.

Khi các con thoát xác, nó đến tại Nguyệt Đài mà kiện các con. Vậy phải giữ gìn giới cấm ấy cho lắm”.

■ (TNHT.I, tr. 26)

Vì nhận nơi con người đều có tính dục do cha mẹ truyền lại nên chấp nhận người Đạo phải có vợ chồng nhưng tuyệt đối cấm dâm dục. Khi trở thành chức sắc, Tân Luật “*Cấm vợ chồng bỏ nhau*” nên chức sắc Đạo Cao Đài có vợ có chồng là vậy. Không làm điều chi trái với thiên nhiên để rồi phải vụng trộm như các hàng giáo sĩ của các tôn giáo khác.

Vả lại, nếu đi tu mà bỏ nhà để (?) vợ, không làm điều gì có ích cho gia đình, tìm chỗ thanh vắng lo cho riêng mình thì có ích chi cho xã hội. Đó không phải là chủ trương của Đạo Tam Kỳ. Vào Đạo tu tâm sửa tánh để trở nên người hiền lành nhân đức, làm điều ích nước lợi dân mà phổ độ chúng sanh vào đường ngay nẻo phải.

Người tín đồ nào cũng hiểu lời nói của Mạnh Tử “*Bất hiếu hữu tam vô hậu vi đại*”. Ngài than không có người hiền nối mối Đạo, đó là tội vô hậu lớn. Về sau, Châu Tử chú giải theo phong kiến “*Tội không con là lớn hơn cả*” để cưới hầu thiếp. Vả lại, cổ nhân có dạy: “*Trong sử hay bút ký, mấy điều gian hại chẳng luận chữ hiếu có con hay không con*”.

Năm 1923, Đức Vân Trung Tử giảng đàn dạy: “*Chẳng phải ông Mạnh Tử nói không con là bất hiếu. Nếu không con bất hiếu sau Lục Tổ trước còn thành Phật đặng?*” (Hội Lý Xiển Chơn, TN 1959, tr.13)

Trong gia đình vợ chồng “*Các con hòa hợp nhau trong sự sống chung cộng đồng quyền lợi và sinh hoạt*”

(TNHT.I, tr.51). Nam Nữ bình đẳng: “*Giục tài nữ sĩ sánh bì cùng nam*” (Nữ Trung Tòng Phận). Trong một xã hội nữa phong kiến, nữa thuộc địa mà giáo lý Đạo dạy Nam Nữ bình quyền, đó không phải là cuộc cách mạng đổi mới cho thân phận người phụ nữ ư? Trong khi đạo Kitô, phụ nữ không được làm Linh Mục.

Thêm vào đó, theo cổ tục, khi có kinh nguyệt, người phụ nữ tránh ra ngoài thì giáo lý Đạo dạy: “*Không vì nguyệt huyết kỵ Anh linh*”. Sự tiến bộ của khoa học ngày nay đã giải thích được điều đó.

Vốn là một tôn giáo tiến bộ nên: “*Việc tang không nên xa xỉ, không nên để lâu ngày, không dùng đồ âm công lòe loet, chỉ dùng toàn đồ trắng. Trong việc tế vong linh, không nên dùng vật hy sinh, nên dùng toàn đồ chay thì được phước*”. “*Việc cầu siêu vong linh trong tuần cầu cứu (81 ngày), tiêu tường (200 ngày) đến Đại tường (300 ngày) là mãn tang*”. (Tân Luật, sđd, tr.13)

Xem thế, thời gian mãn tang trong Đạo chỉ có 581 ngày trong khi phong tục cũ phải mất 3 năm (1095 ngày) gấp đôi thời gian trong Đạo, choáng hết thời gian làm ăn, ngăn trở sinh hoạt.

Đạo cấm hẳn vọng ngữ (Ngũ giới cấm): “*Các con nói dối dù chưa dối người, các con đã dối lương tâm mà lương tâm tức là Chơn linh*” (Đạo Sử II, tr.273). Năm Mậu Thìn, Đức Chí Tôn cấm tham lam: “*Tham vào tâm, tâm hết Đạo, tham vào chùa, chùa hết chánh giáo, tham vào nước, nước hết chánh trị, tham lam lộng khắp thế giới, thế giới hết Thần Tiên. Lòng tham có thể giục lỗi Đạo cùng Thủy*”. (TNHT.II, tr.63)

Nhất là bói toán, đồng cốt, giết sinh vật để tế lễ, t rong Đạo Cao Đài rất cấm kỵ. (TNHT.I, tr.86):

*Những điều mê hoặc dị kỳ,
Các con nên phải xa đi đừng làm.
Kho tàng là chuyện bá xàm,
Nộ hình, tà khí, độn nham tà quyền.
Bỏ vòng vàng bạc, giấy tiền,
Thánh Thần đâu có quá điên lấy xài!*

“Thầy dạy con đừng cúng chi hết, vì chơn hơn chẳng hưởng của phàm bao giờ. Còn làm việc đĩ, chẳng nên gọi là cúng”. (Đạo Sử II, tr.123)

Tất một lời, Đạo Cao Đài là một tôn giáo hướng thượng tiến bộ. *“Thầy chẳng dùng sự chi mà thế gian gọi là tà quái dị đoan, nếu có xảy ra một ít dị đoan trong Đạo đã dùng lỗ, ấy là tại nơi tâm của một vài môn đệ, nếu chẳng giữ theo lẽ Chánh mà hành Đạo và bày biện nhiều sự vô lối thì trong ít năm sau sẽ trở nên một mối Tả Đạo”.* (TNHT.II, tr.42)

Việc tế lễ Đức Chí tôn của Đạo Cao Đài hết sức tiến bộ. Xét quá trình các tôn giáo từ xưa tới nay, ta thấy rằng: Vào thời thượng cổ, quan niệm về Thượng Đế còn mơ hồ. Con người thờ Tô tem gắn như rộng khắp mặt đất.

Trong Cựu ước, người ta hiến lễ lên thần linh bằng đồng nam đồng nữ làm vật hy sinh. Đạo giáo thì độc tôn, Thánh Moise là Đấng hằng hữu và phải tàn sát tất cả sắc dân nào có tín ngưỡng riêng.

Qua thời Trung Cổ, người ta quan niệm Thượng Đế có quyền tác họa, ban phúc. Kẻ nào làm lành được lên Thiên Đàng hay Cực Lạc, còn đứa dữ bị đày vào hỏa ngục

hay Địa ngục. Tôn giáo nào cũng cho mình là Chánh là Phải. Do đó mới gây ra chiến tranh tôn giáo như ở Ấn Hồi hoặc kỳ thị tôn giáo ở Âu Châu.

Về tế lễ Trời Đất, thay đổi những con vật lớn bằng những con vật nhỏ gọi là Tam sanh mà không còn dùng con người làm vật hy sinh như trước nữa.

Thời kỳ hiện đại, ngoài những kinh sách truyền bá trước Đạo Cao Đài xuất hiện^[1], ở Châu Âu có Hội thông thiên học, Hội Baha'i tuyên truyền thuyết tôn giáo Đại Đồng (La religion universelle) và báo tin cho toàn nhân loại sẽ có một nền tôn giáo chủ trương Đại Đồng thế giới ra đời. Đến năm 1926, Thượng Đế đã giáng trần lập Đạo Cao Đài và đã có Giáo hội, giáo pháp, kinh lễ chuẩn định.

Đạo Cao Đài cũng quan niệm rằng: Việc hiến lễ lên Đức Chí Tôn không còn chi bằng sanh mạng của mình. Nhưng thay vì dùng đồng Nam, đồng Nữ hoặc dùng sinh vật để cầu phước, cầu danh lợi cho riêng mình, người tín hữu Cao Đài dùng Tam Bửu là ba món quý báu nhất của con người gồm Tinh Khí Thần hay bằng Bông Rượu Trà dâng lên Đức Đại Từ Phụ.

- **Bông** tượng trưng cho *hình thể hữu vi (thể xác)* tức là **Tinh**.
- **Rượu** tượng trưng cho *trí não khôn ngoan* tức là **Khí**.
- **Trà** tượng trưng cho *Linh hồn* tức là **Thần**.

Việc hiến lễ của Tín hữu Cao Đài không cầu mong phước lộc cho riêng mình mà chỉ nguyện dâng cả thân này, từ thể xác, trí não đến Linh hồn làm con vật hy sinh để

[1] Xem “Đại Đạo Sử Cương”, quyển I.

phục vụ, thi hành linh của Đức Đại Từ Phụ đưa nhân loại đến cảnh *huynh đệ đại đồng*. Tất một lời, xét việc hiến lễ từ xưa đến nay, cách hiến lễ của Đạo Cao Đài có ý nghĩa cao thượng và tiến bộ nhưt.

Khi bước vào làm lễ Đức Chí Tôn, ta gặp bức bích họa Tam Thánh^[2] Chặn ngang đường. Chỉ một bức tượng này thôi đủ nói lên tôn chỉ, mục đích, tuyên ngôn, giáo lý của Đạo Cao Đài. Nội dung bản **Thiên Nhơn Hòa Ước** gồm có **năm đề cương khiết lãnh** như sau:

1-Tôn chỉ

Vạn giáo qui nhưt bốn. Trong đó Thanh Sơn Đạo Sĩ đại biểu Lão giáo, Nguyệt Tâm Chơn Nhơn (Victor Hugo) đại biểu Thánh giáo, Tôn Trung Sơn đại biểu Phật giáo (Vị tiền kiếp là Nguyễn Trãi)^[3]. Tuy biểu tượng Tam giáo nhưng bao hàm vạn giáo vì ba tôn giáo trên Thiên bàn xếp hàng ngang nên còn chầm lững đến vô tận dẫn đến Đại Đồng Tôn giáo.

2-Mục đích

Đại Đồng nhân loại, trong đó, TSĐS^[4] là người Việt Nam. NTCN^[5] là người pháp và TTS^[6] là người Trung Hoa. Tuy ba sắc dân mà biểu trưng cả nhân loại.

[2] Bức bích họa này do họa sĩ Lê Minh Tông vẽ vào năm 1947 (thời kỳ trang trí Tòa Thánh) do ý của Đức Hộ Pháp.

[3] Xem “Tam Thánh Bạch Vân Động” cùng người viết.

[4] Thanh Sơn Đạo Sĩ

[5] Nguyệt Tâm Chơn Nhơn

[6] Tôn Trung Sơn

3-Tuyên ngôn

Nhân loại cùng Đấng Cha chung. Hiện tượng hóa thân từ Nguyễn Bình Khiêm là người Việt Nam chuyển kiếp là người Pháp Richelieu... Hoặc trước ta ở Ấn Độ theo Ấn giáo, khi đầu thay sang Israel ta sẽ theo Do Thái giáo. Thế thì ta thay đổi, tôn giáo thay đổi, nhưng Đức Thượng Đế chỉ có MỘT mà thôi.

4-Triết lý

Trời còn hiệp nhất. Trong bản hòa ước có 4 chữ Thiên Thượng Thiên Hạ (Dieu et Humanité) “*Thiên Nhơn vốn hiệp nhất rồi bất tất phải nói hợp*” (Trình Hiệu). Trong Đạo Cao Đài, Trời người hợp nhất qua trung gian đồng tử tức phò cơ, chấp bút.

5-Giáo lý

Trong bản hòa ước ghi rõ: Bác Ái, Công Bình, Thương Yêu và Công Chánh. Loài người chỉ cần thực hiện hai chữ THƯƠNG YÊU là sẽ thấy ĐẠI ĐỒNG HUYNH ĐỆ.

Tóm lại, Đức Chí Tôn đã dạy, Thầy đến dạy sự thương yêu và diệt mê tín, chẳng dùng điều chi tà giáo dị đoan. Thật là một tôn giáo hướng thượng và tiến bộ. Đạo Cao Đài làm sáng lại truyền thống Nam Phong chứ không phục cổ. Xây dựng tương lai Nhơn phong với mô thức xã hội văn minh giản dị phác thực chứ không phải thứ văn minh mưu xảo phồn tạp.

PHẦN THỨ NĂM
THIỆN ĐỊNH

1. CHÚ GIẢI TỊNH THẤT
2. TU TỊNH
3. ĐẠO TÂM LUẬN

CHƯƠNG I

CHÚ GIẢI TỊNH THẤT

DẪN NHẬP

Tịnh thất là nhà thanh tịnh để cho các tín đồ vào mà tu luyện.

Muốn vào nhà Tịnh Thất phải tuân y những điều lệ như sau này.

Chú giải: Từ ngữ *Tín đồ*, xác nhận rằng các chức sắc muốn nhập Tịnh phải bỏ chức phẩm, như Đức Hộ Pháp nói khi nhập tịnh Trí Huệ Cung: “*Giải chức Hộ Pháp chỉ là bạn tu mà thôi*” (Trí Huệ Cung, trang 13). Trong quyển Giáo Lý được lời phê của Đức Hộ Pháp có viết về Tịnh Thất như vậy: “*Hàng tín đồ là bậc Thượng thừa xong xuôi tất cả bốn đạo làm người, mới đăng nhập Tịnh Thất*”. Như vậy, người tín đồ muốn vào nhà tịnh phải tiệt tu qua Hạ thừa, Trung thừa rồi mới tới Thượng thừa được. Bậc Thượng thừa, Thượng căn, Thượng trí được nhập tịnh thất vào ngày đại tịnh.

ĐIỀU THỨ NHỨT –*Trong hàng tín đồ, ai đã xử tròn hơn đạo và giữ trai giới từ sáu tháng sắp lên thì xin vào tịnh thất mà nhập định.*

Chú giải: Theo qui định trên, hàng tín đồ để cập đó ở vào bậc Trung thừa tu luyện theo Trung tịnh vì chỉ mới giữ trai giới 6 tháng trở lên “*đã xử tròn hơn đạo*” tức phải giữ đúng thể luật.

Đọc lại chương II, điều thứ 13 của Tân Luật.

Trong hàng Hạ thừa, ai giữ trai kỳ từ mười ngày trở lên, được thọ truyền Bửu pháp, có người chỉ luyện đạo.

Chú giải: Đây mới là bậc Hạ thừa luyện đạo theo sơ tịnh. Như vậy tu theo *Tam Thừa* (?) từ dưới lên trên là: Hạ thừa, Trung thừa và Đại thừa.

ĐIỀU THỨ HAI – *Phải có một người đạo đức hơn mình tiến dẫn và một người đạo hữu bảo hộ.*

Chú giải: Hàng tín đồ Thượng thừa (Thượng căn, Thượng trí) muốn vào nhập Tịnh thất phải có một tu sĩ *tuổi thiên* cao hơn mình tiến dẫn và một người bảo trợ là anh, em hay con cháu bảo đảm cung cấp phẩm vật và lo đời sống cho tịnh viên suốt thời kỳ tu tịnh. Thế nên, *buổi lễ nhập Tịnh thất* tuy đơn sơ nhưng phải tôn nghiêm có đủ mặt ba người: chủ Tịnh, tu sĩ tiến dẫn và người bảo trợ. Thiếu một trong ba người đó, buổi lễ phải đình lại.

ĐIỀU THỨ BA. – *Cấm không dâng thơ tín vãng lai với những người ngoài, trừ ra thân nhân, song phải có Tịnh chủ xem trước.*

Chú giải: Tu sĩ Tịnh luyện là tu chơn, phở trần luyện đạo, nên Tịnh chủ phải kiểm soát thơ tín, các bưu kiện gửi cho tu sĩ, ngừa những đồ dùng xa xỉ trái với luật đạo.

Vì theo điều thứ 2, phần thể luật của bộ Tân luật có ghi như vậy:

Người bốn đạo ăn mặc phải cần kiệm, tùy phận tùy duyên, nên dùng đồ vải áo bô và giảm bớt hàng tơ lụa.

ĐIỀU THỨ TƯ – *Cấm người ngoài không được vào nhà Tịnh, chẳng luận về viên quan, chức sắc cùng thân tộc tín đồ.*

Chú giải: Quyển giáo lý của Trương Tiếp Pháp viết: *“Tịnh thất là một giáo đường thâm nghiêm. Tín đồ vào đó đặng an thần dưỡng trí, tu luyện tinh mạng đến công viên quả mãn”*. Như vậy, Tịnh thất là nơi dành riêng cho các tịnh viên *phế trần luyện đạo*. Do đó, người ngoài không nên bước vào đó tham quan như ở các Thánh Thất, Đền Thờ.

Nơi Tịnh thất thờ duy nhất Thiên Nhân Thầy và chữ khí mà thôi. Trước tịnh thất treo Ba Vòng Vô Vi Tam Thanh, không có chuông trống mõ chi hết.

ĐIỀU THỨ NĂM – *Cấm không được chuyện vãn với người ngoài, trừ ra cha mẹ và con cháu đến thăm, song cũng phải có phép người Tịnh chủ.*

Bên cạnh Tịnh Thất còn có Tịnh xá là nhà ở của các Tịnh viên. Nơi đây con cháu đến thăm viếng và ủy lạo được, song phải xin phép trước để tránh trùng giờ Tịnh luyện. *“Cấm không được chuyện vãn với người ngoài”* vì sợ thấu lậu phương pháp tọa Tịnh ra ngoài, kẻ hám vọng luyện sai mà nguy hại. Tuyệt đối cấm truyền Tân pháp ra ngoài.

ĐIỀU THỨ SÁU – *Nhập Tịnh Thất rồi phải tuyệt trầu thuốc và không được ăn vật chi ngoài mấy bữa cơm.*

Chú giải: Tịnh viên không những không kiêng trầu, thuốc, rượu mà thôi, còn phải trường chay tuyệt dục giữ ngũ giới cấm theo chương bốn, điều thứ 21 của Tân Luật.

ĐIỀU THỨ BẢY – *Phải giữ cho Chơn thần an tịnh, đừng xao xuyên lương tâm. Phải thuận hòa không được tiếng lớn, phải siêng năng giúp ích cho nhau diu dắt nhau trong đường đạo.*

Chú giải: Muốn *“Chơn thần an tịnh”* phải *“Nhất tâm bất loạn phá vọng tôn chơn”* và luyện phép vô niệm.

Đó là định của thiên.

Muốn “*tâm không xao xuyên*” thì phải phá chấp. Không chấp thì mọi sự điều yên.

Muốn “*Thuận hòa nhau*” thì không xem, không nói chuyện về người khác. Tuyệt đối không bàn việc thời sự chính trị vì trái với luật của người tu chơn.

“*Không được tiếng lớn*” vì là nhà tịnh (yên lặng), ít nói chừng nào tốt chừng ấy. Nói nhiều tâm xao xuyên nhiều, Chơn thân sẽ tản mạn. *Tuyệt đối không nói chuyện trong tịnh thất.*

“*Siêng năng giúp ích cho nhau*”, trồng hoa màu phụ, ngũ cốc và để nâng cao bữa ăn có nhiều rau xanh.

“*Đi dắt nhau trong đường đạo*” theo khẩu hiệu “*Khẩu khẩu tương truyền, tâm tâm tương thọ*” chớ không viết thành văn nên cần giúp đỡ nhau về cách luyện đạo.

ĐIỀU THỨ TÁM – *Phải tuân mạng lệnh của một Tịnh chủ, sẽ y theo giờ khắc mà hành công phu tu luyện.*

Chú giải: Ban thường vụ Tịnh thất gồm ba người.

– *Chủ Tịnh*: Chủ tọa các phiên họp, chịu trách nhiệm trước Hội Thánh. Khuyến nhủ và kiểm soát mọi sinh hoạt của tịnh viên. Hướng dẫn các tịnh viên luyện đạo.

– *Phó chủ Tịnh*: Thay mặt cho chủ Tịnh khi vị này vắng mặt, kiêm thủ bồn.

– *Từ hàn*: Biên chép và giữ sổ sách của Tịnh Thất, kiêm lo đời sống.

CÔNG PHU TỊNH LUYỆN

– **Sợ Tịnh:** Dành cho hàng Hạ thừa còn sống lẫn lộn với đời. Tịnh tập thể mỗi tháng 2 lần vào giữa dậu ngày mùng một và ngày Rằm nơi Điện Thờ Phật Mẫu. Kỳ dư tịnh ở nhà. Thầy dạy “*Mỗi đứa lo lập một (tiểu) Tịnh Thất*” là ý ấy.

– **Trung tịnh:** Dành cho hàng Trung thừa vẫn còn ở nhà, vào giờ dậu, mỗi ngày phải đến Điện Thờ Phật Mẫu mà tịnh luyện trong 2 giờ. Tu sĩ làm ăn bình thường và làm nghĩa vụ công dân như sơ thiền.

– **Đại tịnh:** Dành cho hàng Thượng thừa, phế trần luyện đạo phải đủ tứ thời, *nhập Tịnh Thất* tu luyện cho đến lúc giải thoát.

Người tu theo *Tam Thừa Vô Vi* không cầu sắc tướng áo mão. Tuy nhiên mỗi tu sĩ điều cần xác định tuổi thiền vì “*nhân bất chí đức, chí đạo bất ngưng yên*”. Để tránh kẻ thiếu đạo đức đòi hỏi chức phẩm.

ĐẠO HƯ VÔ, SỰ HƯ VÔ

«*Đạo Hư Vô, Sự Hư Vô*» vì Đạo do một âm dương mà thành. Sự Hư Vô, khi ta trầm niệm trước Đền Thánh có Chơn Sư, Thiên Nhân, nhưng hành giả có thể thấy trong tâm các vị giáo chủ trong các kỳ Phổ Độ trước. Sự Hư Vô có nghĩa là CÁC PHÁP ĐỀU vô ngã. Mọi vật đều liên quan với nhau, không có vật nào hiện hữu mà cô lập, tách biệt khỏi mọi vật khác. Sự Hư Vô còn có nghĩa tự mình làm tâm đặng, làm chánh pháp cho chính mình, mà không nên tựa vào bất cứ ai khác.

Trong “*Question Zen*” của P. Kapleau đã viết: “*Tôi đến gặp Thầy với hai tay và ra về cũng với hai tay không. Vì Thầy giáo đích thực là tâm ta*”.

“*Vậy Đạo Sư dạy ta những gì? Không có gì để dạy vì trong bạn đã có sẵn mọi thứ. Đạo Sư chỉ loại trừ một phần lớn những loại không phải là chân tánh của bạn, mê tín, cố chấp, tư kiến, ích kỷ, vọng tưởng hảo huyền, tất cả những thứ đã giam hãm bạn trong cái kén. Khi trí tuệ của bạn đã chín mùi, vị Đạo Sư sẽ dùng lời nói hay cử chỉ đẩy bạn đến chỗ giác ngộ*”. Như trong câu kinh “***Reo chuông thoát tục, phát cờ tuyệt sinh***”.

Thật ra, Thầy đã dạy Đức Hộ pháp làm đài luyện khí cho Đức CaoThượng phẩm vào tịnh luyện. Trong The Buddhist Review số 5-1996, nơi bài TRICYCLE (?) của Thiền Sư Shishin Sensei có nêu ba lời khuyên: 1) Đối xử mọi người như cung kính Thiền linh; 2) Nghe mọi âm thanh như nghe pháp (Thánh giáo); 3) Hãy biến mọi nơi chúng ta đang hiện hữu thành nơi cõi Niết Bàn thanh tịnh an vui. Thiền định, tịnh luyện trong Cao Đài Giáo có những nét đặc thù không giống Ấn giáo nhập diệt tận định đi mây về gió. Ngay từ đầu mới Khai đạo, các vị cao đồ đã đến Chi Minh Lý quan sát cách thờ phượng. Nơi nội thất Tam Tông Miếu có tạc 10 bức tranh chắn trâu. Nhờ đó, ngày 14-1-Đinh Hợi Đức Hộ Pháp đã ban hành Đạo lệnh số 209 chỉ dẫn về PHƯƠNG PHÁP TRỊ TÂM và tâm là hình ảnh thiên lương.

Đến ngày mừng 1-4 Quý Ty, Đức Ngài thuyết về phương pháp tịnh luyện như vậy:

“*Hôm nay, Bản Đạo thuyết minh cái Bí pháp tịnh luyện và khuôn luật tấn hóa tạo đoan của con cái Đức Chí Tôn.*”

Cơ huyền bí ấy Đức Chí Tôn đã đem đến cho chúng ta đạt cơ tấn hóa. Mấy người đã đạt vị Phật đều ở trong cái huyền bí tịnh luyện để làm chúng ta sống đời đời, sống lưng lại ba kiếp trước, rồi nhờ kiếp trước ta có thể biết luật nhơn quả của ta. Nhờ kiếp này có thể đem tương lai cho ta đạt Phật vị ba kiếp trước. Đạt Bí pháp ấy chúng ta mới có thể biết chúng ta là ai. Ta biết đường lối chúng ta đi thế nào. Đạt cơ siêu thoát là mở khiếu thông minh cho chúng ta đó vậy.”

Lý giải chữ KHÍ^[7]

Bước vào Đền Thánh, ta gặp khoảng không gian hẹp. Đó là Tịnh Tâm điện. Tịnh Tâm dịch từ tiếng Phạn Dhyâna, tiếng Trung Quốc phiên âm là Tch’anna, Phật giáo dịch âm là Thiên, Victor Hugo gọi là Les contemplations (trầm tư, tịnh tâm).

Điện hay quán là nơi luyện đạo của các đạo sĩ. Nhìn lên bức bích họa ta thấy Thanh Sơn Đạo Sĩ, Nguyệt Tâm Chơn Nhơn (V. Hugo). Danh từ Đạo Sĩ, Chơn Nhơn là cấp độ tu của Tiên giáo.

Muốn luyện đạo phải luyện Khí, chữ KHÍ bên sau tấm bích họa, là triết lý cao thâm của Đạo Cao Đài. Ngay từ buổi đầu, Đức Chí Tôn đã dạy: *“Tắc lập Tịnh Thất cho rồi đặng mấy anh con còn tịnh, cái đài luyện khí trật hướng».*

Đức Cao Đài coi việc luyện Khí là quan trọng nhất vì thiếu Khí vạn vật khô héo, con người phải chết. *“Thông thiên hạ nhất khí nhi”* (thông suốt thiên hạ là một khí –Trang Tử). Theo Hoài Nam Tử *“Thiên khí vi hôn, địa khí vi phách”*. (Khí Trời là hôn, khí đất là phách –Thiên tinh thần)

[7] Khí: hơi vô hình hơi nước bản hữu hình; dụng cụ hữu hình

Khí ảnh hưởng đến mọi mặt tri thức: Phê bình văn học, bình phẩm thơ văn, nghệ thuật hội họa cho tới việc chữa bệnh, dưỡng sinh... các học thuyết khí hóa, học thuyết vận khí của Đông Y và phép luyện khí bắt nguồn từ Kinh Dịch...

Hội Khí công Showa, Tokyo làm máy đo tần số cực thấp EJF đo công năng phát từ bàn tay. Sau khi phát khí công 18 giây, phát hiện trên màn dao động ký điện tử từ trường trung bình 2 mg (miligams) kéo dài đến giây thứ 40. Từ giây thứ 50 xuất hiện tín hiệu mạnh 5mG, có cường độ mạnh gấp ngàn lần người thường, nên nó chữa được nhiều bệnh.

Học thuyết luyện khí của Đạo Cao Đài và trong Dịch trùng hợp nhau, nếu không nói là một. Luyện chơn nhưt khí của Đạo là hợp lại nguyên khí trong người và huyền khí ngoài trời làm một dẫn xuống biển khí (Khí Hải) dưới rốn ba thốn, Các Đạo Sĩ gọi chỗ này là Đơn Điền (ruộng đơn thuốc), nên luyện khí còn gọi là luyện đơn.

Bụng và trọng tâm của thân thể con người là thái cực vì nơi đó hội tụ chơn khí, nên người ta coi bụng là thái cực vì nơi đó tiếp cận với thần kinh xương cùn và nhóm thần kinh khoang bụng. Thế nên, khi luyện khí lấy *khí Mặt Trời* làm động lực đầu tiên, dịch lý biểu tượng bằng quả Ly. Ly là tâm hỏa, là nguồn gốc của Thần chỉ cần hợp với Tinh cơ thể nữa thì Tinh, Khí, Thần gom về một mối mà đạt đạo bước vào hàng Thánh Thể.

Chức sắc hàng Thánh Thể phải có *Thánh tính* để độ đời, làm nước vinh Đạo sáng hầu xây dựng tình huynh đệ đại đồng.

Ít lâu sau việc dạy luyện KHÍ của Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu giảng dạy tại khổ Hiền Trang (Mỹ Tho) như sau:

THI

*Thảo Đường, phúc địa ngộ tùng hoa,
Lục đại dư niên Vũ trụ hòa.
Công hưởng trần gian an lạc nghiệp,
Thế đẳng đồng đạo tịnh âu ca.*

Thảo Đường là tên thiên Sư Trung Quốc, dòng thiên thứ ba truyền đạo vào nước ta ở phía Nam nước Chiêm Thành vào đầu thế kỷ XI, được vua Lý Thánh Tông (1054–1072) đưa về mở đạo Tràng ở Thăng Long và truyền đạo được sáu đời (lục đại).

Đức Phật Mẫu dạy lập Thảo Đường là nhắc đến Tịnh Thất. Thế nên, vào tháng chín năm Tân Mùi tại Khổ Hiền Trang, Đức Hộ Pháp làm lễ điểm đạo, lập Hồng Thệ cho 34 đệ tử đầu tiên của cơ giới thoát.

Lúc đầu muốn luyện đạo phải phân giờ theo giờ cúng: Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu. Chu kỳ vận hành của Khí trong người hết một vòng gọi là một chu thiên. Khi hành pháp, ta gọi là *chu thiên vận pháp* hay *chu thiên hỏa hậu* mà trong “**Luật Tam Thế**” gọi là *hỏa tịnh*.

Khởi đầu là *chu thiên tý ngộ*, đưa khí thông suốt hai mạch nhâm, đốc khiến chơn khí hai mạch xoay vòng không nghỉ. *Chu thiên Mẹo, Dậu* là đưa khí lưu thông kỳ kinh bát mạch cho pháp luân thường chuyển.

Bà Bát Nương dạy: “*Cái tịnh ở trong cái động*” và “*Chơn thần muốn tịnh lúc nào cũng được*” (Cao Thượng Phẩm, Luật Tam Thế, trang 168). Đó là phương luyện tâm

pháp siêu thoát và mới mẻ nhất. Mọi tín hữu đều hành được.



BÁT QUÁI TRONG MẮT

(Thần cư tại nhãn để luyện Đạo)

Theo "Trung Nhãn Khoa Học Giải Nghĩa", mắt con người được chia làm 8 khuỷch. Mỗi khuỷch là một vùng tượng trưng cho 1 quẻ. (con số dưới đây tương ứng với số

trong con mắt trên hình).

1. **THIÊN KHUYẾTCH:** Gồm lòng trắng ở hai bên phải trái của lòng đen, thuộc phổi, tượng CÀN.
2. **ĐỊA KHUYẾTCH:** Gồm mi trên và mi dưới thuộc tỳ và bao tử tượng KHÔN.
3. **THỦY KHUYẾTCH:** Gồm đồng tử thuộc thận tượng KHẮM.
4. **HỎA KHUYẾTCH:** Gồm hai khoé mắt thuộc tim và mạng môn thuộc LY.
5. **LÔI KHUYẾTCH:** Gồm lòng trắng phía trên lòng đen thuộc ruột non, tượng CHẤN.
6. **SƠN KHUYẾTCH:** Vòng giáp đồng tử và lòng đen thuộc mật tượng CẤN.
7. **PHONG KHUYẾTCH:** Lòng đen thuộc gan, tượng TỐN.
8. **TRẠCH KHUYẾTCH:** Lòng trắng phía dưới lòng đen, thuộc bàng quan tượng ĐOÀI.

Đối với ngũ tạng (ngũ hành), mắt chia làm 5 vùng hợp với các điều trên. Mi mắt thuộc Tỳ thổ; hai khoé mắt thuộc Tâm hỏa; lòng trắng thuộc Phế Kim; lòng đen thuộc Can mộc; đồng tử thuộc Thận thủy.

BÁT QUÁI TRONG NGƯỜI

(Tám quẻ tụ Đan Điền để luyện đơn)

Trong mỗi người đều có Bát quái tại các cơ quan sau:

1. GAN tượng Tốn vì gan và Tốn đều thuộc mộc; gan hóa phong (☳) Tốn tạo gió.

2. PHỐI tượng Càn vì Phối và Càn đều thuộc Kim; phối chứa khí trời mà Càn (☰) là trời.
3. TÂM tượng LY vì tim và Ly đều thuộc Hỏa; tim phát xuất thần minh mà LY (☲) là sáng.
4. THẬN tượng Khảm vì thận và Khảm đều thuộc Thủy; thận là cơ quan trọng yếu mà Khảm (☵) là hiểm yếu.
5. TỶ tượng Khôn vì cùng thuộc Thổ; tỳ tạo ra cốt khí mà Khôn (☷) tác thành vật.
6. Mật tượng Chấn vì cùng thuộc Mộc; mật xuất phát quyết đoán mà Chấn (☳) là sấm động.
7. VỊ tượng Cấn vì cùng thuộc Thổ; bao tử chứa thức ăn, mà Cấn (☶) là núi chứa quặng mỏ.
8. RUỘT GIÀ tượng Đoài vì cùng thuộc Kim; ruột già chứa phân mà Đoài (☱) là đầm chứa bùn lầy.

Theo luật công thông của học thuyết “*Thiên Nhân hợp nhất*”. Thái cực tương đương với Đơn điền (dưới rốn ba thốn) là trọng tâm sinh mạng, nơi hội tụ năng lượng và chuyển hóa. Luồng khí năng lượng ấy, hành giả luyện khí gọi là đơn (thuốc).

Lưỡng nghi phân thân thể con người trên dưới trước sau, phải trái thành ba phương vị vật thể tử tính sinh mạng lớn: đứng thẳng, dọc ngang lập thành hệ tọa độ ba chiều của nhân thể, năng lượng cơ thể con người theo đó vận hành không ngừng nghỉ.

Tứ tượng chỉ các mặt thân thể. Tất cả mặt từ rốn trở lên tiếp với trời, mặt từ rốn trở xuống liền với đất, theo Tiên Thiên Bát quái lấy 2 quẻ Càn Khôn trên dưới biểu thị trời đất, chiều ngang trái phải Khảm Ly biểu thị nước lửa.

Trước sau là chiêu dọc với 2 quẻ Cấn Đoài biểu thị núi đầm không khí. Trong ngoài là Cấn Tốn biểu tượng sấm gió nổi lo toan.

Sanh mạng con người có ba điểm: Tinh, Khí, Thần. Tinh là hình thể sanh mạng. Khí là năng lượng sanh mạng vận động. Thần là cơ cấu điều tiết khiến cho âm dương trong người được thăng bằng.

Thế nên, Đức Chí Tôn chủ yếu dạy luyện Khí. Luyện Khí chủ yếu là điều Thần, giữ gìn bên trong thân thể là điều quan trọng nhất. Thần là cái ngự trị hoạt động sống khử trừ hết tạp niệm “*tâm viên ý mã*”, mà giữ ý tâm tại Đơn điền (dưới rốn ba thốn) nên luyện Khí, còn gọi là luyện đơn.

Hành giả luyện Khí lấy Hội âm (dưới âm khiếu) vì âm là nơi bắt đầu khơi động mạch, là lò luyện đơn. Đơn điền là cái đỉnh (vạc có ba chân biểu thị Tam bửu) giống như nửa cái nồi, nên cổ thư có câu: “*nửa cái nồi nấu Càn Khôn, một hạt gạo (đơn) bao Trời Đất*” (Bản liên oa chữ Càn Khôn, nhất lập mẽ bao Thiên Địa).

Tinh, Khí, Thần là thuốc luyện đơn trong cái đỉnh đó. Hành giả làm thế nào để được Tam bửu vào đỉnh. Tinh Mặt Trời là động lực đầu tiên của vạn vật sinh trưởng, nên Chu Dịch biểu tượng bằng quẻ LY, y học gọi là tâm hỏa, là nguồn gốc của Thần, người xưa ví như gái đẹp.

Tinh Mặt Trăng là thể để vạn vật dựa vào, nên Chu Dịch biểu tượng bằng chữ Khâm, y học gọi là thận thủy, là nguồn gốc của Tinh, người xưa ví như đứa trẻ. Thận thủy theo can mộc, thăng lên về bên trái. Tâm hỏa theo phế Kim hạ xuống về bên phải, gặp nhau ở rì ngay chính

giữa. Tỳ thổ đất là mẹ của vạn vật, nên người xưa ví như bà hoàng. Đứa trẻ, người con gái đẹp lấy bà hoàng làm môi giới, biểu tượng thủy hỏa giao nhau, hai quẻ Khâm (trên) Ly (dưới) gọi là Kỳ tế, đưa Tam bửu vào đỉnh.

Thuốc tam bửu sau khi vào đỉnh, trước dùng võ hỏa nấu tức dùng ý niệm đưa hơi thở từ từ vào Đơn điền (ruộng cửa thuốc). Kế đó dùng văn hỏa ôn dưỡng theo âm khơi mạch vào Đơn điền, Mạch nhâm vừa mở thì các mạch khác cũng điều mở, khí đến Vị lư qua Giáp tích lên Ngọc chẩm tới Nê hoàn.

Khi luyện thở, mặt hướng về sao Bắc Đẩu vì sao Bắc Đẩu là cái gậy chỉ huy thiên thể vận hành. Cơ thể con người cũng ứng với sao Bắc Đẩu nên lấy sao đó làm Thần. Muốn ý niệm tập trung thì ý phải nương theo hơi thở. Nếu để ý vu vơ sản sinh thì tâm hỏa thịnh, còn để ý niệm phân tán thì thận thủy hà. Lúc đó, hành giả nên ngưng luyện đơn. Theo bà Bát Nương dạy tịnh luyện của cơ Phổ Độ rất tiến bộ rộng rãi “*Phải tìm cho được cái tịnh trong cái động*” và “*Muốn tịnh luyện lúc nào chẳng được*” (Thượng Phẩm CQC, Luật Tam Thể, trang 168)

– *Đại thiên địa, Tiểu thiên địa:*

Theo thuyết «*Thiên Nhơn hiệp nhứt*», con người là một ảnh hình thu nhỏ của Càn Khôn Vũ trụ. Quan hệ giữa thiên nhiên và con người có tính chất đồng dạng và hợp nhất. Thế nên, ta chỉ cần quan sát bầu trời với những vì sao mà khi một trẻ sơ sinh mới ra đời đã chịu ảnh hưởng sâu xa nên có thể qua tinh tú đoán biết được số phận và tương lai của con người là vậy.

Trong Kinh Dịch, lý thuyết ngũ hành tương quan

với nhân thể từ đi đứng, cử chỉ, lời nói, gương mặt, hộp sọ,... đều chứa đựng các thông tin của quá khứ, hiện tại và tương lai.

Trong nhân tướng học, khuôn mặt là yếu tố quan trọng nhất. Khuôn mặt con người sánh như bầu trời mà Mặt Trời là nhân cầu trái, Mặt Trăng là nhân cầu phải (*túc lưỡng quang chủ thể*), các vì sao là những nốt ruồi và lông mày tượng trưng cho mây.

Năm bộ phận trên khuôn mặt tương ứng với ngũ hành:

1. Trán và lông mày là *hỏa* thuộc tâm.
2. Đôi mắt là *mộc* thuộc can;
3. Hai mũi là *kim* thuộc phế;
4. Cái miệng là *thổ* thuộc tỳ;
5. Hai tai là *thủy* thuộc thận.

Còn kích thước hình dáng của hộp sọ nói lên tri thức của một người.

Khuôn mặt của một người tác thành năm loại: Tròn, Vuông, xoan, tam giác, chữ nhật và tương ứng với một số tính cách nhất định.

Dưới đây là so sánh hình thái giữa Trời và Người:

ĐẠI THIÊN ĐỊA

- ▣ **TRỜI:** tròn
- ▣ **ĐẤT:** vuông
- ▣ **TỨ THỜI:** (Xuân, hạ, Thu, Đông)
- ▣ **NGŨ HÀNH:** (Kim mộc thủy hỏa thổ)
- ▣ **24 TIẾT:** ngoài bát tiết thêm 16 tiết
- ▣ **BÁT TIẾT:** (lập xuân, xuân phân, lập hạ, hạ chí, lập

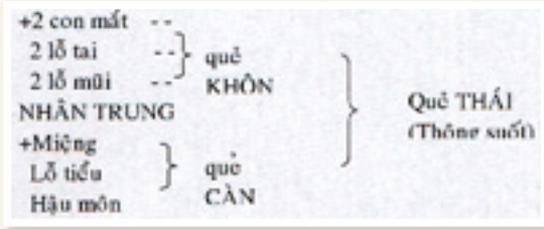
thu, thu phân, lập đông, đông chí)

- Cửu thiên
- 12 tháng
- Sông ngòi
- Lục khí (phong hàn thử thấp lương táo ôn nhiệt)
- 360 ngày của 1 năm

TIỂU THIÊN ĐỊA

- **ĐẦU NGƯỜI:** Tròn (không tròn vo)
- **CHÂN:** vuông (không hẳn vuông)
- Tứ chi
- Ngũ tạng, ngũ quan
- 24 đốt xương sống
- **BÁT MÔN:** phi môn (môi), hộ môn (răng), hấp môn (khí quản), phún môn (miệng trên bao tử), u môn (miệng dưới bt), lan môn (tiếp giao giữa ruột già, non), phách môn (lỗ đít), khí môn (lỗ tiểu)
- Cửu khiếu (xem dưới)
- *12 đốt khí quản
- Huyết mạch
- **LỤC PHỦ:** vị, đởm, tiểu trường, đại trường, bàng quang, tam tiêu
- 360 đốt xương

CỬU KHIẾU: của con người được Đức Chí Tôn xếp đặt có hình quẻ THÁI (Địa Thiên Thái: quẻ Khôn chồng lên quẻ Càn,)



CHƯƠNG II TU TỊNH

1-Tân pháp Tu Tịnh

Ngày 18-12 Ất Sửu (31-01-1926), Đức Chí Tôn dạy Ngài Phạm Công Tắc nghĩ việc đời mà lo hành Đạo: “*Tắc! có tuân mạng lệnh Thầy chăng? Con sắp đặt hoàn thành rồi thối chí?*”^[1].

Ngày 14-01-1926 (01-12-Ất Sửu), Đức Chí Tôn dạy hai vị Cư Tắc về nội giáo cư tâm truyền hay thuyết định như sau:

*Thành tâm niệm Phật
Tịnh, Tịnh, Tịnh, Tĩnh, Tĩnh
Tịnh là VÔ NHỨT VẬT.
Thành tâm hành Đạo (pháp)*

Bà Thất Nương khuyến khích: “*Em xin hai anh gắng công học Đạo, dưỡng luyện tinh thần, ắt ngày sau đắc Đạo. Coi bửu vị làm trọng đừng ham luyện hồng trần mà phải đọa*”

Chỉ bốn câu đã nêu rõ cách tịnh luyện theo Đạo mới: Tâm thiện niệm, tĩnh lặng, vô nhứt vật và tự hành pháp.

Câu 1- *Tâm thiện niệm*: sau khi dâng tam bửu trong Tứ thời thì niệm danh Thầy (Phật trên các Phật) là đủ. Vì danh Thầy có đủ Tam Giáo.

Câu 2 - *Tĩnh lặng*: Tĩnh là tâm bên ngoài không xao động, bên trong chẳng so hơn tính thiệt, tức bên trong bên ngoài chẳng loạn là tịnh. Khi tịnh giác quan ta vẫn

[1] Xem chương VI, mục 1 và 6

nghe vẫn thấy nhưng phải tỉnh táo để tâm khỏi bị ngoại vật lôi cuốn, mà nghe như không nghe, thấy như không thấy. Nếu tịnh mà tâm viên ý mã là sai.

Câu 3 – *Tâm vô nhứt vật*: Nguyên văn câu là Lục tổ Huệ Năng được truyền y bát là “*bản lai vô nhứt vật*”. Ngài nói “*Tâm vốn là vọng đấy khỏi phân biệt là hư giả, nên tịnh chỉ cần không vọng là đủ: không vọng thì động tự lắng xuống, tâm an nhiên, tự tánh thanh tịnh*”.

Câu 4 – *Tự hành pháp*: Tự chơn là tự tịnh luyện một mình sau khi được chơn sư chỉ dẫn. Hành pháp tự tu, tự thành biết được tánh giác thường hằng là sắp có ấn chứng thiêng liêng.

Ngày 16-01-1926, Quý Cao giảng đàn và cho hai vị Cư Tắc biết: “*Đã từ lâu không dám nói vì em còn phải tu như hai anh vậy. Không dám nói vì hai anh có Thấy, em không dám lộng quyền*”. Rồi Ngài Quý Cao tặng hai Ngài bài thơ khuyến tu:

*Tu như cỏ úa gặp mù sương,
Đạo vốn cây che mát mẻ đường.
Một kiếp muối dưa, muôn kiếp hưởng,
Đôi năm mệi nhọc, vạn năm bường.
Có Thần nuôi nấng Thần càng mạnh,
Luyện Khí thông thương Khí mới tường
Nhập thể lòng trong gìn tinh mẫn,
Nguồn Tiên ngon Phật mới nhằm phương.*

Ngày 27-01-1926, khai đàn tại nhà Ngài Cao Quỳnh Cư, Thất Nương giảng dạy tam vị Thiên sứ:

“*Em xin quý anh coi lại đời là thế nào? Bông phù dung sớm còn tối mất, còn hơn kiếp con người. Vì nó sống ngắn*

ngủ nhường ấy nhưng mà lúc sống còn có cái sắc, chó đời người sanh ra chỉ để thụ khổ mà thôi. Chung qui, dù sống trăm tuổi chưa một điều đặc chí. Chết là hết. Cai đời tạm này sách Phật gọi là khổ hải. Em xin quý anh coi sự trường sanh của mình làm trọng... Đã vào đường chánh, cứ do đó mà bước tới hoài thì trở về cựu vị đặng”.

Ngài Lê Văn Trung còn nghi ngờ nên hỏi Thất Nương: “*Có duyên luyện Đạo cùng chăng? Xin em mách giùm!*”.

Bà Thất Nương đáp: “*Đã gặp Đạo đức tức có duyên phần. Rán tu luyện, siêng thì thành, biếng thì đọa. Liệu lấy răn mình”.*

Đức Lý Thái Bạch cảm ứng khát vọng của Ngài Lê Văn Trung giảng bộ về tâm pháp như sau:

*Có công phải biết gắng nên công (PHU),
Tu tánh đã song tới luyện lòng (TÂM),
Kinh sách đầy đầu chưa thoát tục,
Đơn tâm khó (THIÊN) định ấy chi mong?*

Hôm nay, Đức Chí Tôn dạy thêm nhóm phổ độ:

*Một ngày thôn môn một ngày qua,
Tiên Phật nơi mình chẳng ở xa.
Luyện đặng tính không muôn tuổi thọ,
Cửa Thiên xuất nhập cũng như nhà.
Cương tỏa đương thời đã giải vây,
Đừng mơ oan nghiệt một đời này.
Hữu duyên độ thấu nguồn chơn đạo,
Tu niệm khuyên bền chí chớ lay.*

Những lời dạy về tân pháp tu chơn của Đấng nêu

trên đã đánh tan dư luận cho rằng Tòa Thánh Tây Ninh không có tịnh luyện. Ta có thể kể các tịnh thất: Thảo Xá Hiền Cung, Trí Huệ Cung, Trí Giác Cung, Vạn Pháp Cung, rất nhiều vị tu thành chánh quả. Sở dĩ phần phổ độ lớn hơn phần vô vi là theo Thánh ý “đại ân xá”, phải độ dẫn nhân sanh trước, có nhân sanh mới có người tịnh luyện, lần bước vào thời Kỳ Đạo Tâm như Đức Cao Đài đã tiên khai.

Nếu xét về bình diện lịch sử, tôn giáo Cao Đài là Đạo trong nước (Quốc Đạo), nên đã mang đậm sắc truyền thống Việt Nam về y phục, về nhạc Lễ, nhất là Tam Giáo đồng nguyên của thời đại Lý Trần.

“Tinh thần dân tộc phát triển trong thế kỷ 13 đã góp phần hình thành tư tưởng Thiên Việt Nam biến chuyển thành Thiên Trúc Lâm”. Tuệ Trung Thượng Sĩ phản đối tạo thiên. “Tư tưởng thân dân thời Trần là muốn giảm nhẹ sự đau khổ của con người trong đời sống thực. Thiên Trúc Lâm tô đậm nét nhân ái, không dẫn đến yếm thế, xa lánh cuộc đời.” Đó là thiên nhập thế, điểm rất nổi bật của Thiên Trúc Lâm.

Bài tứ tuyệt trên do Đức Chí Tôn ban cho phản ảnh đầy đủ truyền thống Thiên Trúc Lâm. Đức Chí Tôn còn nhấn mạnh “*Tiên phật nơi mình chẳng ở xa*”.

Như vậy Thiên trong Đạo Cao Đài là Thiên Nhập Thế, Thiên cơ phổ độ, Nếu cương chế ra ngoài Thiên Nhập Thế có nghĩa là ra ngoài truyền thống và bản sắc văn hóa dân tộc.

Vả lại trong LUẬT TAM THẾ, bà Bát Nương giảng dạy khá rõ ràng về phép tịnh như vậy: “*Đừng làm tướng là*

phải yên tịnh một nơi mới thấu nên kết quả. Mấy em tập thể nào mà tầm cho được cái tịnh ở trong cái động thì mới nên đó, bằng chẳng vậy quý mị sẽ vừa theo nơi an tịnh riêng mình. Nói rõ cho dễ hiểu hơn là Chơn thần muốn tịnh lúc nào cũng được, chẳng nề đông tiếng ồn ào, việc làm bề bộn”. Rõ ràng là Bát Nương dạy nhân sanh về Thiên Nhập Thế.

– -oOo– –

2- Đức Hộ Pháp nhập tịnh thất

Sau đó Đức Hộ Pháp trở về Tòa Thánh đôn đốc xây cất các tịnh thất. Ngày 15 tháng 12 năm Canh Dần, Đức Ngài làm lễ trấn thần Trí Huệ Cung, trong có Thiên Hỉ Động là ngôi tịnh thất của Nữ Phái. Đó là ngày lễ lớn, các đạo hữu phải đi vòng xuống Thiên Thọ Lộ qua Đoạn Trần Kiều mới vào Trí Huệ Cung tham dự lễ. Đó là Bí pháp phạm qui Thánh, nhưng rũi thay, các thợ đắp Vân Trung Tử cỡi hạc bay về chợ Thiên Vương (tức chợ Trường Lưu) lại biểu tượng Thánh lâm phạm!

Tịnh thất của Nam Phái là Vạn Pháp Cung trong có Nhơn Hoà Động tọa ở sân đình Núi Bà. Đức Phạm Hộ Pháp giảng về Trí Huệ Cung như sau:

“Trí Huệ Cung là cơ quan tận độ chúng sanh. Nó không phải của ta, mà của toàn thể nhơn loại. Bởi nó tượng trưng hình ảnh Chí Linh của Đức Chí Tôn tại thế. Nó không cho phép phân biệt đảng phái, tôn giáo hay nòi giống. Của Thiên Hỉ Động là của Thiêng Liêng Hằng sống của toàn thể các Chơn linh”.

“Bản đạo cả tiếng kêu gọi con cái Đức Chí Tôn, như

là Cửu Nhị Úc Nguyên Nhơn hãy tỉnh mộng, ngó lại Trí Huệ Cung, phải vào nơi cửa này (Tịnh Thất) mới đạt Đạo đặng mà thôi. Đạt cơ giải thoát mới nhập vào cửa Thiêng Liêng Hằng Sống, mà Đức Chí Tôn đã dựng riêng dành cho mọi người “.

Rõ ràng Đức Hộ Pháp chánh thức mở cơ vô vi tịnh luyện từ đó. Ngài khẳng định “*phải vào cửa tịnh luyện mới đạt Đạo đặng*”. Tại ta thiếu trí, không theo được hành tàng của Đức Ngài mà thôi. Chớ đừng trách Sư phụ chưa truyền phép tu chơn cho ta.

Câu liễn tại Trí Huệ Cung thể hiện lời giảng Đạo đó của Đức Ngài.

*TRÍ định thiên lương qui nhứt bốn
HUỆ thông đạo pháp độ quần sanh.*

Đến ngày 16 tháng 1 năm Tân Mão, Đức Hộ Pháp vào Trí Huệ Cung tịnh luyện theo Tân Pháp Nội Giáo tu thiển mà Đức Chí Tôn đã chỉ dạy ngay từ đêm 14-1-1926. Khi nhập Tịnh thất, Đức Ngài nói: “*Giải chức Hộ Pháp chỉ còn là bạn tu mà thôi*”. Chính Đức Ngài đã đặt nền tảng luyện kỹ tu đơn cho mọi chúng ta đó.

Khi nhập tịnh thất Trí Huệ Cung, Đức Hộ Pháp nói: “*Giải chức Hộ Pháp chỉ còn là bạn tu mà thôi*”. Có nghĩa là muốn vào Tịnh Thất, nếu là chức sắc phải gởi chức cho Hội Thánh trở thành đạo hữu.

Sau khi được chơn sư phụ chỉ dẫn, rồi hành pháp tịnh luyện, tự tu, tự thành, biết được Tánh giác hằng hữu là lúc có ấn chứng Thiêng Liêng.

Năm Tân Mão, Đức Hộ Pháp vào Trí Huệ Cung (vì Vạn Pháp Cung chưa xây), sau khi ra khỏi nhà tịnh đã

thuyết Đạo tại đền Thánh như vậy:

“Bản Đạo giải rõ hành tàng trong ba tháng mà Bản Đạo đã làm (trong nhà tịnh). Cái hành tàng về mặt Đạo Pháp giống như 40 ngày của Đức Chúa Jê-sus ra ngoài sa mạc cầu khẩn với Đức Chí Tôn ban bố hồng ân cho nhơn loại, dâng đem cơ cứu thế của Ngài giao cho toàn xã hội nhơn quần được hưởng: giống như Đức Thích Ca vào vườn Bồ Đề ngồi thiền định dâng xin giải thoát chúng sanh.”

Khi Đức Ngài đến Trí Huệ Cung để nhập Tịnh Thất có nhiều người gửi thư đến xin nhập tịnh một lượt với Đức Ngài. Đức Ngài trả lời:

“Nếu người nào không có Tam Lập thì không ở chung với ai được hết. Chính mình đối với cơ thể hữu vi của đời (tức thể pháp) mà không ai có bằng cơ chi hết, thì ai tin rằng có Bí pháp đạt Đạo.”

“Tam lập là: lập đức, lập công, lập ngôn. Con người khi sinh ra mặt địa cầu này không có Tam Lập thì không có chi hết. Tam lập quyết định cho ra. Ta mới sống chung với xã hội nhơn quần được.”

Đức Ngài còn thuyết thêm về phương pháp tịnh luyện như vậy:

“Bản Đạo thuyết minh cái Bí pháp tịnh luyện và khuôn luật tấn hóa tạo đoan. Cơ quyền bí ấy Đức Chí Tôn đã đem đến cho chúng ta dâng cho đạt cơ tấn hóa. Thật ra, Đức Phật Tổ chỉ đạt được kiếp siêu thoát của Ngài mà thôi. Mấy người đã đạt được vị Phật đều ở trong cái huyền vi tịnh luyện để làm cho chúng ta sống đời đời. Sống lụng lại ba kiếp trước, rồi nhờ kiếp trước ta có thể biết được luật nhơn quả của ta. Nhờ kiếp này có thể đem tương lai cho ta đạt Phật vị của ba

kiếp trước. Đại Bí pháp ấy chúng ta mới có thể biết chúng ta là ai. Ta biết đường lối chúng ta đi như thế nào. Đạt cơ siêu thoát là mở kiếp thông minh cho chúng ta đó vậy”.

3-Vai trò của Đức Phạm Hộ Pháp với bí pháp

Trước hết, nghi lễ thọ phong Hộ Pháp khác thường, không lời tuyên thệ, lời nguyện mà là một cuộc hành pháp trực Chơn Thần Phạm Công Tắc ra khỏi xác phàm để Chơn linh Vi Đà Hộ Pháp giáng ngự nơi thân thể Ngài. Từ đó Phạm Công Tắc trở thành Hộ Pháp Cao Đài. Đó là trường hợp giáng linh ngự thể như Chơn Linh của Nguyễn Du nhập vào Victor Hugo. Ngài đã được Đức Chí Tôn giao trọng trách đứng đầu Hiệp Thiên Đài thông công các Đấng và chịu trách nhiệm về phần Chơn thân của toàn thể Đạo hữu (chỉ chung các chức sắc), còn phẩm Giáo Tông chỉ có quyền về phần xác mà thôi.

Năm 1929, Đức Phạm Hộ Pháp lập Khổ Hiên Trang, mở Phạm môn tu luyện không áo mão với “*Phương Luyện Kỳ*” để đạt cơ giới thoát. Thánh ngôn của Đức Chí Tôn đã dạy: “*Hộ Pháp hằng đứng (nơi Vi Hộ) mà giữ gìn Chơn linh các con, khi luyện Đạo đặng hiệp Tinh với Khí, rồi Khí với Thần đến Chơn Thần hiệp làm một nhà siêu phàm nhập Thánh*”.

Năm 1951, tại Trí Huệ Cung, Đức Phật Mẫu cũng ban cho Đức Ngài: “**Vện toàn Pháp môn**”

*Hễ làm Mẹ quyền hành dạy trẻ
Con đừng lo mạng thể thi phàm
Huyền linh Mẹ chịu phần cam*

Ban cho con trẻ vẹn toàn pháp môn

Vì thế dù Đức Ngài còn ở thế hay Qui Thiên, Ngài sẽ diệu dụng quyền năng điển lực của Kim Quang Tiên trợ phần cho hành giả công phu tu luyện đạt thành chánh quả.

Khi sinh tiền, ai đến xin luyện Đạo, Đức Ngài CÂN THẮN, đo mức độ khí trược trong người đó coi có đủ sức chịu nổi điển lực Thiêng Liêng, nếu kém sức sẽ biến tướng thành tả Đạo thì không cho luyện Đạo. Các vị thời Quân Chi pháp cũng có truyền Bí pháp cho chức sắc nhưng khả năng cân thân không bằng Đức Ngài.

Năm 1936, các vị Phạm Môn chuyển qua Phước Thiên nhận lãnh đầu họ Đạo Phước Thiện tại các tỉnh. Đức Hộ Pháp đã truyền các phép BÍ TÍCH, GIẢI OAN, TAM THÁNH, PHÉP XÁC, HÔN PHỐI cho các vị tân đầu họ tại Hộ Pháp Đường. Đức Ngài còn hành pháp trực thân, khai khiếu và ban pháp BẠCH ĐĂNG (cây đèn trắng) để khi hành Đạo tha phương gặp khó khăn, thắp đèn lên vào giờ tý rồi thành tâm cầu nguyện Đức Ngài hiển linh chỉ giáo. Nhiều chức sắc như Chí Thiện Võ Văn Đợi, Giáo Hữu Thượng Tý Thanh... đã được dạy Đạo qua phương pháp này. Huyền diệu nhất việc Đầu Sư Thái Thơ Thanh được Đức Ngài trợ thân khi tịnh luyện. Ngài Thái Đầu Sư rất kính phục và hủy bỏ sơ đồ xây dựng Nội Ô Tòa Thánh theo ý phàm mà giao việc xây cất Tòa Thánh lại cho Đức Hộ Pháp làm theo Thiên Khải, mà trong chuyến xuất thân vân du Ngài thấy được.

Xem thế, ngay buổi đầu, Đức Chí Tôn dạy người theo Đạo tu thân, làm công quả và tịnh luyện. Tân luật cũng xác phạm: Đạo gồm các Thánh Thất (Thế pháp) và Tịnh Thất (Bí pháp thiên định). Thế pháp là hình tướng

của Đạo, biểu tượng là Hội Thánh. Bí pháp của huyền năng của điển lực để người Đạo giải thoát. Thế nên, lúc mới khai Đạo nặng về phổ độ để đưa người vào cửa Đạo, sinh hoạt Đạo lý mà lập công, lập ngôn rồi lập đức mà tiêu trừ nghiệp chướng. Hai phần phổ độ và vô vi nằm chung trong chánh thể Đại Đạo Tam kỳ Phổ Độ. Hội Thánh Cao Đài thực hành cả hai. Bởi lẽ trong chơn truyền của Đức Chí Tôn không hề có sự phân chia hai phần: 1.– Phổ độ là ngoại giáo công truyền do Tòa Thánh Tây Ninh đảm trách: 2.– Vô vị tịnh luyện là Nội Giáo bí truyền do chi phái thực thi, như một ít người lầm tưởng.

Thế pháp và Bí pháp tương liên khăng khít với nhau như hình với bóng. Hễ có hình thì có bóng, có bóng tức có hình. Nói cách khác, cầu kinh tứ thời là thế hình để người Đạo, mỗi ngày một ít gom Thần định trí và lý thanh cao tưởng đến Phật Trời. Còn cái bóng của Kinh Kệ là trạng thái sống tinh thần của người Đạo đạt được khi vọng niệm, các âm ba hòa nhập vào điển lực của Trời Phật làm thức tỉnh Chơn thần. Âm ba Kinh Kệ là cái bóng, chữ nghĩa Kinh Kệ là cái hình. Hình với bóng không thể xa nhau.

CHƯƠNG III

ĐẠO TÂM LUẬN

1- Đạo Tâm là gì?

Đạo tâm là đạo sâu kín trong lòng “*Tức tâm, tức Đạo hà phương kiến?*” Tinh thể ngộ chơn dạy Tâm là Đạo, Đạo là Tâm chớ tìm nơi đâu khác.

“Tâm không phải là cục máu thịt. Phạm chỗ nào có tri giác, đó là Tâm, như tai mắt biết thấy biết nghe, chân tay biết đau biết ngứa. Cái biết đó là Tâm vậy” (Tâm bất nhị nhất khối huyết nhục, tri thị thính, thủ tức chi tri thống rạng, thử tri giác tiện thị tâm dã – Vương Dương Minh). Dương Minh lại giải thích thêm *“Lấy chỗ hình thể bao la mà nói thì gọi là Thượng Đế, lấy chỗ nó lưu hành vận dụng thì gọi là mệnh, phú bẩm cho con người thì gọi là tính, làm chủ thân ta thì gọi là Tâm”*.

Họ Vương đã thích nghĩa rõ ràng, có thân thì có tâm, ai cũng như ai chỉ khác hơn người chịu tôi luyện thành ngọc, kẻ để lu mờ thành đá cuội.

Họ Vương đáp lời Từ Ái: *“Chủ thể của thân ấy là tâm, sự phát động của tâm ấy là tri, sở tại của tri ấy là vật. Ví dụ ý mình để vào chỗ thờ cha mẹ, thì việc thờ cha mẹ là một việc, ý mình để vào chỗ giúp dân yếu vật, tức thì giúp dân yếu vật cũng là một việc, ý mình để vào chỗ nhìn, nghe, nói, cử động tức thì nghe, nói, cử động cũng là một việc. Vì thế ta nói không có việc gì ngoài cái tâm”*.

Xem thế “*tâm, ý, thân, vật như một chuỗi xích liền*

kết với nhau làm một.

Cái làm chủ mọi sự thấy, nghe, nói, cử động mà gọi là tâm đó, đúng là tính, tức là thiên lý. Tính ấy vốn có sự sống riêng của nó, hễ phát ra nơi mắt thì biết nhìn, nơi miệng thì biết nói, nơi tứ chi thì biết cử động, đều là sự phát sinh của thiên lý.

Vì nó chủ tế cả thân ta, nên gọi là tâm. Cái bản thể của tâm là thiên lý, vốn nó trong sạch như nhiên không hề phi lý. Đó mới thật là cái chân kỹ của ta. Cái chân kỹ ấy cầm quyền chủ tế thể xác”.

Như thế người muốn tu đạo thì phải rèn luyện cái tâm hay phải có phương pháp trị tâm, như thế Đức Hộ Pháp dạy: *Cái Đạo ấy ở trong lòng người không đâu xa.*

“Tâm tức Đạo, Đạo tức là Trời. Ta biết Tâm thì biết Đạo, biết Trời. Các người cần học muốn thấy rõ đạo ấy, cứ lấy tâm mình thể hiện là thấy, chẳng phải tìm đâu bên ngoài mới có được!” (Tâm tức Đạo, Đạo tức Thiên. Tri tâm tức tự Đạo tri Thiên, chư quân yếu thực hiện thử đạo, tu tông tự kỹ tâm thượng thể nhận, bất giả ngoại cầu thí đắc – Vương Dương Minh). Đạo Thánh hiền vốn giản dị minh bạch như vậy, nhưng người xưa cố ý làm cho nó tối tăm bí hiểm. Ta lập chí luyện kỹ làm sao cho cái tâm thuần thiên nhiên lý, không nhân dục là đã đạt đến bậc Thánh nhân.

Theo Thần học, Đạo vốn vô vi thuộc Dương, tâm là tìm hữu vi thuộc âm, âm dương tương hiệp, Trời người hiệp nhất, trong ý niệm *“Thấy là các con, các con là Thấy”* Vô vi hữu vi là một trong ngữ Đạo Tâm.

Đạo vô vi hay vô vi chi Đạo cũng thế. Vô vi không

có nghĩa là không hình tướng “*vô vi như vô bất vi*”, còn hữu vi cũng không có nghĩa có hình tướng. Nếu câu chấp như thế là chưa hiểu Đạo. Nên hiểu rằng hình tướng của nước giống hình tướng của đất của lửa, của thảo mộc. Nếu bảo không giống thì không đúng, còn nếu nói giống thì giống ở điểm nào? Bởi lẽ, ta chấp tướng nên thấy việc chi cũng hữu tướng, mà không thấy sạch chúng, vạn vật đều có chung một gốc nguồn. Vô “*Đạo pháp trường lưu*” chảy dài như dòng sông ra đại dương nước có hình tướng chi đâu. Nhưng khi ta chứa vào hồ lu, hũ, nước lại có hình tướng khác nhau. Bản chất nước chẳng có hai. Thế mà cái gì sanh ra sóng biển kia, khi yên gió sóng đi đâu, có đó rồi không đó, vô vi hay hữu vi khó nói được.

“*Đạo pháp vô biên*” tùy theo lúc mà Đạo có tên khác nhau. Đạo là con đường để cho Tiên Phật theo đó mà qui hồi cứu vị. Đạo là con đường người ta phải noi theo để được giải thoát. Có người cho giải thoát là thoát khỏi cảnh nhân thế buồn thảm đến nơi cực lạc an vui bằng hai lối: Một là tự lực giải thoát, lấy sức tu niệm của mình mà giải thoát cho mình nhờ tiểu ngã bao tàng đại ngã (Phật tánh). Hai là tha lực giải thoát là lấy tự kỷ mà dung hợp với thực tại tức rằng thực tại có sức vô đối thu hút được tự kỷ, diệt cái sanh bệnh vô thường, đoạn tuyệt phiền não mà vào cõi vĩnh hằng tức chỉ Thiêng Liêng Hằng Sống.

Đối với Đạo mới, muốn sớm về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống là phải làm công quả, phổ độ nhân sinh, xiển dương tôn giáo tức “*tu Đạo dĩ nhân*”. Thời Đạo Tâm là tu chơn dưỡng tánh. “*Con người mở rộng đạo, chớ không phải Đạo mở rộng được người*”. (Nhân năng hoằng đạo, phi đạo hoằng nhân). Người trong Đạo mà hiểu biết rộng, dù

Đạo có điều dở cũng thành ra hay, Đạo trong tay người ngu muội thế nào rồi cũng hóa dở mê tín dị đoan.

Thế nên trong thời đại khoa học Đức Lý dạy: “*Giác mê khai ngộ*” tức là làm cho con người thoát khỏi chốn u mê và giác ngộ Đạo, làm lành lánh dữ thì Đạo Tâm được trong sáng.

Lúc tệ phẩm bệnh, có người bạn đạo đến thăm. Ta hỏi:

- Đạo hữu đến đây bằng gì?
- Xe đạp.
- Cái sườn có phải là xe không?
- Không.
- Cái ghi đông có phải là xe không?
- Không.
- Cái bánh xe có phải là xe không?
- Không.

– Vậy chớ cái gì là xe là thừa (thừa là cái xe): Tiểu thừa hay đại thừa? Con người không có đức tu thì làm sao biết được khả năng trí tuệ của mình. Giống như xe không có càng, không có trục thì làm sao có thể chạy được (nhân nhi vô tín, bất tri kỳ khả giả, đại thừa vô nghề, tiểu thừa vô ngột, kỳ bà dĩ bành chi tai?)

Mạnh Tử nói: “*Suy cho cùng cái tâm của mình thì biết cái tính của mình, biết cái tính của mình thì biết được lẽ trời vậy*” (Tận kỳ tâm giả, tri kỳ tính giả, tri kỳ tính tắc tri thiên dĩ)

Tâm vốn là cái tinh thần sáng suốt, nên có đủ mọi

lẽ để ứng phó muôn việc. Tính là cái lẽ đủ cả của tâm mà tuổi do theo lẽ ấy phát ra. Tâm và tánh vốn là một, nhưng hiện tượng khác nhau nên có tên gọi khác nhau: phú cho con người gọi là tánh, làm chủ cái thân gọi là tâm. Tuy cái tâm phát ra mỗi việc mỗi khác, nhưng chỉ có mỗi cái tánh. Thế nên người ta lo cái tâm mình chưa sáng. Các chức sắc hơn người là nhờ cái tâm thuần thiên nhiên lý nên lúc nào cũng hành thiện, còn phàm phu để vật dục che lấp cái tâm nên hành ác. Thế nên, thiện và ác là hai sự kiện không hề có sẵn mà do tâm ta tạo ra. Vậy cái ác diệt được, nếu ta quyết tâm.

Bản thể của tâm là bất động nhu hòa nếu bị kích thích tâm hốt nhiên khởi động tạo ra mọi thứ sinh diệt. Tâm thể và vật thể không lìa nhau mà cũng khó hợp nhau như nước với sóng. Tuy khác nhau về hiện tượng, nhưng là một thực thể. Sóng và nước cũng như vật và tâm không thể lìa nhau. Thế nên, Tiên phạm phân biệt ở cái biết hay không biết, chân như hay hiện tượng mà thôi.

Cho nên người đạt đạo thì quan niệm rất rộng rãi: đạo tâm không có trong mà không có ngoài, hữu vi vô vi là một không có vách ngăn. Thiên địa vạn vật đồng nhất thể.

Vậy muốn đạt đạo tâm thì phải có đạo từ và tâm trụ. Đạo từ là từ bi hỉ xả. Tâm trụ là càng lay càng im, càng vững chắc. Ngày xưa các vị thần ở Nhật Bản vị nào cũng cho mình có quyền lực trên Trời Đất. Một thần cao tuổi xin làm trọng tài cho các thần khoe khoang đó thi thố.

Thần thứ nhất hóa chớp sấm rung động cả thế gian. Các thần khác tái mặt. Riêng thần bảo tố đứng lên nói: *“Sức mạnh của tôi còn ghê gớm hơn nhiều”*. Dứt lời, sóng biển dâng lên, bảo tố đẩy trời. Các thần thất sắc xin thua.

Bỗng nhiên, thân âm nhạc thổi tiêu diu dặt loĩ lả khiến các vị thân ngây dại. Chỉ có một vị thân, có thái độ như nhiên bất động. Ông không sợ sấm sét, không sợ sóng bão, tiếng sáo huyền ảo không làm ông động lòng. Vị trọng tài ngạc nhiên hỏi:

- Ông bị mù và điếc chẳng?
- Tôi vẫn thấy và vẫn nghe.
- Sao ông không động lòng trước sấm nổ, nước đứng, âm thanh diu dặt?
- Tâm tôi bị kích động, nhưng được chế ngự.
- Sao gương mặt ông bình thản đến dễ sợ vậy?
- Vì tâm tôi trụ vững. Tôi biết làm chủ giác quan mình. Còn các ông chỉ làm đầy tớ cho cảm giác vì không biết cách chế ngự nó.

Các vị thân cúi đầu phủ phục. Vị trọng tài phán quyết:

- Quyền bá chủ về vị này, người có nội tâm trụ vững và điểm tĩnh trước mọi sự việc.

Người xưa cho rằng lương tâm nảy nở ra tính vì chữ tính một bên có chữ tâm đứng (忄) và 1 bên chữ sanh (生) tức tâm sanh vi tính. Như vậy, cái máy (động cơ) trong lòng người gọi là tính, tùy cái dục mà tính ấy mang tính thiện hay ác.

Tâm vốn là nhứt thiết pháp, mà nhứt thiết pháp là tâm. Hai cái đó không khác mà cũng không là một. Sanh tử cũng do nơi tâm. Tâm bao hàm tất cả.

Xét về lý thể, tâm như nước, vật như sóng. Ngoài nước không có sóng, ngoài tâm không có vật. Tâm và vật

vì thế không rời nhau.

Tóm lại, tánh Trời phú cho người hàng ngự trị trong thâm tâm ta. Tánh là bản thể của tâm, thành thử tánh và tâm tuy hai mà một. Bản tánh thì hư không linh chiếu, nhưng khi nhập thế cuộc, nhục thân cảm nhiễm mùi trần sanh lòng ham muốn kích động đến tâm, làm cho tánh biến dạng ra như đục, đánh mất thiêng liêng nên ai không giữ được tâm phải đọa trần khổ não.

Thế nên, mỗi đạo hữu phải luyện nội tâm cho có dũng khí thâm hậu để chống đỡ mọi thử thách từ ngoại vật đưa đến.

Thánh ngôn dạy rằng:

*Gắng sức trau dồi một chữ TÂM
Đạo Đời muôn việc khơi sai lầm
TÂM thành ắt đạt đường tu vững
TÂM chánh mới mong mỗi đạo tâm
TÂM ái như sanh an bốn biển
TÂM hòa thiên hạ trị muôn năm
Đường TÂM của Thánh dầu chưa vẹn
Có buổi hoài công bước Đạo tâm”.*

2- Đạo nơi Tâm

Đạo tâm thể hiện dưới hai hình thức: đạo nội tâm và đạo ngoại tâm.

Đạo nội tâm là Đạo trong lòng, đó là tâm chơn, tâm Phật (tâm tích Phật)

Đạo ngoại tâm là đạo ở ngoài, đó là tâm giả còn chất

chứa thất tình lục dục, tam độc: Tham Sân Si...

Xưa nay người tu thì nhiều mà đắc đạo thì ít là do không phân biệt tâm chơn, tâm giả nơi lòng. Thấy người tu mình cũng tu, thấy người nói đạo mình cũng nói, nhưng thật trong lòng mình không tu những điều mình làm, tức là mình chưa có đức tin vô đối.

Chẳng khác chi khi ta gánh hai thúng giống ra ngoài ruộng. Những hạt rơi rã theo đường bị chim ăn. Những hạt rơi trên bờ để mọc lên èo uột rồi tàn úa vì rễ không thể cắm sâu xuống đất. Những hạt rơi vào bụi dứa gai bị nghẹt cổ vươn lên mà không thể kết bông trái. Những hạt còn lại sạ xuống ruộng, cây mới kết bông sinh hạt. Người theo đạo giống như thế: nhiều mặt nhiều hình. Những hạt rớt trên đường tượng trưng cho những kẻ nghe đạo mà còn bán tính bán nghi nên bị quỷ dữ rước đi. Những hạt rơi trên bờ đê là những kẻ nghe giảng đạo lòng toan mừng theo đạo nhưng rễ không bén nên khi bị cám dỗ họ sẽ bỏ đạo. Những hạt rơi vào bụi dứa gai là những kẻ vào đạo mà còn tranh danh đoạt lợi làm nghẹt lối tiến thân nên lúa không thể trở hoa sinh hạt được. Còn những hạt sa vào ruộng cày là những hạt giống đượm màu Thánh chất. Cho nên tu hành là tự thân “*tiên tự giác hậu chi giác tha*”. Trước hãy tự độ thân mình vì (ngộ thân bất độ hà thân độ) rồi sau mới độ được người.

Chữ “*tự giác*” như tự hành, tự lập là tự mình làm cho mình giác ngộ đường đạo không nhờ ai. Muốn được vậy phải thành tâm đi theo con đường đã vạch “*như đạo tự đạo giả*”. Ở giữa lòng người tu có ngôi “*tự đạo*” là nơi ngự của Thần Thánh vì không bao giờ ngoài tâm ta mà có đạo. Chữ “*tự*” ở giữa lòng ta phải có đức chí thành

mới thấy “Đạo”.

Tại sao phải có đức chí thành. Vì lúc đầu theo Đạo do động lực nào đó, nhưng dần dần nó phai pha trở nên “*bất thành vô vật*” tiến đến giả nhân, đạo ngoài miệng mà không cải tạo trong tâm.

Vậy đạo chí thành thật quan trọng, chẳng phải Nhân đạo mà cả Thiên đạo nữa. Trời chỉ có 1 chí thành mà làm nên vạn vật, người nhờ 1 chí thành mà đạt đạo. Ví dụ: Gandhi chẳng hạn, lúc nhỏ sợ bị rầy nên thiếu tín thành nói dối. Bà mẹ ông biết nên nhứt định không chịu ăn cơm. Gandhi thương mẹ khóc lóc cầu khẩn. Bà mẹ nói: “*Mẹ tha thấy con chết còn hơn thấy con nói dối, vì nói dối tỏ ra mình có một tâm hồn khiếp nhục.*” Từ đó Gandhi không nói dối nữa và trở thành bậc Thánh của Ấn Độ.

Thế nên, sách xưa có câu “*thành kỳ ý*” là chớ có nói dối lòng mình. Ý là động cơ trong lòng mình, khi nói bắt đầu cảm xúc và sinh ra tư tưởng để làm việc gì khi mới phát sinh ý rất trung thành với lương tri không tự khi (chê), dần dần về sau mới nảy sinh là chê bai, đổ kỹ nên phải có tự khiếm (chân thật) để kiểm chế, ghét điều ác làm điều thiện.

Tâm thành ý chỉ liên hệ tự khiếm mà không đi với tự khi vì mình giả dối với mình là tự khi, mình thành thực với mình là tự khiếm.

Nếu tự thân mà tiến đến “*độc thân*” có nhiều nguy hiểm. Bởi vì duy nhứt độc tôn một mình thì không còn tránh né ai, kiêng sợ ai, chỉ một mình mình biết, 1 mình mình hay thành ra muốn làm sao thì muốn, làm sao thì làm, có sai lầm cũng không biết. Cái độc tôn này rất nguy

hại. Thế nên, người xưa có nói “*nhân tâm duy nguy đạo tâm duy vi*” là vậy. Ai cũng nghĩ đến cái lợi riêng mình, rồi tự cao tự đắc “*độc thiện kỳ thân*” cho ta là tốt lành nhất trong thiên hạ.

Thế nên chữ “*độc*” khó lường hết, trong khoảng tâm thuật ẩn vi, nên chỉ có thành ý theo đạo mới đưa ta đến con đường chính đại quang minh.

Tâm quang minh là tâm chính đại, mắt thấy sáng suốt, tai nghe rõ ràng không còn điều gì lẩn lặc. Đó là chánh tâm, thiện tâm.

Vì sao “*tu thân tại chính kỳ tâm*”. Bởi lẽ, tâm với thân chỉ cùng một hạt giống, muốn tu thân thì cốt tu tâm mà thôi. Do đó, thân có làm điều gì xấu không thể trách tại thân mà chỉ trách tội cái tâm. Tâm muốn cho chính phải luôn giữ mực trung hòa, trung thì tâm được cân bằng liêm, hòa thì tâm được thư thái liêm. Nhờ đó mà lòng mới chính tâm. Nếu nơi lòng có điều gì lo sợ hay ấm ức thì chắc chắn tâm không được chính mà chinh nghiêng.

Khi tâm chệnh lệch thì thân không an mà tu được. Tâm luôn phải hòa tình, lắng lặng để chủ tể cho thân. Những sự kiện xảy ra bên ngoài đừng cho lay động nổi tâm, nào tức giận, sợ hãi, ham muốn, lo buồn phải xua đuổi ra khỏi tâm tu.

Miệng ăn, tai nghe, mắt thấy là công việc của thân, nhưng lúc thân tiến hành các công việc đó mà tâm xao động không đặt ý vào thì dù miệng ăn mà lưỡi không nếm vị, tai có nghe mà thật ra không biết đối thủ nói gì, mắt có nhìn mà không thấy. Việc “*không thấy, không nghe, không biết*” đó đâu phải lẽ của thân. Đó chỉ là tại “*tâm bất tại*”

mà thôi. Vì tâm bất tại nên con mắt mất sức thấy, lỗ tai mất sức nghe, lưỡi mất mùi vị. Quả là tại tâm bất chính. Như thế không thể nào tu được, mà tu thân cốt ở chính tâm (tu thân tại chính kỳ tâm).

Đức Chí tôn đã dạy: *“Hễ cái tâm sáng suốt thiện từ đạo đức là thiên đàng, còn tâm mê muội, vạy tà, hung bạo là địa ngục. Vậy địa ngục thiên đường cũng tại cái tâm”*.

3- Tâm thiện hay ác

“Không đạo nào qua chân lý” (Hn’y a pas de religion superieure à la vérité). Cái chân lý ở đây là làm lành lánh dữ. Trong Đạo Cao Đài lại thờ cả cái thiện và cái ác theo thuyết tam nguyên trung thứ.

Vì lẽ *“Tất cả đều có hai cực đoan, giống nhau khác nhau đều có một ý nghĩa như nhau, những cực đoan nghịch nhau đồng có một bản thể như nhau, mà không khác mức độ, những cái cực đoan lại gặp nhau. Tất cả những chân lý chỉ là những nửa chân lý, tất cả những nghịch lý đều có thể dung hòa”*. (Tout est Double, toute chose posside des pôles, tout a deux extrêmes, semblable et dissemblable ont la même signification, les pôles opposés ont une nature identique mais des degrés différents; les extrême se touchent toute les vérités ne sont que des deni véritéc, tous les paradoxes peuvent être conciliés – Le kybalion, H.Durville, Paris IV, trang 29).

Thầy Mạnh Tử có nói: *“nhân chi sơ tánh bản thiện”*, cho con người thuở thiếu nên hiền hậu chân chất. Do thọ bẩm Khí Hạo Nhiên của Trời. Ngược lại thầy Tuân Tử cho tính người là ác. Theo Khổng Tử thì tính người chẳng

tuyệt đối là thiện mà cũng chẳng tuyệt đối là ác. Khi cái chân hiện ra là thiện, khi cái vọng hiện ra là ác. Tính chỉ là động cơ tạo ra thiện và ác, nếu nghiêng về thiện lý thì thuần thiện, nếu theo nhân dục thì thuần ác. Thế mới có câu: *“Nhân tâm duy nguy đạo tâm duy vi là vậy”*.

Người đời thường cho Mạnh Tử và Tuân Tử có quan niệm khác nhau về tính, nhưng thật ra họ bổ túc cho nhau. Tuy nó là thiện đó, nhưng đưa nó vào vòng ác thì nó cũng ác. Muốn trị được cái ác len lỏi vào tâm, ta phải *“suất tính chi vị đạo”*. Nghĩa là phải quản suất được tính dẫn dắt nó vào đường thiện tránh đường ác.

Dù sao nhờ Mạnh Tử nói một chữ *“thiện”*, Tuân Tử nói một chữ *“ác”* ta mới tỉnh ngộ ra rằng mọi mặt phải trái trên đời đều có cái hữu hạn của nó. Thiện và ác chỉ cách nhau bằng đường tơ kẻ tóc. Thiện không đúng lúc là ác, ác không đúng lúc là thiện; phải biết thuật đủ và *“thuật dừng”*: tri túc tri chỉ.

Như thế lý thuyết của hai thầy chẳng hề trái ngược nhau mà chỉ bổ túc cho nhau. Ta cần suy nghĩ cho lắm – Kinh Dịch viết: *“Thiện ác giống như cặp âm dương, tuy thấy như mâu thuẫn mà chẳng hề rời nhau”*.

Nhà đạo học Plotin cũng đồng quan điểm:

“Dù là việc ác, cũng một phần nào cần thiết như việc thiện, vì nó phát sinh ra được nhiều việc tốt đẹp. Nó dẫn dắt đi tìm những phát sinh sáng tạo lợi ích và bắt buộc con người phải thận trọng và ngăn không cho vào giấc ngủ mê man, 1 sự an thân lười biếng”.

Thế mới hay, Thánh Augustin trước kia là người đầy tội lỗi, Thập Bát La Hán là những kẻ trộm cướp giết

người đều thành chánh quả. Bởi lẽ, việc người đời cho là ác mà không ác vì việc làm ấy phát ra do thiện tâm. Mặt khác cùng việc làm, người này làm cho là thiện mà kẻ kia làm bị cho là ác, là vì người này làm với lòng yêu thương cao thượng, còn kẻ kia làm với tâm động xấu xa. Mẹ đánh rắn dạy con không thể cho là ác. Kẻ nịnh bợ cốt để làm vui lãnh đạo để trục lợi không thể gọi là thiện. Thế nên Dương Lễ đuổi Lưu Bình không thể gọi là ác được.

Ngày nào còn bị ràng buộc trong giả thân thì còn thiện ác, lợi hại, hữu đạo, vô đạo... Đừng quên rằng vạn vật đồng nhất thể. Tất cả vạn vật đều chẳng chệch với nhau như các tế bào trong 1 cơ thể, vi trùng xâm nhập bất cứ một phần nào trong ngũ tạng đều tổn thương đến toàn thân. Bởi lẽ tất cả chỉ là một.

Lão Tử hằng nhắc ta: *“Cái nhìn của Đạo là cái nhìn toàn thể, thấy nhân sanh như một cơ thể”*. Một thiền sư đã nói: *“Đừng nghĩ đến thiện, cũng đừng nghĩ đến ác, thì mới hiện rõ cái ban lai diện mục của mình... Chỉ thiện một chút thôi cũng đủ, làm cho mặt hiển chân. Như nơi sáng, cơ Trời Đất sẽ bị phân chia”* (Tăng Xán).

Trong Đạo đấng sáng tạo Brahma chỉ huy và điều hòa hai vị thần: thần Christna chủ về thiện và thần Shiva chủ về ác và không thiên hẳn về bên nào. Ta nghe câu chuyện ưa thiện ghét ác sau đây thì rõ:

“Quản Trọng làm tướng quốc nước Tề. Khi ông đau nặng, Tề Hoàn Công đến thăm và hỏi: Nếu Trọng Phụ bất hạnh qua đời, Trẫm biết giao quyền cho ai?”

Bấy giờ Ninh Thích đã chết, Quản Trọng thở dài thương tiếc, Tề Hoàn Công hỏi tiếp:

“Lẽ nào người tài đã hết? Trẫm muốn giao quyền cho Bảo Thúc, Trọng Phụ nghĩ sao?”

Quản Trọng đáp: *“Bảo Thúc là người chính nhân quân tử, nhưng không thể nào cầm quyền được vì hay phân biệt thiện ác thái quá. Ưu điều thiện là phải, chớ ghét điều ác thái quá không ai chịu được”.*

Tề Hoàn Công không nghe lời Quản Trọng và giao quyền chính cho Bảo Thúc. Chẳng bao lâu vua mất ngôi.

Thế mới biết, thiện ác như quả lắc đồng hồ, biến động từ cái phải qua cái quấy, từ cái có qua cái không bao chứa mâu thuẫn: có mà không, không mà có.

Chuyện về các môn đệ Khổng Tử sau đây cho ta thấy rõ đạo trung thứ của mọi việc:

Tử Hạ hỏi Khổng Tử:

– Nhan Hồi là người thế nào?

Khổng Tử đáp:

– Cái nhân của Hồi hơn ta.

Tử Hạ lại hỏi:

– Tử Lộ là người thế nào?

– Cái Dũng của Do hơn ta

– Tử Trương là người thế nào?

– Cái Nghiêm của Sự hơn ta.

– Tử Cống là người thế nào?

– Cái óc phân biệt của Tử hơn ta.

Tử Hạ thưa rằng:

– Thế sao bốn người này còn theo học với Thầy, nghĩa

ra làm sao?

Khổng Tử ôn tồn đáp:

– Hồi chỉ biết nhân mà không biết lúc bất nhân. Tử chỉ biết lệ làng mà không biết chậm chạp. Do chỉ biết dững mãnh mà không biết nhúc nhác, Sự chỉ biết trang nghiêm mà không biết ung dung để hòa đồng với mọi người. Cái hay của 4 người ấy mà đối cái ta có ta không đối. Bởi vậy, họ phải thờ ta làm thầy.

Bậc Chí Thánh như Đức Khổng Tử mà còn chê Nhan Hồi chỉ biết nhân mà không biết lúc bất nhân, nên Hồi phải theo học Ngài “*cái bất nhân*”.

Vương Dương Minh cũng cho rằng thiện và ác chỉ là một. Bản thể của tâm vốn chí thiện vì để vật dục ám ảnh mới hóa ra ác. “*Cho nên hễ khi người ta có một ý nghĩ bất thiện ấy lập tức... Chớ để một ý nghĩ bất thiện nào ẩn núp trong bụng ta*”. (Đào Trinh Nhất, Vương Dương Minh, Saigon Tân Việt, trang 160).

Tóm lại, Đạo Cao Đài quan niệm 1 cách trung dung về cái thiện và cái ác. Thiện không đúng lúc là ác, ác không đúng lúc là thiện, nên trong Đạo thờ cả ông Thiện và ông Ác. Con người vì không thông hiểu cái lý cao siêu của thiện và ác nên chống báng nhau. Thật ra tất cả đều nằm trong luật an bày của Đấng tạo hóa. Bất cứ nơi đâu cũng đều có sự thiện ác hiện hữu để giúp con người học hỏi tìm chân lý, hầu đạt đầy đủ bản chất của Thượng Đế. “*Thiện ác giai điều lý*” (Tuồng Minh Đạo).

4- Minh tâm kiến tánh

Minh tâm là làm sáng suốt cái tâm của mình. Kiến tánh là thấy được cái tánh của mình. Chỉ có bậc Chí Thánh mới thấu rõ tánh của mình, nhờ đó mà biết tánh người, tánh vạn vật để “*hóa dục quần sanh thông ngộ Vô trụ*”.

Đạo dạy: “*Tiên tu giác hậu nhi giác tha*”. Trước lo tu cho mình được cái tâm giác ngộ sau đó mới độ được người.

Muốn đạt huệ tức huệ nhân phải phá màn u minh thấy được cõi thượng giới, phải minh tâm kiến tánh tự thân, nhiên hậu, truy cứu sách vở mở rộng tầm mắt mới đủ lý thuyết độ đời.

Đạo thiện với người bình dân không học, làm lành lánh dữ, tin tưởng Trời Phật thì cũng có thể giải thoát cho chính mình nhưng phẩm vị không cao thăng. Thầy đã dạy mỗi tín đồ phải độ ít nhất 12 người vào Đạo. Chủ đích của Đạo Tam Kỳ là **Công Quả** và **Phổ Độ chúng sanh**. Nếu ta không đủ quyền năng, sức học độ đời thì làm sao Đạo thành? Thế nên, đã vào hàng môn đệ phải lo giới mài kinh sử, nhập tâm giáo lý cho quăng kiến đa văn mới thuyết phục được kẻ vô đạo. Thầy đã dạy “*Đạo lập ra là để độ kẻ vô Đạo chớ không phải sửa Đạo*”.

Đạo huệ đạo đủ, thấy đủ hiểu đủ đạt đến “*nhân thị chủ tâm*” con mắt làm chủ cái tâm, thấy màu sắc không chóa mắt, nghe âm thanh không bùi tai, nếm mùi vị không bị quyến rũ, thấy của quý mắt không khiến tâm động lòng tham. Bởi vì, thầy dạy “*Tham lam vào Tâm thì Tâm hết đạo đức, tham lam vào Chùa, chùa hết chánh giáo, tham lam vào nước nước hết chơn trị, tham lam lộng khắp thế giới thì thế giới hết Thần Tiên*”.

Tham lam do lòng ham muốn sanh ra. Lấy được thì vui mừng, rồi sợ mất phải lo giữ gìn. Lỡ mất thì thất vọng buồn phiền. Thế là từ lục dục xô đẩy đến thất tình. Đó là tại ta chưa có lòng tự chủ, tâm thần bấn loạn mà sanh ra thất chí.

Để ngăn chặn thất tình lục dục phải minh Tâm để cảm hóa lòng sanh diệt trở nên lòng bất sanh diệt mà hàm dưỡng bản tánh để làm chủ tế hành động. Nói cách khác, đem lý siêu nhiên vào đời sống thực tại để khử tất cả, thói lui tụt xấu, mê chấp sai lầm.

Bản tánh nằm ngang sau nhơn dục, cho nên muốn giác ngộ thì phải hồi hướng về nội giới, vượt qua tất cả hình sắc, phiền não như nói trên để lòng không khởi động mới thành chánh quả.

Đừng để thất tình lục dục làm loạn đạo tâm, làm mờ chơn tánh khiến cho cuộc đời bơ vơ như thuyền trôi trên biển cả. Đó là tại ta không hòa đồng được với mọi người chung quanh, như vậy làm sao hòa điệu với đại hỗn Vũ trụ. Khởi tiên ta điều hòa với tự tâm, với thân chí, với gia đình và xã hội. Những lời của người không quan hệ đến mình thì chẳng nên chấp nhứt mà sanh lòng chán ghét của tha nhân. Người có lầm lỗi lấy lời khuyên lơn, không được thì thôi chớ cố chấp nói này nói kia. Ta nên tập lòng thương người, không thương được thì không nên ghét vì Thầy đã dạy: *“Sự thương yêu là chìa khóa mở cửa Bạch Ngọc Kinh”*. Tam độc: Tham Sân Si là 3 cái mầm làm cho tâm loạn. Tâm loạn thì che khuất điển Linh quang làm ta trở nên vô minh, lúc đó không còn phân biệt thiên lý và nhân dục nữa, rồi cứ theo nhân dục hành động và ngụy biện là thiên ý. Tâm lúc đó đã lạc vào trạng hưởng si mê

tức là tối tâm. Hãy lấy giác ngộ để trị si mê, chuyển mê khai ngộ, đem ánh sáng rọi vào bóng tối. Ánh sáng càng lay rộng thì bóng đêm càng hẹp dần.

Muốn đem ánh sáng tâm thì phải tìm hiểu chơn lý nơi kinh điển, Thánh ngôn. Mỗi ngày đọc một vài trang nghiền ngẫm suy nghĩ với một tâm trạng thao thức để tìm hiểu chơn lý tiềm ẩn bên trong Thánh ngôn, Kinh điển thường “*ý tại ngôn ngoại*”. Đọc kinh điển phải tâm lý, đọc mà không hiểu nhiều khi đưa tới sự lầm lạc. Có khi “*đa thơ loạn tâm*” hoặc ngược lại suy ngẫm nhiều mà không đọc sách thì tư tưởng không mới mẻ, có khi lạc đường ra ngoài giáo lý.

Vả lại văn tự chỉ ghi được một phần ý tưởng thô sơ, từ ngữ hiện nay bị gương ép làm người đọc dễ hiểu lầm. Hơn nữa, không phải kinh sách nào cũng đọc cho hết, không ai đọc được hết sách. Không có quyển sách nào mà mọi người phải đọc, ngay cả kinh, mà chỉ có những sách trong khoảng thời gian nào đó phải đọc để kịp nhu cầu tiến bộ, để phù hợp với xã hội. Có những sách như Kinh dịch chẳng hạn, kiến giải chưa tới thì không nên đọc. Tư tưởng chưa phát triển đến trình độ thì cũng không nên đọc. Khổng Tử dạy: “*Năm mươi tuổi mới đọc được Kinh Dịch*”. Lúc còn làm việc đời, ta đọc Trang Tử nhạt nhẽo và vô vị, khi ngồi nơi Thảo xá thấy nó hay và ý nhị vô chừng. Cho nên sách hay bao giờ cũng nên đọc đi đọc lại, kiến giải của mình ngày càng sâu, phát hiện càng nhiều. Tìm được 1 tác giả có tư tưởng gần gũi với mình là người bạn trong lãnh vực văn học, tâm hồn rất vui sướng. Sách nào hợp với ta chỉ có ta biết thôi, không cần ai chỉ dẫn, không cần ai ép buộc. Nếu “*khổ đọc*” hay “*khốn học*” là tự mình làm khổ

mình, đừng bắt chước lối đọc sách “*dùi dùi*”. Đọc không vô duyên có lấy dùi đâm vào dùi thì mắt vẫn ngủ gà ngủ gật gằm có lợi gì. Nếu khi đọc sách thấy được cái thâm sâu tinh túy thì làm sao buồn ngủ được. Đọc sách mà mê đến bỏ ăn bỏ ngủ là tốt nhưng coi chừng không thông suốt ý gói gắm bên trong mà chỉ muốn biết diễn tiến câu chuyện mà thôi như đọc Tam Quốc chẳng hạn. Đó không phải là phương pháp đọc sách Thánh hiền vì Đạo lo cho Đạo.

Tinh thần và sức mạnh tâm linh thiếu nó thì ta chẳng làm được điều gì cao xa hiển hách. Nhờ công phu đọc kinh điển mà tinh thần ta phát triển, “*chuyển mê khai ngộ*” giúp ta hiểu được thế nào là thiên lý, thế nào là nhân dục, biết thế nào là vạy, thế nào là chơn. Đó là giai đoạn đầu vào đường minh tâm kiến tánh.

Đó là chủ đích của Đạo, chỉ cần lấy trí tuệ mà hiểu biết không lấy sự mê tín. Ai đem mê tín vào Đạo Tam Kỳ là làm trái lẽ với Đạo, là chưa hiểu mối Đạo tiến bộ và hướng thượng. Vậy tu theo Đạo Cao Đài là không tin những điều huyền hoặc mà luôn luôn lấy cái tâm sáng suốt để xử kỷ tiếp vật.

Xét cho tận cùng, Tâm là tinh thần sáng suốt nên bao gồm đủ mọi lý lẽ để ứng phó mọi việc. Tính là cái lẽ đủ của Tâm do Trời phú mà phát ra.

Theo Trương Tử: “*Tâm với Tính là một lý, lấy lý thì gọi là Thiên, lấy sự bẩm thụ mà nói thì gọi là Tính, lấy sự tồn giữ ở người mà nói thì gọi là Tâm*”.

Trương Tử lại nói: “*Do phần hư vô thái cực mà có tên là Thiên, do phần khí hóa mà có tên là Đạo, hợp thái hư khí hóa lại có tên là Tính, hợp Tính với tri giác mà có*

tên là Tâm”

Suy cùng tâm hiệp tính mà rõ lẽ tự nhiên để đạt cái lý, giữ gìn cái tâm bồi dưỡng cái tính để thuận lẽ tự nhiên là để thực hành cái việc ấy. Không biết lý thì đương nhiên không thực hành được việc, nhưng chỉ biết lý suông mà không thực hành thì cũng không có ích chi cho mình. Thuận theo lẽ thiên nhiên mà sửa mình là lòng nhân đã đến tốt bụng. Trí hiểu biết không suy đến ngọn gốc thì chắc chắn không biết lòng nhân là thế nào, nhưng có trí mà thiếu nhân, hành động phóng túng, không đáng gọi là trí được.

Ngày xưa, Lạng Tương Như được phong làm Tướng quốc nước Triệu từng làm tiêu Liêm Pha, nên Liêm Pha giận hăm giết Tương Như. Vì thế Tương Như luôn tránh mặt Liêm Pha. Bọn xá nhân thấy vậy phàn nàn hỏi Tương Như: *“Chúng tôi bỏ nhà cửa, quyến thuộc theo Ngài. Nay Ngài chỉ vì lời dọa của Liêm Pha mà tránh mặt. Sao Ngài sợ quá đổi như vậy? Chúng tôi lấy làm xấu hổ không theo Ngài nữa”*.

Tương Như hỏi: *“Các người xem Liêm Pha có hơn vua Tần không? Thế mà ta dám làm nhục vua Tần thì làm sao sợ Liêm Pha. Ta nghĩ Tần không dám đánh Triệu vì có ta và Liêm Pha. Nếu Tần nghe ta và Liêm Pha bất hòa, Tần tất thừa cơ đánh Triệu. Sở dĩ ta chịu nhục tránh Liêm Pha là vì ta coi việc nước trọng hơn việc riêng vậy”*.

Xem thế, bậc tài trí ngày xưa suy nghĩ sáng suốt ngọn ngành biết lấy chữ nhân ra mà xử với kẻ đối nghịch.

Tóm lại, trong hoàn cảnh nước ta, hai nền văn hóa Đông Tây gặp nhau. Phong hóa nước ta vốn có truyền

thống nhưng do những cái náo động vô ý thức khiến cho xã hội mất thăng bằng. Ta đưa Đạo Tâm, 1 hiện tượng “*tĩnh*” để chế ngự cái náo động chuyển lực về nguồn, dung hòa tâm với vật để điều khiển cái tâm trở về đường ngay nẻo chánh. Đó là thiên cơ dĩ định rất hợp thời và hợp cảnh vậy. Những người minh tâm kiến tánh có sứ mạng thực thi được những ý tưởng cao việt đó.

5- Tâm hòa

Ngày nay là thời đại văn minh khoa học “*Cần khôn dĩ tâm thức*” các phương tiện sinh hoạt vật chất và tinh thần đều tiến bộ, thế nên tu ngày nay cũng khác hơn ngày xưa. Thời còn ở hàng động chọn phép tu Tiên. Khi có nhà ở chọn phép tu Chùa (Phật), khi xã hội loạn lạc để chấn chỉnh lòng người có phép tu Tề (Khổng Giáo) và ngày nay ở đâu cũng có chợ búa, phồn hoa náo nhiệt để kích thích dục tính đạo, ta chọn phép Tu Tâm, như hoa sen mọc giữa đầm lầy mà vẫn có hương thơm ngát: “*Cu trần bất nhiễm trần*”. Có người gọi nôm na lối tu tâm là tu chợ. Ở chợ mà không vật dục dấy bấn mới thật là “*Đại ẩn ẩn thành thi*” hằng “*nhất tu thị, nhị tu sơn*” người ở giữa chợ mà tránh được bợn trần mới quý.

Ngày đi làm, tối họp nhau bàn đạo lý đạo cao siêu hay tịnh luyện thay vì tới mua vui hạ tiện. Muốn vào hàng Thánh phải xua đuổi tà niệm để tư tưởng được thanh cao. Muốn tu tâm cần phải có những đức tành từ bi, hỷ xả, nhẫn nhục, tinh tấn, bác ái, nhu hòa, tự tại, chính thành.

- Thương người quan quả cô đơn, đói rét.
- Đại lượng với kẻ thù, dĩ ơn báo oán.

- Không than phận trách trời, hãy cố gắng giữ hạnh người tu.
- “*Lễ bái thường hành tâm đạo khởi*” không biếng nhác, công phu, công quả. Cầu nguyện là để trong lòng được an ủi, như mình bị nạn mà được Trời Phật phò hộ thì cái sức mạnh của mình tăng lên gấp bội mà chống lại với hoạn nạn, chứ không phải Phật Trời đưa tay cứu vớt.
- Nghèo sang, lớn nhỏ xem như nhau, chẳng xu phụ kẻ quyền thế, coi rẻ người hèn mạt.
- Nên nhớ cùng nhau “*một Đạo tức một Cha*” coi nhau như anh em một nhà.
- “*Tương kính như tân*”, kính trọng như lúc thâm sơ, đừng cao ngạo, cần thái độ nhu hòa.
- Gặp may chớ đắc chí, gặp rủi chẳng nao lòng, lành dữ đều có thiên cơ dĩ định.
- Thành thật với đồng đạo, với người cộng sự, luôn luôn lấy 2 chữ chí thành mà đối xử với mọi người.
- Không ham danh vọng, tài lợi, sắc đẹp. Người xứng đáng có danh tự nhiên danh đến. Nếu cố tâm tìm kiếm hoặc làm việc để cầu danh thì danh ấy là danh hảo, hư danh. Nhiều kẻ muốn giàu sang mưu tài lợi cho bản thân không ngờ đem xác thịt làm nô lệ cho tài lợi quên điều nhân nghĩa. Một mai hỗn lia hỏi xác tay trắng vẫn hoàn trắng tay.

Còn sắc đẹp là cái dao cắt thịt tận xương, nó chất chứa vô vàn nguy hiểm. Bao kẻ hao mòn tinh lực vì sắc dục mà tự thân ngăn đời mình. Bao người tán gia bại sản, gây nhiều tội lỗi cũng vì sắc dục.

Có kẻ ỷ thế mạnh hiếp đáp người nghèo, nhưng mạnh thế nào cũng không qua lễ phải vì “*dùng bất quá thiên, cường bất quá lý*”.

Đời này là cõi tạm có chi vĩnh viễn sung sướng? Chân hạnh phúc người tu đâu phải tranh danh đạt lợi, miếng cơm manh áo? Sự ham muốn của con người vô chừng, được 1 muốn 10, được 10 muốn 100, lòng ham muốn vô bờ mà không được tất khổ não, chính mình tạo khổ cho mình mà không hay biết.

Người sống đạo thanh thản với cuộc đời an tịnh. Lòng đã tắt ham muốn, thâm cái vọng tâm lại không cho nó dao động ham muốn mà rước khổ vào thân.

Người đạo không dồn nén được thất tình lục dục thì chắc chắn sẽ bị cơn bão khảo đạo do chính tham, sân, si của bản thân mà ra.

Khảo là cho biết chơn giả, đảo là cho biết tà chánh. Thế nên người đạt đạo với cảnh ngộ nào, dầu khổ tâm cách mấy vẫn xem thường. Mỗi lần khảo là mỗi lần nâng giác lên một bậc, coi danh lợi như đọt sồng, có đó mất đó.

Câu chuyện Đức Phật Thích Ca bị khảo đảo trước khi đắc đạo ta cần suy ngẫm. Khi hay tin Đức Phật Giác Nhiên ngộ đạo, Thần Mara chúa tể của tội lỗi tới đem binh ma tướng quỷ nổi sóng gió làm cho tất cả núi nghiêng để Đức Phật sợ hãi, nhưng Phật vẫn bình tâm lặng lẽ như khúc gỗ.

Túng thế, Mara đem danh lợi, nữ sắc lay chuyển tâm Phật. Lấy danh để khêu gợi lòng tự ái, lấy lợi để dục lòng ham muốn, lấy sắc để gợi lòng dục vọng, nhưng Phật chẳng mấy may động lòng.

Mara tức tối cho binh ma tướng quỷ lấy gươm giáo, tên lửa bắn ném vào thân Phật, nhưng tên giáo biến thành đóa hoa thơm vây quanh nơi Phật ngự.

Mara xấu hổ bỏ đi, bên tai còn nghe văng vẳng “*người ấy đắc đạo rồi. Người ấy đã làm chủ cả sự vật trong trời đất*”, thế nên, một người đạo tâm lòng luôn thanh thản, sống hòa đồng với mọi người.

Đức Quan Thế Âm dạy:

“Đạo quý là tại hòa. Tạo Thiên lập Địa cũng do âm dương hợp hòa. Thân con người có tạng phủ chẳng hòa thì con người chẳng sống bao giờ. Tâm bất hòa thì thất tình lục dục phát khởi tranh ngôi trong vòng vật dục, chẳng hề biết thiên lý là gì. Gia đình chẳng hòa thì cha con, anh em ly tán. Cả thế giới bất hòa thì nhân loại đấu tranh. Vậy khuyến các em dĩ hòa vi tiên”.

■ (TNHT quyển II, trang 87).

Người xưa nói: Tu thân dĩ đạo, tu đạo dĩ nhân.

Vì thế tu hành cần phải có bạn đạo chân tình để giúp ta phân biệt phải trái. Bạn tu núi giúp ta ngưng nóng nảy. Bạn nghiêm giới luật giúp ta tròn ngũ giới cấm. Bạn trí thức giúp ta ra khỏi mê chấp, giải quyết những khó khăn mà lòng ta còn hoài nghi. Bạn trầm tĩnh giúp lòng thanh thản và điềm tĩnh trước mọi trở lực. Bạn tri kỷ giúp ta ức chế được mọi lỗi lầm. Bạn tinh tiến giúp ta hiểu đạo cao sâu. Bạn nhân từ bố trí giúp ta xa rời tính keo kiệt mà rộng lòng khoan dung.

Được như thế, cái tâm ta lo gì không hòa đồng cùng vạn loại. Nhớ luôn câu: “*vạn vật đồng nhứt thể*”. Mọi người sanh ra giống nhau về giác quan, bình đẳng nhau về mọi

mặt. Những mặt hơn kém nhau, lấn lướt nhau là do ta chính ta tạo ra. Chính cái chèn ép, đàn áp nhau là nguyên nhân của sự bất hòa mà quên rằng chúng ta có cùng 1 Đấng Cha chung: Đức Đại Từ Phụ. Vậy muốn tâm hòa là đề nén tam độc: tham, sân, si mà tu thân tự giác, xem tất cả mọi chúng sanh là anh em 1 nhà, xem của cải vật chất là giả tạm vì hữu hình hữu hoại, chỉ có chân tâm của mình mới bất sanh diệt hằng sống mà thôi.

Muốn có một tâm hồn hòa đồng, bất úy, thản nhiên, ta luôn nhớ lời dạy của Đức Chí Tôn về chủ thuyết “*đại đồng nhân loại*”.

“Người nào biết xem hết thấy sự vật như nhau, sướng như khổ, vui như buồn, đặng như mất, biết coi cục đất như hòn vàng, viên đá như hòn ngọc, người đó đã đạt sự hòa đồng cực điểm” (SENART, Bhagavad Gita, trang 153)

Người tu coi sự sống chết ngang nhau: “*sanh ký, tử qui*”. Thản nhiên mà đến, thản nhiên mà đi, không vương bận vào đâu cả. Thuận theo thiên lý mà sống, không cưỡng lại số trời. Thân thể đơn sơ, tâm tư trầm lặng..

Trang Tử dạy: “*Sanh tử, tôn vong, giàu nghèo, khen chê. Đó là những cái biến của sự đời, cái hành vận của mạng số. Nó nối tiếp nhau ngày đêm: hết sống tới chết, hết vinh tới nhục... Những điều ấy ta đừng bận tâm đến làm gì, đừng bao giờ để nó chen vào phá hoại sự yên tĩnh của tâm ta. Hãy giữ gìn sự yên tĩnh trong lòng, đừng để vật gì làm xao động*”. Được như thế, tâm hồn ta đã hòa vào đại hồn Vũ trụ, thế giới hòa bình an lạc.

6- Đạo tâm của bậc chí thành

Trong thiên hạ chỉ có bậc chí thành là thông minh diệu trí đủ để lãnh đạo kẻ dưới. Đạo tâm rộng rãi an hòa nhu thuận đủ để mở lòng bao dung, và trí dũng để cầm phép tắc. Lòng trong sạch đôn trang ngay thẳng đủ cho người ta kính. Văn ý mau nhậy rõ ràng đủ để phân biệt thực giả: *“Thầy khuyên các con ráng nhớ hai chữ **chí thành** để dạ không không, đừng dính líu với điều chi khác với hai chữ chí thành. Vì tâm chí thành mới cảm giác ứng hóa đặng. Hễ ứng hóa thì các con đều rõ thông mọi việc”* (Đàn 23-1-1934).

Đạo tâm rộng khắp như trời, sâu thẳm như vực, lời nói không ai không tin, việc làm dân không ai không theo. Phàm người có chí khí không người nào không kính trọng, người ấy đã phi phạm đạt tới chí thành rồi vậy.

Đạo thiên biến vạn hóa nhưng không ra ngoài cái tính. Bậc chí thành không mảy may tư dục nào xen vào tâm được. Các đức nhân nghĩa lễ trí tín đều được thuận nhiên. Người đã đạt bậc chí Thánh không nghĩ mà thông đạt, gắng mà không trúng, không còn nương cậy vào người khác.

Đạo tâm của bậc chí thành lờ mờ mà ngày càng sáng tỏ khác gì mặc áo gấm phủ áo thường (ý cần thượng quýnh (đơn). Đạo tâm của kẻ tầm thường thích lộ lộ ra ngoài nên sớm mất đi. Đạo tâm của bậc chí thành giản dị mà có văn vẻ, ôn nhu mà chải chuốt, sơ mà rất thân. Bậc ấy biết cái lộ ra ngoài là tự có trong mình trước, biết cái công khai là tự cái kín đáo mà ra. Người đời không theo nổi bậc chí thành là do những sự kiện đó. Họ lẳng lẳng

chẳng tranh giành ai, chẳng xuống lệnh cho ai. Thế mà họ khuyên được dân, họ khiến được dân mà dân không buồn giận. Bởi vì dùng tiếng và sắc để hóa dân là cách kém nhất (Thanh sắc chi vi hóa dân, mạc dã, Tử Tử) hãy lấy đức mà trị dân, coi đức nhẹ như lông (đức do như mao, K. Thi) nhưng chưa bằng việc sinh hóa của Đức Chí Tôn không bởi chẳng tiếng mà điều khiển cả quần linh (*Vô vi như dịch sử quần linh*).

Thế thì, cái đức nhẹ tựa lông không tỏ rõ là thế nào? Đó là cái đức của bậc chí thành không khoe khoang thanh sắc.

Vậy, Đấng chí thành là bậc Thánh Nhân, trong lòng không còn 1 mảy tư dục nào, chỉ còn thuần nguyên tính Trời ban cho. Thế nên, cái tính ấy không lớn, không nhỏ khác hẳn tính phàm phu, biết hòa đồng vào tự nhiên vạn loại. Trong thiên hạ chỉ có cái đức chí thành của hạng mình thành không khác chi cái tính của bậc Thánh nhân.

Đạo chí thành sáng lâu không tắt rọi cao và rộng, rộng mà dày là để chở muôn vật, cao mà sáng để che muôn vật. Rộng mà dày sánh với đất, cao mà sáng sánh với trời, do vậy không động mà biến, không làm mà thành. Đạo Trời chỉ một tiếng là đủ hết: tâm chí thành, “*Đạo gốc bởi lòng (tâm) thành tín*”.

Thánh nhân nhờ đó phối hợp với trời đất mà sinh hóa vạn vật, ở ngoài không còn gì nữa, chỉ còn là cái mệnh mỏng của Đạo.

Kẻ bình dân làm ngược lại với Thánh nhân hay nói dối. Nguyên nhân nói dối là do tâm mình sợ sệt. Vọng ngữ là điều thứ năm trong ngũ giới cấm, người đạo khó

giữ gìn. Muốn trừ nói dối, các đạo sĩ Ấn Độ thường hay tịnh khẩu làm diệu pháp. Lúc tịnh khẩu không sợ ai bắt buộc họ nói trái với ý nghĩ của họ, nên họ nghĩ theo sự thật. Lâu ngày họ có thói quen vọng ngữ. Kẻ nói dối còn tỏ ra mình có tâm hồn khiếp nhược. Vậy ta nên tập tính chí thành như Thánh nhân.

Thánh nhân tôn trọng đức tính là để tôn tâm mà phát huy cái rộng lớn của Đạo và thấu triệt cái tế vi của Tâm. Không để một tư ý che lấp tâm mình, không dối nên không cần phải nghĩ phải cố gắng, cứ theo tính thông dong mà làm tự nhiên trúng Đạo.

Sách xưa có viết “*tu thân dĩ đạo*” nghĩ là muốn tu thân nên lấy đạo lý mà sửa. Nếu nói đạo thôi thì mệnh mông biết bắt đầu vào chỗ nào, nên phải nói cho rõ “*tu đạo dĩ nhân*”, nghĩa là muốn tu cho đạt đạo phải lấy người làm cứu cánh, tức lấy thiện nhân đối với người. Vì ta muốn tu thân mà cầu cho được thiện nhân tất phải ở lẫn lộn trong xã hội loài người để tôi rèn tính khí, để phổ độ nhân sanh. Từ đó, lòng nhân ái nảy nở, làm việc nghĩa để cứu đời. Biết nghĩa phải tôn người hiền vì họ là bậc đạo cao, đức thịnh, có thể kết bạn với hiền nhân, tôn họ làm thầy để dẫn dắt ta trên đường đạo, trong ý nghĩ “*tôn hiền vi đại*”.

Đối với mọi người là nhân, đối với tôn hiền là nghĩa. Từ nhân nghĩa sanh ra lễ đối với nhau. Lễ là để kiểm chế tư dục. Luôn luôn “*tương kính như tân*” đối đãi nhau như lúc đầu mới gặp, đừng sỗ sàng, bị kẻ khác chê bai không vì lễ đó mà thất lễ với người ta. Bởi lễ sự khen chê là lời nói qua đường không vì đó mà giá trị ta tăng lên hay giảm xuống, nên tập theo Lão Tử “*dĩ đức báo oán*”. Biết lễ tức là biết trời tức quán triệt phần tu, tiếp đến là hành. Vậy

tu hành hiệp nhưt mới đạt đạo.

Tu thân nói rộng ra, với tinh thần xả kỷ, từ bi, thân mình tu được phải độ cho kẻ khác tu. Muốn được vậy ngoài nhân phải thêm trí, dũng. Nhân sanh đa số là người bình thường chưa có thể đầu bần sớm mai mà thành trí đại trí. Tất phải học, phải nghiên cứu giáo lý, sưu tầm cổ kim, dốc lòng tìm vị chức sắc học đạo, cầu cho đa văn quảng kiến để có đủ vốn liếng chủ nghĩa mà suy cứu 1 mình.

Muốn đạt đức nhân, phải biết sức tu luyện một lời nói một việc làm phải dè chừng, phải thương người, coi thân người như bản thân, giúp người nên việc. Như vậy đã tiến dẫn đến đức nhân.

Cái dũng của người tu là sức mạnh trong lòng. Nội lực thâm hậu để có thể chịu đựng mọi thử thách mọi khảo đảo. Kẻ đại dũng bất chợt gặp những chuyện phi thường cũng không sợ, vô cơ bị những điều ngang trái cũng không giận. Chứ không phải bị nhục thì tuốt gươm đứng dậy vượt mình xốc đánh. Cái đó không phải là dũng cảm của người tu, của bậc chí thành.

Ngày xưa Khổng Tử bị vây ở đất Khương, không còn cách nào khác, nên ông coi như mọi việc bình thường lấy đàn mà ca hát.

Tử Lộ hỏi: “*Thấy sao vui vậy?*”

Khổng Tử đáp: “*Ta làm hết sức đó để tránh bị vây. Thế mà không thành, đó không còn tại ta nữa. Đó là ý muốn của Trời... Lặn xuống đáy biển mà không sợ giao long, đó là cái dũng của hạn chài lưới. Đi rừng không sợ hổ báo là cái dũng của phường săn. Thấy gươm bén mà không sợ đó là cái dũng của hiệp sĩ. Biết được chỗ cùng thông là Thời*

Mạng và bất cứ ở vào hoàn cảnh nguy hiểm nào cũng không biết sợ, đó là cái dũng của bậc chí Thánh”.

Đó là lòng chí thành của bậc Thánh. Đức chí thành là nguồn gốc của mọi đức hạnh, tỉ như vàng ròng để chế tạo ra mọi đồ trang sức khác.

Lão Tử có dạy: “*Người có thành tín như xe có bánh. Người quân tử thốt ra một lời như ngựa hay bị đánh một roi. Một lời nói ra, bốn ngựa khó theo kịp*” (Nhơn nhi hữu tín như xa hữu luân. Quân tử nhứt ngôn, khoái mã nhứt tiên. Nhứt ngôn ký xuất tứ mã nan truy).

Người hành đạo mà có lòng chí thành thì không bao giờ hành động riêng tư chỉ lo cho nhân quần xã hội mà không nghĩ đến lợi lộc cho bản thân. Dem thân làm con tể vật cho tôn chỉ, mục đích cao thượng của Đạo Trời, chỉ biết vì danh thể của Đức Chí Tôn. Một lòng cúc cung tận tụy vì nhân sanh.

Khi tụng niệm các Đấng cũng phải hết dạ chí thành, chớ miệng tụng mà ý vờ vẫn vì tư lợi thì chắc chắn không bao giờ có cảm ứng với những lời cầu nguyện chân thành. (TNHT, trang 124)

Muốn được lòng chí thành, trước phải thành thật với chính mình, nhân hậu mới thành thật với người khác. Hãy xét kỹ từng ý tưởng, lời nói đến việc làm của mình một cách triệt để, rồi tự phục thiện mà sửa chữa chỗ sai trái.

Sau đó, thành thật với người, trước tiên là tránh xa vọng ngữ, xảo trá, xu phụ mà che lấp lẽ cương trực, công tâm.

Tuân Tử đã nói: “*Công bình sanh sáng tỏ, thiên lệch sanh đen tối, làm điều đức hạnh sanh thông hanh, nói điều*

giả dối sanh che lấp. Thành tín sanh linh ứng còn khoa trường sanh lâm lạc” (Công sanh minh, thiên sanh ám, tác đức sanh thông, tác nguy sanh tắc, thành tín sanh thân, đoản khoa sanh hoặc).

Tóm lại, lòng chí thành là đầu mối của mọi đức hạnh. Mọi chúng sanh cần phải trau dồi để lần bước trên đường tận thiện, tận mỹ: Làm thế nào cho đức chí thành của mình tỏa rộng khắp mọi người, thì hợp lẽ thiên lý, lúc ấy ngang với bậc chí thành thông Thánh, tức là bậc chí Thánh vậy.

PHẦN PHỤ LỤC
CHỮ CHỨC SẮC
ĐẠI THIÊN PHONG BỒI ĐẦU

1. HỘ PHÁP, THƯỢNG PHẨM, THƯỢNG SANH
2. GIÁO TÔNG, 3 CHỮNG PHÁP
3. BA ĐẦU SƯ: NHỰT, NGUYỆT, TINH
4. HAI NỮ ĐẦU SƯ

HỘ-PHÁP, THƯỢNG-PHẨM, THƯỢNG-SANH

HỘ PHÁP PHẠM CÔNG TẮC (1890 – 1959)

1- MỘT THANH NIÊN DIỆU THƯỜNG

Vào tiết Đoan Ngọ (5-5) năm Canh Dần (21-6-1890), bên bờ sông Vàm Cỏ Tây, thuộc làng Bình Lập, tại tỉnh lỵ Tân An (nay là Long An), một Chơn linh giáng lâm trong gia đình ông Phạm Công Thiện, một công chức. Đó là Phạm Công Tắc^[1]. Ngài sinh nhằm năm Thành Thái thứ hai, lúc bấy giờ, Nam Kỳ là thuộc địa của Pháp, do Pháp trực tiếp cai trị. Vì thế Nam Kỳ coi như một phần lãnh thổ của Pháp. Thủ Thống Đốc Nam Kỳ đặt tại Sài Gòn

Ông Phạm Công Thiện kết hôn với bà La Thị Đường, sinh được tám người con mà Ngài Phạm Công Tắc là người thứ tám. Song thân Ngài trước ở làng An Hòa, quận Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Vì là công chức, ông Phạm Công Thiện được đổi đến Long An.

Thử thiếu thời, Ngài Phạm Công Tắc là một thiếu niên khoẻ mạnh, tư chất thông minh đỉnh ngộ. Có điều lạ, vì sinh nhằm này Khuất Nguyên trầm mình xuống sông Mịch La, cũng là ngày Lưu Thần, Nguyễn Triệu nhập Thiên thai, nên thỉnh thoảng, Ngài ngủ thiếp đi như người chết, Linh hồn lạc khuất đầu đầu, khiến cho huyền đường âu lo: Nhất là bà cụ cố tỏ vẻ buồn rầu sợ Ngài mệnh bạc.

[1] Theo giấy tờ hộ tịch thì Ngài sinh tại Bình Lập, và cũng được xác nhận trong quyển “**Tiểu sử Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc**”, xuất bản năm 1954 lúc Ngài còn sanh tiền.

Cảnh trạng Ngài chết đi sống lại như thế, cả làng xã đều biết. Người ta cố gắng lo thuốc thang cho Ngài, nhưng vốn thiên định, lâu lâu Ngài ngủ lịm đi đôi ba giờ, có khi kéo dài nữa ngày.

Năm 1896, đến tuổi cấp sách đến trường tiểu học, có lúc học chữ nhỏ, rồi sau theo học trường Chasseloup –Laubat (nay là trường Jean–Jacques Rousseau, đường Hồng Thập Tự, Sài Gòn). Bằng hữu ai cũng thích Ngài, vì tính tình khoan hòa, ưa hoạt động, nhất là nhiều sáng kiến, bày biện các cuộc chơi, hay đánh đố một vài nhân vật trong lịch sử nước Pháp. Việc này khiến cho các bạn ái ngại xa lánh Ngài.

Phong trào Đông Du (1904–1907) do Kỳ Ngoại Hầu Cường Để làm Minh Chủ và hai nhà cách mạng Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh khởi xướng để nâng cao dân trí, bằng cách gọi các thanh niên du học ngoại quốc nhất là Nhật Bản.

Tại Sài Gòn, phong trào Đông Du do hai ông Gilbert Chiếu (tức Trần Chánh Chiếu) và Dương Khắc Ninh lãnh đạo. Các ông thành lập các kinh thương hội như: “*Minh Tân Công nghệ*” và khách sạn “*Nam Trung*” làm nơi lưu trú hội họp cho Đảng viên. Ngài Phạm Công Tắc dù đang theo học năm thứ hai trường Chasseloup – Laubat, cũng lén bỏ học đến họp với anh em.

Hai ông Gilbert Chiếu và Dương Khắc Ninh tập họp các Đảng viên chia nhiều nhóm để xuất dương. Ba nhóm đã tới Nhật. Ngài được ghi tên vào nhóm thứ tư. Lòng Ngài như mở hội, bao nhiêu mộng hải hồ viễn phương kéo lũ lượt qua vông mô Ngài. Bút nghiêng tạm xếp, hành trang sẵn sàng chờ ngày lên đường. Đùng một tiếng, phong trào

bị khám phá. Mật thám Pháp đến tra xét cơ sở Minh Tân công nghệ. Ông Dương Khắc Ninh đã lẹ tay hành động, tiêu hủy tất cả hồ sơ và tài liệu nên không ai bị lỗi thời gì cả. Tuy nhiên mật thám vẫn chú ý, luôn luôn theo dõi, rà xét các nhà lãnh đạo và chính Ngài cũng bị chúng để ý và nhà trường lưu tâm. Buộc lòng Ngài phải nghỉ học về An Hòa (Tây Ninh) tạm tránh sự dòm ngó của mật thám Pháp. Khi tình hình êm dịu, Ngài lại lần mình vào trường tranh đấu. Lần này Ngài hoạt động cẩn thận hơn, rồi tham gia viết báo như: Công Luận, La Cloche fêlée (chuông rề) của Nguyễn An Ninh, Lavoix Libre (Tiếng nói tự do) v.v... Tờ Lục Tỉnh Tân văn của ông Pierre Jeantet, ông Gilbert Chiếu làm chủ bút. Ngài cộng tác với tờ này vì là đồng chí. Hơn nữa, ông Chiếu ngầm ngầm làm cơ quan tuyên truyền chống Pháp và khích động lòng yêu nước của nhân dân rất đặc lực. Các bài “*Thượng bất Chánh, hạ tắc loạn*” (đăng ngày 12-12-1907), bài “*Dân tộc đoàn kết và thời đằm*” (đăng 23-01-1908) là những lời thẳng thẳng cảnh cáo nhà cầm quyền Pháp. Khi ông Chiếu bị bắt, tờ báo đình bản, Ngài lại về quê.

Vì ảnh hưởng cách mạng và các Tiên vương, về sau, Ngài lập Báo Quốc Tử thờ Hùng Vương, bốn ba sang Nhật rước tro Cờng Đế, về Sài Gòn rước linh vị Thành Thái và Duy Tân đem thờ nơi Báo Quốc Tử (gần chợ Long Hoa). Tất cả các sự việc đó để cho tấm lòng nuôi dưỡng ý chí các liệt sĩ bất khuất và di dưỡng vang bóng một thời của tuổi trẻ hào hùng.

Ấu cũng là thiên thơ dĩ định, mộng Đông Du không thành, bạn bè cùng chí hướng mỗi người mỗi ngã, Ngài chẳng lẽ ngồi đây nhìn quê hương ngày một thêm tan nát,

hay chỉ biết làm bạn cùng cây cỏ gió trăng. Đêm Rằm tháng Giêng năm Đinh Mùi, Ngài nằm trên sập kê trước nhà nhìn vầng Trăng hư ảo mà khế ngâm bài “*Nhân Nguyệt Vấn Đáp*”, rồi tâm thần dần dần tê mê theo cơn gió nhẹ ru. Khi mở mắt ra Ngài thấy chan hòa một thứ ánh sáng quyền diệu mà Ngài đang lững thững đi trên đường bằng phẳng sạch sẽ và trắng như tuyết.

Bỗng thấp thoáng đằng xa đi lại một vị sư già, mặc áo cà sa vàng, nét mặt từ bi và cất tiếng hỏi:

– Em có nhớ qua không?

Ngài nhìn vị sư, chợt nhớ ra vội đáp:

– Dạ nhớ.

Vì năm lên mười tuổi theo học chữ nho, thường hầu thầy đi cân thuốc ở tiệm Đức Vọng, chợ Tây Ninh, Ngài đã gặp vị sư này bàn với thầy Ngài về tương lai Ngài như vậy: “*Cậu bé này vào bất siêu phẩm, sự nghiệp vô cùng cao cả*”.

Vị sư già đưa Ngài đến một tòa lầu đài, một màu trắng tinh “*Một tòa thiên các ngọc lầu lầu*” và bảo Ngài:

– Em chờ qua ngoài này qua vào trong một chút nhé.

Ngài chờ lâu quá không thấy vị sư trở lại, bèn vừa kêu vừa gõ cửa, vẫn không ai trả lời. Ngài mới đi vòng quanh thấy nhà có 8 góc và 8 cửa đều giống nhau và đóng kín. Nhìn kỹ, Ngài mới nhận ra mỗi cửa đều có một con đường trắng chạy về phía chân rời xa. Trong lúc băn khoăn chưa biết chọn con đường nào, bỗng thấy phía có bóng đèn lóe sáng Ngài liền phăng tới, gặp một tòa nhà mà cửa vẫn đóng. Ngài gõ liên tiếp mấy tiếng, không thấy ai trả lời. Ngài bấn loạn, muốn thối lui thì một tiểu đồng xuất

hiện và chỉ tay vào Ngài mà hỏi:

– Anh có phải là anh Tắc không?

– Sao em biết qua?

Cậu bé mỉm cười.

– Sao lại tôi không biết. Nói xong tiểu đồng tiếp:

– Thầy gọi anh trong nhà.

Ngài ngạc nhiên hỏi:

– Thầy là ai hở em?

– Rồi anh sẽ biết. Nói xong tiểu đồng bước vào nhà.

Ngài bước theo gặp “*con chó lông vàng*” nằm chặn ngang đường, Ngài ngần ngại nên tiểu đồng giục:

– Có gì mà sợ, nó không phải là chó nên chẳng cần đầu. Anh cứ theo tôi chẳng ngại gì cả.

Ngài vừa bước qua, cửa từ từ đóng lại. Ngài và chú tiểu đứng trong hành lang rộng mênh mông. Theo chiều dài hành lang có năm phòng lớn, mỗi phòng có một cửa đều đóng. Chú tiểu đưa Ngài đến cuối phòng rồi dặn:

– Anh chờ đây. Lúc nào Thầy kêu tôi sẽ cho anh hay.

Chờ lâu quá sốt ruột, phần vì sợ con kim mau hầu (tức con chó lông vàng), nên Ngài bạo dạn gõ cửa. Chú tiểu nghe tiếng gõ cửa gắt gỏng:

– Anh làm gì rồi thế? Anh nhát quá, thôi ở đây mà chờ Thầy.

Ngài ngắm xung quanh phòng, thấy dài đến 20 thước, rộng 10 thước, bốn mặt tường và nền nhà là một khối cẩm thạch phẳng liền cực đẹp... Từ ngoài một ông già cao

lớn, mặt áo xanh, râu tóc bạc trắng bước vào, Ngài chấp tay xá. Nhìn kỹ, Ngài nhớ ra, ông già này là một người đi với nhà sư mà Ngài đã gặp trong nhà thuốc Đức Vọng độ nào. Ông đi thẳng lại chiếc ghế bành ung dung ngồi xuống và bảo Ngài:

– Con ngồi xuống đi.

Trước nhất, ông già hỏi thăm về gia đình, nhưng trừ người chị thứ tư đã mất không hỏi, làm Ngài ngạc nhiên vô cùng.

Sau lúc phê phán từng người trong gia đình, ông già gọi tiểu đồng:

– Con đem bánh cho anh con ăn.

Tiểu đồng mang vào đặt trước mặt Ngài một đĩa bạc lớn, trên đựng đầy bánh bốc hơi thơm phức. Các bánh trong ngần như bột lọc, hình tròn, nửa đỏ nửa trắng, sắp theo hình nón. Ngài được ông già mời ăn và uống nước bằng tô lớn vàng ròng. Đợi Ngài ăn xong, ông già trầm ngâm nói:

– Hôm nay con ăn hai cái bánh rưỡi và uống một tô nước. Những thứ đó sẽ ám hợp vào đời hành đạo của con sau này.

Ngài tạ từ ông già, nhưng nhớ đến con kim mao hầu, Ngài vái xin con vật đó. Ông già tỏ vẻ ưng lòng và đáp:

– Con cứ về đi, sau này nó sẽ xuống với con.

Khi trở ra Ngài bước lên lưng con kim mao hầu và đập lên móng thì cánh cửa tự mở. Lúc đến tòa lầu đài 8 góc, tiểu đồng ra từ tạ:

– Bây giờ em chưa thể cùng đi với anh được. Sau này

Thầy sẽ cho em xuống với anh. Thôi anh về đi.

Ngài sực nhớ đi chơi lâu quá, vội chạy nhanh về, vô ý vấp phải mô đất, té lộn đi một vòng. Ngài giật mình tỉnh dậy, thoang thoang bên tai tiếng kêu khóc vang rầy, mở mắt ra thấy mọi người tấp nập chung quanh mình. Kể thì kéo tóc, người thì giật tay, gọi tên âm ỉ.

Ngài chờn vờn ngồi dậy như nói trong mơ:

– Con chó của tôi đâu rồi?

Người người ngơ ngác, nhưng Ngài lại nhớ đến con kim mao hầu trong giấc mộng dài diện kiến Thiên cung.

Thật ra, đây không phải là giấc mộng mà là một cuộc xuất hồn của một Chơn linh hiển đạo. Cuộc vân du này, năm 1927, Đức Ngài viết thành quyển “*Thiên Thai Kiến Diện*” đúng hơn là “*Tam thập lục thiên hồi ký*” mà bài số 75 gần như gom ý cuộc hội kiến với Đức Thân Phân Đức Cao Đài mặt áo xanh nói trên:

BÀI 75

*Xa trông cảnh vật đã xây tròn,
Bát hương đài ngưng thấy nước non.
Động cũ Thần Tiên còn để dấu,
Chùa xưa Phật Tích nát hư mòn.
Chấp Kinh Khổng sĩ nho phong dãi,
Năm nghiệp Đào quân nhấp thuốc khôn
Nẻo Thánh tuy quên tay đẩy cỏ,
Nên văn miếu thấy khối hương còn.*

Trong cuộc vân du kể trên, trước hết Ngài gặp vị sư già mặt áo vàng (biểu tượng Đạo Phật), ông già mặt áo xanh (biểu tượng Đạo Lão) đó là nhân vật chính Đức Hồng

Quân Lão Tổ phân thân của Đức Cao Đài. Đĩa bánh bạc màu trắng (màu Đạo Cao Đài) đựng những chiếc bánh hình tròn (biểu tượng Trời hay Thái cực) có hai màu đỏ và màu trắng (biểu tượng âm dương) tức Thái Cực sanh lưỡng nghi. Âm dương hay Khôn Càn là đầu mối biến sinh ra vạn vật. “*Đạo vốn chỉ một âm một dương mà thôi..., có cái gì thích hợp mà chẳng một âm một dương?*”.

Ngài được uống một tô nước cam lồ. Theo Dịch lý mọi việc khởi đầu ở cung Tý (Thủy) tức Thiên khai ư Tý, 12 giờ đêm thuộc thiếu dương số 1, ứng vào vẽ Phục (biểu tượng Phục hưng nên Đạo mới).

Thật sự, Ngài chỉ ăn có hai cái bánh, cái bánh thứ ba chỉ ăn nhưng mà bỏ vớ hàm ý chỉ gom lấy cái tinh hoa của các Đạo mà bỏ những điều cặn bã, phản tiến hóa. Ông già áo xanh nói: “*Con ăn hai cái bánh rưỡi và uống một tô nước. Những thứ đó sẽ ám hợp vào đời hành Đạo của con sau này*”.

Nếu Ngài ăn đủ ba cái thì xong không có gì để nói. Như vậy không phù hợp với Đạo âm dương: “*sinh rồi lại sinh*”. Thế nên, Ngài chỉ ăn có hai cái rưỡi mà lại “*ám hợp vào đời hành đạo sau này*”, tức là chưa xong. Cuộc đời, trường đời, việc Đạo là Hỏa Thủy Vị Tế (quẻ Ly trên quẻ Khảm dưới). Đó là quẻ thứ 64 trong Kinh Dịch, quẻ 63 ký tế mà quẻ 64 lại bắt đầu biến hóa. Trường đời, việc Đạo biến hóa vô thường, Ngự Mã Thiên Quân phải đối phó để giữ vững thuyền Đạo lướt qua những cơn sóng dữ và đá ngầm của biển cả. Đó là tiên tri của ơn trên: “*Muốn giàu Thầy hứa đem cho của, cái của cái công phải trả đồng*”.

* * *

Sau đây, chính Đức Ngài kể lại về thời thanh thiếu niên của mình: “*Bản Đạo thứ tám còn con em thứ chín ở với mẹ ở trong cái ổ nghèo, ổ rách. Mấy anh chị họ lớn hơn, lập nên danh. Kẻ có chồng, người có vợ chỉ có Bản Đạo chưa biết gì hết chỉ biết thương nhau mà thôi, thương cha có công sanh dưỡng, thương mẹ bảo trọng gia đình lo tảo tần nuôi con, thương anh em trong gia đình, tuy có biết thương mà lo học, sợ không học ông bà buồn rầu*” ...

“*Cha đã chết hồi Bản Đạo mới 12 tuổi, chỉ ở với mẹ. Thương mẹ sợ mẹ chết nữa không biết ở với ai? Ở tỉnh Tây Ninh, người ta thường chôn đám xác, con sợ mẹ chết quá. Cũng vì sự thương yêu, được 17 tuổi quyết định ra làm việc để trả hiếu cho mẹ.*”

“*Lúc ấy, Bản Đạo đã thi đậu, nếu ra làm việc với hãng buôn ăn lương lớn mà không biết nuôi mẹ được không? Người anh rể nói “Em làm việc hãng buôn tư không có danh dự gì hết”. Bản Đạo nghe lời nên xin làm việc ở sở nhà nước, làm việc mỗi tháng lương 70–80 đồng, ăn xài cũng còn dư một đôi chục bạc để nuôi mẹ. Đến chừng còn 20 đồng một tháng, lúc đó thiếu nợ lại thêm một bà vợ nữa, công việc bối rối không biết bao nhiêu, tôi chừng đó không còn lo cho mẹ nữa. Trong gia đình, khi đó chưa tạo được hạnh phúc thì bà mẹ đã chết*”.

“*Năm Bản đạo được 22 tuổi, đau đôn biết bao nhiêu, chỉ biết lo một điều là lo lập thân danh vọng nuôi mẹ, bảo trọng anh em. Đến chừng thành danh rồi khổ đáo để, cha mẹ đã khuất hết, đau thương bao nhiêu cũng không còn, lại tai ác nữa là vợ con trong gia đình sanh đẻ mãi, đau có lo bên ngoài được nữa, khơi thống khổ tâm hồn. Tôi chừng cao sang sung sướng ngó lụng lại không thấy cha mẹ. Hai Đấng*

ấy đã chết hết, thôi mình đeo theo anh em. Em chết nữa, lần lượt bao nhiêu người thân ái cũng chết hết. Bao nhiêu cái thương nồng nàn chỉ để nơi một người anh rể, thương hơn anh ruột. Người em thứ chín là người bạn thân mến trong kiếp sanh của Bản đạo mà đã qui liễu. Tôi chường ấy tâm hồn ngơ ngẩn, xác thật bơ thờ, nghe tiếng chim, tiếng hát của mấy em cấy lúa, nghe tiếng hò của người chèo ghe cũng nhắc tới nỗi đau thương.

Từ ngày ấy không buổi nào thấy vui chỉ muốn tu, muốn tìm cảnh tu. Hễ biết tu, thì biết đạo rồi biết diu dắt anh chị em tôi tình thương yêu nồng nàn”^[1]

2- MỘT THANH NIÊN ÁI DÂN

Xem thế, ông là một người con hiếu thảo với cha mẹ, rất thương yêu và tôn kính anh chị và nhường nhịn các em.

Năm 1910, lúc đó, ông đã hai mươi tuổi. Gia đình lâm vào cảnh quần bách túng thiếu. Ông xin làm sở Thương Chánh ở Sài Gòn. Năm sau, ông vâng lệnh cha mẹ thành lập gia đình với bà Nguyễn Thị Nhiều. Bà là phụ nữ theo luật tam tòng, rất hiếu lễ tảo tần thờ phụng cha mẹ chồng hết lòng. Bà sanh được 3 người con. Trai đầu lòng tên Phạm Công Huyền, gái thứ ba tên Phạm Hồ Cẩm và gái thứ tư tên Phạm Tân Tranh. Đó là tên ba loại đàn cổ truyền.

Người trưởng nam Phạm Công Huyền sinh ra để báo hiệu huyền cơ của tạo hoá có dương có âm sắp ra đời. Thế nên lên bốn thì Huyền trở lại cõi trên: “*Quần huyền đầu đã giục người sanh ly*”. Dù chỉ còn hai người con gái, ông thấy không cần thiết phải sinh thêm trai vì trai gái

[1] Con đường Thiêng Liêng Hằng Sống, Tây Ninh, 1970, tr 76-77

ngang nhau. Sinh con trai mà nó không nên mặt một đàn ông, không đáng mặt đấng trượng phu để người đời trong gương thì thà không đẻ thêm còn hơn. Và lại lúc đó, ông đang theo đuổi làm việc từ thiện giúp nhân quần xã hội.

Đời sống công chức không làm cho ông thích thú, còn nếp sống gia đình đều đều buồn chán không trôi buộc được Ngài. Ông đâm ra mê lý tưởng hướng đạo, làm những việc thiện hàng ngày để giúp đỡ những kẻ cô đơn xung quanh. Ngài giàu tình thương đời, nhất là thương kẻ cô đơn trụy lạc. Ngài đã làm một cử chỉ rất ý nghĩa. Đang là công chức sở thương chánh, đồng tiền chẳng được dồi dào chi lắm, vậy mà Ngài giám vai nợ để giải phóng một đoàn nữ nhi ra khỏi chốn thanh lâu, cho họ thoát vòng nhục nhã, được trở về đời sống lương thiện, hưởng hạnh phúc gia đình. (Theo tiểu sử Hộ Pháp Phạm Công Tắc, 1954).

Thật ra ông có người bạn thân Trần Thành Chơn cho ông biết có một gia đình nghèo khổ có hai đứa con gái bị tú bà gạt gẫm bán cho lầu xanh. Ông Chơn nhờ Ngài giúp đỡ ông dùng tiền dành dụm của mình chuộc cô Nguyễn Thị Cẩm và Nguyễn Thị Hồng trở về hoàn lương.

Người Pháp thấy ông có hành động khác thường, họ liệt ông vào hàng có tâm huyết, nên họ tìm cách đổi ông đi Cái Nhum (Hậu Giang), sau đổi ra Qui Nhơn (Trung Phần), rồi cùng lại đổi về Sài Gòn, để rồi những ngày sẽ tới, ông hiến trọn cuộc đời cho Đạo-Pháp.

Chân dung Đức Phạm Hộ Pháp trong chương này hé lộ cho ta thấy, từ thưở thanh thiếu niên, Đức Ngài đã là người yêu nước thương người. Trong cơ thể đa kết hợp Tam Giáo và nhất là Thiên Chúa Giáo. Nhưng vốn sống ấy được nuôi dưỡng ra nụ, đơm hoa rồi sẽ kết trái trong

những chương kế tiếp.

3- Ngộ Đạo CAO ĐÀI

Ngài có một nỗi băn khoăn lớn lao là tầm Đạo để giải thoát cho cả loài người khổ ải. Ngài sinh ra trong một gia đình công giáo, nhưng đạo cứu thế với lòng bác ái của Đức Giêsu chưa chiếm hết lòng tin của Ngài. Ngài có óc phán đoán và nhận xét rằng Đạo Phật khuyên người từ bi hỉ xả, Đạo Lão đặt nền tảng dưỡng tính tồn chân, Đạo Khổng diu dắt người trên con đường trung dung, dù có những ưu điểm nhưng chưa thấy có cùng chung cội nguồn. Vì vậy ngày đêm Ngài suy nghĩ, muốn tổng hợp cả bốn Đạo lớn hiện có trên thế gian, và hòa hợp giữa hai nền văn minh Đông Tây. Việc đó không phải là không tưởng, vì tất cả vị tổ sư của các môn phái đều hướng tư tưởng về một hướng chung: *thiện và mỹ*. Như vậy, tư tưởng đó rất có thể hợp nhất được.

Để đạt mục đích trên, Ngài cùng mấy người bạn thân, nghiên cứu và so sánh đối chiếu những giáo lý của bốn Đạo. Một nhận xét chung được nêu lên: Cứu cánh chỉ có một, còn phương tiện khác nhau. Và một hoài bão chung được phát biểu, kết tinh cả bốn Đạo thành một Đạo lớn duy nhất cả về tín ngưỡng lẫn phương tiện thực hành.

Nhưng hành động như thế nào để thực hiện sự kết tinh đó?

Thật là một công cuộc khó khăn vượt sức lực con người trần gian.

Khi đó, đại úy P. Monet (Thần linh học), một người bạn của Ngài ở Pháp sang. Ông là một con đồng vận ngồi

cảm thông với các thần linh, trong các cuộc giảng thần. Ông rất chú ý đến sự nghiên cứu của nhóm Ngài, nên ông cũng không quan niệm nổi là có thể tổng hợp những phương tiện thực hành của các Đạo. Ông khuyên nên cầu xin các Đấng Thần linh chỉ giáo. Và một đàn cơ được tổ chức. Những lời khuyên của Đấng Thần linh sau đây đã cho Ngài cái chìa khóa mở cửa bí mật để thông hiểu vấn đề khó khăn huyền diệu kia:

“Tin ngưỡng bắt nguồn từ lương tâm. Lương tâm khác nhau tùy theo trạng thái tinh thần của mỗi con người. Nó không có cá tính, cũng chẳng bao giờ bị tiêu diệt, bởi vì nó phát sinh ra nơi Thượng Đế. Vậy tự do tính ngưỡng phải được tôn trọng cho tất cả mọi người, nhưng sự hòa hợp trong tinh thần: Chân, Thiện, Mỹ phải là một nhiệm vụ bắt buộc”.

■ (Theo tiểu sử Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc)

Để theo đuổi những ý niệm trên, Đức Ngài hay lui tới nhà “Ông Cao Quỳnh Cư, người gốc ở Tây Ninh, xuống làm việc tại sở Hỏa xa Sài Gòn. Ông Cư muốn phố ở tại đường Bourdais (số 134). Ông có một người vừa là đồng hương vừa là bạn thiết, là Phạm Công Tắc nguyên làm việc tại sở Thương chánh Sài Gòn, và một người cháu là ông Cao Hoài Sang cũng làm việc tại sở Thương Chánh. Ba người này thân thiết với nhau lắm, đêm nào cũng hiệp nhau một chỗ, khi đờn địch lúc ngâm thi, tiêu diêu với thú phong lưu tài tử”^[2].

Năm Ất Sửu là năm việc xây bàn hay “sai ma” rất thịnh hành trong các giới, tại miền Nam Việt Nam, nhất là tại Đô thành Sài Gòn.

Trước hết, vì sự háo kỳ mà ba ông chí sĩ Cao Quỳnh

[2] Theo Đại Đạo căn nguyên của Nguyễn Bảo Pháp

Cư (sau đắc phong Thượng Phẩm) Phạm Công Tắc (sau đắc phong Hộ Pháp) và Cao Hoài Sang (sau đắc phong Thượng Sanh) mới nghĩ ra việc xây bàn để tiếp chuyện với người khuất mặt thế giới bên kia. (Theo **Đạo Sử Cơ Bút** của Trương Hiến Pháp).

Do đó, vào ngày 25-7-1925 (ngày 05-06-Ất Sửu), hai ông Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc đến nhà ông Cao Hoài Sang bên cạnh chợ Thái Bình (Sài Gòn) để thăm viếng và hàn huyên tình đời thế sự. Càng lúc càng khuya vì Thần linh thúc giục, các ông mới nghĩ đến việc xây bàn. Ba ông đem ra trước hiên nhà một cái bàn vuông bốn chân (bàn này hiện để ở Nữ Đâu Sư Đường), kê một chân hồng đất rồi đồng để tay lên bàn khấn vái. Lúc sơ khởi gặp nhiều khó khăn, ba vị đốt nhang khấn nguyện từ 21 giờ tối đến 2 giờ đêm, có nhiều vong linh nhập bàn viết tiếng Anh, Pháp và Hoa Ngữ, cũng có một vong linh học sinh Hà Nội viết tiếng quốc ngữ. Cái bàn gõ khi chững chặc, khi lụng khụng dường như có nhiều vong linh tranh nhau để nói chuyện. Do đó các ông nãn lòng ngưng xây bàn.

Việc xây bàn rất vất vả vì chỉ có khẩu ước với các Đấng vô hình trong vắn quốc ngữ. Như nhịp một lần là “A”, hai lần là “A” và ba lần là “A”...v.v. Khi chân bàn ngừng chỗ nào thì người ngồi ngoài biên chữ ấy, rồi nhiều chữ ghép lại thành một tiếng, nhiều tiếng mới ghép thành lời vắn hay câu thơ. Nhưng về sau nhờ thuần điển và quen thuộc nên sự tiếp chuyện với các Đấng Thiêng Liêng càng mau lẹ và dễ dàng.

Qua đêm thứ nhì (26-7-1925), ba ông lại xây bàn đúng 24 giờ có một vong linh nhập bàn, gõ chữ ráp thành

bài thi bát cú đường luật như sau:

THI

*Lý trần tuổi đã quá năm mươi,
Mi mới vừa lên ước đặng mười.
Tổng mển lời khuyên bên mộ chếp,
Tình thương căn dặn gắng tâm đời.
Bên màn đôi lúc treo hôn phách,
Côi thọ nhiều phen đặng thành thời.
Xót nỗi vợ hiền còn lụm cụm,
Gặp nhau nhấn nhủ một đôi lời.*

KÝ TÊN CAO QUỲNH TUÂN

Cao Quỳnh Tuân là thân phụ của Cao Quỳnh Cư qua đời đã 25 năm, đặc vị Xuất Bộ Tinh Quân đọc tới câu thứ 7 các Ngài quá ngậm ngùi. Cả ba cảm phục ý tứ của bài thơ.

Đến đêm 30-7-1925 (10-6-Ất Sửu), ba Ngài lại họp tại nhà Ngài Cao Hoài Sang mở cuộc xây bàn. Hôm ấy có một nữ vong linh giáng bàn cho thi:

THI

*Nỗi mình tâm sự tỏ cùng ai?
Mạng bạc còn xuân uống sắc tài.
Những ngõ trao duyên vào ngọc các,
Nào dè phủ nợ xuống tuyến đài.
Dương sinh cam lồi cùng sông núi,
Tơ tóc thôi rồi nghĩa trúc mai.
Đồn dập tương tư quần một gánh,*

Nội mình tâm sự ngộ cùng ai?

KÝ TÊN ĐOÀN NGỌC QUẾ

Ngài Cao Quỳnh Cư hỏi:

– Hỏi tại thế xứ ở đâu?

Cô Đoàn Ngọc Quế đáp:

– Ở Chợ Lớn.

Ngài Phạm Công Tắc hỏi:

– Cô học ở đâu?

– Học trường Đầm.

Tên Đoàn Ngọc Quế chỉ là tên mượn (tá danh), tên thật của cô là Dương Thị Lễ, cháu ông Dương Quan Kỳ^[3]. Nhưng tâm nguyên còn bí hiểm hơn nữa. Kiếp trước cô là công chúa con vị vua bên Tàu, nhưng vì “*Ngõ trao duyên vào ngọc các, nào dè phải nợ xuống tuyền đài*”. Thế nên còn vương vấn bụi hồng trần phải tái sinh vào gia đình Tổng Đốc họ Vương ở Việt Nam. Nhưng vẫn không tròn câu tình ái.

Khi cô mang bệnh nặng, gia đình rước bác sĩ thuốc thang cho cô và hứa: Nếu ai trị lành bệnh thì sẽ gả cô cho bác sĩ. Nhưng vì không phải duyên nợ, cô biết rõ lời hứa của song thân, nên lúc bác sĩ đến tận tình săn sóc cho cô, cô uất lên mà chết^[4].

Ba Ngài đều có họa bài thi trên, riêng Ngài Phạm Công Tắc họa như vậy:

[3] Theo Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống

[4] Theo Đại Đạo Bí Sử của Trần Văn Rạng.

HỌA VẬN

*Ngẩn bút hòa thi tui phận ai?
Trời xanh vội lấp nữ anh tài.
Tình thâm một gánh con đường thế?
Oan nặng ngàn Thu xuống Dạ đài,
Để thăm Xuân đường như ác xế,
Gieo thương lữ khách ngóng tin mai.
Hiềm gì chưa rõ đầu đuôi thế?
Ngẩn bút hòa thi tui phận ai.*

Cũng đêm đó Ngài Cao Quỳnh Cư hỏi cô bệnh chi mà chết, cô đáp bằng hai bài thơ như vậy:

THI

*Trời già đành đoạn nợ ba sinh,
Bèo nước xẻ hai một mảnh tình.
Mấy bữa nhãn mày lăm chúc quỷ,
Khiến ôm mối thâm tại diêm đình.
Người thời Ngọc Mã với Kim Đàng,
Quên kẻ dạ đài mối thâm mang.
Mình dặn lấy mình, mình lại biết,
Mặc ai chung hưởng phận cao sang.*

Hôm sau, Ngài Cao Quỳnh Cư mời hai Ngài Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang qua nhà mình xây bàn mời cô Đoàn Ngọc Quế về dạy làm thi. Nhân tiện ba Ngài hỏi cô Quế về việc thượng giới, cô tiết lộ đôi điều khiến các Ngài càng thêm mê học hỏi. Rồi cô gọi Ngài Cao Quỳnh Cư là Trưởng ca, Ngài Phạm Công Tắc là Nhị ca, Ngài Cao Hoài Sang là Tam ca, còn cô là Tứ muội.

Đến ngày 03-08-1925 (15-7 Ất Sửu), thiết đàn xây

bàn, các Ngài được cô Đoàn Ngọc Quế báo tin có một Đấng đến tiếp xúc với ba ông.

THI

*Ớt cay cay ớt gặm mà cay,
Muối mặn ba năm muối mặn dai.
Túng lú đi chơi nên tấp lại,
Ấn bòn chẳng chịu tấp theo ai.*

A-Ấ-Ấ

Ngài Phạm Công Tắc nghe thi lạ lùng có ý hơi khó chịu, liền đó Đấng này cho thêm bài thi:

THI

*Đời hiếp lẫn nhau nỡ chẳng thương,
Thương đời nên mới đến đem đường.
Đường dài vó ngựa tua bền sức,
Sức yếu lòng người khó để gương.
Gương Đạo noi theo đường Thuấn Đế,
Đế dân vạn giữ lối Văn Vương.
Vương hầu lễ thứ ai là chí,
Chí quyết làm cho thế khác thường.*

A-Ấ-Ấ

Ngài Cao Quỳnh Cư hỏi Đấng A-Ấ-Ấ mấy tuổi, tên họ là gì. Ông gõ bàn hoài không ngừng, Ngài Phạm Công Tắc hỏi ông ở đâu, thì được cho bài thi:

*Trời trời mình không mới thiệt bản,
Một nhánh sen trắng náo nường chân.
Ở nhà mượn đám mây xanh kịch,
Đỡ gót nhờ con hạc trắng ngần.*

*Bố hóa người đời gây mối Đạo,
Gia ân đồ đệ dựng nền nhân.
Chùng nào đất dậy trời thay xác,
Chư Phật, Thánh, Tiên xuống ở trần.*

Đến 18-8-1925 (01-08-Ất Sửu), cô Đoàn Ngọc Quế giảng bàn, các Ngài hỏi rằng:

– Em còn có chị em nào nữa biết làm thi, xin cầu khẩn đến dạy ba anh qua làm thi.

Cô Đoàn Ngọc Quế trả lời:

Có chị Hồn Liên Bạch, Lục Nương, Nhứt Nương làm thi hay lắm. Và cô lại thêm:

– Ba anh muốn cầu thì ngày đó ba anh phải ăn chay, cầu mới được^[5].

Ba Ngài vâng ý cô Đoàn Ngọc Quế, ngày cầu ba ông ăn chay.

Đến 25-8-1925 (08-08 Ất Sửu), Đấng A-Ă-Â giảng dạy ba ông, vào Rằm tháng Tám năm đó thiết tiệc chay thỉnh Đức Diêu Trì Kim Mẫu và chư vị Cửu Nương đến dự. Đến 14 âm lịch thì Đức Nhân Âm Đạo Trưởng giảng cho thơ mời các Ngài họa.

THI

*Rừng tòng ngày tháng thú quen chùng,
Nương mắt dòm coi thể chuyển luân.
Rượu cúc một bầu Trăng gió hừng,
Non sông đạo khắp lối đêm Xuân.*

Bài họa của Ngài Phạm Công Tắc như vậy:

[5] Những lời đối thoại trên đây đều trích trong sách “Đạo sử xây bàn” của bà Đầu Sư Hương Hiếu.

HỌA VẬN

*Cuộc thế lắm than đã quá chừng,
Ai là những bật vịn thường luân?
Thiếu quang nhật thức không chờ đợi,
Tế thể an bang phi kiếp xuân.*

Đến 01-09-1925 (15-08- Ất Sửu), tại nhà Cao Quỳnh Cư số 134 Bourdais (nay là Calmette, Sài Gòn), giữa nhà lập bàn hương án, chưng các hoa thơm và chưng trâm trọn ngày. Các Ngài mặc quốc phục quì trước hương án cầu nguyện các Tiên Nương dự tiệc. Lễ bái xong, các Ngài cũng ngồi vào bàn tiệc. Bà Nguyễn Thị Hiếu (tức bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu) gấp đồ ăn bỏ vào chén cho 9 vị và trên bàn thờ Đức Phật Mẫu. Đó là Thế pháp tượng trưng Bí pháp của Đạo Cao Đài, mà hàng năm về sau đến ngày tháng này điều tổ chức Hội Yến Diêu Trì Cung do Hiệp Thiên Đài chủ trì.

Sau đó các Ngài xây bàn, Đấng A-Ă-Â giáng cho thi và Đức Phật Mẫu và Cửu vị Tiên Nương mỗi vị đều giáng cho một bài, mà ngày nay hàng năm thài để hiến lễ.

PHẬT MẪU

*Cửu Kiếp Hiên Viên thọ sắc Thiên,
Thiên Thiên cứu phẩm đặc cao huyền,
Huyền hư tác thể Thần Tiên nữ,
Nữ hảo thiện căn đoạt Cửu Thiên.*

NHỨT NƯƠNG

*Hoa Thu ủ như màu thẹn Nguyệt,
Giữa Thu ba e tuyết Đông về.*

*Non sông trải cánh Tiên lòe,
Mượn câu thi hứng vui đề chào nhau*

NHỊ NƯƠNG

*Cắm tú văn chương hà khách đạo?
Thi Thần, tâu Thánh vấn thù nhân?
Tuy mang lấy tiếng hồng quân,
Cánh Tiên còn mển, côi trần anh thư.*

TAM NƯƠNG

*Tuyển Đức năng hành đạo,
Quãng trí đắc cao quyền.
Biển mê lắc léo con thuyền,
Chở che khách tục Cửu tuyền ngăn sông.*

TỨ NƯƠNG

*Gấm lót ngô chưa vừa gót ngọc,
Vàng treo nhà ít học không ưa,
Đội trang nho sĩ tài vừa,
Đằng giao khởi phụng chằng giữa Tiên thi.*

NGŨ NƯƠNG

*Liễu yếu diêu còn ghen nét đẹp,
Tuyết trong ngân khó phép so thân.
Hiu hiu nhẹ góc phong trần,
Đài sen mây lướt gió Thần đưa hương.*

LỤC NƯƠNG

*Huê ngào ngạt đưa hơi vò diêu,
Đứng tài ba chằng thiếu tú phong.*

*Nương mây như thả cánh đồng,
Tiêu diêu phát phườn cõi tòng đưa Tiên.*

THẤT NƯƠNG

*Lễ bái thường hành tâm đạo khởi,
Nhân từ tái thế tử vô ưu.
Ngày Xuân gọi thế hảo cừu,
Trăm duyên phước tục khó bù buồn Tiên.*

BÁT NƯƠNG

*Hồ Hồn hoa sen nở trắng ngày,
Càng gần hương đẹp lại càng say.
Trêu Trăng hằng thói dẫu mây,
Cột mây tranh chúc Phật đài thêm hoa.*

CỬU NƯƠNG

*Khiết sạch duyên trần vẹn giữ,
Bạc Liêu ngôi cũ còn lời.
Chính chuyên buồn chẳng trọn đời,
Thương người noi Đạo, Phật Trời cũng thương.*

Nhờ mười bài thi trên mà ta biết tên, phong cách và việc làm của Đức Phật Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương. Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung, ngày 15-8 là ngày các con nhớ ơn báo hiếu Đức Mẹ là biểu tượng cho Nguồn Sống (vườn đào là sự trường tồn) và Nguồn Vui (ngày lễ anh em tứ phương về sum họp). Ngày 16-8 là ngày Đức Mẹ đãi yến các con (Giờ phát quà cho nhi đồng tại trại đường).

Đức Phạm Hộ Pháp giải rõ (15-8-Kỷ Sửu) như sau:
“Cổ pháp định cho các Chơn hồn về nơi Diêu Trì Cung hưởng được Hội Yến Bàn Đào, uống được Tiên tửu, mới nhập vô

cảnh Thiêng Liêng hằng sống”.

Khi tái cầu, cô Lục Nương (tức Jeanne d’Are) giảng cho thêm bài và mời Ngài làm thi liên ngâm. Bà xướng:

1-LIÊN NGÂM I

*Trót đã đa mang cái nợ đời,
Gánh đời nặng lắm khách trần ơi.*

LỤC NƯƠNG

*Oằn vai Thần đạo non sông vác
Chịu kiếp trần ai gió bụi đời.*

CAO QUỲNH CƯ

*Thương hải tang điền xem lắm lúc,
Công danh phú quý nhắm trò chơi.*

PHẠM CÔNG TẮC

*Ở đời mới hẳn rằng đời khó,
Khó một đời năm dễ khó đời.*

CAO HOÀI SANG

2-LIÊN NGÂM II

*Ở thế sao chê tiếng thế buồn
Buồn vui hai lẽ lấy chi đong.*

LỤC NƯƠNG

*Cân đai tuế nguyệt trêu hôn bướm
Tên tuổi phong ba lắm bụi hồng.*

CAO QUỲNH CƯ

*Chiếc bánh đập dòn dòng bích thủy
Phồn hoa mờ mịt giấc huỳnh lương.*

PHẠM CÔNG TẮC

Bờ dương chờ đặng phong trần rảnh

Quả gánh thơ đờn dạo bốn phương

CAO HOÀI SANG

THU

*Im lìm cây cỏ vẫn in màu,
Mờ mịn vườn Xuân điểm sắc Thu.
Gió dậy xao trời mây cuốn ngọc,
Sương lỏng ướt đất liêu đeo châu.
Ngựa vàng ruổi gió thoi đưa sáng,
Thơ ngọc trao gương đậm vẻ lâu.
Non nước điều hieu xuân vắng chúa,
Nhìn quê cảnh ủa giục cơn sầu.*

LỤC NƯƠNG

Nhờ tình thân mật đó Lục Nương cho biết cô Đoàn Ngọc Quế là Thất Nương Diêu Trì Cung.

Đêm 14-9-1925 (29-8-Ất Sửu), khi xây bàn, Đấng A-Ã-Ã giáng, ba vị hỏi sao lâu quá không đến. Ngài đáp rằng vì tiết lộ Thiên cơ cho ba vị, nên bị Ngọc Hư bắt tội. Ba Ngài phải lập hương án giữa trời để chịu tội thay cho Đấng A-Ã-Ã. Đến ngày Rằm tháng 9 năm đó Đấng A-Ã-Ã giáng cho một bài thi:

*Một tòa thiên các ngọc lâu lâu,
Liên bắc cầu qua nhấp nhóa sao.
Vạn trượng then cài ngăn Bắc Đẩu,
Muôn trùng nhịp khảm hiệp Nam Tào,
Chư thần lóa mắt màu thường đối,
Liệt Thánh kinh tâm phép vẫn cao.
Dời dời chóp giảng doanh đờ nổi,
Vững bền muôn kiếp chẳng hề xao.*

Qua đến 04-11-1925 (18-9 Ất Sửu), một người bạn trong phong trào Đông Du đến thăm Ngài Phạm Công Tắc, nhân đó quí Ngài xây bàn hỏi các Đấng về tương lai Tổ Quốc, được Đức Nhân Âm giảng cho bài Thất thủ liên hoàn, mà bốn câu nhập đề, bài đầu và bài cuối như sau:

NHẬP ĐỀ

*Thi họa vừa khi bước hững nhàn,
Vòng trần luân chuyển lưỡng lo toan.
Cày mây cuốc nguyệt, chờ Thang Võ,
Ràng biết cho dân chịu buộc ràng.*

BÀI ĐẦU

*Buộc ràng túng thiếu cả năm châu,
Trị loạn vẫn xây cuộc bể dâu.
Phép nước đòi cơn mây gió thảm,
Nghịch nhà lăm lúc nước non sâu.
Thương nhân để dấu noi người trước,
Hiệp chúng làm gương dặt lũ nhau.
Cá chậu chim lồng chi dễ chịu,
Rừng xưa bến cũ thành thời đâu?*

BÀI CUỐI

*Ấn nằm nín nằm đợi chơn quân,
Ta quyết sẽ cho kẻ hạ trần.
Năm mối xa thơ ra sức gánh,
Thâu giếng xā tắc sửa đầu cần.
Thái bình trăm họ nhìn chơn chúa,
Thanh trị năm châu trở tri thần.
Độc lập gần ngày vui sắp đến,*

Bỏ con đất Việt chịu tam phần.

NHÂN ÂM ĐẠO TRƯỞNG

Mười bài thập thủ liên hoàn này gây xôn xao trong giới cách mạng lúc bấy giờ. Một số nhà ái quốc đến nhờ ba Ngài xây bàn để hỏi việc nước, được tá quân Lê Văn Duyệt giảng bàn cho thi:

1-

*Đã nghe phen phẩn khởi can qua
Thuộc địa trách ai nhượng nghiệp nhà.
Trăm họ than van nài bặc lại,
Ba kỳ uất ức phép Tây Tà.
Xa thơ biếng trầy rời vương thất,
Nam đánh hầu thay sáng quốc gia.
Ách nước nạn dân gần muốn mãi,
Hết hơi áp chế tới khi hòa.*

2-

*Khi hòa tùy có chí đồng thanh,
Vận nước nên hư cũng bởi mình.
Tội giặc lắm người xô Vũ trụ,
Lòng trung mấy kẻ xót sanh linh.
Đường dài chó nệ ngàn công gắng,
Bước nhọc đừng nao một dạ thìn.
Đồ sộ giang sơn xưa phải sạch,
Trông vào tua vện nổi đỉnh ninh.*

TÁ QUÂN LÊ VĂN DUYỆT

Ngài Cao Hoài Sang bạch với Đức Ngài: “Trong tình thế hiện tại, các nhóm Cần Vương đất Việt có nên họp nhau làm cách mạng để thoát ách nô lệ chăng?” Đức Ngài

Lê Văn Duyệt trả lời bằng bài thi:

*Mạnh yếu hai đàn dã hiển nhiên,
Đôi mươi năm nữa nước nhà yên.
Dần lòng ẩn nhẫn xem thời thế,
Đừng vội gây nên cuộc đảo huyền.*

Việc xây bàn của các Ngài lan rộng trong quần chúng, kẻ hiểu kỳ đến xem cho biết, người không tin muốn đến thử coi chân giả. Một phật tử hỏi Đấng A, Ồ, Ồ làm thế nào để phân biệt thiệt giả. Đấng A, Ồ, Ồ nhịch bàn cho thi:

*Chi lan mọc lẫn cỏ hoa thường,
Chẳng để mũi gân chẳng biết hương.
Hiển ngô ruổi sinh đời bạo ngược,
Dầu trong Thánh đức cũng ra thường.*

Ngài Phật tử đó hỏi tiếp: Làm sao biết được chánh tà? Đấng A, Ồ, Ồ đáp:

*Lẽ chánh tự nhiên có lẽ tà,
Chánh tà hai lẽ đoán sao ra?
Sao ra Tiên Phật người trần tục,
Trần tục muốn thành phải đến Ta.*

Cũng hôm ấy (14-11-1925), ông Nguyễn Trung Hậu (sau đặc phong Bảo Pháp) đến hầu đàn được Đấng A, Ồ, Ồ cho thi:

*THUẦN văn chất ĐỨC tài cao,
Tên tuổi làng thơ đã đứng vào.
Non nước muốn nêu danh tuấn kiệt,
Gặp thời búa Việt, giục cờ Mao.*

Và cho ông Phạm Minh Kiên và ông Lương Thế Vĩnh (sau đặc phong Tiếp Thế) chung một bài như vậy:

THI

*Một viết với thân giữa diên đàn,
Bằng xưa trước giặc vạn binh lang.
Đạo Đời ví biết Đời là trọng,
Dạy dỗ sao cho đặng mở mang.*

A, Ầ, Ẫ

Nhờ điểm danh đúng bút hiệu Thuận Đức của ông Nguyễn Trung Hậu và chỉ đúng nghề nghiệp của hai ký giả Lê Thế Vinh và Phạm Minh Kiên, các ông mới chịu làm môn đệ Đấng A, Ầ, Ẫ.

Về sau có người hỏi ông Nguyễn Trung Hậu rằng “Các ông điều học khá hơn ông Phạm Công Tắc, sao mà phục ông dữ vậy, tôi tiếp chuyện ông đâu có gì xuất sắc?” Ông Nguyễn Trung Hậu đáp: “Ông nói có phần đúng. Lúc bình thường con người ấy cũng mang thi phạm xác thệt như chúng ta. Có điều con người ấy khi Nguơn linh Hộ Pháp nhập vào Ông ta rồi, không ai có thể sánh nổi. Tôi đâu phải là kẻ cả tin hay mê tín. Một lần đã chứng kiến Ông chấp bút viết một mạch trang giấy mà không sửa chữ nào. Là một nhà thơ mà tôi cũng không làm được ấy, hỏi sao tôi không tin có Thần linh nhập điển quang cho Ông Phạm Công Tắc”.

Đến 27-11-2925 (12-10 Ất Sửu), một người bạn trong phong trào Đông Du bị bắt, Ngài Phạm Công Tắc lo cho số mạng của ông ấy nên xây bàn hỏi các Đấng. Ông Huỳnh Thiên Kiều tự Quý Cao, bạn văn thơ thuở còn sinh tiền với thi sĩ Thuận Đức, giảng bàn cho biết:

*Tử sanh dĩ định tự thiên kỳ,
Tái ngộ đồng hoan hội nhứt chi.
Bắc nguy Quan Văn tâm mộ hữu,*

Giang Đông kháng thủy luy chiêm y.

QUÍ CAO

Đến 12-12-1925 (27-10-Ất Sửu), Đức Diêu Trì Kim Mẫu giảng dạy:

“Mùng 1 tháng 11 này, tam vị Đạo hữu *VỌNG THIÊN CẦU ĐẠO*”. Các Ngài không biết phải làm thế nào. Ngày hôm sau, ba Ngài cầu Thất Nương để hỏi.

– Thất Nương dạy dùm Cầu Đạo là gì?

Thất Nương đáp:

– Không phải phận sự của em, xin hỏi ông A, Ǻ, Ǻ.

Ngày 30-10 Ất Sửu (15-12-1925) tam vị phải *VỌNG THIÊN CẦU ĐẠO*.

Tắm gội cho tinh khiết ra ra quì giữa trời cầm chín cây nhang mà vái rằng:

Ba tôi là:

– *Cao Huỳnh Cư*

– *Phạm Công Tắc*

– *Cao Hoài Sang*

Vọng bái Cao Đài Thượng Đế, ban ơn đủ phúc lành cho ba tôi cải tà qui chánh”.

Tịnh tâm quì tòn hết chín cây nhang mới vào, rồi đến nhà ông Tý mượn Đại Ngọc Cơ, Đấng Cao Đài Thượng Đế giảng cho bài thi nhiều ẩn ngữ:

Vọng niệm phân thủy sự sự phi,

Cá lý thiên tâm thường thể nhãn.

Thiên tâm tu hướng cá trung cầu,

Quân vấn thiên tâm mạc tri tường.

Các Ngài không rõ nghĩa, nên câu Đức A, Ồ, Ồ giải nghĩa. ĐỨC A, Ồ, Ồ giải thông như vậy: “Đức Cao Đài Thượng Đế muốn nói tam vị chưa đủ đức tin về Ngài, nên hỏi gạn lại ba vị phải nghĩ cho thấu”.

Đức A, Ồ, Ồ cho thi dạy Đạo:

*Cứ nín theo phan Đức Thượng Hoàng,
Tự nhiên tu tánh đặng bình an.
Nguyệt hoa căn tội tua xa lánh,
Vịn lấy cành dương hưởng Đạo nhân.*

Thế là việc xây bàn đến đây chấm dứt và việc cầu cơ bắt đầu để khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nghĩa là thời dẫn dắt vào đường Đạo đã hết.

Khi ba Ngài vọng Thiên Cầu Đạo ngoài đường kẻ qua người lại đập diu, nào xe cộ lượn qua, nào người đi coi hát về, họ hiểu kỳ dừng chân lại coi ba Ngài cúng vái ai mà quì ngoài sân. Bổng đâu có thi sĩ Bồng Dinh (tức Giáo Sĩ) đến vịn cái bàn chỗ ba Ngài quì mà ngâm thi. Mọi người càng đến coi đông hơn. Nhưng các Ngài cũng tâm nguyện chờ cho 9 cây nhang tàn mới vào nhà, đoạn thiết đàn cầu cơ.

Đấng Cao Đài Thượng Đế giáng viết:

**“NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ viết
CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỔ TÁT MA HA TÁT
giáo Đạo Nam Phương”.**

THI

*Thiên Đàng nhứt thế biến Lô Âm,
Tận độ nhơn sanh thoát tục phàm.
Chánh giáo phát khai thiên thế mỹ,*

Thâu hồi hiệp nhất Đạo kỳ tam.

CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ

Các Ngài không thông suốt được bài thi nên thỉnh Đấng A, Ẫ, Ẫ xin giải nghĩa, được giải như vậy: “Ngọc Hoàng Thượng Đế là Trời, viết là dạy rằng, Cao Đài chỉ Nho Giáo, Tiên Ông chỉ Đạo Giáo, Đại Bồ Tát Ma Ha Tát chỉ Thích Giáo, giáo Đạo Nam Phương là dạy Đạo ở Phương Nam”.

Việc Cao Đài Thượng Đế giảng cơ lập Đạo qui Tam giáo làm cho bậc tri thức và giới tu sĩ bàn tán. Cụ Yết Ma Luật quyết đến dự đàn cơ thử coi hư thực. Cụ viết sẵn một bài thơ ở trong túi áo và xin họa. Đấng Cao Đài Thượng Đế giảng họa vận như vậy:

*Hãy tỉnh cho mau giấc mộng tràng,
Đời còn Tiên Phật giảng phạm gian.
Chẳng ai hay giỏi bày thi phú,
Chính thật ta đây Đấng Ngọc Hoàng.*

CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ

Cụ Yết Ma Luật bài phục, xin theo Đạo và đưa bài thi mà ông đã viết như sau:

*Ấm ức tâm tư suốt mộng tràng,
Có đâu Tiên Phật giảng phạm gian.
Văn hay chữ giỏi bày thi phú,
Họa dựng thơ đây mới Ngọc Hoàng.*

YẾT MALUẬT

Ông Phan Khắc Sửu tuy có dự đàn, nhưng vẫn không tin, nên làm một bài thơ rồi đốt mà không khấn vái gì cả. Dù đang giảng dạy chư môn đệ, Đấng Cao Đài ngưng cơ họa liền:

*Cơ Trời khó tỏ hơi con ơi.
Nghiệp quả tiền khiên của giống nòi.
Bồi luyện môi thơm cam cá chậu,
Vì ganh tiếng gáy, chịu chim lồng.
Trời khai Đại Đạo nên yên dạ,
Đất dậy phong ba cứ vững lòng.
Gắng trả cho rồi căn nợ ấy,
Tu mà cứu thế dễ như không.*

CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ

Nhận được bài họa, chánh khách Phan Khắc Sửu chịu làm đệ tử và đọc lại bài của ông, hai câu đầu cố ý gieo lạc vẫn như vậy:

*Cao Đài Tiên Trưởng hơi ông ơi,
Linh hiển sao không cứu giống nòi.
Trăm họ điêu linh thân cá chậu,
Muôn dân đồ thán phận chim lồng.
Coi nòi diệt chủng càng đau dạ,
Thấy cảnh vong bang bắt nã lòng.
Ách nước nạn dân như thế đấy,
Ngôi mà đạo đức có yên không?*

PHAN KHẮC SỬU

Ngày 19-12-1925 (4-11-Ất Sửu), sau khi thiết đàn, Đức A, A, A giảng cho bài thi:

*Mừng thay gặp gỡ Đạo Cao Đài
Bồi đức ngày xưa có buổi nay.
Rộng mở cửa răn năng cứu chuộc
Giữ lòng tu tánh chớ đơn sai.*

Đức Minh Nguyệt Tiên Ông dạy tiếp.

*Chẳng quân đông tông mới một nhà,
Cùng nhau một Đạo tức một Cha
Nghĩa nhân đành gọi thân trăm tuổi,
Dạy lẫn cho nhau đặng chữ hòa.*

MINH NGUYỆT TIÊN ÔNG

Đêm 20-12, Đấng A, Ầ, Ầ giảng dạy:

THI

*Hảo Nam bang! hảo Nam bang!
Tiểu quốc tảo khai Hội Niết Bàn.
Hạnh ngộ Cao Đài truyền Đại Đạo,
Hảo phùng Ngọc Đế ngự trần gian.
Thi ân, tế chúng thiên tai tận,
Nhược thiệt, nhược hư vạn đại an.
Chi bửu hơn sanh vô giá định,
Năng tri giác thế sắc cao ban.*

Cơ gõ cho tiếp bài:

*Có cơ, có thể có tinh thần
Từ đây Thần Tiên dễ đặng gần
Dưỡng tánh tu tâm tua gắng sức
Ngày sau toại hưởng trọn Thiên ân.*

Ông Phan Khắc Sửu hỏi “Thưa Ngài Đấng Cao Đài Thượng Đế có dạy: **Tu mà cứu thế dễ như không**, nhưng trước sự lầm than của dân tộc, Xin Ngài dạy phương pháp dứt khổ”.

Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ thay Thầy giảng cho mười bài Thập thủ liên hoàn mà bài chót như vậy:

Nhà ta có tiếng giống anh phong,

*Vẻ đẹp trời Đông sắc Lạc Hồng,
Nam Hải trở nhiều tay Thánh đức,
Giao châu sanh lăm mắt anh hùng.
Tình trung lửa thét thành Bình định,
Khí liệt gương đề tỉnh Quảng Đông.
Văn hiến bốn ngàn năm có sẵn,
Chi cần dị chủng đến dáng công.*

THANH SƠN ĐẠO SĨ

Đến ngày 21-12-1925 (6-11- Ất Sửu), nhân Thất Nương giáng đàn, một người hỏi rằng:

– Thưa Tiên Nương mấy năm qua, buôn bán lỗ lã, tôì định đổi nghề, xin Tiên Nương chỉ giúp.

Thất Nương giáng dạy rằng:

THI

*Hồ thủy vẫy vùng đáng phận trai,
Trời chiều nay đã rạng cân đay.
Cành Nam mển dạng người tên tuổi,
Đất Bắc mừng an bước lạc loài.
Lộc nước gặng đền ơn chín tháng,
Nợ nhà tua vẹn gánh hai vai.
Qui đền có lúc phong trần rảnh,
Đình sắc một lòng chí chó lay.*

THẤT NƯƠNG

Người thương khách giả ấy được thơ vội chấp tay xá, vì ông ấy vốn là một cựi thần nhà Nguyễn đang đi bốn ba kết nạp Cần Vương.

Cũng nên biết không phải người ngoài nghi ngờ

lòng tin mà ngay cả Ngài Cao Hoài Sang lúc đầu cũng rất thận trọng. Ngài có làm một bài thi tự thuật cho các thi hữu họa chơi. Rồi cũng xây bàn thỉnh Tiên, vong linh cụ Cao Hoài Ân (thân sinh ông Sang) giáng đàn. Ngài Cao Quỳnh Cư thưa rằng: “*Săn dịp anh về đây có bài thơ của Sang, cậy mấy anh em tôi họa. Vậy anh họa chơi luôn thể*”. Ông Cao Quỳnh Diêu tiếp lời mà nói rằng: “*Anh để thi không khuyên dạy nó và lấy vận voi, mò, còi, roi, thoi của bài Từ Thứ Quy Tào mà họa lại*”. Chơn linh Cụ Cao Hoài Ân cho thi:

*Thuyền khơi gió ngược khá nương voi,
Vận thoi hầu nên đã thấy mò.
Vườn cúc hôm nay muôn cụm nở,
Rừng tùng buổi trước một cây còi.
Hồng nương dậm gó chi sồn cánh,
Ngựa ruồi đường dài khó nhọc roi.
Nín nắm chờ qua cơn bí cực,
Thìn lòng chúng có lượn đôi thoi.*

Vì có nhiều vị chưa vững đức tin, đêm mùng 08-11-Ất Sửu (23-12-1925) Lục Nương giáng giải đáp thắc mắc cho các Ngài. Sở dĩ chỉ có Thất Nương, Lục Nương và Bát Nương thường giáng đàn là vì các Tiên Nương khác có nhiệm vụ riêng. Sau đó Huệ Mạng Trường Phan (thầy tu núi Bà Đen) giáng:

1-

*Trước ước cùng nhau sẽ hiệp vầy,
Nào dè có đặng buổi hôm nay.
Gìn lòng tu niệm cho bền chí,
Bồng đảo ngày mai đặng hiệp vầy.*

2-

*Tây Ninh tu luyện động Linh Sơn
Chẳng quản mùi trần thiết với hơn,
Trăm đắng ngàn cay dành một kiếp,
Công hầu vương bá dám đâu hơn.*

– Xin chú vị gắng tu, thấp thôi như tôi, nhờ trọn tin Trời Phật, còn được ân hưởng Huệ Mạng Kim Tiên; hưởng hồ Chơn linh cao trọng như quý vị, nếu chịu tu ngày sau phẩm vị nơi Thiên Đình còn đến mức nào”.

Lời báo tin mai của Huệ Mạng làm cho các ông nửa mừng nửa sợ, nên đêm sau thiết đàn để thỉnh Đấng A, Ồ, Ồ về giảng dạy. Lục Nương giảng đàn báo phải chính đàn nghiêm để rước Đấng Cao Đài Thượng Đế.

BÀI I

*Trước vốn thương sau cũng thương,
Một lòng hơn đức giữ cho thương.
Trông ơn Thượng Đế tuông trời rộng,
Sum hiệp ngày sau cũng một trường.*

BÀI II

*Muôn kiếp có ta nắm chủ quyền,
Vui lòng tu niệm hưởng ân Thiên.
Đạo mẫu rưới khắp nơi trần thế,
Ngàn tuổi muôn tên giữ trọn biên.*

CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ

“Đêm nay, 24 Décembre phải vui mừng vì là ngày của Ta xuống trần dạy Đạo bên Thái Tây (Europe)”.

“Ta thấy rất vui lòng mà thấy ba đệ tử kính mến Ta

như vậy. Nhà này (nhà ông Cư) sẽ đầy ơn ta, giờ ngày gần đến đợi lệnh Ta sẽ làm cho thấy huyền diệu đặng kính mến Ta hơn nữa”.

Xem tiếp quyển “*Chân Dung Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc*” cùng người viết.

CAO THƯỢNG PHẨM **Cao Quỳnh Cư (1888 – 1929)**

I-PHẦN ĐỜI:

Đức Cao Thượng Phẩm quý danh là Cao Quỳnh Cư sinh năm 1887 tại làng Hiệp Ninh, tổng Hàm Ninh Thượng, Tỉnh Tây Ninh trong một gia đình thế phiệt nho phong. Đức Ngài là bào đệ của Ngài Bảo Văn Pháp Quân và bạn đời của bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu. Đạo hạnh nhu hòa và ngôn từ chúng ái.

Đức Ngài đang làm Sở Tạo tác tại Sài gòn thì Đức Chí Tôn khai Đạo, Đức Ngài liền phé đời hành Đạo.

II-PHẦN ĐẠO:

Vào ngày 6 tháng 6 Ất Sửu (26-7-1925), tại tư gia của Đức Ngài tại Sài gòn có một nhóm bằng hữu thường nhóm họp xây bàn để thông công với các vong linh tiền vãng mà họa vận thi thơ. Cách một tháng sau vào ngày 10-7 Ất Sửu cũng tại tư gia Đức ngài xây bàn thì được Đấng Chí Tôn đến giáo Đạo, nhưng không xưng danh thật mà mượn chữ A, Ẫ, Ầ để tá danh. Chư vị xây bàn không biết ông A, Ẫ, Ầ là Đức Chí Tôn nên bài hương

đăng trà quả lại còn làm thi thay sớ để khẩn cầu Cửu Vị Tiên Nương tâu về Ngọc Hư Cung xin dừng hành tội ông A, Ầ, Ầ vì đã tiết lộ Thiên cơ cho chư vị. Chính nhờ bà Thất Nương dạy mới hiểu cách thiết lễ Hội Yến Diêu Trì và nhờ Đức Phật Mẫu mà ba vị (Đức Hộ Pháp, Đức Cao Thượng Phẩm và Đức Thượng Sanh) mới trở thành môn đồ chánh thức đầu tiên của Đức Chí Tôn. Thất Nương lại tôn Đức Ngài là Trưởng Ca, Đức Phạm Hộ Pháp là Nhị Ca và Cao Thượng Sanh là Tam Ca, nhờ đó mà quý vị học hỏi được nhiều Bí pháp cao siêu..

Mãi đến ngày 1-11 Ất Sửu. Đấng Chí Tôn mới dạy lập đàn Cầu Đạo. Đức Ngài thiết đàn vọng Thiên tại tư gia ở đường Bourdais (Sài gòn). Sau đó thì Đức Chí Tôn dùng Ngọc Cơ mà thông công, còn việc xây bàn chấp dứt.

Đến ngày 7-10-1926 Đức Ngài hiệp cùng Đức Quyền Giáo Tông, Đức Phạm Hộ Pháp và bà Nữ Đầu Sư Hương Thanh lập tờ khai Đạo với Thống Đốc Nam Kỳ.

Ngày 18-11-1926 (14-10 Bính Dần) Đức Hộ Pháp thiết Đại Lễ tại Từ lâm Tự. Gò Kén (Tây Ninh). Đồng thời Đức Chí Tôn thành lập Pháp Chánh Truyền. Phong phẩm vị cho chức sắc Hiệp Thiên Đài, Cửu Trùng Đài tiếp theo Đức Chí Tôn lại dạy Hội Thánh lập Tân Luật. Trong vòng 3 tháng Đạo Cao Đài có Pháp, có Luật, có Hội Thánh đương nhiên Đạo thành.

Thiên thư dĩ định, vừa lập Thế pháp xong thì Hòa Thượng Giác Hải đòi chùa. Hội Thánh phải mua đất tại làng Long Thành để lập Tòa Thánh. Đức Ngài là người khổ công khó nhọc nhất trong việc tạo tác. Đức Ngài phải chịu lắm điều thị phi, nhiều phen thử thách, đôi khi suýt nản lòng. Nhưng nhờ Ở Trên phù hộ, Đức Ngài vượt

qua mọi trở ngại cam go trong buổi đầu.

Vào năm 1928, một số người từ Sài gòn do ông Tư Mất tức Nguyễn Phát Trước hướng dẫn về Toà Thánh đỏi Đức Ngài ra khỏi trong 24 giờ, nếu không đi thì cột vào rừng mà bắn. Quá đau lòng Đức Ngài ngộ bệnh và phải tịnh dưỡng nơi Thảo Xá Hiền Cung (Thánh Thất Tây Ninh). Đến ngày mùng 1 tháng 3 năm Kỷ Ty, Đức Ngài qui Tiên, hưởng dương 42 tuổi, Bửu pháp được xây dựng bên cánh trái Đại Đồng Xã (Nội ô Tòa Thánh).

CAO THƯỢNG SANH **Cao Hoài Sang (1900–1971)**

Đức Cao Thượng Sanh quý danh là Cao Hoài Sang, sinh ngày 11–09–1900 tại xã Thái Bình tỉnh Tây Ninh. Thân sinh là cụ Cao Hoài Ân, một vị thẩm phán đầu tiên ở Miền Nam và thân Mẫu là bà Hồ Hương Lự (được ân phong Nữ Đầu Sư) Đức Ngài là con út trong gia đình có ba anh em. Người anh cả là Cao Đức Trọng, Tiếp Đạo Hiệp Thiên Đài và chị là Giáo Sư Cao Hương Cường (Giám Đốc Cô Nhi Viện Tây Ninh).

Sau khi thi đỗ bằng thành chung, Đức Ngài vào làm việc tại sở Thương Chánh (tức quan thuế Sài gòn) cho đến chức Thanh Tri Thương Chánh rồi hồi hương. Thuở thanh niên. Ngài lập gia đình hạ sinh 9 người con, Năm trai và bốn gái. Người con đầu lòng là Hiền Tài Cao Hoài Hà và người con út là Cao Minh Tâm.

Trong thời gian làm viên chức. Ngài còn là một nhạc sĩ tài hoa của Trường Quốc Gia Âm Nhạc Sài gòn. Nguơn linh Ngài vốn là. Lữ Đồng Tân thối tiêu, một người thích

tiêu dao với thiên nhiên.

VỀ MẶT ĐỜI

Nói đến ông ai ai trong giới công chức và đồng bào tại Thủ Đô đều hiểu rõ thanh danh của Ông là một công chức đúng mực thanh liêm^[6].

Là nhà chí sĩ thương dân, yêu nước. Ông thường giao du với hai ông Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc. Cả ba Ông là nhạc sĩ lừng danh trong giới Âm Nhạc tại Thủ Đô Sài Gòn. Hai ông Cư và Sang được coi như các bậc Thầy. Sau khi ông Cư đăng Tiên, ông Sang được coi như bậc “*Hậu Tổ*” Ban Âm Nhạc Đạo Cao Đài đã nhờ Ngài chấn chỉnh rành mạch thêm... Mất Đức Ngài, giới Âm Nhạc trong toàn quốc nói chung và trong Đạo Cao Đài nói riêng, đã mất một Nhạc Sư cự phách. Đang tiếc thay.

VỀ MẶT ĐẠO

Ngày rằm tháng 3 Bính Dần Ông Cao Hoài Sang đặc phong Thượng Sanh một lượt với Đức Hộ Pháp và Đức Cao Thượng Phẩm. Từ đây, về mặt hữu hình chương quản tối cao của Hội Thánh H.T.Đ không còn nữa.

Từ khi trở về tái thủ phận sự nơi Tòa Thánh, Đức Tượng Sanh đã tìm đủ mọi phương pháp để đem lại sự điều hòa trong cửa Đạo, để toàn Đạo được hưởng thái bình hạnh phúc.

Cao Hoài Sang (1957–1971) cầm quyền Đạo trong 14 năm (hay hơn 13 năm cũng vậy) báo hiệu cho thời Thái Dương của các Cao Đổ chấm dứt (12 giờ trưa là cực dương

[6] Xem thêm “Thượng Sanh Cao Hoài Sang” cùng người viết.

của Thái Dương tinh Tứ Thời). Bước sang 13 hay 14 giờ là bắt đầu thời Thiếu Âm (vì cực dương sinh âm) của Thập Nhị Thời Quân mà khởi đầu là Thời Quân Hiến Pháp.

Đức Cao Thượng Sanh thay mặt các vị Cao Đồi chăm dứt thời khai nguyên Đại Đạo bằng câu: “*SỬ MẠNG LÀM XONG giữ trọn nguyên*”

Những điều trên có tương quan và có Bí pháp gì không?

GIÁO TÔNG & BA VỊ CHƯỜNG PHÁP

QUYỀN GIÁO TÔNG THƯỢNG TRUNG NHỰT Lê Văn Trung – (1876 – 1934)

I – PHẦN ĐỜI:

Đức Quyền Giáo Tông quý danh là Lê Văn Trung sinh năm Bính Tý tại làng Mỹ Lâm, tổng phước Điền Trung, tỉnh Chợ Lớn. Thân sinh sớm qua đời nhờ sự nuôi dưỡng của Từ Mẫu. Gia đình sống về nghề nông theo nếp sống nho phong.

Nhờ thông minh đỉnh ngộ năm 1893 lúc vừa được 17 tuổi đã được bổ vào ngay Thư Ký Soái Phủ Sài Gòn, nhưng không bao lâu. Đức Ngài từ chức để ra ứng cử Hội Đồng Quản Hạt Quận II

Hội Đồng này, Người Việt tuy là Dân biểu nhưng chỉ là cái máy để ghi chép văn tự. Đức Ngài thoát ra ngoài công lệ đó, đứng đầu tất cả Nghị Viên phản kháng dự thảo luật “*Lục hạng điền*” của Thống Đốc Nam Kỳ Outrey. Song số Nghị Viên người Việt không được phân nửa, nên lúc biểu quyết bị thua thiệt. Đức ngài vận động để đồng từ chức nhất loạt, nhờ đó thế lực của Đức Ngài trở nên mạnh mẽ khiến cho việc ứng cử lần nhì được dễ dàng.

Năm 1911, Đức Ngài cổ động và đề xướng trường Nữ Học Đường. Chính phủ Pháp phải thỏa thuận và vì công chúng hoan nghinh, họ cũng không dám phủ nhận

công trạng của Đức ngài nên Ban Bắc Đẩu Bội Tinh là huy chương hãn hữu trong thời đó.

Sống trong quyền cao chức trọng được đồng bào yêu kính, nhưng Đức Ngài vẫn hằng lo cho tâm phận. Thế nên khi Đức Cao Thượng Phẩm và Đức Hộ Pháp đem cơ đến tư gia của Đức Ngài để phổ hóa mỗi Đạo thì Đức Ngài được khải từ lâu. Đến ngày 6-10-1925, Đức Ngài đệ đơn từ chức Nghị Viên để thừa hành thiên mạng. Vào ngày 22-01-1926, Đức Ngài trọn phước đời hành Đạo.

II-PHÂN ĐẠO:

Phước đời được 3 tháng thì Đức Chí Tôn giáng cơ tại Vĩnh Nguyên Tự Phong Đức Ngài Phẩm Đẩu Sư, Thiên ân Thánh danh Thượng Trung Nhật. Đức Ngài lập thế trước Ngũ Lô vào ngày 12-3 Bính Dần (23-4-1925). Chỉ trong vòng 6 tháng lãnh mạng đi truyền Đạo mà đã có hàng triệu người theo đủ giai cấp.

Ngày 7-10-1926. Đức Ngài cùng bà Nữ Đẩu Sư Hương Thanh, Đức Hộ Pháp,... và 247 vị chức sắc, đạo hữu đứng tên trong “*Tờ Khai Đạo*” với Chánh phủ Pháp.

Chính nhờ uy thế của Đức Ngài mới được chánh phủ Pháp chấp thuận mau lẹ mà không nghi kỵ.

Vào ngày 16-10 Bính Dần (20-11-1926), Đức Chí Tôn giáng cơ gọi Đức Ngài phân ngôi vị Hội Thánh Cửu Trùng Đài. Nhờ đó mà người ta quên đi những phường tà Đạo trong ngày khai Đạo tại Từ Lâm Tự, mà theo Đạo càng đông hơn. Vào ngày 3-10 Canh Ngọ (22-11-1930), một đàn cơ do Đức Phạm Hộ Pháp cầu nơi Hiệp Thiên Đài, Đức Lý Giáo Tông giáng ban Quyền Giáo Tông hữu

hình cho Đức Ngài để diu dắt toàn thể nhơn sanh. Vì có người đổ ky về phẩm vị tìm việc nhỏ nhặt kết án phạt hai đạo hữu đánh xe bò của Hội Thánh về tội đi xe không đốt đèn và bò thiếu sợi giây buộc ách. Sở tuần cảnh Tây Ninh đem án phạt vào Giáo Tông Đường mời Đức Ngài ra chịu tù vào ngày 7-1 Giáp Tuất (20-2-1934) trên 24 giờ^[7].

Sau vía Đức Chí Tôn, Đức Ngài viết thư gửi xuống Sài Gòn trả huy chương Bắc Đẩu Bội Tinh lại cho chánh phủ Pháp. Nhưng nghiệp Đạo còn dài, đời người hữu hạn, sau cơn bệnh nhẹ, Đức Ngài vĩnh du Tiên cảnh vào ngày 13-10 Giáp Tuất (19-11-1934), hưởng thọ 58 tuổi, liên Đài được xây tháp sau hậu điện Tòa Thánh.

Tính từ ngày Khai Đạo (19-11-1926) tại Gò Kén đến ngày Đức Ngài qui đấng 8 năm không thừa không thiếu một ngày. Điều ấy có huyền diệu thiêng liêng gì không?

Nhân vía Đức Ngài năm Tân Hợi có giáng cho toàn Đạo một bài thi:

THI

*Cơ Đạo ngày nay đã biến hình
Sửa đời đã sẵn phép huyền linh
Bích Du vi đã gây ra loạn
Đẩu Tốt phải toan đứng trị bình
Nam đánh đã xô do xích qui
Đông Thiên mới lộ bóng chơn tinh.
Đỡ nâng vật ngã dành tay Đạo
Búa Việt phải toan gắng giữ gìn.*

Và bài thài dâng lễ Đức Ngài như sau:

[7] Xin xem thêm “Đại đạo sử cương” quyển II

THI

*Càn Khôn quen thú phước Linh Tiêu
Thấy khổ trần gian nghịch Thánh điều
Mượn xác phàm riu cây Phật Chủ
Nương cơ Tạo, xử phước Tiên Diêu.
Bầu linh khổ hải đưa thiêu cạn,
Gậy sắt nhọn sanh chống dất dừ
Muôn dặm cửa Tiên chờ bước tục
Cởi lau trở gót ruột trăm chiều.*

ĐỨC MINH CHIÊU

Ngô Văn Chiêu (1878 – 1932)

I-PHẦN ĐỜI:

Ngài Ngô Minh Chiêu quý danh là Ngô Văn Chiêu sanh năm 1878 tại Bình Tây (Chợ Lớn) trong một gian nhà nhỏ sau chùa Quan Thánh.

Sớm sống khởi gia đình, năm 12 tuổi đã đến nhà Đốc Phủ Sùng (Mỹ Tho) để xin học nội trú tại Trung học Mỹ Tho. Sau lên trường Chasseloup Laubat thi đậu thành chung năm 21 tuổi và được bổ làm tại sở Tân Đáo Sài gòn. Ngài thành gia thất với bà Bùi Thị Thân có được 9 con, làm quan tới Đốc Phủ^[8].

Năm 1903, Ngài dời đến Dinh Thượng Thơ rồi về Tân An. Đầu năm 1920 thì ra Hà Tiên, sau 8 tháng dời ra Phú Quốc. Chính nơi đây Ngài đã ngộ Đạo Cao Đài và

[8] VƯƠNG HỒNG SẼN, Hơn nửa đời..... NXB.Tp.HCM 1942, tr.234.

là chứng nhân đầu tiên của nền Tân Tôn Giáo.

II – PHÂN ĐẠO:

Tại đàn cơ tết Tân Dậu (8-2-1921) tại chùa Quan Âm (Phú Quốc), có vị Tiên ông giảng “*Chiêu tam niên trường trai*”. Ngài bạch: “*bạch Tiên Ông, Tiên Ông đã dạy thì đệ tử phải vâng, song trường trai 3 năm lâu quá biết đệ tử có chịu nổi không?*”. Ngài đã ăn chay từ đó để thọ giáo.

Một buổi sáng đang ngồi trên võng, Ngài bỗng thấy trước mặt lộ ra một con mắt thật lớn, chói ngời như mắt trời. Ngài sợ hãi nhắm mắt lại trong 30 giây, mở ra vẫn thấy và còn chói lọi hơn. Ngài bèn vái rằng “*Bạch Tiên Ông, đệ tử rõ biết huyền diệu của Tiên Ông rồi. Như phải Tiên Ông dạy đệ tử thờ Thiên Nhân thì xin cho biến tức thì*” vái xong thì Thiên Nhân lu dần rồi mất^[9].

Sau khi tu được 3 năm, Tiên Ông giảng cơ ban đặc ân cho Ngài muốn tìm hiểu chi. Ngài Bạch: “*Bạch Thầy nghe cảnh bông lai xinh đẹp vô cùng, xin thầy cho đệ tử thấy cảnh ấy*”. Vào cuối tháng giêng năm Giáp Tý, Ngài ra biển hóng mát thì được thưởng ngoạn cảnh Bồng Lai trong 15 phút. Năm 1924 đổi về Sài gòn, Ngài liên lạc với Đức Hộ Pháp, Đức Cao Thượng Phẩm. Nhưng Ngài tu theo vô vi^[10] nên không đi phổ độ được. Dù rằng đàn cơ đêm 14-4-1926 Đấng Chí Tôn định ban cho Ngài Phẩm Giáo Tông. Ngài lập Chiêu Minh vô vi ở Cần Thơ rồi liêu Đạo trên sông Cửu Long ngày 13-3 Nhâm Thân, hưởng

[9] Ngài Cao Minh Chiêu (tức Chiêu Minh Linh Giác)

LEPREMIER CAODAISTE. La Revue Caodaiste số 22. tháng 3.1993

[10] Với chủ trương “Ngô thân bất độ hà thân độ” thân mình chưa độ được, lo độ ai.

thọ 54 tuổi.

Sau đó ít lâu các đệ tử hầu bàn được Ngài cho các bài thi:

*Từ ngày xa thế đến Tiên bang
Lo lắng như gian bước lạc đàng
Đức rộng đạo dày là quý báu
Đặng lên bổng cảnh chép biên hoàng
Rời kinh rời sách gặp chơn truyền
Chiêu giảng độ phạm rõ ý Tiên
Lo lắng e khi quên đạo đức
Chí thành chí kính rõ lòng nguyên.*

NGỌC CHƯỞNG PHÁP
Trần Văn Thụ (1857 – 1927)

I-PHẦN ĐỜI

Ông Trần Văn Thụ sinh năm Bính Tý tại làng Đức Hưng, tổng Dương Hòa Hạ, tỉnh Gia Định.

Thuở nhỏ, Ngài theo Nho học, lúc lớn lên đi dạy học. Năm Đinh Mùi, Ngài đến Vĩnh Nguyên Tự (Cần Giuộc) thọ giáo với Thái Lão Sư Lê Đạo Long, thế danh Lê Văn Tiếng (1843–1913) để học Đạo Minh Sư. Ông được Sư Phụ Lê Đạo Long thu nhận và ban cho pháp danh là Trần Đạo Minh. Ông là đệ tử lớn nhất, tu lên Thái Lão Sư.

II- PHẦN ĐẠO

Đến năm Bính Dần, sau khi Thái Lão Sư Lý Đạo Long liêu đạo 12 năm, Thái Lão Sư giảng cơ cho biết là

Ngài đã đúc quả như ý Đạo Toàn chơn nơn và khuyên các đệ tử tụng giáo theo Đức Cao Đài.

Ngài Trần Văn Thụ tức Đạo Minh được Đức Chí Tôn giáng cơ ấn phong Nho Tông Chương Giáo Tuyển Đạo Thiên Sư Đại Đức Đại Hòa Đạo Sĩ, Chương Pháp phái Ngọc tại Vĩnh Nguyên Tự ngày 10–9 Bính Dần.

Vào ngày lễ khai Đạo tại Gò Kén, Ngài về hành đạo tại đó cùng các vị khác soạn thảo Tân Luật.

Đến năm Đinh Mão, Ngài lâm bệnh trở về nhà an dưỡng tại làng Trường Bình, quận Cần Giuộc rồi qui Tiên ngày 14 tháng 05 Đinh Mão (13–6–1927) hưởng thọ 71 tuổi.

Trong sách Đại Đạo chánh nghĩa viết là:

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

Ngọc Chương Pháp Trần Đạo Minh

Thiết quang chơn nơn, Ngọc Chiêu.

Với câu liên hai bên là:

CHƯỜNG khai Nho phái Tam Kỳ Đạo,

PHÁP hóa Thiên Tông Tứ giáo truyền.

Tiểu Sử của 2 Ngài Chương Pháp Phái Thái & Phái Thượng sẽ bổ túc sau.

BA VỊ ĐẦU SỰ: NHỰT, NGUYỆT, TINH

ĐẦU SỰ THÁI THƠ THANH Nguyễn Ngọc Thơ (1873 – 1950)

I-PHẦN ĐỜI

Ngài Đầu Sự Thái Thơ Thanh quý danh là Nguyễn Ngọc Thơ sanh năm 1873 tại Sài gòn.

Ngài thuộc dòng giới cự phú, cựu Tri Huyện Tân Định. Thuở thiếu thời học Nho văn, sau theo Tân học và ái mộ Thiên Lâm Phật Giáo.

II-PHẦN ĐẠO

Năm 1926, khi khai Đạo, Đấng Chí Tôn giảng cơ nhận Ngài làm môn đệ, về sau mới thọ Thiên phong Thái Thơ Thanh Thái Chánh Phối Sư và được vinh thăng Quyền Đầu Sự.

Ngài là người chịu tốn kém tài lực nhiều nhứt cho nền Đạo lúc phôi thai, từ việc di chuyển đến việc xây cất Thánh Thất. Khi mượn chùa Từ Lâm Tự, Ngài phải lo sửa sang sơn phết mọi mặt. Năm 1926 Hòa Thượng Như Nhân đời chùa Đức Chí Tôn dạy Ngài hiệp với Chư Chức Sắc mua đất tại làng Long Thành. Đó là cơ sở đầu tiên để xây dựng Tòa Thánh sau này. Ngài và bà Đầu Sự Lâm Hương Thanh xuất tiền mua đất và đời Quả Càn Khôn về Chùa mới. Sau Ngài lại mua một sở rừng rồi khai phá đặt danh là Cực Lạc và đặt nhiều tên thuần túy tôn giáo

như: Quan Âm Cát, Long Nữ Điện (Nghĩa Địa dùng an táng các Chức Sắc và một số Sĩ Quan)

Ngài lại cúng âm đức 10.000 tượng Ngũ chi cỡ lớn cho Bồn Đạo phụng thờ. Nhờ đó khi công viên quả mãn trở lại ngôi.

Ngài liểu Đạo ngày 21-7-Canh Dần tại Sài Gòn thọ 77 tuổi. Liên đài đã được dời về Tòa Thánh an táng bên phía Đông Lang.

ĐẦU SƯ LỊCH NGỌC NGUYỆT Lê Văn Lịch (1889 – 1947)

I- PHẦN ĐỜI

Ngài Đầu Sư Lịch Ngọc Nguyệt tên thật là Lê Văn Lịch. Sinh năm 1889 tại Cần Giuộc, tu đến bậc Thái Lão Sư. Cha ông là cụ Lê Văn Tiếng, tu theo Đạo Minh Sư đến bậc Thái Lão Sư, pháp danh là Lê Đạo Long, là người sáng lập chùa Vĩnh Nguyên Tự ở Cần Giuộc.

Cụ Tiếng đắc Đạo, chứng quả Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn. Khi cụ viên tịch có lời di chúc rằng “*chùa Vĩnh Nguyên Tự sau này có Thập Nhị Khai Thiên đến mở Đại Đạo Tam kỳ Phổ Độ*”.

II- PHẦN ĐẠO

Đầu năm 1926, các ông Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc được lệnh Chí Tôn phái đến Vĩnh Nguyên Tự lập đàn cầu cơ. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn giáng cơ dạy ông Lịch hiệp với các ông Cư, Tắc lập nên Đạo

mới. Ông còn chưa quyết thì chủ quận Cần Giuộc lúc ấy là ông Nguyễn Ngọc Tương đã theo Đạo khuyên ông Lịch nên thật tôn tông.

Vào tháng 3-1926, Đức Chí Tôn giáng cơ tại Vĩnh Nguyên Tự phong ông Lịch phẩm Đầu Sư, Thiên ân Thánh danh là Ngọc Lịch Nguyệt.

*Đầu Sư Thái Ngọc hiệp quân Nho
Tam giáo qui nguyên vẫn ngã đồ.....*

ĐẦU SƯ THÁI MINH TINH Nguyễn Văn Minh (1880 – 1937)

Đầu Sư Thái Minh Tinh tên thật là Nguyễn Văn Minh (1880-1937), người Tây Ninh pháp danh là Thiện Minh. Ngài tu tới chức Hòa Thượng vốn là đệ tử của Hòa Thượng Tổ Sư Như Nhãn.

Vào ngày Khai Đạo (13-10 Bính Dần) Đức Chí Tôn ân phong Ngài là Đầu Sư Thái Minh Tinh.

Sau khi Hòa Thượng Giác Hải đòi chùa lại thì Ngài ở lại chùa Gò Kén (quả giống trái hồng đào). Thế nên, Đức Chí Tôn mới phong cho ông cả Nương làm Thái Đầu Sư.

Lúc đó ông Lịch còn rất trẻ nên nhiều tiếng thị phi nên Đức Chí Tôn giải rõ là ông Lịch nhờ Đức Tiếng. Có ghi trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển nhưt.

Ngày 12-3 Bính Dần (23-4-1925). Ngài lập thế trước Ngũ Lôi một lượt với Đầu Sư Thượng Trung Nhật quyết tâm hành đạo. Ngài được lệnh soạn các bản kinh từ Minh Sư rút ra trong tam Thánh Đại Đồng

Về sau, Ngài đi mở các Tịnh Thất ở Lục Tỉnh. Không

theo Tân luật qui định nên bị Hội Thánh triệu hồi. Sau đó, Ngài trở về Vĩnh Nguyên Tự rồi hiệp tác với các phái Tiên Thiên, Liên Hòa Tổng Hội.. Năm 1943, Pháp nghi ngờ hoạt động của ông nên bắt đày ra Côn Đảo. Hai năm sau, Ngài được tự do năm 1947. Ngài viên tịch tại Cần Giuộc và an táng trước chùa Vĩnh Nguyên Tự.

HAI NỮ ĐẦU SƯ

NỮ ĐẦU SƯ HƯƠNG THANH Lâm Ngọc Thanh (1874 – 1937)

I-PHẦN ĐỜI

Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh quý danh là Lâm Ngọc Thanh sanh năm 1874 tại làng Trung Tín, quận Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Bà thuộc dòng dõi điền chủ giàu có ruộng đất nhiều nhưng giàu lòng mộ Đạo, thọ giáo với Hòa Thượng Giác Hải Từ Lâm Tự, Gò Kén Tây Ninh. Vốn bẩm sinh ưa chuộng quyền bí Thần Tiên. Sau khi theo Đạo bà lập một Ngôi chùa Phật tại Vũng Liêm, sau sửa sang thành Thánh Thất.

II-PHẦN ĐẠO

Bà nhập môn theo Đạo Cao Đài ngày 5-6 Bính Dần (15-7-1926). Cũng ngày này Đức Chí Tôn giáng cơ gọi ông Nguyễn Ngọc Thơ và Bà quì trước Thiên bàn làm phép hôn phối theo Đạo đầu tiên.

Vào ngày 14-10 Bính Dần (18-11-1926), do Đức Phạm Hộ Pháp và Đức Cao Thượng Phẩm phò loan, Đức Chí Tôn giáng cơ ban phẩm Giáo Sư Nữ Phái đầu tiên cho Bà.

Đến ngày 14 tháng 1 Đinh Mão (15-2-1927). Bà được thăng Phối Sư, và đến ngày 9-3 Kỷ Tỵ thì thăng phẩm

Chanh Phối Sư thọ phong nơi Đức Lý Giáo Tông. Mãi đến 25-4 Đinh Sửu (3-6-1937) Bà mới được Đức Chí Tôn ban phẩm Đầu Sư và được tạo hình bên Lầu Chuông.

Công nghiệp của Bà đối với Đạo trong lúc khai nguyên thì ít ai sánh kịp. Bà chịu khó đi khai đàn và đọc Thánh Ngôn cho các tín hữu mới nghe chẳng luận sang hèn. Bà lại mượn chùa Từ Lâm (Gò Kén) để khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, được ba tháng thì Hòa Thượng Giác Hải đòi chùa lại. Bà và ông Huyện Thơ phải xuất tiền cho Hội Thánh mượn mua đất của kiếm lâm người Pháp tại Long Thành (vùng đất Tòa Thánh hiện nay), vì là buổi ban sơ nên chánh quyền pháp nghị kỳ, đóng cửa các Thánh Thất ở Hậu Giang. Bà và Ngài Thượng Đầu Sư Lê Văn Trung phải bảo lãnh với chánh phủ Pháp cam kết Đạo Cao Đài chỉ hoạt động thuần về Tôn Giáo không làm chánh trị. Sau đó, Bà phải trấn an chư Đạo Hữu và khuyên tu hành chính chắn.

Dù vậy, chánh phủ Pháp vẫn cho công an theo dõi làm khó dễ Đức Cao Thượng Phẩm khiến cho toàn Đạo sợ sệt không dám tụ tập đông. Chỉ có một ít người thật tâm Đạo mới đến cúng kiến mà thôi. Do đó, việc đóng góp cũng thất thường, nên tài chánh eo hẹp, Tòa Thánh tiên khởi chỉ lợp bằng tranh đốn cây rừng làm cột, cắt cây cổ rùa làm lạt, tuy vậy vẫn chịu đựng được hơn 10 năm.

Sau Đức Phạm Hộ Pháp được Đức Lý họa sẵn họa đồ kiến trúc mới của Tòa Thánh, Đức Ngài xuống Vũng Liêm (Vĩnh Long) thương lượng với Bà để xây Đền Thánh bằng xi măng cốt sắt tạo vững bền về sau. Bà thọ ý và hợp sức cho đức nền xây Tòa Thánh ngày 01-11 Bính Tý và mãi đến 1955 mới làm lễ Khánh Thành.

Bà Nữ Đấu Sư qui vị ngày 8-4 Đinh Sửu (16-5-1937), hưởng thọ 63 tuổi, an táng tại quê nhà (Vũng Liêm). Sau Hội Thánh thỉnh cốt về xây tháp bên Tây Lang, hậu điện Tòa Thánh.

NỮ ĐẤU SƯ HƯƠNG HIẾU Nguyễn Thị Hiếu (1886 – 1971)

I-PHẦN ĐỜI

Bà Nữ Đấu Sư Hương Hiếu quý danh là Nguyễn Thị Hiếu sinh năm 1886 tại Đakao Sài Gòn, bà còn có tên là Hương. Thân sinh là ông Nguyễn Văn Niệm và thân mẫu là bà Trần Thị Huệ.

Khi lên 7 tuổi, thân mẫu cho bà vào học trường Nhà Trắng (Sài Gòn). Năm 17 tuổi thì học nữ công, rồi sánh duyên với ông Cao Quỳnh Cư (tức Cao Thượng Phẩm) năm 21 tuổi. Hai năm sau bà sanh hạ 1 trai tên là Cao Huỳnh An; du học và mất tại Pháp.

II-PHẦN ĐẠO

Năm 1925 Đức Chí Tôn Khai Đạo, buổi đầu chưa có Thánh Thất, nên dùng nhà bà làm nơi thờ phượng. Khi cấu cơ bà giữ phần ghi chép Thánh Giáo và Đức Cao Thượng Phẩm chấm câu (1925-26).

Đến tháng ba năm Bính Dần, Đức Chí Tôn giảng cơ dạy bà may Thiên Phục Giáo Tông cho ông Ngô Văn Chiêu, Đấu Sư Thượng Trung Nhật và quý chức sắc Hiệp Thiên Đài. Đến ngày 14-1 Đinh Mão (15-2-1927) bà thọ

Thiên ân Giáo Sư Nữ Phái.

Khi dời Thánh Thất về làng Long Thành, bà lo việc trụ phòng. Bà đã ghi lại trong “ĐẠO SỬ XÂY BÀN” như sau:

“Tôi nhớ lại mỗi buổi sáng, tôi đi chợ Tây Ninh, với chiếc xe ngựa đặng mua đồ ăn, đường xa vắng bóng người, hai vệ đường cây che rậm rạp, heo rừng và nai rừng thường kiếm ăn. Một hôm, tôi đến Trảng Tròn thấy 1 con ngựa bị cạp ăn mất nửa con, nhưng vì quá lo cho Đạo mà bớt sự sợ hiểm nghèo”.

Năm canh ngũ, bà bắt thăm đi hành Đạo tỉnh Sa Đéc kiêm luôn Tỉnh Thủ Dầu Một (Bình Dương). Đến năm 1934, bà lãnh dạy Giáo nhi. Năm sau thăng Phẩm Phối Sư. Năm 1941 Pháp chiếm Tòa Thánh bà về Thảo Xá Hiên Cung và năm sau xuống Sài Gòn hiệp tác với hăng tàu Nitinan để lo về mặt Đạo.

Năm 1946 nên Đạo được phục hưng, bà lãnh chương quản ba viện: Lại viện, Lễ viện, Hòa viện Nữ phái ngày 21-9 Bính Tuất (15-10-1946). Đến ngày 16-11 Canh Dần (22-12-1950), bà được thăng phẩm Chánh Phối Sư, rồi thăng lên Đầu Sư do Thánh lệnh số 01/TL ngày 24-10 Mậu Thân (13-12-1968) và qui vị lúc 14g ngày 11-5 Tân Hợi (3-6-1971) tại Nữ Đầu Sư Đường.

Bà có lưu lại bài thi để thài dâng lễ bà:

THI

*Tu hành gắng chí lập dày công.
Đến buổi chung qui hưởng phúc hồng.
Cửa Đạo gây go đường khổ hạnh,*

*Đường Tiên nhàn rãi bước thong dong.
Lợi danh vì muốn cho đầy đủ,
Tội lỗi càng thêm nổi chất chông,
Cuộc thế chẳng qua trò mộng ảo,
Ngày về nhắm mắt nắm tay không*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

THƯ MỤC TỔNG QUÁT

- 📖 BẢO BA – Chu Dịch nguyên chỉ –Thương vụ ấn thư quán-Thượng Hải.
- 📖 CHU HY – Chu Dịch bản nghĩa (Kinh Dịch tạp chú), Hương Cảng.
- 📖 ĐÀO TRINH NHẤT – Dương Vương Minh, Sài gòn, Tân Việt.
- 📖 GLASENAPP Helmuth de – Les cinq Grands religions du Monde-Paris, Payot 1954
- 📖 HARLZ CHARLES – de-Le livre des mutations (Yi. king) Paris 1959
- 📖 JASPERS Karl – Triết học nhập môn (Lê Tôn Nghiêm dịch), Huế 1958
- 📖 KINH THƯ – Thẩm Quỳnh dịch, Sài gòn 1965
- 📖 LÃO TỬ – Đạo Đức Kinh (Nguyễn Duy Cần dịch), NXBVH 1992
- 📖 LÊ VĂN QUÁN – Chu Dịch Vũ Trụ Quan –Hà Nội 1975
- 📖 LIỄU DI TRÙNG –Trung Quốc Văn hóa sử. Đài Bắc 1948
- 📖 LUẬN NGŨ – Lê Phục Thiện dịch. Sài gòn 1962
- 📖 LÝ QUÁ – Tây Khê Dịch thuyết, thương vụ ấn thư

quán Thượng Hải

- 📖 LƯƠNG KIM ĐỊNH – Triết Đông chuyên biệt Sài Gòn 1962
- 📖 NGÔ QUẾ SÂM – Chu dịch tượng thuật –Thượng Hải
- 📖 NGUYỄN MẠNH BẢO – Dịch kinh tân khảo . Sài Gòn 1958
- 📖 NGUYỄN HỮU LƯƠNG – Kinh dịch với vũ trụ quan đông phương, Sài Gòn 1971–TP.HCM 1992
- 📖 NGUYỄN HIẾN LÊ – Kinh dịch. NXB Văn Học 1992.
- 📖 PLATT Nathaniel & DRUMMON Muriel Jean-Our word Through the ages, New York 1959.
- 📖 NGUYỄN DUY TINH – Kinh chu Dịch (bản dịch nghĩa), Sài Gòn 1968.
- 📖 PHAN BỘI CHÂU – Chu dịch, Sài Gòn Khai Trí.
- 📖 PHẠM CÔNG TẮC – Lời thuyết Đạo, quyển I,II,III,IV,V
- 📖 PHƯƠNG THỰC TÔN – Trung sơn độc châu dịch kí, Thượng Hải.
- 📖 SAUSSURE Léopold – de-Les origines de l'astronomie chinoise, Paris 1930.
- 📖 SUDRE Rene ù– Les nouvelles énigmes de l'uni– vers, Paris 1951.
- 📖 SOOTHILL W.E – Lestros religions de la chine, Paris 1946.
- 📖 TÂN LUẬT PHÁP CHÁNH TRUYỀN –Bản in ở Paris, Gasnier 1952

- 📖 TIỀN MỤC – Tứ thư thích nghĩa .Đài Bắc 1955
- 📖 THÁNH TÔN HIỆP TUYẾN – quyển I 1964, quyển II 1963.
- 📖 THU GIANG NGUYỄN DUY CĂN –Trang tử tinh hoa, – Chu dịch huyền giải . TP.HCM 1992.
- 📖 THIỆU UNG – Hoàng cực kinh thế , Thượng Hải
- 📖 TRẦN ĐÌNH HỮU – Nho giáo đã thành vấn đề như thế nào với nước VIỆT NAM ngày nay – Văn Hóa và Đời Sống tạp chí tháng 11-1992.
- 📖 TRẦN QUANG THUẬN – Tư tưởng chính trị trong triết học khổng giáo . Sài gòn,Thư lâm 1961.
- 📖 TRẦN TRỌNG KIM – Nho giáo Sài gòn, Tân Việt, in lần thứ tư.
- 📖 TRẦN THỨC LƯỢNG và Lý Tâm Trang –Tống Nguyên học án, Trung Hoa.
- 📖 TRẦN VĂN RẠNG – Đại ĐẠO Sử Cương I,II,III; – Tìm Hiểu Cổ Pháp Đạo Cao Đài.
- 📖 TRẦN TỔ NIỆM –Dịch Dụng.Tứ Khố Toàn Thư Trân bản ,

THƯ MỤC CHUYÊN BIỆT

- 📖 ARSCHOT Ph –Le Cao daisme. Message d'Extrême-Orient. Năm thứ hai,1972, số 6 (tr.419-430), số 8 (603-609) số 9 (715-718).
- 📖 BERNARDINI P – Le Caodaisme au cambodge (Luận án tiến sĩ đệ tam cấp). Đại học Paris VII, 1974, 451 tr.

- 📖 BỬU CHƠN – Cao Đài đối với người cầm vận mệnh dân tộc. Sài Gòn, Đại Đạo Nguyệt San số 10 (6-1965).
- 📖 CAO HOÀI SANG – Lễ kỷ niệm Đức Hộ Pháp. Sài Gòn ĐĐNS, số 54-1964.
- 📖 CASTELLA Y. – Le spirime (Le Caodaisme tr. 78-83), Paris, que saisje?, 128 tr.
- 📖 CENDRIEUX J. – Une Jérusalem Nouvelle. Qu'est ce qu'au juste le caodaisme quatrième religion indochinoise. Extrême Asie (Revue Indochinoise), số 25 (7-1928), tr .33-37.
- 📖 CHIẾU MINH – Đại thừa chơn giáo. Gia Định, trước tiết tàng thơ 1956.
- 📖 CỒ VIỆT TU Ỗ – Tại sau Hộ Pháp Phạm Công Tắc bị bắt đày? Cao Đài có làm chính trị không? Sài Gòn Đại chúng, số 117-120 (14-1-1961).
- 📖 GOBRONG. – Histoire et philosophie du Caodaisme, Paris Dervy 1949. History and philosophy of caodaisme. Phạm Xuân Thái dịch, Sài Gòn Tứ Hải 1950, 188 tr.
- 📖 GOUVERNEMENT – De l'Indochine Francais, quyển VII, Le caodaisme, Hà Nội 1934.
- 📖 HÀ BÁ SANH – Nam Bộ trong cuộc thử thách đầu tiên. Sài Gòn Điện Báo, bộ mới, năm thứ 2, số ngày 12-8-1948 trở đi.
- 📖 HÀNH SƠN – Tôn giáo Cao Đài và chính trị. Sài Gòn, nhân ngày 4-7-1946. Gương xuất xứ của Đạo Trưởng Cao Triều Phát, Sài Gòn, Cao Đài giáo lý số 81 (1973), tr .33-39.
- 📖 HỒ TẤN KHOA – Chuyến đi lịch sử, Tây Ninh,

Thông tin số 21, 22 và 23, năm 1971.

- 📖 HỒ TẤN KHOA – Cuộc âu du của Đức Hộ Pháp, Tây Ninh thế Đạo 1971.
- 📖 HỘI THÁNH BẾN TRE – Tiểu sử của Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tường, Bến Tre 1958. – Châu tri chính Đạo (1934-1936). – Châu tri hành đạo ở Tây Ninh (1927-1934).
- 📖 HỘI THÁNH TÂY NINH – Ba hội lập quyền Vạn Linh. Tây Ninh 1960.
- 📖 HỘI THÁNH TÂY NINH – Hiến Pháp Hiệp Thiên Đài 1932, Tây Ninh 1972.
- 📖 HỘI THÁNH TÂY NINH – Kinh lễ Paris Gasnier 1952.
- 📖 HỘI THÁNH TÂY NINH – Le Caodaisme Tây Ninh, -Troupes Caodaistes 1940. -La constitution religieuse du Caodaisme. Paris Darvy 1953.
- 📖 HỘI THÁNH TÂY NINH – Lễ giao lãnh đền thờ Đức Chí Tôn . Tây Ninh 1971.
- 📖 HỘI THÁNH TÂY NINH – Tân Luật, Pháp Chánh Truyền. Paris, Gasnier 1952, 176 tr.
- 📖 HỘI THÁNH TÂY NINH – Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Tây Ninh quyển I (1964), II (1963).
- 📖 HỘI THÁNH TÂY NINH – Tiểu sử Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc. Tây Ninh 1954.
- 📖 HỒNG LĨNH – Kỳ Ngoại Hầu Cường Để. Sài Gòn, Phương Đông số 479-481 (10-1973).
- 📖 HOÀI NHÂN – Bốn mươi năm lịch sử Cao Đài (1926-1966). Biên Hòa 1966.

- 📖 HUỶNH MINH – Tây Ninh xưa và nay, Sài Gòn, 1972.
- 📖 J.J-Un mouvement religieux au Vietnam "le Caodaisme"..Movement Saigon, Sud Est, số 11 (5-1950), tr.21-27.
- 📖 LALAURETTE et VILMONT – Le Caodaisme, Rapport du service des Affaires politiques et administratives de Cochinchine, Saigon 1933.
- 📖 LÊ THIÊN PHƯỚC – Tìm hiểu hiện tình Tòa Thánh Tây Ninh. Sài Gòn Ngày Mới, số 36-40 (6-12-1961 đến 10-1-1962).
- 📖 LÊ VĂN TRUNG – Caodaisme Bouddhisme rénové. Sài Gòn, Thái Hòa 1931.
- 📖 LƯƠNG VĂN BỒI – Tu hành, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Sài Gòn 1961, 99 tr.
- 📖 MEILLON G.-Le Caodaisme (In trong Les Messages spiritites) Tây Ninh 1962.
- 📖 MINH CHON ĐẠO – Lịch sử quan phủ Ngô Văn Chiêu, Sài Gòn 1962.
- 📖 MINH HIẾN – Sự nghiệp của Đức Hộ Pháp. Tây Ninh, Hòa Bình số 5, 1969.
- 📖 MINH LÝ ĐẠO – Kinh Nhựt Tụng, Sài Gòn, Tam Tông Miếu 1927, 85 tr.
- 📖 NGUYỄN LONG THÀNH – Danh hiệu và tiêu chuẩn lập pháp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, khảo cứu vụ 1974.
- 📖 NGUYỄN LONG THÀNH – Đức Hộ Pháp và đường lối chính trị. Tây Ninh, Thế Đạo Xuân 1973. – The path of a Caodai disciple, Tây Ninh 1970.

- 📖 NGUYỄN LƯƠNG HUNG –Vài nhận định về Cao Đài Giáo. Sài Gòn, ĐĐNS số 3-1964.
- 📖 NGUYỄN ĐĂNG THỰC –Cao Đài Giáo với ý thức hệ dân tộc. Sài Gòn Nguyệt San Đặc Biệt 1964.
- 📖 NGUYỄN ĐĂNG THỰC –Thiền Tông Học với vấn đề đồng nguyên Tam giáo. Sài Gòn số 9, 1965.
- 📖 NGUYỄN ĐĂNG THỰC –Triết lý bình dân với xã hội nông nghiệp . Sài Gòn, Nhân sinh số 1,2,3, năm 1964.
- 📖 NGUYỄN ĐĂNG THỰC –Ý thức hệ cho xã hội khai phóng. Sài Gòn ĐNNS số, 1964.
- 📖 NGUYỄN THÀNH PHƯƠNG –Diễn văn quốc gia hóa Quân Đội Cao Đài, Sài Gòn tháng năm thứ VIII, Bộ mới, số 12 (30-4-1955) tr 2,9,16.
- 📖 NGUYỄN THẾ PHƯƠNG-Trạng sư Trịnh Đình Thảo bày tỏ Tôn chỉ Đạo Cao Đài. Sài Gòn , Đại Đạo số 1 ngày 1-8-1945, tr. 19-26.
- 📖 NGUYỄN THỊ HIẾU – Đạo Sử Xây Bàn. Tây Ninh 1967. – Đạo Sử I,II năm 1968.
- 📖 NGUYỄN TRẦN HUÂN –Histoire d'une secte religieuse au Vietnam. Paris ed.Anthropos, 1971, 194 tr.
- 📖 NGUYỄN TRUNG HẬU –Đại Đạo Căn Nguyên.Sài Gòn 1930, A short history of Caodaisme. Tourane 1956.
- 📖 NGUYỄN TRUNG NGÔN –Vía Đức Hộ Pháp , Sài Gòn, Tiếng Việt số 147-1969.
- 📖 NGUYỄN VĂN SÂM –Tín ngưỡng Việt Nam (cận đại và hiện đại). Giảng khóa . Sài Gòn . Đại Học Văn Khoa 1973.

- 📖 NGUYỄN VĂN TÂM –Le caodaisme et les Hòa Hảo, conférences d'information sur l'Indochine, 14-11-1945. Sài Gòn 1949.
- 📖 NGUYỄN VĂN TRƯỜNG –Đại đồng tôn giáo là gì ? Sài Gòn, ĐĐNS số 4-5-1964.
- 📖 ĐỒNG TÂN –Lịch Sử Đạo Cao Đài (quyển II) Sài Gòn cao hiện 1972.
- 📖 PHẠM CÔNG TẮC – Con đường hòa bình chơn thực. Sài Gòn 1966. – Lời thuyết đạo năm 1946, 1947, 1948. Tây Ninh 1970-1973.
- 📖 PHẠM CÔNG TẮC –Lời thuyết đạo năm 1949, 1950, 1951, 1952, 1953, 1954, 1955 Tây Ninh, Ronéo 1966.
- 📖 PHẠM CÔNG TẮC – Nam phong quốc đạo. Kiến phong 1971.
- 📖 PHAN KHOANG –Tinh thần chung của dân tộc Việt Nam. Sài Gòn Nguyệt San số 5-1964.
- 📖 PHAN TRƯỜNG MẠNH –Qu'est ce-que le Caodaisme Saigon, éd. Phan Trường 1949.
- 📖 PHAN TRƯỜNG MẠNH (LÝ CÔNG QUÁN?) –La voie du salut Caodaique – Con Đường cứu rỗi Đạo Cao Đài. Sài Gòn 1954.
- 📖 PHAN TRƯỜNG MẠNH (LÝ CÔNG QUÁN ?) – Thiên Đạo. Tây Ninh, Minh Tâm 1963.
- 📖 PHAN VĂN TÂN – Lịch sử cơ bút Đạo Cao Đài .Sài Gòn, Hồn Quê 1967, 58 tr.
- 📖 PHAN XUÂN HÒA –Lịch sử Việt Nam hiện kim (1954-1956). Sài Gòn, 1957, 317 tr.

- 📖 PONONTI J.C – Nhận xét về Cao Đài. Sài Gòn, Nguyễn Lộc Thọ dịch. Tây Ninh, Hòa Bình số 7-1970, tr 28-30.
- 📖 REGNAULT HENRI – Caodaisme et réincarnation, Paris 1951.
- 📖 REGNAULT HENRI – Comment réaliser l'universallisme religieux, Paris 1951.
- 📖 REYMOND.G – Cảnh u buồn của Tòa Thánh Vatican Việt Nam. Tạp chí Illustrtion số 4748 (3-3-1934).
- 📖 SAINTENY JEAN – Histoire une paix manquée. Paris, Amiot Dumont, 1953.
- 📖 SMITH R.B – An introduction to Caodaisme : I Origins and early history (tr 335-349) quyển XXXIII, tập 2, 1970 ; II Beliefs and organisations (tr 573-589), quyển XXXIII, tập 3, 1970. Bulletin of the school of Oriental and African studies univesity of London.
- 📖 SONNAM – Thiên Địa Hội và Cuộc Minh Tân. Sài Gòn, phù sa 1971, 297 tr.
- 📖 TÀI CHÍ ĐÀI TƯỜNG – Vị trí của Đại Việt trong lịch sử Việt Nam. Sài Gòn, Quỳnh Lâm 1972.
- 📖 THÁI CHÂN – Thử tìm một triết học Cao Đài. Sài Gòn Nguyệt San số 2, 1964 và kế.
- 📖 THÁI NGUYỄN – Phan Bội Châu. Sài Gòn, Tân Việt 1956.
- 📖 THÁI NGUYỄN – Phan Chu Trinh. Sài Gòn, Tân Việt 1956.
- 📖 THÁI VĂN KIỂM – Đất Việt trời Nam. Sài Gòn, Nguồn Sống 1960.

- 📖 THIÊN GIANG – Lược thuật Tòa Thánh Tây Ninh, Tây Ninh, Minh Tâm 1963.
- 📖 TOAN ÁNH – Tôn Giáo Việt Nam. Sài gòn, Hoa Đăng 1964.
- 📖 TRẦN DUYNHĨA – Nền tảng chính trị Đạo. Tây Ninh, Hiến Trung.
- 📖 TRẦN QUANG THUẬN – Tư tưởng chính trị trong triết học Khổng giáo. Sài gòn, Thư Lâm ấn quán 1961, 28 tr.
- 📖 TRẦN QUANG VINH – Le Caodaïsme en images. Paris, Dervy 1949. Lịch Sử Đạo Cao Đài (1926-1940), Tây Ninh 1972.
- 📖 TRẦN QUANG VINH – Lịch Sử Đạo Cao Đài thời kỳ phục quốc (1941-1946) Tây Ninh 1967.
- 📖 TRẦN TẤN QUỐC – Hòa Bình 1954. Sài gòn Điện Tín số 900-960 (7 và 9 năm 1974).
- 📖 TRẦN TRỌNG KIM – Việt Nam sử lược. Sài gòn Tân Việt 1968. Nho giáo. Sài gòn, Tân Việt 1958.
- 📖 TRẦN VĂN QUẾ – Cao Đài sơ giải. Sài gòn, Thanh Hương 1963.
- 📖 TRẦN VĂN QUẾ – Lý do bành trướng mau lẹ của Cao Đài, Sài gòn, ĐĐNS, số 4, 1964.
- 📖 TRẦN VĂN QUẾ – Đạo Cao Đài trong đời sống quốc gia. Sài gòn, Nguyệt San số 3 năm 1964.
- 📖 TRẦN VĂN QUẾ – Vai trò của các Tôn Giáo trước sự khủng hoảng tinh thần hiện nay của toàn cầu. Sài gòn, ĐĐNS số 4, 1964.

- 📖 TRẦN VĂN RẠNG – Đại Đạo Danh Nhân, 1971.
- 📖 TRẦN VĂN RẠNG – Đại Đạo Sử Cương I, II, III, năm 1970-1972. Cao Đài Giáo trong Quốc Sử. Tiểu luận Cao Học Sử, Đại Học Văn Khoa Sài Gòn 1974.
- 📖 TRẦN VĂN RẠNG – Tam Giáo Triết Học Sử Yếu Lược. Tây Ninh 1970.
- 📖 TRẦN VĂN RẠNG – Tam Thánh Bạch Vân Động, 1972.
- 📖 TRẦN VĂN RẠNG – Thượng Phẩm Cao Huỳnh Cự, 1973.
- 📖 TRẦN VĂN TUYỀN – Hội nghị Genève 1954 (Hội ký). Sài Gòn, Chim Đàn 1964, 143 tr.
- 📖 TRÁNG LIỆT – Cuộc đời cách mạng của Cường Để. Sài Gòn 1957.
- 📖 VÔ DANH – Âm mưu để Diệt đàn áp Cao Đài. Sài Gòn buổi sáng, số 1555, ngày 20-11-1963.
- 📖 VÔ DANH – Cao Đài influence in Tây Ninh has been great (trong bài garden of the elephant) Hurricane, số 6 (April 1968) tr 18-21.
- 📖 VÔ DANH – Cao Đài sẽ đóng vai trò chính trị. Sài Gòn, Báo chí số 497, ngày 18-11-1963.
- 📖 VÔ DANH – Caodaisme ou Bonddhisme rénové. Sài Gòn, Imp Bảo Tồn, 1949, 52 tr.
- 📖 VÔ DANH – Diệt ra lệnh triệt hạ quả Càn Khôn. Sài Gòn, Thời Báo số 3, ngày 21-11-1963.
- 📖 VÔ DANH – Histoire sommaire du Caodaisme. Đà Nẵng, Trung Hưng Bửu Tòa, 1956, 106 tr.

- 📖 VÔ DANH – Lý do ông Cao Hoài Sang thay thế ông Phạm Công Tắc. Sài Gòn, báo mới, số 498, ngày 19-11-1963.
- 📖 VÔ DANH – Đạo Cao Đài với nền văn hóa Việt Nam. Sài Gòn hành Đạo số 6, tháng 5-1963.
- 📖 VÔ DANH – Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc với những thăng trầm của lịch sử. Sài Gòn, Hòa Bình số 127, ngày 21-2-1967.
- 📖 VÔ DANH – Thánh Mẫu Fatimat đồng hóa với Phật Mẫu Cao Đài. Sài Gòn trắng đen, năm thứ 7, số 2024 ngày 4-2-1974.
- 📖 VÔ DANH – Tìm hiểu Cao Đài Giáo. Minh Tân số 27.

ĐẠO ĐẠO
GIÁO LÝ & TRIẾT LÝ
HIÊN TÀI **TRẦN VĂN RẠNG**